

**TÁI BẢN CỦA
NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG**

Biên tập : LÊ CÂN
Trình bày : NGUYỄN PHÚ KIM
Sửa bản in : BÙI ĐỨC LIỄN

In 50.000 cuốn khổ 12X21 tại Nhà máy in Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Số XB : 1727/XBNT — GP ngày 15-7-81.
In xong tháng 10-1981. Nộp lưu chiểu tháng 10-1981

Tặng các bạn sắp bước
vào tuổi thanh niên

Ai đã qua đây nào biết lùi chái nữa

I

MỘT buổi chiều mùa hè năm 1967, có hai người rời khỏi xóm Mồ Côi. Họ rảo bước trên con đường cát sỏi uốn lượn qua các dải đồi, hai bên mọc đầy xương rồng. Một người đeo sau lưng chiếc gùi may bằng vải bạt Mỹ — thứ vải rất dễ kiếm từ đạo bọn Mỹ đổ quân vào Chu Lai. Người kia đi không, trong tay chỉ có một cành dương đã vặt trụi lá — cũng có thể coi là một thanh gươm, vì thỉnh thoảng người ấy lại giơ thẳng cánh chém xuống những nhánh xương rồng hoặc hươ lên quay tít trên đầu rồi đâm rất mạnh vào một địch thủ vô hình trước mặt.

Cả hai người đều còn rất ít tuổi, chưa quá năm thứ mười ba trong đời. Nghe họ nói chuyện một lát, ta được biết người mang gùi tên là Lượng, người mang « gươm » tên là Tuấn.

Lên hết con đường dốc, Tuấn dừng lại chống « gươm » bảo Lượng:

— Khởi tới K 03 làm chi, anh hai. Ngồi đây, chặp nữa thằng Đầu đi trực ⁽¹⁾ ngang lối này, anh đi cùng là tiện nhất... Tôi đã hẹn nó từ bữa qua rồi.

(1) Giao liên của hai trạm đi gặp nhau để giao, nhận khách và công văn, thư từ gọi là đi trực.

Họ ngồi xuống một vạt cỏ còn sót lại giữa mồm đồi loang lổ vết cháy. Mùi nồng khét từ các hố bom, hố pháo lẫn hơi nóng ghê gớm của vùng cồn cát ven biển sau một ngày nắng dữ bốc lên hăm hập.

Lượng thả gùi khỏi vai, mở phanh áo. Ngon gió biển lùa vào khắp người như một thằng bạn tinh nghịch. Chợt nghĩ rằng ngay cả ngọn gió thân thuộc này nữa Lượng cũng sắp phải xa, lòng nó se lại.

Biển rực lên ánh sáng đỏ tía của mặt trời đang lặn. Trong quảng sáng quái đản ấy, chốc chốc lại thấy hiện ra những lớp trực thăng đen trũi, ngườu ngoào bay qua bay lại, nom như những con vật dị kỳ của một thời xa xưa nào. Một con vật rông lên một thoi dài, phun ra những luồng dài liên tục nhanh. Hẳn chúng vừa phát hiện thấy một chiếc thùng hoặc một chiếc ghe lợi dụng bóng chiều chấp choạng bời vội ra tranh thủ kiếm ít con tôm con cá.

Phía Đá Mù, bọn Mỹ đã bật đèn điện. Như thường lệ, mấy khẩu cối 81 của chúng bắt đầu hoạt động. Những tiếng « cạch » tề ngắt vang lên đều đều, rồi tiếng xẹt của những trái đạn xé không khí, sau rốt là từng loạt tiếng « oạch « ạch » chát chúa. Trong lúc những quả cối nổ, thì những tiếng « cạch » khó chịu ở đầu nòng đã lại tiếp theo liền.

Lượng và Tuấn đã từng được bọn Mỹ cho vào trận địa pháo của chúng ở căn cứ Đá Mù chơi. Ngồi vắt vẻo trên bệ lô-cốt xây bằng bao cát, dưới chân xếp đầy những quả cối 81 sơn trắng sạch sẽ, đầu đạn sáng loáng, hai anh em chỉ cho bọn Mỹ những nơi thường thấy « Vi-xi » ⁽¹⁾ qua lại. Thế là chúng bắn như trút đạn vào đó. Thật khoái. Có « Vi-xi » nào đại gì mà dám đầu đi qua mấy nơi đó vào giờ này. Hai anh em cười inh lên vì thích thú. Vả lại, cứ ngó bộ đang cái thằng Mỹ cao kêu mỗi lần thả xong một quả cối vào

(1) Phát âm theo tiếng Anh hai chữ V. C. viết tắt của từ Việt cộng. bọn Mỹ thường dùng để chỉ các chiến sĩ giải phóng.

nòng lại khom người, xuống còm róm bịt lỗ tai, thì không cách gì nín cười cho được. Bọn Mỹ hỏi : chi mà cười vậy ? Bằng một thứ tiếng Mỹ độc đáo học được theo lối truyền khẩu của các anh cán bộ binh vận huyện và của chính bọn Mỹ, kết hợp với những điệu bộ ánh động, Lượng và Tuấn cắt nghĩa cho chúng hiểu rằng mình cười và tin chắc này giờ có vô khối «Vi-xi» bị chết. Thằng đại đội trưởng pháo binh gật đầu : «Ồ kê». Và bật ngón tay đánh tách, hân hạ lệnh khui ngay một thùng đồ hộp, lấy ra tặng cho hai anh em đủ thứ, nào hộp chả ba lát có hình hai con heo chồm lên vờn nhau, hộp thịt gà, hộp bánh quy, kẹo sô-cô-la... nhiều đến nỗi nhét đầy ứ ba chiếc bao cát. Ý chừng hẳn muốn tỏ ra lịch sự, đãi ngộ xứng đáng hai chú bé Việt Nam đã «tiếp tay đắc lực cho quân đội Đồng minh». Tất nhiên hẳn không thể ngờ rằng dưới đáy mấy bao đồ hộp mà hai chú bé hớn hờ vác ra khỏi căn cứ đó, có cả hai trái cối 81 mới toanh. Về sau, chính hai trái đạn cối ấy gài chập lại chôn ở một ngã đường mòn dẫn vào xóm Bãi, để tiêu diệt sạch cả một tiểu đội Mỹ đi lùng...

— Anh Hai à, anh cứ yên tâm ra ngoài ^(*) chữa cho lành hẳn vết thương rồi đi học, còn công chuyện ở nhà khỏi lo chi — Tuấn lại nói, vẻ nghiêm trang như từ giờ phút này nó đã hoàn toàn là một người lớn.

Lượng chỉ khẽ ừ một tiếng, tuy trong bụng nó nao nao muốn nói thêm với Tuấn rất nhiều điều. Hai đứa là hai anh em con dì, nhưng thương yêu gần bó nhau hơn anh em ruột, vì cùng không biết mặt cha, cùng được mẹ gửi cho bà ngoại nuôi từ nhỏ. Thường ngày, hai anh em chỉ quen đùa nghịch, đôi khi cũng có cãi lộn gay gắt, rồi lại cùng nhau mê mải lao vào các hoạt động của Đội thiếu niên tiên phong, chứ ít khi có dịp ngồi bên nhau tình cảm như vậy. Lát nữa thôi, là hai đứa sẽ phải xa nhau, chưa biết bao giờ được gặp lại.

(2) Ngoài ấy.

Lượng nữa muốn đi, nữa không. Được ra miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm sao không muốn. Nhưng phải xa bà ngoại, xa mẹ, xa thằng Tuấn và các bạn, xa cái làng quê hiền lành và điều đấng này, thật buồn. Hôm chú Diên gọi Lượng tới báo cho nó cái tin mừng ấy, nó vừa mừng, vừa sinh ra nghĩ ngợi. Ra miền Bắc, đời nó ắt hẳn sẽ sung sướng. Đời nó cực từ nhỏ. Nhưng cũng chính bao nhiêu cực khổ đó đã dạy nó sớm biết nghĩ, nó sớm hiểu rằng con người ta đi tìm sự sung sướng riêng cho mình thì thực đáng xấu hổ. Cho nên nó cứ chần chừ mãi. Bà và mẹ tìm mọi cách dỗ dành khuyên nhủ nó đi vì hết sức lo cho thương tật của nó. Hai năm trước, bọn Mỹ trút bom xăng thiêu cháy trường học, thiêu chết mười bốn học sinh. Lượng thoát chết nhưng bị bỏng nặng. Một cuộc đấu tranh chính trị lớn lập tức nổ ra. Từ khắp các xã trong huyện, các bà, các mẹ, các ông già và cả trẻ em nữa, vốn đã được tổ chức sẵn thành đội ngũ và đã quen với những cuộc đấu tranh tay không như thế từ hồi phá ấp chiến lược, rùng rùng kéo lên bao vây tòa hành chính quận và căn cứ Mỹ. Bọn Mỹ buộc phải cấp tốc cho trực thăng tới chở những em bé bị thương đi cứu chữa và bồi thường cho những gia đình có con chết.

Ba tháng sau vết thương mới lành, để lại trên thân mình Lượng những mảng da nhăn nhàu quần queo ở ngực, hai bên sườn và suốt một bên chân. Gân đây không hiểu sao cái chân này như muốn teo dần lại. Lẽ ra Lượng có thể lên tỉnh đòi bọn Mỹ phải chữa tiếp. Nhưng mọi người đều thấy cách ấy không ổn. Lượng vừa mới lên núi dự đại hội khu đoàn để báo cáo thành tích diệt Mỹ của Đội thiếu niên xã và của bản thân nó. Việc Lượng lên núi cả xã đều biết. Bây giờ lại chui đầu vào nhà thương Mỹ nằm, nếu rồi bị một tên chỉ điểm nào nhận được mặt đi báo với bọn cảnh sát thì chẳng khác chi đưa đầu vào miệng cọp. Cuối cùng, Lượng cũng thấy đi ra miền Bắc là phải. Tuy vậy, nó định bụng rằng, ra ngoài đó chữa

xong là về liền, chớ không đi học. Chừng nào đánh Mỹ xong sẽ học tới môn.

Từ dưới chân dốc, một người cầm cúi đi lên — đó là thằng Đầu, giao liên của trạm K03. Lượm thốt nhiên đứng dậy, ngắm nhìn lẫn nửa làng Sa Kỳ, mảnh đất chôn rau cắt rốn của nó mà nó sắp phải xa. Mấy xóm nhỏ nằm chen giữa các cồn cát và ghềnh đá ven biển. Nhà cửa hầu hết không còn, chỉ còn những mái lều gió thổi簸 xờ trước những căn hầm nằm phơi mình trần trụi giữa rừng dừa cụt ngọn lổ nhổ đâm lên trong bóng chiều và mặt biển đang ngả dần sang màu lam tím.

Sa Kỳ của tôi, Sa Kỳ của tôi

Xóm Gành, xóm Bãi, xóm Mồ Côi

Thân thương quá nơi ta từng đổ máu

Cho mỗi hàng cây, mái lá, con người...

Mấy câu thơ ấy bỗng dừng ở đâu kéo về vang lên da diết trong lòng chú bé sắp xa quê. Đó là mấy câu thơ của anh bộ đội đặc công hồi năm ngoái ở hầm nhà Lượm, nó lên đọc thấy trong sổ tay của anh. Lúc đầu nó đem đọc to để chọc anh chơi, như người ta thường nói toang những điều bí mật vô hại của nhau để chọc nhau, dần dà chính những câu thơ kia đã thấm vào tâm hồn nó hồi nào chẳng hay. Lúc này đây, mấy câu thơ vụt trở thành tiếng nói của chính nó nói với đất Sa Kỳ, khi giây phút chia ly khắc nghiệt đã diễm.

Đầu đã lên hết dốc, đến trước mặt Lượm và Tuấn. Đó là một thằng bé trạc tuổi Lượm, nhưng thấp hơn, người to ngang và chắc nịch, đôi mắt tròn, khi bước đi hơi vênh vênh ra sau nom rất ngộ. Đầu đứng chống nạnh, dặt cong tốn, hỏi:

— Chờ lâu chưa, các cha?

Lượm đáp:

— Mới thôi.

Đầu xóc cây cạc-bin :

— Ta đi, hè ? Còn thằng em này — nó quay sang bảo Tuấn — đi về ngay, không pháo Đá Mú nó ngút đầu bây giờ.

Tuấn tức điên. Nó quát một « grom » vào khoeo thằng Đầu :

— Em em cái mỗ tử mày. Liệu đưa anh Hai tao đi cho cẩn thận, không tao ngút đầu chó giỡn.

Đầu chụp lấy cổ tay Tuấn vặn một vòng. Tuấn cũng không vừa, nó xoay người theo, thúc bừa đầu gối vào bụng Đầu, nhưng chỉ trúng cái báng súng cạc-bin, đau điếng. Hai đứa xoắn vào vật lộn. Thân nhau thì rất thân, nhưng mỗi lần hai đứa gặp nhau đều không tránh khỏi có sự biểu lộ tình cảm theo cách riêng như vậy. Ngay từ khi mới quen nhau, tình bạn giữa chúng cũng đã bắt đầu bằng một cuộc đả nhau quyết liệt. Nguyên do là, sau mấy lời thăm hỏi quê quán, thằng Tuấn hạ ngay một câu : « Hừm, quê mày rất những ác ôn. Còn quê tao là nơi sinh ra những vị tướng lĩnh cách mạng ». Thằng Đầu gờm gờm, máu nóng dồn cả lên mặt. Đành rằng điều đó có phần đúng, quê Đầu có tên Đô Cảo, một tên ủy viên trung ương đảng Đại Việt khát máu, có nhà cho Mỹ thuê, có con gái lấy Mỹ, lại có thằng Ký quận trưởng, giết người xéo tai ngâm rượu... Nhưng dù sao thằng Tuấn nói vậy đâu có được. Dân quê nó cũng là dân cách mạng chỉ một cây (1). Chúng ở là ngay như nó đây. Đầu đây, cái thằng Đầu thường bị mọi người chê là khờ, nhưng ngay từ năm ngoái nó cũng đã mưu thế nào là phải trái, hiểu con người ta cần phải đi con đường nào, và nó đã trở thành chiến sĩ giao liên đứng gác của trạm K03, trạm đầu mỗi vùng Đông của huyện, đã từng đưa nhiều đoàn cán bộ vượt đường Cái Mối, vượt đường số 1 ngay trước mũi các ổ phục kích của bọn Mỹ, bọn Nam Hàn...

(1) Ý nói gan góc.

Vật lộn một chớp, Tuấn và Đầu cùng đứng dậy giữ cát cười khi, cũng bất ngờ như khi chúng xông vào nhau. Đầu nói như ra lệnh :

— Đi, Lượng !

Tuân chạy lại ôm lấy Lượng thọc lét một cái cuối cùng :

— Anh Hai đi mạnh giỏi nhen. Viết thư về nhen. Đừng có tới nơi sung sướng rồi quên hết, tôi mà còn sống tới ngày thắng lợi tôi cho một «grom» liền.

Lượng cười, theo Đầu xuống đồi. Đi một quãng xa, ngó lại vẫn thấy Tuấn đứng giờ «grom» ngoắt ngoắt.

Đầu bỗng nói :

— Thằng đó khá, nhưng cũng còn phải giáo dục nhiều. Tuấn đứng ngó theo Lượng và Đầu mãi tới khi hai cái bóng nhỏ khuất hẳn, mới quay gót trở về. Nhưng Tuấn không về nhà, mà rẽ sang con đường xuyên ngang bãi Xương Bò qua Xóm Mới.

II

Dưới chân ngọn Đá Mú, ấy là nơi con sông Sa Kỳ gặp biển. Dịch vào đất liền và chệch về phía bắc một chút, có những dải đồi đá ong thâm thấp bao lấy một thung lũng nhỏ trải dài tới giáp dãy Thình Thình. Trong thung lũng chẳng có gì đáng nói. Chỉ có ít vạt ruộng hẹp như vạt áo, còn toàn là trắng cỏ. Trẻ chăn bò luầy lãng quanh vùng thường đánh bò vào đây thả, rồi tụm lại dưới bóng mát một đám dương liễu lưa thưa, chơi những trò chơi muôn thuở với niềm say mê thần thánh mà trẻ con thời nào cũng có. Trên đầu chúng, máy bay Mỹ các loại vẫn bay, hăm hè và rơi rớt, pháo Mỹ đủ loại từ các căn cứ vẫn bắn, khi cấp tập như rồ như dại, khi uể oải cầm chừng như đã quá mệt mỏi và ngao ngán vì cái công việc đơn điệu. Trục thẳng từng bầy kéo đi đồ quân ở đâu đó, hốt quân ở đó, rồi lại

đồ quân ở đâu đó. Bọn trẻ chẳng thèm để ý. Nói cho đúng ra, chúng cũng để ý đấy, nhưng sự để ý đó chẳng tốn công sức bao lắm. Bởi chúng đã quen lắm rồi. Giác quan của chúng đã được cuộc chiến tranh dai dẳng và quyết liệt này rèn luyện cho đến mức thuần thục và tinh nhạy để chỉ cần thoáng nghe cái giọng đê-pa (1) của pháo cũng biết ngay nó sẽ nổ xa hay nổ gần.

Một buổi chiều, lũ trẻ đang mê mải chơi thì thấy một đại đội Mỹ tiến vào thung lũng. Chúng vội bỏ cuộc chơi ủa tới vây lấy bọn Mỹ, tút tút chào hỏi, xin thuốc lá, xin đồ hộp. Nhiều đứa táo tợn thọc cả tay vào túi bọn Mỹ. Nhưng bọn Mỹ xô lũ trẻ ra. Hai tên Mỹ hăm hăm chìa súng dõn chúng vào một chỗ bắt ngồi im. Lũ trẻ ngơ ngác nhìn, căng óc cố suy nghĩ để cắt nghĩa hiện tượng khác thường này.

Hai chiếc cán gáo có bốn chiếc trục thẳng vũ trang đi kèm đang bay rất cao, đột nhiên sà thấp xuống, mỗi lúc một siết chặt vòng lượn quây chặt đàn bò lại. Hơn ba trăm con bò, con nào con nấy da căng mượt. Dưới ánh mặt trời chói lóa của vùng Đông, màu da đàn bò tạo thành một đám mây vàng rực chuyển động trên thảm cỏ xanh.

Đại đội Mỹ nhanh chóng tản ra theo hình vòng cung. Chúng đặt ba khẩu đại liên, hướng cả về phía « đám mây » vàng dập dềnh trước mặt. Bọn xạ thủ, tên thì nằm nhòai lấy đường ngắm, tên thì quì một bên lắp đạn. Chúng làm những động tác ấy một cách định đặc, nhàn nhạ, như thể vừa nhấm nháp cái thú vui nào đấy chỉ riêng chúng hiểu. Một tên xạ thủ vừa nằm xoải lấy đường ngắm vừa vui vẻ huýt sáo, gót giày nhè nhẹ đập vào nhau đánh nhịp. Những tên khác súng M16 kẹp nách, đứng khuỳnh tay chờ đợi.

Một ton bê con nhảy cà tưng cà tưng, la lên một tiếng để thương không thể nói. Rồi nó đứng yên trên thảm cỏ

(1) Tiếng nổ dần nòng lúc bắn.

đầu gối run run, nghiêng ngó đôi tai tựa hồ muốn lắng nghe xem mẹ nó có đáp lại tiếng gọi của nó hay không.

Nhưng đáp lại nó là một loạt súng.

Ba khẩu đại liên cùng nhả đạn điên cuồng. Những con bò chồm lên gần như dựng đứng, kinh hoàng đến cực điểm. Chúng chạy tít ra rồi lại quáng quàng ón lại. Chúng mê hoảng lao vào nhau, khuyu xuống, bất ngữa, giãy đạp bốn vó một cách tuyệt vọng, cặp mắt mở giương nhìn lên cầu cứu cái màu xanh biếc đến đau đớn của vòm trời vùng Đông. Thung lũng run rẩy trong tiếng rống thảm thiết. Những con bò hiền lành, suốt đời chỉ biết cần mẫn kéo cày, không đòi hỏi gì hơn ngoài một ổ non với ngụm nước nhĩ (1) ra từ các khe núi, luôn luôn được đối xử tử tế, cùng lắm khi nóng giận nhất người ta cũng chỉ quát cho chúng vài roi vào mông, những con bò ấy giờ đây lăn lóc trong vũng máu. Những tia máu vọt mạnh lên trời. Máu chảy ồ ạt, lênh láng. Thảm cỏ xanh phất chốc đỏ hồng. Cái mảng đỏ khủng khiếp như một đám cháy cứ lan rộng dần. Đàn bò đã chết gần hết. Những con cõ chạy được ra xa ngoài tầm đại liên đều bị tàu gao đón đường bắn gục. Không một con nào thoát. Cuối cùng chỉ một con cõ sống sót, những loạt đạn như cổ ý chứa nó lại. Bấy giờ người ta chỉ nghe từng loạt đạn ngắn xen lẫn tiếng bộp Mỹ cười hô hố. Đạn bắn gần trước mũi con bò đúng lúc nó cảm thấy hi vọng sắp thoát khỏi tai họa. Nó hốt hoảng ngoắt lại. Một loạt đạn khác đã đón đầu. Nó nhào nhào chạy đầu này đầu nọ trước sự chôn vùi độc địa của những loạt đạn. Bọn Mỹ càng cười to trong cái trò chơi ấy. Có nhiều thằng nhảy một điệu nhảy quái gở nào đấy, vừa nhảy vừa đưa lon bia mở sẵn lên miệng tu ừng ực. Chúng tung những lon bia rỗng lên, la hét nhảy nhót cho tới lúc con bò cuối cùng gục xuống vì kiệt sức. Nó chết vì quá sợ hãi chứ không vì một phát đạn nào.

(1) RI.

Bốn chiếc trực thăng H34 hạ xuống bốc bọn Mỹ đi. Trên máy bay, hình như quân chó đẻ ấy lại còn hát nữa. *“Một trận đánh tuyệt diệu ở Sa Kỳ, đối phương không kịp có một phản ứng nào đáng kể, đã bị các binh sĩ của sư đoàn A-mê-ri-con (1) tiêu diệt hoàn toàn...”* Cái đài phát thanh đề tiện của chúng đem đó đã đưa một cái tin như thế.

Lũ trẻ chăn bò đứng sững trước đàn bò nằm lịm trong bãi máu đông đặc. Mãi không thấy một con bò nào đứng dậy. Và rồi, sức hiểu rằng đàn bò đã chết thật, không cách gì sống lại được nữa, lũ trẻ mới ngơ ngẩn kéo nhau trở về, tay vẫn xách theo những chiếc lồng bịt (2) từ nay chẳng biết dùng để làm gì, và trái tim thơ bẽ mang theo những vết bóng không thể nào nguôi dịu.

Đánh hơi thấy mùi máu, những con quạ bắt đầu kéo tới, đôi cánh đen vỗ chập chờn như bóng ma, chúng cất lên tiếng kêu man dại của loài chim ăn thịt sống. Thung lũng lặng bặt trong một không khí chết chóc rợn người. Rất lâu về sau, cái tiếng quạ kêu ấy còn làm nhức nhối tâm can người Sa Kỳ mỗi khi ra đồng oằn lưng kéo cày vỡ đất thay bò. Ở chỗ đàn bò bị bắn chết, cỏ non mọc um tùm phủ lấy những đồng xương trắng lờn ngồn chông chát. Ban đêm, đứng trên mỏm đồi nhìn xuống, thấy cả một khoảng đất rộng nhấp nháy sáng thứ ánh sáng xanh lè bí ẩn. Thời này ở Sa Kỳ chẳng mấy ai còn mê tín, đến trẻ con cũng biết rằng đó là ánh sáng của chắt lân tinh trong xương bò, nhưng người ta vẫn có cảm giác đầy chính là linh hồn phần uất của những con bò hiền lành bị hạ sát một cách đốn hèn và thảm khốc vẫn không ngừng trôi dạt nhắc nhở những người đang sống.

Như để đáp lại sự nhắc nhở ấy, du kích Sa Kỳ đã diệt gọn hai chục tên Mỹ bằng một trận phục kích táo bạo.

(1) Tên của một sư đoàn Mỹ ở miền Nam.

(2) Lồng đan bằng tre đề bịt mõm bò, giữ cho chúng khỏi ăn mạ ăn lúa.

trong thung lũng ngay giữa ban ngày. Hai chục tên Mỹ đèn mạng nào có ăn nhằm chi với những gì chúng đã gây ra trên đất này, nhưng dù sao thì người Sa Kỳ cũng đã được đôi phần... Người ta truyền cho nhau cái tin ấy :

— Lên mà coi, xác Mỹ nằm nghênh ngang đầy bãi Xương Bò...

Có lẽ chính từ sau trận đánh đó, mà mấy tiếng bãi Xương Bò mới mau chóng trở thành một cái địa danh hẳn hoi. Nó gắn chặt với nhiều sự kiện xảy ra hàng ngày ở Sa Kỳ, rồi trở nên quen thuộc đến nỗi người ta dùng nó cả trong các bức điện báo cáo tình hình về tỉnh. Trong các cuộc giao ban tác chiến hàng ngày ở cơ quan văn phòng tỉnh ủy và tỉnh đội, người ta cũng nhắc đến nó như nhắc đến bất cứ một địa danh lâu đời nào khác. *Ngày... tháng... năm... Mỹ đổ một đại đội xuống bãi Xương Bò. Ngày... tháng... năm... một đại đội Mỹ ở Đá Mú nổi ra bãi Xương Bò có xe bọc thép đi kèm. Ngày... tháng ... năm... hai chiến sĩ C.71 bị địch phục kích hy sinh ở bãi Xương Bò...*

Thế là đã già nửa năm kể từ cái buổi chiều dầm máu kia, đêm nay Tuấn mới lại đi ngang qua bãi Xương Bò. Dầu chẳng phải là đũa sọ ma, Tuấn cũng không khỏi thấy rợn rợn sống lưng khi cưỡi đạp phải những khúc xương bò nằm giữa lối mòn. Lặn trong cỏ, dưới làn ánh sáng hư hư thực thực, một cái đầu lâu bò với hai hốc mắt đen ngòm chăm chăm nhìn nó. Tuấn chịu cho thắng Đầu thật. Đầu ỏi đêm một mình qua đây là chuyện thường, bởi nó luôn luôn phải chạy công văn hỏa tốc lên phía Thành Thành — nơi đóng cơ quan huyện. Nghĩ đến sự gan góc của Đầu, Tuấn bèn bước chậm lại, cố bước đi cho thật bình tĩnh, đường hoàng.

— Có chi đâu ghê gớm, chỉ là cái đầu lâu bò !

Tuấn nói to, vung 'gươm' quất vun vút vào bóng tối. Cái âm thanh của cành dương liễu phát ra lại khiến Tuấn nhớ tới đôi bò nhà Tuấn khi chúng còn sống, nhớ những

lúc cầm roi giống chúng đi ăn cỏ, vừa quất roi vào không khí vun vút như vậy vừa lên giọng la mắng chúng một cách âu yếm. Ở cái chuồng bò trống vắng nhà Tuấn bây giờ còn treo mấy chiếc lông bịt của đôi bò đã chết. Tuấn có cảm giác từ mấy chiếc lông bịt cứ phảng phất tỏa ra mùi cỏ bị nhai nát, mùi nước dãi, mùi mồ hôi và hơi thở dễ chịu của chúng. Đối với Tuấn, đôi bò chẳng khác gì hai đứa bạn. Chúng đã cùng Tuấn rong ruổi qua những triền đồi, trảng cỏ, đồng ruộng, gành bãi trên vùng cửa Sa Kỳ thân thuộc này. Có lần nhờ chúng mà Tuấn đã cứu được một anh bộ đội đặc công bị thương nằm kẹt trong hàng rào cản cứ Đá Mú. Dồn hết sức lực, Tuấn xốc anh nằm ngang trên lưng con bò mộng, cẩn thận phủ lên một bó cỏ, còn Tuấn cưỡi con bò kia kèm sát một bên, cứ thế đứng đỉnh vượt hết mấy cánh đồng trống ngay dưới mắt hai cái chòi gác cao nhất của đồn Đá Mú, giữa buổi trưa nắng chang chang.

Qua khỏi bãi Xương Bò, xuống một đoạn dốc lồi lồi (1), Tuấn ra khỏi thung lũng. Chợt Tuấn dừng lại. Nó vừa thấy có bóng người từ phía xóm Gò băng ruộng đi ngang đường xa. Tuấn núp sau một bụi xương rồng, cổ vận dụng mấy động tác của chiến sĩ đặc công mà nó học lỏm được, thu mình thật nhỏ để theo dõi. Cái bóng người thấp bé kia đã qua hết mấy bậc ruộng khô, bước lên đường. Người ấy không rẽ về ngã xóm Mồ Côi mà rẽ sang ngã xóm Mới, cùng hướng với nó. Tuấn hồi hộp chờ. Khi người ấy tới gần, Tuấn nhận ra đó là con Tư. Tư đi sát ngay bên bụi xương rồng mà chẳng hề hay biết gì. Tuấn sướng rơn: vậy là nó hoàn toàn có đủ khả năng để trở thành một chiến sĩ đặc công thực thụ.

Thình lình, Tuấn đứng phắt dậy, lấy giọng lão pháo kỳ quái nói sát rạt ngay bên tai Tư:

— Chào đồng chí Tư hỉ!

(1) Thoai thoai.



Tư giết mình cái bách. Tuy là con gái nhưng nó vốn đầu có phải đũa nhất gan. Nó giết mình chỉ vì đầu óc còn lung mung nghĩ đến ngày giỗ mẹ, không buồn để ý gì đến xung quanh. Bực bội về cái giết mình vô duyên của mình, nhất

là lại thấy những nét tí tởn dễ ghét trên gương mặt thẳng
Tuân, nó cau mày gắt:

— Giỡn chi lạ!

Bản tính hiền lành, Tư chẳng nói gì thêm, chỉ xăm xăm
bỏ đi trước. Tuân cố bám theo cho kịp, bắt chuyện
làm hòa:

— Đồng chí mất cảnh giác quá, tở như là Mỹ hăn phục
thì hăn lượm cái đầu rồi.

— Thì họ chết mược (1) họ.

— Bà nội bảo thủ dữ ta! Chi mà căng quá vậy. Thôi,
cho tôi hỏi chút, vừa ở xóm Gò qua hứ? Qua bên (2) làm
chi đó?

— Họ có công chuyện của họ.

— Chừ cũng qua xóm Mới chớ?

— Phải.

— Hăn có việc quan trọng nên chị Kha kêu chúng
mình qua họp. Tôi tiễn anh Hai tôi rồi bằng đường bãi
Xương Bồ đi liền ra đây. Nãy giờ có ghé về nhà không?
Ngoại tôi có nhà không chẳng biết?

— Tôi qua xóm Gò từ hồi xế, chưa có ghé về nhà.

Nhà Tư và nhà Tuân ở kề nhau, chỉ cách một hàng
bông bụt làm bờ rào nhưng hàng bông bụt đó cũng bị đạn
pháo đánh tróc từ lâu, đứng ở cửa hăm hai nhà nhìn
nhau rõ mồn một. Tư là cháu nội ông Lờ, cha mẹ Tư đã
chết, cả nhà chỉ còn hai ông cháu sống hi hắt. Tư, Tuân,
Lượng vừa là bạn láng giềng, vừa cùng trong một tổ thiếu
niên, đương nhiên là rất thân nhau. Có điều, Tuân thường
bị Tư giận vì cái thói hay cặp đôi Lượng và Tư. Lúc này
khi nhắc tới việc tiễn Lượng đi, chứt nũa thì Tuân lại
xì ra cái tặc ấy, nhưng may sao nó đã tự kiềm chế kịp.

(1) Mắc. (2) Bên ấy.

Đến cửa căn hầm nổi nhà chị Kha, thì hai đứa đã hoàn toàn làm hòa.

Trong hầm, có hai người đàn ông lạ. Dưới ánh đèn mờ, Tuấn thấy một người đã đứng tuổi đang loay hoay thử chiếc máy ghi âm nhỏ bằng quyền vớ. Người kia, trẻ tuổi còn trẻ như mấy anh du kích thôn thì mở một cuộn dây điện cuộn quanh một chiếc loa lớn. Anh xách loa đi giật lùi ra cửa, vừa đi vừa quay chiếc loa trong tay để cho dây điện mở dần. Tới cái cây rom trước nhà, anh treo lên mắc loa vào đỉnh cột, miệng loa hướng về phía Đá Mú. Tuấn đoán ra ngay : đây là hai anh cán bộ của ban binh vận tỉnh đang chuẩn bị một buổi gọi loa vào cứ điểm Mỹ. Mấy tháng trước, các anh cũng đã về đây một lần và cũng mượn hầm chị Kha làm địa điểm phát thanh.

Từ dưới căn hầm chồm bên cạnh, chị Kha lập cập chống nạng bước lên. Thấy Tư và Tuấn, chị mỉm cười :

— Tư, Tuấn đã tới đó hử ? Chờ một chặp mấy em tới đông đủ, mình họp. Lượng đi chưa Tuấn ?

— Dạ, đi rồi, mới đi tức thì, lúc Đá Mú nó bắn cối đó chị.

— Bữa nay đăng-K03, ai đi trực, em ?

— Dạ, thằng Đầu.

— Đầu dẫn đường thì ngon rồi. Em nghe đường sát phía trên kia có tình hình chi không ?

— Đường êm, chị à.

Một anh cán bộ binh vận ngó cõ ra gọi :

— Bà Kha, vào mà nghe thằng Bốp-by nó nói nè.

— Bốp-by nào ? — chị Kha ngạc nhiên hỏi lại.

— Cái thằng Mỹ mà bà với thằng Lượng bắt hồi cuối năm ngoái đó.

— Vậy à ? Đâu ? Nó đâu ?

Anh cán bộ binh vận bật cười :

— Đây, nó đây, trong máy ghi âm nè.

Tư và Tuấn cùng theo chị Kha vào hầm. Họ ngồi trên những tấm ván lát đáy hầm, quay quanh chiếc máy ghi âm nhỏ. Anh cán bộ lớn tuổi bảo :

— Bây giờ ta nghe thử một lượt, rồi sau sẽ truyền ra loa lớn cho bọn Mỹ trên Đá Mù nó nghe.

Anh bấm một trong mấy cái nút trắng trên máy. Từ trong máy, phát ra một tiếng nói mà ngoài hai anh cán bộ binh vận thì không ai hiểu, nhưng cũng không lạ lắm gì — tiếng nói của một tên lính Mỹ.

— Nó nói chi vậy anh ? — chị Kha hỏi.

Anh cán bộ giảng giải :

— Nó kể lại những điều nó thấy từ khi bị bắt, những điều khiến nó nhận ra rằng «Vi-xi» không phải là kẻ thù của người dân Mỹ, rằng Giôn-xơn là một tên đại bịp. Một lần, nói chuyện riêng với tôi, nó nhắc nhiều đến chị và em Lượng. Nó hết sức ngạc nhiên vì người bắt nó lại là một cô gái mảnh dẻ, cụt một chân, và một thiếu niên. Chính điều đó buộc nó suy nghĩ rất dủ. Chị biết không, thằng Bốp-by bây giờ rất khá. Ở trại cải tạo trên núi, nó lao động không thua gì anh em mình. Phát rẫy, trồng sắn, trồng bắp, gùi công, nó làm được cả. Đặc biệt là nó gùi rất khỏe. Nó học nói được cả tiếng của đồng bào dân tộc Co. Nó căm phục nhân dân và quân đội mình. Nhưng điều nó nói trong máy ghi âm đây là chính tự nó suy nghĩ rồi nói. Xem ra thì có thể thằng này là thằng thật sự tỉnh ngộ.

Chị Kha ngờ vực :

— Có thực vậy không ? Biết đâu nó chỉ làm ra vẻ vậy thôi ?

Chị nghĩ tới những tên Mỹ đã xả đại liên vào đàn bò, đã nhắm đũa em trai của chị đang bắt cua trên cánh

đồng làm bia sống để thi tài thiện xạ, đã giở trò thú vật suýt nữa tàn hại cả đời chị, một người con gái cụt chân không phương tiện tự vệ. Thật khó tin những kẻ đó lại có thể biết suy nghĩ như một con người. Dĩ nhiên, theo những điều chị học được ở khóa huấn luyện công tác binh vận do huyện mở, và theo những tin tức mà chị nghe được qua đài, chị cũng biết rằng trong đám lính Mỹ kia có nhiều tên bị Giôn-xơn đánh lừa hoặc ép buộc cầm súng đưa sang cướp nước mình. Phải chăng thằng Bốp-by thuộc loại đó? Chị nhớ lúc bị bắt, nó không dám chống cự gì cả, cặp mắt chỉ lộ vẻ sợ hãi và kinh ngạc.

— Nào, bắt đầu.

Anh cán bộ binh vận mở máy tăng âm. Tiếng nói của Bốp-by được phát ra chiếc loa lớn trên cây rơm, vang lên trong đêm tối, đúng vào cái giờ khắc yên tĩnh hiếm hoi không hiểu sao lại bỗng có được ở Sa Kỳ. Hình như bọn Mỹ nghe rất rõ và chúng tỏ ra muốn nghe. Bốp-by nói khoảng mười phút. Suốt thời gian đó, không một phát súng nào bắn. Trong xóm, thoát đầu thì người ta xuống hầm hết sợ địch bắn pháo để phá buổi phát thanh, lần lần mọi người chộn rộn ra hẳn khỏi hầm đứng coi cái sự kiện được gọi là «Mỹ của Mặt trận kêu gọi Mỹ Đá Mú». Bọn trẻ còn đua nhau tri tro bắt chước tiếng nói của gã lính Mỹ trong loa.

Kể theo đoạn Bốp-by nói, là một bài hát. Một bài hát Mỹ, do một người con gái Mỹ hát. Anh cán bộ binh vận cho biết, đây là tiếng hát của một nữ nghệ sĩ Mỹ nổi tiếng. Chị ta đã hiểu được thực chất cuộc chiến tranh mà bọn cầm quyền Mỹ gây ra ở Việt Nam, và chị cực lực phản đối cuộc chiến tranh xâm lược bản thù ấy. Với một cây đàn ghi-ta, chị đã đến nhiều thành phố, nhiều căn cứ quân sự Mỹ hát những bài kêu gọi lính Mỹ phản chiến.

Người con gái Mỹ ngừng hát. Bọn trẻ trở nên yên lặng hơn trước. Thậm chí cũng không một chiếc pháo

áng nào bắn lên. Anh cán bộ binh vận trở băng, phát lại bài hát. Anh đã có kinh nghiệm. Bọn lính Mỹ rất mê giọng hát của nữ nghệ sĩ này, và trong đám lính Mỹ ở Đá Mú có thể có những tên đã từng thấy chị trên màn ảnh ti-vi hoặc trực tiếp nghe chị hát.

Nhưng sự yên tĩnh chẳng kéo dài được bao lâu. Một trái đạn cối 106,7 nổ oàng đầu đó, phía Trường Dẫu.

Nghe tiếng nổ xa, Tuấn trề môi:

— Trật lắc!

— Đừng có chủ quan. Nó chỉnh lần rồi cũng trúng cho coi — Tư nói.

Tiếng hát của người con gái Mỹ vẫn lan bay trong đêm tối, trên cái nền sóng biển trăm trăm, chen lẫn trong tiếng đạn cối nổ mỗi lúc một mau và gần hơn. Anh cán bộ binh vận lớn tuổi vẫn ung dung trở băng phát lại tiếng nói của Bốp-by một lần nữa rồi hai anh mới cùng nhau gỡ loa, thu máy lại.

Chị Kha bưng vào hầm một rá củ lang. Hầm là chị đã lược sẵn từ lúc hai anh cán bộ mới đến. Mọi người vừa ngồi quây lại ăn khoai thì một chiếc máy bay trực thăng lạch phạch mò tới lượn sà quần quanh xóm. Nghiêng đầu nghe ngóng một giây, chị Kha nghiêm sắc mặt:

— Thăng trực thăng trình sát đó, coi chừng nó chụp quân bất ngờ.

Chị phán đoán rất trúng. Năm phút sau, đã nghe tiếng máy bay trực thăng bay cả bầy rộ lên. Hai anh cán bộ nịt lại dây lưng. Một anh mang chiếc gùi đựng máy choàng sát lấy vai, một anh mang chiếc loa, tất cả đều gọn gàng chặc chắn, dù có chạy cũng không xộc xệch. Hai người cùng xắn quần tới bắp vế, dép cao su trật ra lộn vào trong dây lưng, đúng là cung cách của những người cán bộ lăn lộn nhiều ở vùng sâu.

Tư trút hết rá khoai vào một chiếc túi ny-lông, gút

miệng túi cần thận rồi đưa cho anh cán bộ trẻ :

— Mấy anh cầm theo, lỡ mai nó cần sớm, rúc hầm có cái mà ăn.

Chị Kha giục :

— Tuân, em đưa các anh quả xóm Gò rồi trở lại đây. Mấy anh đi mạnh giỏi nhen. Điều này dứt khoát là nó chụp quân rồi.

Hai anh cán bộ bám theo Tuân phóng vút đi. Họ vừa vượt qua được cánh đồng trống thì một tốp trực thăng ba chiếc lần lượt đáp xuống đám ruộng khô trước nhà chị Kha. Hai chiếc trực thăng vũ trang vừa rơi đèn pha vừa bắn dáo dục con mương cạn. Tuân rất ghét cái bọn rơi đèn bắn dáo như đĩa đói này. Nhưng, ghét của nào trời trao của nấy, khi Tuân đưa hai anh cán bộ binh vận sang xóm Gò an toàn xong, quay trở lại đến bờ xóm Mới thì bị ngay cái thằng rơi đèn pha bắt gặp. Nếu Tuân không lanh trí, nó đã lãnh nguyên một băng đại liên, đi ngủ với giun rồi. Tuân không chạy, mà đứng im như trời trồng dưới luồng đèn pha chói mắt, cởi tuột áo gộc lên khỏi đầu phất phất, phơi cái mình trần ra. « Nào, bay dòm đi, có đánh chi đâu, rành rành tao chỉ là một thằng bé mình trần thôi lụi, có súng có lựu đạn lặn lưng chi đâu... » Chiếc trực thăng xả một loạt đại liên choác choác, đất sục lên bắn vào cẳng chân Tuân rất rát. Tuân thấy mình không chết, nó nghĩ ngay rằng bọn chúng chỉ bắn dọa. Gan là được. Đây là kinh nghiệm của ông Lờ. Ông đã nhiều lần gặp bọn tàu gáo giữa trắng cát, chỉ giữ nón ngựa mặt lên cho nó xem râu rồi phớt tỉnh mà đi. Có lần, một chiếc tàu gáo hạ hẳn xuống, thằng lính Mỹ nhảy ra vặt râu ông coi có phải râu giả không. Những kinh nghiệm ấy, theo một con đường bí ẩn nào đó, đã truyền sang Tuân mà nó không tự biết, và lúc này tạo nên sự sáng suốt bất ngờ của nó, giúp nó đối phó với tình huống ngặt nghèo. Chiếc trực thăng bắn dọa lẹt lẹt vài loạt nữa rồi nhóm lên cao bay đi, những

đốm đèn xanh nhấp nháy liên hồi, luồng đèn pha rọi loáng loáng một cách ma quái trên những mái lều, những căn hầm im lặng. Tuấn rảo bước dọc theo xóm, trống ngực còn đập mạnh vì phút căng thẳng vừa qua. Trong xóm, mọi người đều kéo lên ngồi cả trước cửa hầm, đèn lửa tối thui. Về tới hầm chị Kha, Tuấn thấy chị cũng đang ngồi chờ. Chị Kha mừng hú, chụp lấy vai Tuấn hỏi một hơi.

— Máy anh thoát chưa ? Rồi hử ? Chiếc trục thẳng nó mới rọi đèn bắn ai đó ? Bắn em phải không ?

— Dạ, bắn em.

— Nó đổ chín tàu, bao hết xóm rồi. Có một tốp nó đang đào hầm ngoài kia kìa.

Theo hướng tay của chị Kha, Tuấn nhìn thấy những bóng đen cao lớn đang lom khom đào công sự trên đám đất trồng thuốc lá cách nhà chừng năm chục mét.

Chúng nó định giở trò chi đây ?

III

Trạm K02 nằm ở vùng giáp ranh giữa núi và đồng bằng. Gọi là trạm, thực ra chỉ có mỗi một túp nhà nhỏ núp trong vạt rừng non lúp xúp mọc ven suối, dưới chân một dãy núi trọc. Lượng tới đây vào khoảng hai giờ sáng. Vừa đặt gói, việc đầu tiên của Lượng là lấy gạo gửi cho trạm nấu cơm, vì nó không có hăng-gô. Tuy ở vùng biên mới lên, nhưng nhờ lần đi dự đại hội khu đoàn, Lượng cũng đã biết qua cung cách sinh hoạt của khách đi đường ở các trạm giao liên trên núi. Phải nấu cơm từ rất sớm, che kín lếp không để lọt một tí ánh sáng ra ngoài. Cơm nấu cho cả bữa trưa, vì suốt ngày sẽ không được nổi lửa.

Chị trạm trưởng không nhận gạo của Lượng. Chị bảo :

— Em cất đi. Từ đây lên tới đường dây xã hội chủ nghĩa còn những mười bốn ngày nữa. Đó là nếu đường

thông, chứ trường hợp có biệt kích thì chưa biết mấy chạp ngày. Nghe nói nó mới đổ biệt kích trên dốc Xà Lui hồi chiều. Ngày mai chắc chưa đi được. Vậy em phải giữ gạo mà đi đường, vì lên tới đường dây xã hội chủ nghĩa mới cấp gạo tiếp em à. Còn những ngày ở đây, em cứ ăn với trạm, có gì ăn nấy. Em treo guỉ lên, kéo chuột nhiều lắm, nó phá không thua gì Mỹ đó.

Chị rọi đèn pin cho Lượng thấy những sợi dây lòng thòng buông từ trên mái nhà xuống, cuối mỗi sợi dây đều buộc một mẫu chạc cây hình cù ngoèo. Sợi dây nào cũng xuyên qua một chiếc lon sữa bò rộng dặt úp, buộc lơ lửng giữa dây, để chống những con chuột ngồ ngáo dẫm lần theo dây mà xuống.

Nâng guỉ treo lên móc xong đầu dây, Lượng đem vớng lẫn ra ngoài rừng tìm chỗ mắc. Loay hoay một lúc, vì chọn được nơi có thể mắc vớng thì lại không có hãm, nơi có hãm thì lại không tiện mắc vớng. Đi đường mệt, Lượng cứ ngỡ dặt lưng vào vớng thì sẽ ngủ vùi một giấc dài. Nhưng Lượng không ngủ được.

Pháo địch bắn ì xèo chình chình lên ranh núi. Phía đông bằng vọng lại tiếng trực thăng ầm ạch. Bọn B57 ùng ục quần trên cao đầu đó xa tít, lâu lâu lại trút một loạt bom. Bom nổ dội vào vách núi, tiếng rền kéo dài lan đi mãi mới dứt.

Kề bên Lượng, có hai người mắc vớng nằm từ trước, hình như cũng không ngủ được. Một người chốc chốc lại rời vớng rúc vào một cái hộp che bằng lá cây kín mít ở gần đấy. Từ trong hộp, phát ra tiếng nước sôi lục sục. Khi anh ta trở lại vớng, người bạn anh hỏi :

— Được chưa ?

— Tương đối...

— Mẹ kiếp, cái giống ngô gì mà cứng như đá. Sinh sịch suốt từ chập tối đến giờ mà vẫn «tương đối».

— Tớ đồ thêm nước rồi, nó cạn keo này nữa là được. Yên trí lớn, ngủ đi.

— Ngủ quái gì nổi. Hai mắt cứ nhắm lại mà nó nào có chịu nhắm cho, cứ giương thao láo như mắt ếch. Có lẽ tại «bồi dưỡng» nhiều ký ninh quá. Mà dạ dày lại không được chặt...

Họ vẫn thuốc chặm lửa hút. Nghe tiếng bập thuốc vung về cũng biết hai anh chàng này chưa phải dân nghiện chính cống, chỉ hút cho đỡ buồn. Câu chuyện của họ lại rai tiếp tục.

— Cù này, cậu ở Hàng Bè, vậy cậu có biết Coóng Hàng Bè không? BẠN mình đấy. Tất nhiên tên nó là Định cơ, nhưng nó mê bóng đá, nó bắt gôn dính ra phết, đối với nó thì Coóng Hải Phòng là một thần tượng, chứng mình bèn phong nó là Coóng Hàng Bè. Cù cậu khoái muốn ngất, cười tít mắt. Đi B trước mình. Nghe nói nghèo mất rồi.

— Tại sao cậu ở Hàng Bè mà không biết mình nhỉ?

— Rất dễ hiểu thôi, là vì cậu chưa nổi tiếng đến mức mình phải nghe danh. Mấy lại nhà mình dọn về khu tập thể Kim Liên bốn năm nay rồi. Tuy vậy, mình vẫn có nhiều kỷ niệm ở Hàng Bè. Biết đâu hồi nhỏ mình với cậu chẳng đã từng cùng học một lớp mẫu giáo, và cũng có khi đã từng nện nhau. Bây giờ thì cùng ở một tiểu đội, sống chết có nhau. Thú nhỉ. Quả là thế, vừa rồi không có cậu thì tất nhiên là mình đi làm con gười con phật rồi chứ còn gì nữa. Khiếp thật, lúc hành quân vượt Trường Sơn, mình đã đi chôn mấy tay bị chết vì sốt rét ác tính, không ngờ cái món đó lại giáng xuống chính mình. Mình đã có lúc tuyên bố là vì trùng sốt rét quật ai thì quật chứ đừng hòng động đến lông chân mình. Mình khoẻ như vâm ấy mà. Xin nhớ cho mình là tập tậ từ lúc mười hai tuổi kia. Ai ngờ, người ta nói đúng thật, sốt rét ác tính nó cứ nhè anh nào khoẻ nó quật.

Ngừng một lát để bập thuốc, anh chàng lại tiếp :

— Đây, bao giờ hoàn toàn thắng lợi, nếu còn nguyên chỗ đội mũ, hai đứa mình trở về, mình sẽ giới thiệu cậu với

em gái mình. Tất nhiên với điều kiện là lúc ấy cậu đừng tỏ ra hóm hỉnh quá, dấu trên ve áo có một gạch với vài ba sao. Con bé hơi kiêu kỳ một chút, nhưng nói chung là rất tuyệt. Tất cả bọn bạn lớp 10E của mình đều nhất trí cho nó điểm 5, mà 5 cộng bằng hoàng. Mình không nói khoác đâu. Tất nhiên là nó hương, nhưng chỉ cần mình nói một tiếng là xong. Cậu cứ tưởng tượng xem, khi một ông anh từ chiến trường mịt mù khói lửa trở về, tất nhiên là trên ngực có vài vết sẹo và vài cái cuống huân chương đo đỏ, dẫn bạn mình đến trước mặt cô em gái và bảo: «Đây, anh Cừ, trước kia là một nhân vật lừng danh ở lớp chuyên toán của trường phổ thông III, nếu không bạn đánh Mỹ thì rất có hứa hẹn để trở thành một nhà toán học, nay là sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, đánh dư trăm trận, đã từng cống bạn bằng rừng vượt suối suốt ngày đi tìm bệnh viện, giành lại sinh mệnh cho bạn từ tay thần chết...» Hả, có đứa em gái nào còn dám kiêu kỳ trước một người bạn như thế của anh mình, hả?

— Ông tướng nói cứ như bõn. Hãy giả thiết rằng...

Lượng nằm nghe, đôi lúc chột cười khẽ một mình. Trong câu chuyện kia, có nhiều tiếng lạ, «khu tập thể», «lớp mẫu giáo», «lớp chuyên toán», «điểm 5 cộng» v.v... Có những chỗ Lượng chưa hiểu được, nhưng nói chung có cái gì đấy thật dễ chịu, thật hấp dẫn.

Đối với các anh bộ đội chủ lực quê ở miền Bắc, Lượng bao giờ cũng dành những tình cảm đặc biệt. Từ lâu rồi, Lượng thường nghe bà ngoại bảo mấy anh du kích xã và bộ đội huyện: «Tao thương lũ bay một, tao thương mấy đứa miền Bắc xấp đôi. Chúng nó được ở nơi sung sướng, nó không ở, nó vô đây chịu cực đánh giặc với mình...» Sau trận Vạn Tường, thương binh về đây xóm. Bà nuôi một anh, nhận anh làm con nuôi. Anh tên là Hồng, người xinh và trắng trẻo như con gái. Lý ra Lượng và Tuấn phải kêu anh Hồng bằng cậu, nhưng hai đứa không sao kêu được, bởi kêu bộ đội bằng anh quen rồi. Bà ngoại cưng anh Hồng hết sức. Anh gọi đầu, bà ngồi đợi cho anh

từng gạo nước chum kết ⁽¹⁾. Thế rồi anh tiếp tục đi chiến đấu, về sau hy sinh trong trận núi Rằm. Bà lên tận nơi trú quân của đơn vị, ôm xác anh khóc ròng, rồi xin đem về chôn cất anh ngay trong góc vườn nhà.

Trong lòng Lượng vẫn còn giữ nguyên vẹn cái cảm giác khó tả khi những anh bộ đội quê miền Bắc đầu tiên xuất hiện ở làng. Một cảm giác lâng lâng kỳ cục cách sao! Niềm hy vọng về thắng lợi trước đó có vẻ còn trừu tượng và xa ngái thì nay hiện ra lồ lộ ở những gương mặt tươi trẻ thông minh, những thân thể cường tráng, và nhất là cái giọng nói hay hay mà Lượng và Tuấn rất thích nhái ⁽²⁾ để chọc các anh: «chời ơi, vườn mẹ nhiều cái cây quá!...»

Lúc này, nằm nghe hai anh bộ đội nói chuyện, suốt nửa thì Lượng huột miệng nhái theo.

Sáng ra, như tất cả những người ở chiến trường, họ quen nhau rất nhanh. Hai anh bộ đội còn trẻ, khoảng mười tám tuổi, vui tính, nói năng cởi mở và quấy nhộn. Các anh luôn luôn gọi Lượng bằng «cậu» và xưng bằng «bọn mình», «bọn tớ» lúc đầu nghe hơi kỳ, nhưng dần dần thấy cũng thích.

— Cậu đi Bắc hà? Thế thì ngon hết ý rồi. Cho bọn tớ gửi mấy lá thư nhé. Thư viết sẵn cả rồi, từ hôm nằm trong bệnh viện cơ, nhưng chưa gặp ai ra để gửi.

Hai anh đều gầy, nước da xanh mét, tóc lâu ngày chưa hớt đã chớm hết gáy, nhưng tất cả những cái đó tuyệt nhiên không hề làm gương mặt các anh vương vất một chút gì là thiếu nảo, mà trái lại, chỉ càng làm nổi bật hai cặp mắt sáng, rất linh hoạt khi nói chuyện. Cái anh tên là Trọng, người hồi đêm khoe với bạn có cô em gái rất tuyệt, khi nói thường hay đệm câu «tất nhiên là...», kéo Lượng tới ngồi cùng văng, dặn dò Lượng một số điều cần chú ý khi ra đến Hà Nội. Theo ý anh, nếu ở

(1) Bò kết

(2) Nhại.

Hà Nội có cái gì khiến Lượng chưa vừa lòng, hoặc không đúng hẳn với niềm mơ tưởng của Lượng, thì chỉ là do những người như anh còn bận đi đánh Mỹ.

— Nếu vào hàng mậu dịch ăn uống mà cậu bắt gặp đĩa nào gọi mĩa mai phở không có thịt là « phở không người lái » thì cậu phải bắt nó nhắc lại ba lần : « Đây là phở không có thịt, chứ không phải phở không người lái ». Tất nhiên là cậu hãy tin ở mình, mình mới xa Hà Nội chưa đầy ba tháng, nên chưa thể bị coi là lạc hậu với tình hình được.

Anh có vẻ chưa quen hẳn với việc mình phải xa Hà Nội. Nỗi nhớ lộ ra trong cặp mắt xa vời của anh nhìn Lượng chăm chăm, như muốn nói : « Chỉ ba tháng nữa là chủ mày đã đặt chân lên những đường phố ấy... Còn tớ thì... Cũng có thể, không bao giờ... »

Anh Cừ chui vào cái bếp thấp lè tè, xách ra một hăng-gô bắp hầm. Anh giơ cao hăng-gô bắp lên :

— Ngô bung, ngon đáo để. Ăn với chúng tớ một tí cho vui.

Lượng cười, lắc đầu. Lượng đã ăn với trạm. Nhìn hai anh ngồi nhai bắp ngon lành mà thương. Cơm của trạm tuy chẳng có gì, nhưng cũng hơn các anh là còn ít hột cơm dính theo những lát sắn khô, và có chút mắm cái chưng loãng. Các anh đau, mới ở bệnh viện ra, năm đây đã ba ngày, đang chờ một đồng chí chỉ huy ở trên xuống để cùng đi đồng bằng làm nhiệm vụ.

Lượng lục gói lấy lon sữa bà ngoại cho đem theo ăn đường đưa hai anh. Anh Cừ gạt đi :

— Không được, không được. Bọn tớ sắp xuống đồng bằng. Xuống đó dù sao cũng dễ kiếm thứ bồi dưỡng. Cậu đi lên, còn đi những ba tháng đường núi nữa, cần lắm, cần đi.

Anh Trọng nhét lại lon sữa vào gói Lượng :

— Cậu hình như cũng thuộc loại hễ thấy ai thiếu thốn hơn mình một tí là lập tức dốc tất cả ba-lô ra, tất

nhiên như thế cánh mình rất hợp « dơ ». Phong độ lính nhà mình là vậy. Nhưng bõe quá thì cũng gầy, phải không? Cậu cứ thử trông trông, nếu đi được chừng mười lăm trạm mà cậu lặn quay ra ốm, nằm cù queo trong vồng, tỉnh dậy thấy thêm đủ thứ, thêm từ con nhái, con thằn lằn thêm đi... Tớ đã trải qua nông nổi ấy, tớ biết...

Lượng bản hân ⁽¹⁾ trong người, không biết làm cách sao cho các anh nhận.

Họ ngồi nhắm nháp nước chè rừng. Trọng chép chép miệng :

— Ngon, hả ? « Thanh Tâm Trường Sơn », hả ? Tất nhiên là...

Rồi cùng với Cự, xách dao găm đi vào rừng :

— Trông hộ hai cái ba-lô, hả ? Bọn tớ đi kiểm kê môn thực về trưa làm tí canh — anh ngoái lại bảo Lượng, trước khi khuất hẳn sâu rặng cây.

Ánh nắng rọi qua cành lá in lờ mờ xuống khoảng đất ven suối. Khách ở đồng bằng lên hồi đêm khá đông, mặc vồng nằm la liệt. Những chiếc mùng vồng may bằng vải dù màu sắc khác nhau, phồng lên trong gió như những cánh bướm rực rỡ, làm tươi hẳn cái không khí buồn tẻ của trạm. Nhưng chỉ một lát, người ở trong trạm ra yêu cầu mọi người cuốn mùng vồng lại, vì rừng thưa quá. Bọn tàu gáo hoạt động ở vùng giáp ranh rất dữ. Từ mờ sớm đã thấy chúng. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng la : « Gáo đấy nhá ! Gáo đấy nhá ! ». Có lúc chúng sà sát xuống ngay đỉnh rừng nơi trạm giao liên đóng, đứng kít một chỗ giữa không trung, cánh quạt thổi mạnh làm cây cối giật tung cả ra, tưởng chừng chúng đã phát hiện được gì ở dưới. Nhưng rồi chúng lại vọt lên, vó vo bay đi, nhòm ngó nơi này nơi nọ.

Gần trưa, ở con đường mòn vắng tanh từ hướng trên xuống, xuất hiện một người thanh niên trạc hăm lăm hăm sáu tuổi, dáng cao lớn. Anh mặc quần đùi, áo lót cộc bẻ có

(1) Không yên tâm.



tay và đội mũ tai bèo — cách ăn mặc cho thật gọn nhẹ của chiến sĩ quân giải phóng ở vùng này. Trước ngực anh khoác chéo khăn AK báng xếp, sau lưng chỉ có một chiếc gùi con con. Mặt mày đỏ bừng vì nóng, anh thông thả lội qua suối, dừng lại giữa dòng khoát nước rửa mặt.

Mấy người khách đang sốt ruột vì tình hình đường sá, vội xúm lại hỏi thăm :

— Biệt kích nó đồn ở dốc Xà Lui mà sao đi xuống được đó, đồng chí ?

Không ngần lên, người thanh niên đáp :

— Vừa bám đường vừa đi. Chẳng có gì cả. Hình như nó rút sang phía sông Rẽ rồi.

Mọi người mừng rỡ vì đường đã thông. Lượng đang lơ mơ ngủ, nghe tiếng người râm ran, vội choàng dậy. Một giọng nói quen quen khiến Lượng sức nhìn ra suối. Chỉ thấy cái lưng áo đầm mồ hôi và cái nét mặt trông nghiêng hơi ngờ ngợ của người mới tới. Khi người ấy ngoảnh hẳn lại, Lượng bật dậy khỏi vũng, kêu :

— Anh Đàm !

Người thanh niên nhướn mắt ngó sững, rồi cặp mắt sáng lên :

— Ơ !... Lượng !

Anh bước nhanh tới Lượng, trong khi Lượng cũng cuống quít lao về phía anh. Anh nắm chặt tay Lượng, sờ nắn các bắp thịt trên cánh tay như muốn thăm dò độ rắn chắc của nó và ngắm nhìn Lượng rất lâu coi thời gian qua Lượng đã lớn lên chừng nào. Lượng kéo anh về vũng :

— Anh ở trên xuống ?

— Ở trên xuống.

— Lâu nay anh đi đâu ?

— Trong cánh nam, bây giờ lại ra cánh ngoài này «thường trú» vùng Đông. Lại về Sa Kỳ đây. Em làm gì mà ở đây ?

— Em ra Bắc.

— Ra Bắc ? Hay quá. Ra học chứ ? Chân em thế nào ?

Anh Đàm vẫn nhớ cái chân bị bỏng vì bom xăng của Lượng. Anh vén ống quần Lượng lên.

— Em phải ra cũng vì cái chân này đó anh. Anh có thấy nó như muốn nhỏ hẳn lại không ?

Lượng rất mong anh Đàm trả lời là «không». Nhưng anh bảo :

— Đúng, nó nhỏ hơn chân kia một tí rồi đấy. Em phải đi bộ nhiều vào. Trước đây, ở đơn vị anh cũng có một anh bị bỏng vì bom na-pan, trường hợp gần giống như em. Anh ấy kiên trì tập đi miết, rồi cái chân cũng phục hồi được, lại tiếp tục đi chiến đấu. À, mà em có lẽ chẳng cần phải tập như anh ấy, cứ đi hết đường Trường Sơn ra tới miền Bắc cũng chẳng khác gì tập.

Lượng mừng thầm trong bụng. Nó dám mạnh vào cái vai chắc nịch của anh Đàm :

— Lâu ghê anh Đàm nhỉ ! Gần một năm chớ ít. Tưởng Mỹ nó lượm anh rồi, anh khoẻ miết vậy há ?

Lượng dòm thẳng vào mắt anh, cười, cười, đọc : «*Sa Kỳ của tôi... Sa Kỳ của tôi...*». Anh Đàm cù vào mạng sườn, Lượng :

— Thơ con cóc mà nhớ dai hỉ ?

Nói thế, nhưng chính cặp mắt anh lại trở nên mơ màng. Anh khe khẽ đọc tiếp : «*Xóm Gành, xóm Bãi, xóm Mồ Côi...*»

Hai anh em cùng thốt lặng yên. Rồi anh Đàm hỏi :

— Bà em khoẻ không ? Thằng Tuấn thế nào ?

— Anh về, bà em mừng lắm đó. Thằng Tuấn thì khỏi nói, nó sẽ điu lấy anh suốt ngày.

— Nó điu anh, hay chính bọn anh sẽ phải điu lấy nó ? Nghe nói Sa Kỳ dạo này tình hình căng hơn nhiều. Mỹ hay lợi vô xóm lắm hả ?

— Cũng có căng hơn. Nó hay lội vô xóm bắt ngừ, lại thêm cái thủ đoạn cho trực thăng đồ quân chụp mình bắt ngừ nữa. Nhưng ăn nhằm chi ! Hầm hồ vẫn nguyên. Cái công sự mật anh ở ngày trước vẫn còn y đó, chưa hề hấn chi. Em và Tuấn mới lột ván dưới đó nữa, trữ nước ngọt nữa, nằm khoé ro...

Anh Đàm nhìn Lượng, mà cũng không hẳn nhìn Lượng, đúng hơn là qua Lượng anh lại nhìn thấy một cái gì đó, chỉ riêng anh thấy.

— Tuyệt quá ! Em với Tuấn ấy mà, các em cừ lắm. Hồi anh còn bé, chỉ toàn chạy giặc... Chạy miết như thế, sợ thật. Đến bây giờ anh vẫn còn nhớ nguyên cái cảm giác hãi hùng của một đứa bé chạy giặc... Sắp tới, em ra ngoài đó... Lượng này, hãy thử tưởng tượng là mười năm sau, anh em mình gặp lại, chà ! ...

Hình như anh muốn nói gì đấy nữa, rồi lại không nói. Chợt anh đứng dậy :

— Xăm tối nay anh phải đi xuống rồi. Để anh vào trạm hỏi xem có hai đồng chí cùng đơn vị anh hẹn chờ ở đây không.

— Có phải anh Cự, anh Trọng ? ...

— Đúng. Có ở đây à ? Quen nhau rồi à ?

— Quen. Em mắc vớng kẻ mầy ảnh (1). Mầy ảnh đi kiếm rau.

Lượng chỉ cho anh Đàm hai chiếc ba-lô để dưới gốc cây.

— Anh khỏi lo, để em đi kêu mầy ảnh. Anh có viết thư về nhà, tranh thủ viết đi, em đem ra cho. Anh gởi chi em cũng đem hết.

Trên đầu suối, Cự và Trọng đang rình một chú ếch. Cả hai ngồi chăm chăm trước một mô đá ven bờ, nét mặt

(1) Ảnh ợy.

căng thẳng. Đột nhiên, Trọng phóng bàn tay nghe đánh « choặp », nước bắn tung tóe.

— Mày chết với ông! Mày chết với ông!

Con ếch đã nằm gọn trong tay anh, bàn tay vẫn còn run run vì sợ vô huyệt. Cự nhìn Trọng, phục lăn. Và nhìn con ếch. Cặp mắt nó lồi ra thô lỗ như cặp mắt một chú hề châu Âu thường thấy vẽ trên áp phích quảng cáo một bộ phim hài hước. Trọng đắc ý:

— Béo đấy chứ, hả? Mèo mả gà đồng, gà đồng chính là cái « thẳng » này. Chết đăm cao cấp đấy. Ở khách sạn Phú Gia, thứ này tẩm bột rán, phải đồng rưới một đĩa.

Lượng đang lội ngược xuôi đi lên, thì gặp hai người mang « chiến lợi phẩm » trở về.

— Các anh có biết anh Đàm không? — Lượng hỏi.

— Sao, cậu quen ông Đàm hả? Thủ trưởng của chúng tớ đấy.

— Đang chờ các anh dưới kia.

Thấy Đàm, Trọng đã oang oang từ xa:

— Ông có hát xì hơi không, hả? Trong này người ta gọi là gì ấy nhỉ, à, gọi là nhảy mũi ấy mà. Ngày nào chúng tôi cũng réo tên ông. Sốt ruột hết sức. Đang viết thư cho « nàng » đấy hả? Cứ viết đi. Chúng tôi sẽ mở tiệc chiêu đãi ông và chú Lượng ngay bây giờ để mừng cuộc hội ngộ này.

Anh Đàm ngẩng lên:

— Định nổi lửa à? Liệu đấy. Mình không sợ tàu gáo mà sợ cái bà trạm trưởng ở đây. Các cậu chưa biết bà ấy hắc như thế nào đâu. Bếp của các cậu sẽ bị đổ nước cho mà xem.

— Tất nhiên không ai đại gì mà nhóm lửa ngay trước cửa trạm, ông ơi. Yên trí lớn, thao tác kỹ thuật quân giải phóng khu 5, cho tàu gáo với bà trạm trưởng kít ngay trên đầu cũng không thấy một sợi khói.

Họ riu rít ăn bữa « tiệc » bằng một con ếch núi nấu với rau môn thực — thứ rau rừng có mùi hăng hăng rất dễ tìm mà chẳng người lính nào ở chiến trường khu 5 lại không biết đến nó.

Lượng đưa ống lương khô ra nhưng anh Đàm bắt phải cất đi. Anh nói với hai chiến sĩ của mình :

— Về chú Lượng đây, tôi sẽ kể cho các cậu nghe sau. Có thể đêm nay chúng mình xuống vùng Đồng sẽ ở nhà chú ấy — và quay sang Lượng, anh tiếp — còn em, anh chỉ nhắc là ra ngoài ấy cố mà học, Lượng nhé.

Lượng khẽ « dạ », nó cảm thấy như được nghe lời dặn dò của một người anh ruột.

Xế chiều, họ chia tay. Ba anh bộ đội đi nhanh xuống cửa-rừng.

IV

Mặc dầu bốn Mỹ nằm bao quanh xóm, cuộc họp vẫn tiến hành như đã định. Mấy chị em quây quần trong căn hầm nổi không thấp đèn. Tuấn ngồi cạnh cửa, vừa họp vừa làm nhiệm vụ cảnh giới. Ngoài Tư và Tuấn, còn có Mừng nhà ở ngay xóm Mới này. Vắng mặt Quế. Quế ở xóm Gò. Chắc không kịp sang trước khi bốn Mỹ đổ quân nên Quế không sang nữa.

Tuấn cứ hỏi họp chờ chị Kha phổ biến nhiệm vụ gì mới, nhưng không thấy. Cuộc họp chỉ bàn có một việc là bầu tổ trưởng thay Lượng. Chẳng phải lên cái chi nhiều, tất cả đều nhất trí bầu Tư. Trong mấy đứa, Tư ít nói nhất, có phần không được lanh lẹ nhưng chừng chạc và gan góc.

Chị Kha nhắc nhở thêm về kỷ luật Đội, nhất là kỷ luật giữ gìn bí mật. Sa Kỳ là vùng giải phóng nhưng lại có Mỹ đóng quân, bọn điệp ngầm luôn luôn trà trộn trong những người đi chợ qua lại hàng ngày giữa vùng ta và vùng địch, nên các đội viên thiếu niên tiền phong đều còn phải bí mật. Chỉ người trong tổ biết nhau, còn giữa các tổ

hoàn toàn không ai biết ai. Mỗi người cũng có một chiếc khăn quàng đỏ, nhưng họ chỉ mới quàng lên vai một lần duy nhất là lần kết nạp, trong bóng tối thiêng liêng của một căn hầm nào đó, một đêm nào đó... Sau đó, chiếc khăn quàng ấy cùng các vật quý khác được cất kỹ vào một chiếc thùng đan đại liên Mỹ đã hết đạn (thứ thùng khi đầy chặt nắp lại thì ném xuống địa ngục hàng năm cũng không ngập nước), đem vùi sâu dưới đất, ở một chỗ mà chỉ riêng họ biết. Rồi cho tới một ngày, một ngày còn xa xôi nhưng có thể nhìn thấy trước, một ngày hân hân trời thật xanh và đầy nắng, những chiếc khăn quàng đội viên sẽ được tung ra đổ thắm dưới trời, trong buổi duyệt Đội lớn lao trên vùng cửa Sa Kỳ trăm hùng tiếng sóng và tiếng gió, hàng trăm lá cờ đỏ có hình măng non mọc thẳng tung bay lồng lộng trên những mái đầu niên thiếu khét mùi lửa đạn cùng kiêu hãnh ngang cao.... Ôi, ngày ấy, ngày ấy...

Ai mà chẳng mơ tưởng đến ghen lòng một ngày như thế. Nhưng để tới cho được cái ngày huy hoàng ấy, họ sẽ còn phải đương đầu với bao biến thử thách.

Họp xong, Tuấn đề nghị chị Kha:

— Chị cho em về dẫn dụ kích qua « hốt ỏ » bọn nằm ngoài vạt ruộng kia...

— Này giờ chị cũng có nghĩ việc đó, nhưng tính kỹ, thấy không được đâu em. Bọn nó nằm sát xóm quá, mình đánh, nhất định ngày mai nó phá xóm, mất thế hợp pháp thì gay go. Các em hiểu cả chứ, vị trí của xóm này...

Mấy đứa đều hiểu cả.

Xóm Mới nằm đối diện với căn cứ Đá Mú, ngoắt thẳng ngay vào cái cổng chính nó mở ra con đường Cái Mới, chẳng khác gì trạm gác tiền tiêu của làng.

Như cái tên cũng đã chỉ rõ, xóm Mới là một xóm dân mới lập ra cách đây vài năm, sau khi bọn Mỹ đổ quân xuống đóng căn cứ Đá Mú được hai tháng. Trước kia, nó vốn chỉ là một cái gò đất thấp giữa đồng, có một ngôi miếu cổ. Hồi đó ở Sa Kỳ, và nói chung ở cả vùng Đông dầy đặc chướng

lính Mỹ, nào đã ai biết đấu tranh chính trị với Mỹ là ra làm sao. Cho tới khi trên gò đất giữa đồng kia xuất hiện tốp lều bầy chim của ông già Tào. Ông Tào chỉ có một thân một mình. Vợ ông hy sinh trong một cuộc biểu tình nhập thị năm 1963 — cái năm người ta khiêng cả bàn thờ ra đường để phản đối Ngô Đình Diệm, tên tổng thống khát máu. Vợ chồng ông có ba người con trai đều đã lớn, người con đầu đi tập kết ở miền Bắc, còn hai người sau vào quân giải phóng, nghe đâu chiến đấu tận trong phân khu nam. Thấy tốp lều bầy chim của ông Tào cũng hay hay, bọn Mỹ ở Đá Mú đi tuần quanh đồn thường ghé lại chơi. Ông già nói chuyện với chúng, cố nhiên bằng một thứ ngôn ngữ đơn giản mà cả đôi bên đều hiểu nhờ ở sự ước đoán. Đôi khi ông già cho chúng những con cu đất mập ú ông bầy được. Chúng vật lông, phết bơ lên rồi nướng trên ngọn lửa đốt bằng xăng bột, ăn với bánh qui mặn. Chúng vừa ăn vừa cười nói xi la xi lô, chắc hẳn lấy làm khoái trá với cái vị thịt chim miền nhiệt đới ăn ngay giữa cánh đồng. Nhiều tên nằm kênh ra nóc bia rồi cứ nguyên cả áo quần nháy ào xuống mấy vũng nước ruộng, nơi đầm mình của trâu bò. Còn ông già thì lượn qua lượn lại về sân đón, miệng lầm bầm chửi rửa và cặp mắt mờ đục thì không phút nào rời những dây lưng giắt đầy lựu đạn mà chúng cõng ra quãng ngồn ngang quanh mình. Cái tin ông già Tào xấp được Mỹ — bằng chứng hiển nhiên là ba trái lựu đạn M26 mới rơi ông đem về làm quà cho du kích — lan truyền khắp làng, thậm chí khắp cả vùng Đông nữa. Đối với người dân Sa Kỳ đang băn khoăn trước câu hỏi : « Đất Sa Kỳ mỗi góc ra một thằng Mỹ như vậy, đánh cách sao đây ? » thì sự kiện này cũng trọng đại chẳng kém gì việc nhân loại khám phá ra sức mạnh ghê gớm của sự bùng nổ hạt nhân. Người ta thấy chú Điện bí thư Đảng ủy xã thường gặp ông Tào hỏi chuyện rất lâu. Rồi thì người ta thấy ông già Tào sửa lại tốp lều bầy chim rách nát thành một ngôi nhà nhỏ và dọn ra ở hẳn ngoài nhà mới. Ông đào một căn hầm chìm khá vững. Ông già cứ sống lặng lẽ như vậy giữa đồng, đơn độc đến một cái cây làm bạn cũng chẳng có. Thật thế, đứng ở hướng nào nhìn về nhà ông cũng chỉ thấy

in lên chân trời hoang vắng cái hình thù cục mịch của căn nhà trơ trọi, bên cạnh chổng chơ mấy bức tường của ngôi miếu cổ đã mất mái. Đằng sau ngôi miếu, có một cái giếng sâu hun hút. Trẻ con trong làng thường xăm xỉ với nhau một cách đầy thán phục rằng dưới đáy giếng đó là kho vũ khí bí mật của ông già Tao. Chẳng hiểu bọn trẻ căn cứ vào đâu mà nói, hay chỉ là những chuyện do đầu óc giàu tưởng tượng của chúng thêu dệt nên. Duy có điều này xác thực: đối với anh chị em du kích, ông già luôn luôn hào phóng về khoản lựu đạn M26 và đạn ga-răng. Ông còn hứa sẽ kính ⁽¹⁾ anh xã đội trưởng một cây « cón 12 » nữa. Du kích coi ông là một vị ân nhân. Người ta đồn rằng công lao của ông già Tao đối với đội du kích không phải chỉ có ngần ấy. Người làng, theo thói quen bảo mật phòng gian đã có từ thời chín năm kháng chiến chống Pháp, không ai tò mò hỏi chi thêm, chỉ biết là du kích đã ém cách sao đó mà diệt được bọn Mỹ mấy trận giữa ban ngày ở cánh ruộng gần kề nhà ông già Tao, trước sự ngỡ ngàng chùng hững của căn cứ Đá Mú. Trong các trận đó, khi du kích đã biến mất thì pháo núi Rằm, cù Đá Mú cứ nhè ngôi nhà nhỏ của ông mà giội. Nhà cháy, ông chẳng buồn làm lại. Hầm là nhà.

Trừ khi có ai mượn vắn công đôi ba buổi cày, ông già Tao mới về làng, còn thì người ta thấy ông lặn lội suốt ngày trên mấy xứ đồng quanh căn cứ Đá Mú, với những bó ống trúm, cái lồng chim mồi hay chiếc gàu tát. Tối đến, ông nhóm lửa nấu cơm dưới mấy tấm tranh che sơ sài trước miệng hầm. Từ rất xa, tít tận phía trên đường Cái Mới — con đường Mỹ mới mở dọc vùng ven biển nối liền Chu Lai qua núi Rằm, qua Đá Mú rồi vòng lên thị xã — người ta cũng có thể nhìn thấy đốm lửa ấy. Chẳng biết ông già nấu nướng thứ chi mà lửa cháy bập bùng tới khuya. Cũng có hôm ông chẳng nấu gì cả. Nhìn về phía túp lều giữa đồng thấy đèn lửa tắt ngấm, người ta đoán có lẽ ông già đau. Không rõ đêm ấy ông già đau hay mạnh, nhưng sáng ra có ai đi thăm đồng sớm tất sẽ gặp một tốp lính

(1) Biếu.

Mỹ áo quần đầm ướt sương đêm lớp ngớp từ một bờ ruộng kéo về đồn.

Đã có bao nhiêu cán bộ, bộ đội, dân công... đêm đêm nhăm, đóm lửa của ông già mà vượt con đường Cái Mới đây nguy hiểm ngay trước mũi cái đồn Mỹ hăm hăm kia? Không ai tính nổi. Ai đã từng nếm trải nỗi căng thẳng tột độ của những chuyến vượt đường, khi trước mặt và sau



lưng, bên phải và bên trái mình đều là cứ diêm giặc, khi mỗi nổ đất bụi cây đều đáng ngờ, khi mỗi bước đều có thể bắt thân đụng phải một ồ phục kích, một tuyến mìn; ai đã từng vào sinh ra tử ở cái chiến trường địch ta xen kẽ sát rịt này, mới hiểu hết giá trị của những đốm lửa như đốm lửa đêm đêm cháy lên dưới mái lều ông Tào.

Sự có mặt của ông già Tào trên gò đất giữa đồng đã làm thay đổi hẳn cái không khí lạnh rợn xung quanh Đá Mú. Các bà nhút nhát nhất cũng đã dám đi cấy ở những đám ruộng giáp chân đồn. Con đường đi chợ Sa, chợ Bàu lại tấp nập người gồng kẻ gánh suốt từ sáng tới chiều. Gặp bọn Mỹ, người ta đã bớt gờm ngại, e dè. Khi chúng vào làng, người ta hái trái cây bán cho chúng. Người ta chỉ vào những đứa trẻ đang còn nằm nôi hoặc bông trên tay, ra dấu hỏi chúng có nhớ vợ con không. Nhiều thằng gật gật đầu, mặt buồn xo. Có thằng khóc. Những người bạo dạn hơn thì đưa cho chúng đọc cả truyện đơn của Mặt trận in bằng tiếng Mỹ, nói thác là lượm được ở bờ tre, chả biết là thứ chi. Có thằng đọc rồi xé đi, nhưng cũng có thằng đọc rồi lén cất vào túi một cách trân trọng. Cho đến một lần bà cụ Mười—tức là bà ngoại của hai chú bé Tuân và Lượng mà bạn đọc đã có dịp làm quen ở đầu sách này—dùng cây dừa bếp còn dính cơm nóng đang cầm trong tay quật lên đầu tên lính Mỹ mò vô bốt ở trứng gà mới đẻ, thì người Sa Kỳ hoàn toàn tin chắc vào cái điệp trước đây xem ra rất khó tin, là với một thể đứng thế nào đó, thì dùng một cây dừa bếp cũng đánh được Mỹ. Luôn luôn quan sát bọn Mỹ trong một cự ly gần đến mức mà chắc hẳn tất cả các phái viên của quân khu và bộ tổng tham mưu đi nghiên cứu về bộ binh Mỹ ở chiến trường đều thêm muốn, người Sa Kỳ cứ mỗi ngày lại phát hiện ra thêm những chỗ yếu của cái thằng địch hung hãn, ngang ngược và xảo quyệt này.

Sau ông già Tào, thì tiếp xúc với bọn Mỹ nhiều hơn cả là những đứa trẻ. Thoáng thấy bóng bọn Mỹ là chúng ùa cả lại vây chặt lấy với một vẻ quẩn quất đầy thiện cảm. Chúng náu tay, vít cổ bọn Mỹ rất tự nhiên. Một tên Mỹ

ngồi bệt xuống, thế là tức khắc đưa đấm lưng, đưa vò đầu, và ré lên :

— Ê ! Ê ! Huê kỳ ! Tóc vàng như lông bò...

Nhiều đứa khác phụ họa :

— Tóc vàng như lông bò !...

Bọn Mỹ không hiểu sao lại khoái cái trò đó, cũng ồm ồm la lên bằng một giọng bị kích động :

— Long bo ! Long bo !

Cả bọn lính Mỹ lẫn đứa trẻ đều cười vang. Quan hệ giữa hai kẻ thù địch lại biểu lộ ra bằng những lối đùa giỡn thoải mái không ngờ. Nhờ sự thông minh có lẽ tích lũy được từ thuở còn bám lai quần mẹ chạy đi chặn xe bọc thép của tụi sư 2 nguy, lũ trẻ luôn luôn giữ phần chủ động. Trong cách cư xử với kẻ thù, chúng biết khéo léo giấu kín lòng khinh ghét sâu xa dưới cái vẻ ngoài vồ vập, biết tận dụng ưu thế của tuổi nhỏ để tạo ra chiến công. Bây giờ thì không chỉ riêng ông già Tào là người cung cấp vũ khí Mỹ cho đội du kích, mà trăm lần nhiều hơn ông, đám trẻ trong làng đem tới tặng họ cả những thùng đạn M16 và đạn đại liên còn mới nguyên.

Thế rồi ông già Tào hy sinh. Một trái pháo Mỹ từ núi Rằm bắn vu vơ xuống đồng đã giết ông khi ông đang đi đặt ống trút.

Nhưng bếp lửa của ông vẫn sáng.

Người thay chân ông giữ ngọn lửa ấy là chị Kha. Người con gái xinh đẹp và thùy mị ấy vốn là một tay súng xuất sắc của đội du kích. Cây ga-răng trong tay chị đã hạ được bốn tên Mỹ, bốn tên Nam Triều Tiên và mười một tên nguy, còn số bị thương loại khỏi vòng chiến đấu không kể. Chị bị thương nặng trong một trận chống càn, phải cưa chân. Những thương binh như vậy đều được đưa đi miền Bắc. Nhưng Kha tha thiết xin ở lại. Chị bảo rằng chị không thể nằm trên vông để các anh bộ đội hành lang khiêng suốt ba tháng ròng trên con đường Trường Sơn toàn dốc đổ.

vực sâu. Còn một lý do nữa, lý do căn bản, tuy chị không nói ra mà mọi người đều biết: chị không muốn rời vị trí chiến đấu. Nhưng người ta tự hỏi: với một bên chân cụt như thế, giữa mảnh đất bom đạn bời bời, giặc già lúc nhúc thế này, sống cho được cũng đã khó, chứ nói chi đến chiến đấu? Kha trở về làng vay mượn ít tiền mua lại một chiếc máy may cũ. (Hồi nhỏ, đi ở mướn cho một chủ tiệm may trên ngã ba Quán Cơm, chị đã học lỏm được nghề này). Kha may lặt vặt cho bà con trong làng, và nhận dạy lớp một ở trường cấp một của xã thay anh Tấn đi bộ đội. Khi ông già Tào hy sinh, Kha đề nghị Đảng ủy cho chị làm nhiệm vụ thay ông và đưa hẳn cả lớp học của chị ra đó. Thật là một ý kiến táo bạo, có vẻ mạo hiểm nữa, nhưng trúng ngay vào chỗ bí mà Đảng ủy tính mãi chưa gỡ ra. Cái cảnh làm ăn bình thường trên các cánh đồng xung quanh Đá Mú, trên con đường đi chợ Sa, chợ Bàu... nó vốn ấp ủ bên trong một thế trận liên hoàn phải mất bao công phu xương máu mới dựng nổi, nay đang bị lợi lỏng vì mất đi cái mắt xích quan trọng là ông già Tào. Không có cái thế liên hoàn này thì du kích chẳng đánh chác gì được, mà Đảng bộ cũng khó có đất đứng. Ngẫm cho kỹ thì cái ý kiến táo bạo của Kha chẳng có gì mạo hiểm mà chính lại là phương cách thực tế hơn cả, bởi vì như tình hình lâu nay đã cho thấy, còn ai dễ tiếp xúc với bọn Mỹ hơn một cô gái cụt chân và lũ trẻ nhỏ? Đảng ủy đồng ý. Thế là Kha chuyển ra ở hăm ông già Tào. Ngôi miếu cũ được dân làng đem tranh tre lợp lại làm lớp học.

Trên những cánh đồng luôn luôn có nguy cơ bị bỏ hoang, ngày ngày, trong ánh nắng ban mai, bóng dấp, nhảy nhót của những tốp trẻ nhỏ rúa rít theo nhau cắp sách đến lớp tự nó cứ tỏa ra một sinh khí kỳ lạ đến khó hiểu, khiến người ta thêm vững tâm mà đẩy trì nhịp sống bình thường giữa cái thời hết sức bất bình thường là chiến tranh này. Buổi trưa, khi tan học, lũ trẻ không về nhà mà la cà khắp các xóm đồng, làm đủ các việc: mò cá, hái rau, bắt ốc, cắt cỏ... Bọn Mỹ tất không thể ngờ được chúng bị những cặp mắt ngây thơ kia kín đáo theo dõi không sót một bước đi, một cử chỉ nhỏ. Chúng cũng không

thề ngò được một tiếng «Ồ kê» vang lên rất to chào chúng, một chiếc nón gió lên vẫy chúng, một con bò bỗng đứng bị quất roi nhảy chồm như làm vui cho chúng... lại là những ám hiệu báo về trong xóm để mọi người kịp biết mà đề phòng chúng. Cán bộ, du kích, bộ đội và những người dân không thể hợp pháp được thì xuống công sự mật, còn cụ già, đàn bà, con nít thì cất giấu đồ đạc rồi chuẩn bị tư thế để đấu tranh hợp pháp. Mãi mãi chúng sẽ không bao giờ nhìn rõ được bộ mặt đích thực của những xóu nhỏ ấy, vào thì chỉ thấy toàn đàn bà con nít, nhưng cứ thử đi chệch mấy ngã đường mòn chính mà coi, ít có khi nào thoát khỏi vướng mìn, lựu đạn gài hoặc sục hầm chông. Những trận tập kích, phục kích thường không lớn nhưng vô cùng khó chịu cứ xảy ra luôn. Thường thường sau mỗi trận đó, chúng có đánh đập tra hỏi ráo riết thì những người đàn bà ôm con, những đứa trẻ ngơ ngạc (hoặc làm bộ ngơ ngạc — có trời phân biệt được!) cũng chỉ cho chúng một vài dấu chân du kích và con đường rút của họ, nhưng nếu ngu xuẩn theo đó mà tìm sẽ chỉ hoài công, có khi còn phải khiêng xác nhau quay lui trở lại.

Đứng ở vị trí của ông già Tao, Kha phải đương đầu với một thử thách còn đáng sợ hơn cái chết. Bất cứ người con gái nào đã dám xông ra giáp mặt với kẻ thù cũng phải tính đến thử thách đó. Khắp vùng Đông, người ta đã phải chứng kiến biết bao cảnh tượng man rợ đến mức nếu không phải tự mình nhìn thấy thì không thể tin là có thật. Có tin được không, cái cảnh này: một đại đội Mỹ ở trường, lồng lộn như một bầy quỷ điên, giữa trưa nắng gắt xông vào làng lũng bắt đàn bà con gái? Ấy thế mà cảnh ấy đã diễn ra trên đất Sa Kỳ vừa mới tháng trước.

Vào một buổi chiều, khi trên đồng đã vắng người, lũ trẻ nhỏ đã về xóm hết, nhưng trời chưa đủ tối để anh em cán bộ, du kích có thể bắt đầu đi lại thì cái tai họa khủng khiếp mà Kha vẫn thầm lo trước đã xảy đến với chị. May sao bà con đã tới kịp. Sau vụ đó, các bà trong tổ đấu tranh chính trị quyết định dời nhà ra ở ngoài đồng. Trước tấm gương của Kha, những bà xưa nay nhất gan cũng động lòng, cảm thấy như chính sự nhất gan của mình.

góp phần suýt nữa gây nên tai họa cho cô gái trẻ. Người dọn nhà đầu tiên là chị Lanh. Rồi bà Chín, chị Thuyên... Dần dần, cả một xóm dân gần ba chục gia đình đã thành hình.

Xóm Mới đã được lập nên như vậy, để giữ vững cái hành lang bí mật từ phía tây xuống, giữ vững cái thế trận vô hình siết chặt chung quanh căn cứ Đá Mú.

Chính với cái thế trận đó mà chị Kha và Lượng đã bắt sống được thằng Bốp-by ngay tại đây, trong căn hầm nòi này. Một hôm Lượng bảo với chị :

— Em có thể rủ một thằng Mỹ xuống nhà chị chơi được.

— Thiệt không ?

— Thiệt. Ngó bộ muốn bắt sống hán cũng dễ ợt thôi chị.

Chị Kha ngó sững Lượng : Lượng không có vẻ gì là giỡn cả, và chú tỏ ra hết sức tin chắc ở điều mình vừa nói. Lượng nhìn chị Kha :

— Hay là...?

— Thì em hãy cứ rủ hán xuống đây cho được đã.

Cho tới khi Lượng rủ được tên Mỹ xuống nhà vào một buổi trưa, thì kế hoạch hành động của hai chị em cũng chưa thật rõ ràng. Thoạt đầu, chị Kha cũng chỉ muốn nghiên cứu coi tình hình ra sao rồi sẽ tính. Nhưng lúc thấy tên Mỹ ngồi trước mặt mình rất mất cảnh giác, chiếc thắt lưng đeo lựu đạn thả trên chông, khẩu M16 ghếch hờ hững một bên, thì cái ý định bắt sống tên Mỹ đưa về cho các anh cấp trên tìm hiểu địch như lâu nay các anh vẫn thường mong muốn, đột nhiên trở thành một quyết tâm dứt khoát, một kế hoạch hành động tức thời. Với sự nhạy cảm của một người con gái xinh đẹp, chị nhận ra ngay rằng tên Mỹ rất ưa ngắm gương mặt của chị trong lúc trò chuyện. Hán biết một ít tiếng Việt. Hán mê mãi ngắm chị và nghe chị kể về lại lịch cái chân cụt của mình — cả một câu chuyện thương tâm trong chiến tranh. Còn Lượng thì xúm lại sẵn sàng sờ mó khẩu M16 của hán, và

tập tháo ra lắp vào cái băng đạn. Lượng đã quen với hân từ lâu và hân đã quen với việc chú bé chơi cái trò tháo lắp ấy. Chính hân đã dạy chú cách tháo lắp và thậm chí dạy cả cách hân nữa.

Lượng đưa mắt cho chị Kha. Chị hiểu liền : « Em tháo hết băng đạn ra rồi. Mần nhen chị ! ». Chị thoáng gật đầu. Chỉ riêng Lượng mới nhận ra cái hiệu lệnh tinh vi ấy. Thế là Lượng quơ lấy chiếc thắt lưng của tên Mỹ, giật phắt một trái lựu đạn, rút chốt nghe đánh « choách », đưa lên gí sát ngực hân :

— Giơ tay lên !

Tên Mỹ trở mặt. Hân phếch miệng cười nhưng nụ cười tắt ngấm ngay : đây hoàn toàn không phải chuyện đùa. Trái lựu đạn đã bị rút chốt an toàn và chú bé chỉ giữ cái cần bằng một ngón tay đặt móm cho nó luôn luôn ở tư thế nguy hiểm. Bộ mặt đỏ như gà chọi của hân tháo rời hồi cục, thoát trở nên xám ngắt. Miệng há hốc nhưng không dám kêu một tiếng, hân từ từ đưa hai tay lên.

Chị Kha loay hoay mãi mới trối được tên Mỹ, bởi hân thì to lớn dềnh dàng mà chị thì vướng víu cây nạng gỗ. Lượng ra hiệu bắt hân chui vào cần hầm chìm, rồi cầm trái lựu đạn ngồi giữ rịt ngoài cửa. Lúc đầu hân cứ ngồi lì, không chịu chui vào. Chắc hân sợ bị giết bằng chính cái cách bọn Mỹ thường dùng để giết những người dân vô tội ở đây : dồn họ xuống hầm rồi tống lựu đạn xuống theo. Chị Kha tuyên bố cho hân rõ, chị là cán bộ của Mặt trận dân tộc giải phóng. Hân đã bị bắt. Từ phút này, hân phải nghiêm chấp tuân theo mệnh lệnh của chị, người đại diện Mặt trận ở đây, hân sẽ được đối xử nhân đạo theo chính sách khoan hồng của Mặt trận. Nếu chống cự, sẽ bị trừng trị ngay tức khắc. Về kinh ngạc mỗi lúc một tăng trong cặp mắt xanh mở gương của tên lính Mỹ. Trước mắt hân, cô gái tàn phế xinh đẹp và đáng thương hồi nãy vụt biến mất, một con người khác vụt hiện ra như trong một phép lạ, ra lệnh cho hân bằng một giọng đồng dục và kiên quyết, tuy phải đứng tựa trên đôi nạng gỗ nhưng tư thế rất đàng hoàng khiến hân vừa gờm sợ

vừa không khỏi cảm phục. Hắn ngoan ngoan chui vào hầm.

Chị Kha tra lại băng đạn vào khẩu M 16, lên đạn sẵn và đưa cho Lượng:

— Em dùng thứ này được rồi chứ?

— Khỏi nói, chị à. Thứ này nhẹ hơn ga-răng, bắn sướng lắm. Bọn Mỹ cho em bắn chơi hoài.

— Thế sao hồi nãy ngốc vậy? Em cứ để nguyên đạn trong băng thúc mũi súng vào ngực nó bắt giờ tay, có gọn không?

— Em cũng định thế, nhưng lại sợ em nhỏ con, nó đá văng súng đi thì nguy. Làm thế kia uy hiếp mạnh hơn, có chi thì mạng đời mạng. Chị thấy không, nó không dám ho he rạc rịch một chút nào hết.

— Giỏi. Bây giờ hai chị em mình tính sao với thằng Mỹ đây. Giữ nó ở đây từ giờ tới tối căng quá. Rủi bọn trên đồn phát hiện thấy thiếu nó đồ đi kiếm, hay có bọn nào đi cà rơ lội vô xóm thì rất khó xử trí.

Hai chị em bàn qua tính lại, dự kiến các tình huống và cách đối phó. Cuối cùng, họ quyết định phải đưa ngay tên Mỹ băng qua đồng trống về xóm Gò bằng cách áp dụng kinh nghiệm của thằng Tuấn. Chị Kha sang mượn chị Lãnh đôi bò, nhờ chị Lãnh và bà Chín phụ thêm một tay. Vất vả lắm mấy người đàn bà và chú Lượng mới dẫn được thằng Mỹ nằm ngang trên lưng bò, quấn quanh ba vòng dây thừng chặt rồi phủ cỏ lên. Thằng Mỹ đau quá muốn kêu nhưng bị nhét giẻ dầy mồm nên chỉ rặn ra những tiếng ề ề. Lượng cột khẩu M 16 dưới bụng con bò thứ hai, bới mang súng qua đồng lúc này gặp tàu gáo rất nguy. Có gì, dùng sáu quả lựu đạn lặn lưng đối phó tiện hơn. Chị Kha phải rút chiếc thắt lưng của thằng Mỹ ngăn lại đến quá nửa vòng mới vừa bụng Lượng. Chụp chiếc nón rách lên đầu, Lượng ra roi quất đen đét giục đôi bò tiến ra đồng trống.

Tên tù binh Mỹ đầu tiên ở Sa Kỳ đã được giải đi như vậy. Chẳng mấy chốc, câu chuyện lan truyền khắp cả vùng

Đông, thú vị như một câu chuyện dân gian. Ở đại hội khu đoàn, khi Lượng kể tới chuyện này, mấy trăm đại biểu cười ran sảng khoái tưởng đến vợ cả hội trường.

Tuân luôn luôn tự hào về Lượng — ‘anh Hai’ của mình. Nhưng đồng thời cũng chính vì thế mà trong lòng Tuân lúc nào cũng có một nỗi bồn chồn không yên. Từ ngày Tuân, Tư và Lượng làm thịt một con chim sẻ ăn thề bên hàng rào căn cứ Đá Mú, Tuân chưa làm được việc chi cho nên hình ‘nôn dạng’ — nói theo cách nói của bà ngoại mỗi khi la rầy nó — ngoài việc gài chập hai trái đạn cối diệt một tiểu đội Mỹ. Nhưng đó là làm chung với anh Hai, Tuân chỉ phụ thôi. Kể ra cũng có thể tính thêm : một khẩu ga-răng và một thùng đạn. Nhưng cái đó chỉ là lật vặt, Tuân nghĩ thế, bắt được Mỹ, giết được Mỹ mới đáng hơn hết. Mọi người thường hay nêu việc Tuân cứu anh bộ đội đặc công bị thương, nhưng nó thì nó cho rằng bất cứ ai gặp tình huống đó cũng phải làm như nó đã làm không nên coi đó là thành tích. Nghe nói tên Mỹ đầu tiên bị diệt ngoài Hòa Vang là do tay một thằng bé cũng trạc tuổi Tuân thôi. Phải chi đêm nay chị Kha cho Tuân về dẫn các anh du kích ra tập kích bọn Mỹ ngoài vạt ruộng kia. Tuân sẽ không chỉ làm nhiệm vụ trình sát dẫn đường mà thôi, nó sẽ moi lựu đạn ở kho riêng của nó lặn theo dây lưng, bỏ vào thật sát hông kiểu bỏ đặc công, lia tới tập cả chùm vô giữa ở chúng cho đã.

Tuân rồi Mừng nghĩ lại với mình. Hai đứa kéo tầm vau ra khỏi căn hầm nổi, nắm bên nhau trước thềm, phân công mỗi đứa thục hai giờ để bằm địch. Nhưng rồi cả hai đứa cùng thức, nói chuyện lóng lỏng tầm phào hoai, và cùng ngủ chèo queo trong làn gió hiên đêm mát rượi. Tới sáng mừng sáng hai anh chàng mới giật mình tỉnh dậy, giụi mắt thấy chị Kha và Tư ngồi ngay bên cạnh, mặc cỡ muốn dọn thờ.

Trời sáng rõ, bọn Mỹ tiến vào xóm. Chúng dàn hàng ngang, súng kẹp nách chĩa lăm lăm tới trước, mắt nhìn thẳng, bước lên đều đều hết như trong một cuộc diễn tập. Vào xóm, chúng gom mọi người lại trên sân trường cấp I, cất một tên

đứng gác, còn chia nhau dùng những chiếc thuẫn sắt dài nhọn đi xăm hết chỗ này chỗ nọ, từ bụi chuối ngoài vườn đến áng nước đầu hè.

Ngồi trong đám người tập trung, Tư nói khẽ với chị Kha :

— Hân kiểm hăm bí mật, chị à.

— Chắc hân nghi hồi hôm thằng Bốp-by vừa trở lại đây.

— Đồ ngu quá hả chị !

Chị Lanh thì thảo hồi :

— Mấy anh hồi hôm đi rồi chớ ?

— Rồi.

Mấy chị em cùng thoáng cười đắc ý.

Bọn trẻ con không đứa nào chịu ngồi yên. Chúng bu lấy tốp lính Mỹ đứng gác. Hàng chục cánh tay giơ lên, lao nhao : « Ô kê, Sa-lem », « Ô kê Luych-ky » (1). Cả những đứa nhỏ xiu cũng nhào khỏi lòng mẹ. Phút chốc, cái khối người bị gom cù giăn dần ra. Nhiều đứa trẻ đã bỏ chạy lung tung đi coi tụi Mỹ xăm hăm. Dấu chân hỗn loạn của chúng phủ lên những dấu chân lạ nếu chẳng may lúc sáng sớm mẹ chúng chưa xóa hết. Tuy sự sơ suất đó rất hiếm xảy ra, nhưng việc bọn trẻ chạy nhảy lung tung bao giờ cũng có ích, ít nhất là nó làm loãng cái không khí căng thẳng. Và khi trên cánh đồng xuất hiện đám học trò của chị Kha, thì Tuấn đã có thể theo lệnh chị lợi dụng ngay sự lộn xộn ấy mà nhứt khối xém Mối.

Một đêm người gồng gánh đứng tùm tùm ở bìa xóm Mỏ Cối. Đây là các bà đi chợ Bàu bán gạo, nhưng nghe có Mỹ ở xóm Mối nên còn ngập ngừng chưa dám đi. Thấy Tuấn chạy ngang qua, các bà nín lại hỏi :

— Mỹ bên đó nhiều, ít mà ?

(1) Sa-lem, Luych-ky tên một cổ thuốc lá bọn sĩ quan và lính Mỹ thường dùng hút.

— Một đại (1).

— Có thằng ngụy nào không ?

— Mỹ rất. Mỹ đi cứ đi ào đi, không hề hấn chi đâu.

Dòng người gồng gánh nối nhau tấp nập đổ ra trên con đường lên chợ Bàu. Ở các cánh đồng, những người đi làm cỏ lúa, làm đất gieo cũng đông dần.

V

Tuân gặp dì Nhuần ở giữa xóm. Dì đang quây một gánh dây lang. Đặt gánh xuống, dì hỏi qua hơi thở :

— Mày ở ngoài xóm Mới về đó phải không con ?

— Dạ. Anh Hai đi hỏi thăm tối qua rồi dì. Thằng Đầu đưa anh đi.

— Vậy được rồi. Giờ con đi đâu ?

— Con đi kiểm chú Điền.

— Chú Điền đi họp huyện. Có chuyện chi con cứ nói với dì đây.

Tuân nói lại những điều chị Kha dặn nó về báo cáo với Đảng ủy, Tuân biết dì mình là đảng ủy viên bí mật phụ trách lực lượng đảng viên bí mật, lãnh đạo đấu tranh hợp pháp.

Dì Nhuần cất gánh lên vai tất tả đi sang xóm Mới. Tuân bước theo để coi có việc gì cần thì chạy cho dì, nhưng dì bảo :

— Con hãy về nhà một chút cho bà biết chừng. Hồi hôm không thấy con về bà sốt ruột lắm đó.

Bà ngoại Tuân đang lui cui chôn rồ chén đã mẻ nhiều chiếc cùng cái xoong đã móp méo xuống dưới hố cát trước

(1) Một đại đội.

nhà. Sáng nào bà cũng làm việc ấy một cách nhẫn nại, để giữ gìn mấy thứ đồ dùng nghèo nàn thoát khỏi bàn tay đập phá của bọn Mỹ. Những thứ khác ít phải di động như thạp gạo, hũ mắm, chum củ lang khô... thì được chôn cố định, đập lên một miếng gỗ mỏng rồi khóa cát bằng li. Đến bữa, chỉ việc khơi nhẹ lớp cát, khây miếng gỗ ra mà lấy, xong lại nghi trang như cũ.

Tuân đứng ngoài xa ngó bà ngoại làm một lúc rồi sẽ tới sau lưng bà. Đợi bà lấp xong miếng hố cát, nó ôm chặt lấy bà y nguyên trong tư thế đang ngồi đó mà nhấc bổng lên, đưa bà vào tận nhà.

— Bà, bà thấy con mạnh chưa ?

— Tổ cha mày, mày làm bà hết hồn. Chứ mày đi đâu mất mặt giờ mới ló về hử ?

— Đói muốn xiu bà ơi, nhà còn để phần con thứ chi ăn không bà ?

— Không có chỉ hết.

Bà nói «không» nhưng về mặt bà lại mách rằng «có» Tuân nhảy phóc xuống hầm. Nó lục thấy ngay một rá củ lang luộc. Tất nhiên, dầu bà và dì Nhuận có thương nó tới mấy cũng không có gì hơn để phần cho nó. Đất Sa Kỳ là đất sống về khoai củ, từ bao đời nay vẫn vậy, ba phần củ một phần cơm. Tuân cắp rá khoai trở lên miệng hầm ngồi cạnh bà, vừa ăn vừa kể cho bà nghe những gì nó đã làm từ chiều qua tới giờ.

Bà yên lặng nghe, miệng nhai trầu chậm rãi. Ánh nắng rọi qua mấy tấm tranh thùa trước hầm khiến mái tóc bạc của bà sáng lên. Mái tóc đã rụng mất nhiều, chỉ còn một lọn nhỏ bà bới sát sau gáy. Gương mặt bà đầy nếp nhăn, những nếp nhăn lô xô như sóng dữ một ngày động biển, dấu tích cuộc đời chồng chất bao nhiêu lo âu cực nhọc của bà.

Bà hỏi Tuân, làm như nó đã là cán bộ xã đội :

— Ngó bộ chứ nó có mòi muốn xúc dân phải không bay ?

— Một đại thi xúc dân chi nổi, bà. Chẳng qua là nó kiểm cái thằng Mỹ đêm hôm nói trong loa đó — Tuấn bắt chước y hết cái cách mấy a. chị xã đội bàn bạc hạn định tình hình địch ta.

— Nửa khuya nay nó bắn pháo qua phía Châu Me như điên. Sáng sớm thấy trực thăng bay nhiều qua đó, chắc nó lại cần quét ngoài nó con a.

— Du kích Châu Me có một cây cối tự tạo, con thấy rồi. Bắn chính xác không thua gì cối 81 của Mỹ, bà ơi. Bữa trước bên đó họ đào được một trái bom lép. Con với anh Hai cura giúp, họ cho vô khỏi ihuốc.

— Mày cứ lơ xơ rồi có ngày chết về cái chỗ cura bom cura pháo cho coi. Thấy mấy đứa xóm Bãi nghịch pháo lép chết đó mà không kinh sao con?

— Đó là do chúng nó không có kỹ thuật. Con đã học kỹ thuật quân giới rồi kia mà.

Nó ngỡ mấy tiếng «kỹ thuật quân giới» sẽ khiến bà nó coi trọng nó hơn. Nhưng bà nó vẫn nói với một giọng rắn rứt:

— Bay cứ chủ quan rồi bay chết ưỡng. Thà đánh giặc mà chết tao không tức. Mấy đứa du kích lớn xác, tao cần phê bình trước tiên. Bữa nọ trúng giặc cách sao mà làm nổ lựu đạn, may chỉ bị thương. Xí nữa thì chết cả tiểu đội, thiệt hú vía. Nghĩ bực.

— Bên Châu Me họ có một cây đại liên mới kít, bà ơi. Lấy được của tụi Nam Hàn. Du kích xã mình có một cây bị bom đánh hư mất, giờ không có đại liên nhiều lúc bí rì.

Bà phì cười. Cái thằng nhỏ đầu óc lúc nào cũng ngồn ngồn những pháo với bom, đại liên với tiểu liên...

Hai bà cháu mãi nói chuyện không đề ý thấy trên con đường từ chợ Sa — cái chợ vùng địch nằm tiếp giáp với vùng ta — có một người đàn bà đang đi về xóm. Người ấy khoảng ngoài ba mươi tuổi, dáng thấp thị thành, ăn mặc không lấy gì làm sang nhưng tươi tắn: quần sa tanh đen

áo bằng hàng xoa Pháp màu đà (1) dép Nhứt. Khi người ấy giở nón khom mình bước vào lều, bà già mới giật mình ngàng lên, mừng rỡ :

— Ủa, Năm đã về đó con ?

Tuân ngược nhìn người đàn bà một giây, miễn cưỡng nói lí nhí tiếng gì đó trong miệng, hình như là tiếng ‘mẹ’.

— Sao châu rầy ồm (2) mà đen dử vậy con ? — người đàn bà vừa hỏi vừa định cầm tay Tuân thì nó đã lỏn nhanh xuống hầm chuẩn ra cửa sau.

Mẹ nó — phải, người ấy chính là mẹ Tuân — lật dật đi vòng theo hông hầm đứng chờ, giậm chân kêu tằm tưởi :

— Tuân, ở nhà cho mẹ biểu cái này chút, con !

Nhưng Tuân đã thót khỏi cửa hầm phía sau và mất hút qua mé vườn ông Lờ. Bà ngoại Tuân rầu rĩ bảo mẹ nó :

— Thôi, con. Nó còn con nít mà...

Người mẹ nghẹn ngào, rơm rớm nước mắt.

Ra đến góc vườn giáp bìa xóm, Tuân dừng lại bên một gốc cây keo. Trên gương mặt rần rỗi của nó, tất cả vẻ vô tư hồi nãy khi nó ngồi nói chuyện với bà ngoại đã biến mất. Nó cảm thấy một nỗi bồn thần khó chịu. Tuân còn cả cha mẹ, nhưng cũng như trăm ngàn đứa trẻ sinh cùng thời với nó, Tuân chưa hề được biết thế nào là một lá thư nhà trong đó chứa chan cái không khí êm ái tuyệt diệu của tình ấm, của sự sum vầy cha mẹ và con cái. Cha Tuân đi tập kết từ khi nó còn trong bụng mẹ. Sau đó có tin cha nó không đi ra Bắc mà quay lại hoạt động bí mật đâu đó trên Tây Nguyên. Mẹ nó vào sông Vệ tiễn cha nó khi trở về thì để rơi nó ở dọc đường. Từ khi sinh ra tới giờ, Tuân chỉ được sống với mẹ một ít ngày tháng hiếm hoi vào những lần mẹ nó ở tù ra, người yếu nhớt, nằm liệt trên chiếc chõng tre nơi góc buồng cho bà ngoại nó và nó thuốc thang cơm cháo, để rồi vừa hơi hơi có da có thịt đôi chút

(1) Màu đỏ.

(2) Gầy.

là lại xách gói đi biệt. Khi đã chớm hiểu biết, Tuấn không oán giận mà chỉ càng thương mẹ nó hơn. Cảnh ngộ khắc nghiệt đã dạy nó sớm hiểu rằng mẹ nó phải ra đi là vì nhiệm vụ cách mạng, mà nhiệm vụ cách mạng là điều hệ trọng hơn hết mọi điều. Tuy nhiên, dù sao nó vẫn là một đứa trẻ, cho nên đôi lúc nó không khỏi tủi thân vì thiếu mẹ. Bù đắp lại sự thiệt thòi đó, nó có một niềm kiêu hãnh thầm kín, kiêu hãnh vì cha mẹ đều là người cách mạng. Nhưng một sự việc cay đắng đã xảy ra. Cách đây gần hai năm mẹ nó trở về sau một đợt ở tù. Thời kỳ ấy, bọn Mỹ bắt đầu mở con đường Cái Mơn, chúng đánh phá ác liệt các làng xóm dọc hai bên trục đường. Có nhiều người không chịu nổi ác liệt đã bỏ vùng giải phóng chạy lên tỉnh. Trong số những người đó, có mẹ Tuấn. Thế rồi, lần lần người làng đi chợ tỉnh thường đem về những tin tức mỗi ngày nghe một thêm sùng gan : « Mẹ thằng Tuấn giờ huôn bán khá hưng rồi, sắp mở tiệm lớn... » « Mẹ thằng Tuấn giờ ngó trẻ ra dữ. Được ở nơi không bom đạn, ăn sung mặc sướng cũng có khác... » Những lời đồn đại ấy cứ như mũi dao nhọn chích mãi vào trái tim bé bỏng của Tuấn. Trí óc non nớt của nó tự nhiên phải vật lộn với những ý nghĩ đáng sợ. Còn gì khủng khiếp hơn khi người ta đâm ra phải nghi ngờ ngay chính người thân của mình. Có lần Tuấn buột miệng nói ra với dì Nhuần cái điều đã hành hạ tâm tư nó :

— Mẹ con bỏ bả (1) muốn theo dì hay sao vậy dì?...

Dì Nhuần tròn tròn mắt nhìn thẳng vào nó. Chưa bao giờ Tuấn gặp một cái nhìn giận dữ đến vậy ở dì. Giọng dì run lên :

— Tuấn, dì cấm con nghĩ tâm bậy nghe không?

Tuấn định cãi lại nhưng nó thốt nửa thình. Không phải là lời nói mà chính là nỗi khổ sở cùng cực dồn nén trong giọng nói và vẻ mặt của dì đã thuyết phục Tuấn. Nó thấy rõ rằng nếu nó cứ tiếp tục nghĩ như vậy thì dì nó sẽ khổ lắm. Mà nó không muốn làm khổ dì. Thật là oái oăm, nó

(1) Hình như bà ấy.

hoàn toàn không muốn làm khổ dì, mà cũng không thể tự ngăn cấm những ý nghĩ đáng sợ của mình. Vì thế, tuy đã hứa với dì là không được có thái độ này nọ với mẹ, nó vẫn không giữ trọn được lời hứa mỗi khi mẹ nó về.

— Anh Tuấn! Anh Tuấn nè...

Có tiếng gọi đằng sau. Tuấn ngoảnh lại. Bính, một thằng bé lên chín, con cô Ái hàng xóm nhà Tuấn, đang lễ mễ công em chạy tới, dáng hấp tấp đến tội nghiệp. Cả hai anh em nó đều mặt mày đỏ lửng, mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Con Yến dường như đã quen ngồi trên lưng anh qua những cuộc dài nắng ròn rã, nên tuy có vẻ mệt nó cũng không hề khóc mếu. Và khi công em tới bên cạnh Tuấn, thằng Bính chỉ cần khẽ khụy chân một cái là con bé biết ý, liền lẹ làng tuổi xuống khỏi vai anh. Hồi hộp và nghiêm trọng, Bính thò tay lôi ra một vật giấu lồng phồng dưới ngực áo. Vừa thấy cái vật ấy, Tuấn bật kêu:

— Trời, mày lấy đâu ra thứ này, Bính?

Đó là một lá cờ đỏ. Tuấn nhận ra ngay đây chính là lá cờ Đội thêu hình măng non, có tua vàng xung quanh mà đại hội khu đoàn tặng cho Đội thiếu niên tiên phong Sa Kỳ, do chính anh Hai Lượng của Tuấn đã đem từ chiến khu về dạo nọ.

— Ở đâu ra thứ này, Bính?

Tuấn lại hỏi, giọng hơi nộ. Tuy chẳng có lỗi gì, mà thực ra trái lại là nó vừa lập công, thằng Bính cũng dậm cuống. Bằng miệng, mắt, tay, thằng Bính vừa thở hồn hên vừa thuật lại những việc vừa xảy ra bên xóm Mới. Bọn Mỹ xăm thuốn khắp xóm, chẳng phát hiện được gì. Vào lúc từng tốp lính đã bắt đầu kiểm chỗ trái bặt năm nghĩ thì một tên Mỹ đen đứng bên cạnh cái hồ bom có giàn mướp um tùm trồng phủ bên trên bỗng hươ tay lên trời, miệng trầm trù một thời dài. Nhiều tên Mỹ vội chạy tới. Lũ trẻ đang chơi quanh đó cũng xúm lại chen chúc giữa bọn Mỹ. Tên Mỹ đen bươi được một chiếc thùng, lấy ra một năm nhưng chiếc huy hiệu nhỏ nhỏ, màu sơn mới còn tươi óng — huy hiệu Đoàn và huy hiệu Đội. Có lẽ vì thấy hay hay

eo đó, một số tên Mỹ lấy huy hiệu gài lên ngực. Thế là lũ trẻ lập tức như lấy bọn Mỹ xin huy hiệu, và chưa đợi bọn chúng cho, đã nhảy lên chộp từ trên tay chúng chia nhau, đưa gài lên ngực, đưa bỏ túi, có đứa chộp được tới năm cái chiếc. Thằng Bính cũng lấy được ba chiếc. Nhưng điều quan trọng hơn là nó đã kịp nhìn thấy lá cờ đỏ nằm dưới đáy thùng. Bính liền cõng con Yến phóng ngay tới chỗ những người lớn bị gom ở sân lớp học. Nó véo vào dít con Yến một cái rõ đau, khiến con bé khóc to lên. Làm vậy để bọn Mỹ đứng gác ở đó khỏi nghĩ.

— Cô Kha ơi, em còn hần đói quá...

Chưa nghe thằng Bính nói hết câu, chị Kha đã đứng bật dậy khỏi đám người. Cái tiếng khóc bất ngờ và vô lý của con Yến đã báo trước cho chị cách xử trí. Chị bảo Bính:

— Đi về nhà cô, cô lấy cho...

Chị xây qua nói với tên Mỹ đứng gác kể một bên. Hần hiểu rằng người đàn bà tàn tật này muốn xin đi kiếm đồ ăn cho đứa bé đang đói kia, một chút xiu sẽ quay lại ngay. Hần ra hiệu đồng ý. Chị Kha dắt anh em thằng Bính về lều mình. Trên đường đi, Bính đã kịp kể hết với chị về cái thùng đạn đại liên mới bị phát hiện. Cái thùng đó là của chị. Rồi Lượng đem các tặng vật của đại hội khu đoàn về giao cho chị, chị để cả trong đó đem chôn. Cách đây ít ngày, chị đã định đi chuyển địa điểm, chưa kịp làm thì gặp chuyện rủi ro hôm nay. Thằng Bính cố nhiên không thể biết chiếc thùng đó là của ai, chỉ biết là của cách mạng. Nhưng do đã được chị Kha huấn luyện trước, hàng ngày gặp bất cứ tình hình gì, nó phải tìm mọi cách báo cho chị biết ngay. Cho nên, khi nhìn thấy lá cờ đỏ trong thùng, nó liền nghĩ là có tình hình cần phải báo cáo gấp.

Khi chị Kha trở lại chỗ tập trung, không quên dẫn anh em thằng Bính đi ngang trước mặt tên Mỹ cho hần thấy con bé ngồi trên lưng anh nó đã có một củ khoai to trong tay đang cắn từng miếng ngon lành.

Bính cõng em trở lại đằng hố bom. Bọn Mỹ đã đem chiếc thùng đạn đại liên và lá cờ đỏ về nộp cho đại đội

trưởng của chúng. Tên này nằm khênh trên tấm vải trong lều nhà cô Lanh, đang coi một tờ báo có nhiều ảnh màu. Bính lân la tới gần. Chiếc thùng đạn đặt sát một bên chân hắn. Bính tới gần hơn nữa, dòm không thấy lá cờ đỏ đâu cả. Nó lo thốt lung. Ngay lúc ấy, có tiếng gọi nó :

— Bính nè, mày biết ở đâu có mồi giun nhiều không?

Người gọi Bính là anh Mừng. Anh Mừng đang đứng bên khém chuối, tay cầm chiếc cần câu thật dài. Ngó bộ dạng anh Mừng, Bính biết ngay càng phải do chuyện mồi miếc chi đâu mà anh đang kín đáo nháy mình. Chính là chuyện lá cờ. Bính chạy lại chỗ anh liền. Mừng vừa giả đồ sửa lại chiếc lưới câu, vừa lăm thăm vạch kế hoạch cho Bính :

— Giờ tao kéo lên đi chỗ khác, mày làm nhiệm vụ của mày, nghe không? Lá cờ hắn để trong túi trước của chiếc ba-lô dù đó. Mày thấy chiếc ba-lô rồi chớ?

— Thấy.

Mừng định đặc tiến lại bên túp lều.

— Ê, du (1)! Ê, du!

Tên sĩ quan buồng tờ báo, nghiền đầu dậy. Chú Việt Nam trước mặt hắn, vẻ ngây ngô chất phác, bảo với hắn rằng chú biết một chỗ chôn giấu nhiều thứ đáng ngờ nữa, ở ngoài bìa xóm.

Hắn đứng dậy, nịt lại cây súng ngắn, ra lệnh cho ba tên lính theo hắn cùng chú b.

Cả tốp Mỹ vừa đi khuất, Bính hành động liền. Nó khụy chân cho con Yên tụt xuống rồi nhảy vào lều. Bằng một động tác tinh nỏ cũ, không hề, thằng Bính móc được lá cờ ra khỏi cái túi ba-lô, nhét lẹ vô dưới ngực áo. Xong, nó xóc con Yên lên lưng, phóng ra khỏi xóm, cứ thế cầm cổ băng qua những đám ruộng mới cấy vớ, có lúc ngã giúi ngã giúi rồi lại nhóm dậy băng tới, về xóm Mồ Côi.

(1) Tiếng Anh you : anh, ông.

Nghe Bính kể hết, Tuấn gật gù :

— Giỏi, mày giỏi đó. Tao khen.

Bính sưng rơn. Nó đưa cả hai tay nâng lá cờ trao cho Tuấn và nói như đọc một câu trong bài học thuộc lòng :

— Cô Kha dặn em lấy lại được lá cờ này thì làm sao về ngay đây kiếm anh cho được, đưa anh cất.

Tuấn hãnh diện hết sức, đón lấy lá cờ trong tay Bính :

— Đưa đây. Tao cất thì có trời tìm.

Tuấn bước đi được mấy bước, nghĩ thế nào lại đứng lại, bảo Bính với một giọng thật nghiêm trang :

— Đồng chí Bính !

— Dạ ? — Bính ngờ ngác. Lần đầu tiên, có người gọi nó bằng đồng chí với vẻ không có gì là cợt giỡn cả.

— Đồng chí Bính ! Tôi rất tin đồng chí. Nhưng đây là nguyên tắc giữ bí mật của cách mạng. Vậy yêu cầu đồng chí hãy quay lưng lại, tuyệt đối không được dòm theo tôi. Rõ chưa ?

— Dạ.

— Phải nói là ‘rõ’, như các anh bộ đội vậy. Mà đứng nghiêm.

Bính đứng nghiêm hô ‘rõ’, rồi ngoan ngoãn quay lưng về phía Tuấn, kéo cả con Yên quay luôn. Thậm chí nó còn nhắm mắt lại, thật lâu, cho tới khi biết chắc mình có mở mắt ra cũng không hề gì, nó mới mở.

Còn Tuấn thì trước khi rẽ sang phía Truong Dấu — nơi nó đặt một trong những cái kho riêng của mình — nó không quên núp lại sau một bụi xương rồng để kiểm tra thẳng Bính. Thấy Bính hoàn toàn chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của mình, Tuấn vừa lòng lắm. Vừa bước đi, nó vừa lầm bầm : ‘thằng này được, thằng này được..’.

Gần trưa, Tuấn trở qua xóm Mới thì được biết bọn Mỹ đã rút. Chúng bắt đi cô Lanh, bà Chín và mấy bà nữa.

VI

Một tiếng nổ lớn khiến Đàm choàng tỉnh giữa giấc ngủ mê mệt. Tiếp theo là từng loạt súng nhỏ bắn rất căng, gần lắm, thoát nghe như đầu ngay ngoài rìa xóm. Mỹ? Anh thoáng nghĩ, và quơ lấy chiếc thắt lưng nịt vào người, xách khẩu AK chui lên khỏi miệng hầm tránh pháo. Mặt trời vừa mọc. Ánh nắng sớm — thứ nắng vùng ven biển — miền Trung gay gắt từ những tia đầu ngày — đã nhuộm sáng rực cả cái xóm nhỏ nhấp nhô những hầm, lều và nền nhà cháy đen trần trụi. Bốn bề vắng ngắt. Bà cụ Mười và chị Nhuận chắc đã qua xóm Bãi từ sớm, như mọi bữa. Thăng Tuấn cũng biến đâu mất.

— Bính, gì thế cháu? Đàm gọi to khi thấy hai anh em thằng Bính đang ngó trước.

— Không phải Mỹ đâu chú. Tờ du kích cô Yên đi phục hồi hôm, giờ gặp địch đó mà.

Bính thủng thảng đáp, cũng chẳng buồn ngẩng lên. Nó đang mải nhào bùn với rơm đập một cái gì đấy ở ven đường. Cái giọng đầy vẻ am hiểu địch ta của nó tương phản với gương mặt non choẹt ngó dễ thương quá sức. Bính nói đúng. Sau vài phút theo dõi tiếng súng nhỏ đang nổ loạn xa kia, Đàm nhận ra ngay những loạt AK của du kích. Tiếng nổ lớn ban nãy hẳn là tiếng mìn « mo » ⁽¹⁾ mở màn cho trận phục kích. Hôm mới về, Đàm tới thăm xã đội, thấy họ có cả một đồng mìn « mo » xếp trên nóc hầm.

Trời trong vắt, báo hiệu một ngày hoạt động mạnh của máy bay và pháo địch. « Hôm nay nó có càn không đây? ». Ngày nào câu hỏi ấy cũng đặt ra. Từ sáng sớm tới quá trưa, có khi tới xế chiều, Đàm, Cư, Trọng phải luôn luôn ở tư thế sẵn sàng chống càn, không dám đi đâu xa cái khu vực có chiếc hầm bí mật mà Tuấn đã dành cho họ. Tình hình khá căng, căng hơn nhiều so với hồi

(1) Tên một loại mìn định hướng của Mỹ. ở đây du kích, bộ đội thường gọi tắt như vậy.



gồm ngoài, khi Hàn về đây lần đầu, hơn cả trong cánh
tạm, nơi anh lăn lộn mấy tháng vừa qua. Tuy thế, từ
hôm trở lại Sa Kỳ cách đây gần nửa tháng, Hàn cũng
chỉ mới phải rúc hầm bí mật hai lần, mỗi lần chừng một

buổi. So với ở trên núi, thì đời sống vật chất lại quá đáng
hoàng, trước hết là được ăn ba bữa no. Thậm chí thỉnh
thoảng bà cụ Mười đi chợ Sa còn mua bún với thịt bò
xào chín sẵn tẩm trong túi ni-lông đem về cho các anh ăn.
Vậy mà bà cụ còn cứ ngó Cự và Trọng chép miệng than
văn hoài : « Tội quá, hai thằng ở ngoài mới vô mà không
có chi bồi dưỡng cho nó... »

Thực ra, nhờ sự chăm sóc của bà cụ và ông già Lờ, nước
da sốt rét của Cự và Trọng đã biến dần. Họ phân tán ở
làm hai nhà cho tiện cơm nước. Cự và Trọng ở bên hẻm
ông Lờ. Lúc này, chắc hai anh chàng đang còn ngủ như
chết nên sùng nồ như vậy mà vẫn chưa thấy lộ mặt ra.
Đêm qua họ trình sát một hướng đột phá mới, nên từ mờ
sáng mới ra khỏi hàng rào, mệt đến gần như kiệt sức. « Thôi,
cứ để bọn hân tranh thủ ngủ thêm một tí nữa ». Đàm nghĩ.

Anh khoác khẩu AK lưng thường bước ra chỗ Bính,
đứng yên lặng ngắm thằng bé đang đề hết tâm trí vào
« công trình » của nó. Chốc chốc, Bính lại giơ bàn tay bắt
bùn lên, lấy cùi tay quẹt ngang mũi chùi những giọt mồ
hôi đang chảy ròng ròng xuống cằm nó nhột.

Trên các ngã đường vùng Sa Kỳ, cứ cách vài ba trăm
mét người ta lại thấy một cái lò đất như cái lò Bính
đang đắp, ở ven đường. Trong lò có nhiều tàn tro. Một
vài mẫu giấy chưa cháy hết chứng tỏ đó là những tờ
truyền đơn mà không mấy ngày mấy hay « tâm lý chiến »
của Mỹ không rải xuống trắng xóa cả cánh đồng. Trẻ con
đi chăn bò hoặc làm bất cứ việc gì, đứa nào cũng có một
thanh tre dài, nhỏ mà cứng, vót nhọn. Chúng xiên những
tờ giấy rác rưởi kia thành từng xâu rồi trút vào lò đốt.

— Chú biết cháu làm cái gì rồi ! — Hàm nói.

Bính ngước mặt lên :

— Chi nào ?

— Các cháu gọi nó là cái lò thiêu mồm Gai-xon
chứ gì ?

Trúng ý, Bính cười toét miệng, sống mũi chun lại, mắt gần như nhắm tịt.

— Cháu có biết Tuấn đi đâu không ?

— Dạ, cháu không biết. Ảnh biểu cháu : « Tao đi có nhiệm vụ đột xuất, mày ở nhà nghe có Mỹ vô thì kêu chú Đàm dậy ».

— Sao lúc này cháu không kêu ?

— Có Mỹ vô đâu mà kêu, chú ? Mà anh Tuấn ảnh dặn cháu vậy nè : « Coi kỹ, đích là Mỹ vô xóm mình hãy kêu, còn nó lộn lờ quá ngoài xa thì cứ để yên cho chú ngủ, mấy hôm rày các chú đi công tác suốt đêm vất vả lắm ».

Đàm cười, cảm động. Mấy đứa nhỏ chu đáo thật, cứ y như người lớn. Anh ôm con Yến vào lòng. Mặt nó lem những vết bùn đã khô trắng. Cặp mắt tròn to đen láy của nó nhìn Đàm không chớp. Hai anh em nó vừa mới mất cha. Cha chúng, anh Huê, là cán bộ nông hội xã, Hàm có quen từ năm ngoài. Anh hy sinh trong một chuyến đi khai hãm bí mật cách đây hai tháng. Vợ anh lại đang có thai gần đến tháng đẻ. Trong vòng vài năm nay, người đàn bà hiền lành ấy đã phải chịu đựng bao nhiêu tang tóc dồn dập. Anh chỉ có tám đứa con. Đứa con gái đầu lòng đi thành niên xung phong. Thăng con trai thứ hai đi bộ đội, ở đơn vị C71 của huyện, hy sinh trong một trận chống càn. Sau đó chẳng bao lâu, bốn đứa kế tiếp bị bọn Nam Hàn giết chết một lượt với bà ngoại và gia đình người cậu ruột trong một vụ thảm sát rừng rậm ở Bình Hòa — xã lân cận của Sa Kỳ — hôm chúng cùng nhau về bên đó ăn giỗ ông ngoại. Hôm đó thằng Bính cũng theo các anh chị nó về ăn giỗ và cũng ở trong vòng tai họa, nhưng nó may sống sót được vì xác những người lớn trúng đạn trước ngã đè lên nó. Nó nằm chết lịm dưới đồng xác người ngập máu. Chính mắt nó đã nhìn thấy một tên lính Nam Hàn xách hai chân một đứa bé cỡ tuổi em Yến nó dốc ngược lên xé làm đôi rồi quăng vào đồng lửa của ngôi nhà đang cháy...

Đàm hỏi Bính :

— Mẹ cháu có nhà không ?

— Mẹ cháu đi chợ Sa.

— Mẹ cháu ham việc ghê quá. Gần đến ngày sinh rồi mà còn mãi chợ búa.

— Mẹ cháu đi mua gạo.

— À !...

Đàm chợt nhớ ra. Đạo Đàm mới về dừng ở Sa Kỳ chuyển trước, anh rất lấy làm lạ thấy các mẹ các chị ngày nào cũng dậy thật sớm tập nập rủ nhau đi chợ vùng địch. Căn trưà, các mẹ các chị trở về, người nhiều kẻ ít ai cũng có mua theo ít ra là vài ba ang gạo — thứ gạo do tàu Mỹ nhập vào. Thế mà bữa ăn của các gia đình vẫn luôn luôn chỉ những khoai là khoai. Cho tới một buổi tối, cầm tờ phiếu gạo của tỉnh đội cấp, đi gặp đồng chí trưởng ban kinh tế thôn, Đàm mới vỡ lẽ. Xem phiếu xong, đồng chí trưởng ban kinh tế thôn bảo : « Đi theo tôi ! » Đàm nghĩ : chắc đi đến kho. Nhưng họ lại đi vô một nhà dân, nhà bà Oong « Thím Oong, thím xuất cho anh bộ đội ba ang gạo giùm tôi ! » — « Dạ. Anh có ruột ghé đó chứ ? » — « Có đây ạ ». Bà Oong dẫn Đàm ra cồn cát sau nhà cách chừng năm chục mét. Dưới ánh trăng, bà cúi húi tìm một cái móc bí mật nào đó, rồi lấy tay ra sức bới cát. Lát lâu, ở dưới hiện ra một chiếc thùng tôn lớn như chiếc thùng đựng nước, chứa đầy gạo. Bà đóng cho Đàm xong, trùm kín ni-lông, đẩy nắp cẩn thận rồi khóa cát lại như cũ. Thì ra hàng ngày các mẹ các chị đi chợ vùng địch mua gạo chính là mua cho cách mạng. Gạo mua về nhập kho của ban kinh tế nhưng kho ấy lại nằm tản mát trong các gia đình và do chính các gia đình giữ. Một số lớn thì tiếp tục được chuyển lên căn cứ, hoặc bằng con đường hợp pháp giữa ban ngày dưới hình thức gánh lên bán ở chợ Bàu phía trên đường Cái Mới hoặc do dân công chuyển bí mật ban đêm lên thẳng vùng giáp ranh. Cũng nhiều khi tình hình dể dãi, gạo mua về được nhiều chuyển lên không kịp, thì bộ đội cán bộ các cơ quan tỉnh, cơ quan khu phải lần mò vượt đường xuống tận vùng Đông công gạo lên. Nhưng thường thường dể dãi lòng đất của vùng

Đông bao giờ cũng dự trữ sẵn một số gạo đủ dùng cho cả một chiến dịch lớn — một chiến dịch mà người vùng Đông luôn luôn tin rằng trước sau rồi thế nào cũng mở ở vùng mình. Đám vô cùng kinh ngạc khi lần đầu tiên, anh nhận ra, qua chiếc đòn gánh trên đôi vai chín dạn của các mẹ các chị tất tưởi cần mẫn như con thoi giữa vùng địch với vùng ta, cả một hệ thống hậu cần kỳ lạ đang hoạt động suốt ngày đêm. Có lẽ trong lịch sử chiến tranh trên thế giới này, chưa từng có một quân đội nào có một hệ thống hậu cần như thế.

Bính đã hoàn thành chiếc lò. Nó đang dùng bàn tay như một chiếc bay thợ nề miết đi miết lại cho mặt lò thật láng.

Một tốp du kích năm người rải hàng một đi dọc xóm. Thấy họ, Bính vội lịch lịch chạy tới.

— Cô Yên, diệt được mấy thằng ?

Không ai đáp lời nó. Đám thấy nét mặt họ có vẻ không vui. Đánh không gọn ? Thương vong ? Một cô gái khoác trên mình hai cây M16 mới thu được vừa đi vừa ngoái lại lau bầu gì đó với hai anh con trai đi đằng sau. Yên -- cô gái có gương mặt già dặn hơn cả nhưng chắc hẳn cũng chưa quá hai mươi tuổi — nói như quát :

— Đẹp ! Đẹp ! Có bấy nhiêu mà cứ cầm rằm nhau hoài...

Anh con trai đi sau cùng mang nghênh nghênh một chiếc máy thông tin PRC25 hẳn cũng là chiến lợi phẩm mới thu được, cái cần ăng-ten vút lên rung rung giống hệt bộ dạng gật gù đặc ý của chàng du kích trẻ sau trận thắng. Chốc chốc anh ta lại vặn máy oo và chửi tục vào chiếc ống nói cầm nơi tay, đáp lại những tiếng hỏi í ới của bọn địch ở đâu đó vang lên trong máy.

Đám đi với tốp du kích một đoạn, sang nhà ông Lờ. Hóa ra họ không được vui và cần nhần lẫn nhau là vì cậu du kích chịu trách nhiệm bấm mìn ‘mò’ mở mìn đã lật đặt cách sao đó lại nhằm ngay phải thằng Mỹ vác đại liên mà bấm, trái với ý đồ vạch trước, xé tanh bành cả

tên Mỹ lẫn cây đại liên của hắn — cái món chiến lợi phẩm mà họ chăm bẵm chuyển này thế nào cũng thu được để tăng cường hỏa lực cho đội.

— Tàu gông ! Tàu gông ! — thằng Bính bỗng la to.

Một chiếc OV10 — thứ máy bay trinh sát hai thân rất ranh mãnh của Mỹ mà người Sa Kỳ thường gọi là tàu gông, bởi nom nó giống hệt chiếc gông — từ phía Chu Lai xăm xăm bay vào. Tiếng động cơ ồng ồng hết sức khó chịu của nó khoan sâu vào lỗ tai người ta.

Thằng Bính cõng con Yến trên lưng, đứng dòm theo chiếc tàu gông, miệng lăm bẵm như một ông cụ :

— Lại xóm Bãi ! Lại xóm Bãi !

Tiếng ồng ồng chợt tắt lịm đi, rồi nghe một tiếng ‘phụp’ sau đó tiếng ồng ồng lại rít lên ánh ỏi. Bính lại lăm bẵm :

— Nó bắn trái đích rồi !

Một cột khói trắng đùn lên ở giữa xóm Bãi. Lúc này mới nghe tiếng rít xé ghê rợn của chiếc phản lực đang bỏ nhào (Chúng lượn âm ỉ trên cao từ nãy, nhưng tiếng ồng ồng của chiếc tàu gông đã che lấp hết cả). Bom nổ. Chiếc phản lực thứ hai nhào tiếp. Bom lại nổ. Xóm Bãi chìm trong những bùng khói đen đặc. Đã mười mấy ngày liên, bọn Mỹ tập trung đánh bom vào xóm Bãi. Một số gia đình muốn nhóm chạy qua vùng địch. Ngày nào chị Nhuận cũng sang đó để cùng với các tổ nòng cốt đấu tranh chính trị giữ vững tinh thần cho bà con. Bà cụ Mười cũng sang phụ với con gái một tay. Bà cụ thường nói vui với Đàm : ‘Tao đi đòi giùm xóm Bãi ít trái bom...’

Tốp du kích kéo vào nhà ông Lờ. Ông già và con út đã ra đồng từ sớm. Hai cô du kích thông thạo như người nhà chạy ra góc vườn moi dưới cát lên mấy cái xoong mà con Tư giấu ở đó, đem vào chuẩn bị nấu cơm. Họ đi phục kích từ khuya, chưa ăn uống gì, bây giờ bụng ai nấy đều đói meo. Mấy anh con trai thì rúc vào căn hầm rồi nằm khênh mở đài nghe ca bài chòi.

Căn hầm nổi nhà ông Lờì thật là một căn hầm độc đáo. Nói cho chính xác, đây vốn là một chiếc xe bọc thép Mỹ nhưng từ năm ngoái đã trở thành căn hầm nổi của ông Lờì. Sở dĩ có chuyện như vậy, là do trong một trận càn, chính chiếc xe này xông vào định chà nát căn hầm chìm của ông — một căn hầm chữ A kiên cố lát toàn bằng cột gỗ lớn giỡ ra từ ngôi nhà ba gian ông làm hồi kháng chiến chín năm chống Pháp. Chẳng biết ông có đoán trước được hành động của nó hay không, hay chỉ là ngẫu nhiên, mà lúc ấy ông chủ thì vắng nhà nhưng lại đặt sẵn một trái mìn để đón «khách». Mìn nổ. Đầu máy cháy, thắng lái chết. Bọn Mỹ cho trục thắng hạ xuống lấy xác thắng lái đi, bỏ lại chiếc xe nằm liệt đó ngay trước cửa căn hầm chìm. Ông Lờì ở ngoài đồng về, đứng ngắm chiếc xe hồi lâu, trệt cái khăn mặt bông dài lem luốc quần quanh đầu ra, lau mồ hôi, gật gù :

— Cha mẹ ơi, «quân đội Đồng minh» Huê Kỳ sáng ý thiệt, mình đang tính đắp thêm cái hầm nổi để có chỗ cột vông nằm cho mát, chưa kịp làm thì họ đem tới kính mình đây.

Quả chiếc xe bọc thép ấy mà biến thành căn hầm nổi thì quá ư chắc chắn và tiện lợi. Ông Lờì kêu con Tư lại. Kêu cả hai anh em Lượng và Tuấn giúp thêm một tay. Máy ông cháu đem những tấm ri sắt lát lên trên, chát thêm một lớp bao cát, rồi bốn tấm tôn lợp mái dằng hoàng nữa. Các thứ này đều do ông Lờì và Tư lấy được ở núi Rằm sau trận bộ đội ta đánh lần thứ nhất, dịch bỏ căn cứ đến gần hai tháng mới đồ quân đóng lại.

Ăn cơm xong, tốp da kích chia nhau tìm nơi cột vông ngũ. Hai cô gái đem vông ra cột ngoài chỗ bụi chuối mốc⁽¹⁾, nơi duy nhất trong vườn còn bóng mát. Chỉ một lát, họ đã ngũ ngon lành như những đứa trẻ, mặc cho tiếng bom vẫn dậy lên dằng xóm Bãi và tiếng phản lực vẫn lộng lộn rít xé trên trời.



Đàn nằm dài trên sàn chiếc xe bọc thép của ông Lòi, ngay dưới lưng võng một cậu du kích. Lúc này anh thật nhàn rồi. Nhưng anh cũng không thể ngủ được để lấy sức đêm nay lại thức suốt đêm chui rào, gõ mìn, đo đếm.

quan sát... Đàm thức canh cho Car và Trọng ngủ thêm được chút nào hay chút ấy. Giá như Tuấn ở nhà, những hôm Tuấn không bận đi chăn bò, Tuấn sẽ canh cho cả ba ngủ, hoặc là mấy anh em lại nằm gác chân lên nhau dưới hăm mà tán gẫu. Những lúc như thế, Tuấn thường bắt Đàm cho chú ta xem phim — một lối xem phim đặc biệt nhất thế giới — nghĩa là Đàm kể cho Tuấn nghe nội dung những cuốn phim anh đã được xem. Không rõ qua lời kể của Đàm, chú bé nhìn ra những gì trong bóng tối của căn hăm, chỉ thấy Tuấn nằm nghe say sưa như nuốt lấy từng lời. Đôi khi, Tuấn hỏi Đàm những điều đối với anh hoặc đối với những đứa trẻ lớn lên dưới mái trường xã hội chủ nghĩa miền Bắc thì quá đơn giản, nhưng cắt nghĩa cho chú ta hiểu được không phải dễ. Chú bé thông minh, ham hiểu biết và cương nghị này đang bắt đầu bước vào thời kỳ muốn mau chóng khám phá toàn bộ thế giới. Giữa cảnh dầu sôi lửa bỏng của cuộc chiến đấu khốc liệt, trong tâm hồn thuần phác và nhạy cảm của chú bé vùng cửa Sa Kỳ đất đai nghèo kiệt, có cái gì đó đang nảy nở, tươi tắn và cứng cỏi vô cùng, không ngừng hướng về một tương lai tốt đẹp.

— Anh có được đi qua các nước xã hội chủ nghĩa của mình rồi chớ? — có lần Tuấn hỏi Đàm.

— Có, anh sang Tiệp mấy năm. Nhưng hồi ấy anh còn nhỏ, cũng trạc tuổi Tuấn bây giờ. Hồi ấy chính phủ Tiệp-khắc đề nghị với chính phủ ta cho đón một số con em liệt sĩ sang đó học, anh được đi.

— Ở bên đó sướng lắm, anh hỉ?

— Ờ...

Đàm khẽ ậm ừ trong miệng. Tính anh hay nghĩ ngợi. Từ ngày vào chiến trường, anh đã hiểu rằng chính giữa những năm anh được sống một thời niên thiếu bình yên và đầy đủ, thì điều gì đã xảy ra ở miền Nam. Đôi lúc anh cứ nhìn Lượng và Tuấn mà tự trách mình hình như xưa kia đã quá vô tư trong sự bình yên và đầy đủ ấy. « Thế đấy, thế là đã có lúc mình èo uột, đòi hỏi đủ thứ, trong lúc ở

đây Lượng và Tuấn từ sáu bảy tuổi đã phải lủn củn xách cơm đi nuôi mẹ ở tù, trong lúc trên dòng sông Sa Kỳ kia có những chiếc bao tải đựng xác những người đồng chí thân yêu bị địch đập chết thả trôi lênh bênh... Thế đấy, thời niên thiếu vô tư của mình đã được che chở bởi những người như bà cụ Mười, chị Nhuận, chị Thuận, chị Ai... mà trên thân thể mảnh mai gầy yếu còn ghi bao dấu vết đòn tra của giặc, nhức nhối đến tận giờ...

— Anh có qua Liên Xô không? — Tuấn lại hỏi — Phải Liên Xô là nước có cái thành phố bị phát-xít Đức bao vây, ở đó có thằng bé mà họ hát trong bài hát năm ngoái anh dạy em với anh Lượng hát đó không?

— Đúng. Đây là thành phố Lê-nin-gờ-rát. Bài hát đó em quên tên rồi sao? Bài : Chú bé thành Lê-nin-gờ-rát » ấy mà, hồi nhỏ anh rất hay hát, thuộc mãi đến giờ. Vừa hát, lòng vừa mơ tưởng một ngày nào được tới thành phố có cái chú bé dũng cảm kia. Anh đã suýt có dịp đi. Hồi học xong lớp 10, anh nhận được giấy gọi đi học đại học ở Liên Xô...

— Rồi anh đi chứ ?

— Không, anh đi, nhưng là đi vào đây.

— Sao vậy ?

— Là vì sau đó vài ngày anh nhận được giấy gọi đi bộ đội. Anh đi bộ đội và anh vào đây.

— Anh này điên quá à. Được đi học ở Liên Xô sướng vậy mà không đi, lại đi vô cái chỗ cực thôi là cực, mà chết như không à !

Tuấn nói thế, nhưng Đàm nhận ra trong giọng nói của chú bé vừa hồn nhiên vừa sớm già dặn ẩn chứa biết bao trù mồn đối với anh, đối với sự có mặt của anh ở đây. Anh sung sướng và thậm chí lấy làm mừng rằng vào giờ phút quan trọng nhất trong tuổi trẻ của mình, anh đã quyết định đúng...

Từ dưới căn hầm chìm, Cự và Trọng chui lên, đứng vươn vai trước sân. Trọng hỏi :

— Bọn này ngủ đừ quá, hả ? Giời đất, nửa buổi rồi !
Nó ném bom ở đâu thế ?

Trừ Đàm ra, nếu ai có nhìn thấy họ lúc này chắc sẽ không nhìn được cười. Mặt mũi chân tay họ đều đen thui bởi một thứ nước pho nôi trộn với lá lang già nát bôi đều nghi trang. Lúc mờ sáng đi công tác về, mệt quá, hai anh chàng chẳng buồn tắm rửa ráy gì cả, cứ thế rúc xuống hầm mà ngủ.

Đàm giục :

— Có đi tắm ngay đi không, các tướng ? Đệ đồng bào họ nhà thấy, không được đâu.

Cư, Trọng xách gàu ra giếng. Đàm dặn với theo :

— Khàn trương nhá ! Lỡ có tình huống gì, đối phó không kịp thì bỏ mẹ. Mà chú ý ngồi thấp xuống mà tắm, đừng có đứng nghênh ngang Đá Mú nó thấy nó nện cối xuống, ảnh hưởng đến đồng bào. Giờ này trở đi là Đá Mú nó nhìn rõ lắm.

Cư và Trọng nay đều đã trở nên lanh lẹ tháo vát như tất cả những người công tác dày dạn ở vùng sâu. Những đồ đạc của họ mang từ trên núi xuống, chú bé Tuấn đều hát họ nộp hết cho chú, nhét vào hai cái thùng đạn đại liên, đem chôn. Họ hầu như không dùng tới quần dài nữa. Mỗi người chỉ có hai chiếc quần cộc và hai chiếc áo lót ngắn tay cộc bé. Vùng Đông nhiều nắng và nắng rất gắt, quần áo giặt xong trải trên cát mười phút là khô queo, cuộn lại nhét vào một cái túi nhỏ bằng năm cơm, đeo bên thắt lưng. Vớng thì cuộn chặt như đòn bánh tét, cũng đeo bên thắt lưng. Tất cả trang bị chiến đấu và đồ dùng cá nhân đều ở quanh cái thắt lưng, kể cả đôi dép cao su. Ở trong làng, họ toàn đi chân đất, để dấu chân lẫn với dấu chân giẫm đất của dân, giữ thể hợp pháp cho bà con. Chỉ có đêm nào đi công tác, ra khỏi làng xóm thật xa, họ mới lấy dép mang vào. Về Sa Kỳ được hai ngày, họ đã được chú bé Tuấn tặng cho mỗi người một chiếc bi-đông Mỹ, một chiếc thắt lưng Mỹ, loại của sĩ quan có khóa đồng và hai hàng lỗ nam đồng sáng loáng.

Hai người đang tắm dở thì nghe có tiếng bước chân hối hả của thằng Bính công con Yến từ ngoài ngõ chạy vào.

— Mỹ! Mỹ vô xóm mình đó, mấy chú!

Cư, Trọng thay vội quần áo. Đàm bật dậy. Mọi thứ cần thiết đã ở trên người anh. Anh lao xuống căn hầm chầm lấy thắt lưng và súng cho Cư và Trọng. Mấy cậu du kích cuốn võng lao xào. Một cậu hát hăm về phía thằng Bính:

— Mỹ thiệt hay láo, mày? Nói láo tao nên chết đó hử!

— Láo thì ông cứ giỏi năm mà ngủ nữa đi — Bính ương bướng đáp.

Cô Yên ôn tồn hỏi nó:

— Mỹ Đá Mú hay Mỹ núi Rằm, cháu?

— Mỹ núi Rằm. Cháu thấy bò nhảy lung tung hướng đó, ngó sức ra đã thấy hẩn đi lỗ nhỏ. Hẩn đang qua cánh đồng đó, cô à.

Trong nháy mắt, tốp du kích đã biến mất. Đàm đoán họ cũng có hầm bí mật ở xóm này, gần đâu đây. Hèn nào sau trận đánh họ rút về đây ăn ngủ đang hoàng thổ. Đàm cũng dẫn Cư và Trọng ra hầm bí mật của mình. Nhưng họ đi được vài bước, Bính gọi giật lại:

— Chú Đàm! Đi lối này cho Đá Mú nó khỏi thấy.

Họ quay sang đi theo lối Bính chỉ, khuất dưới một bờ đất, bọn Đá Mú không thấy được.



Tuân ngồi nép dưới một bụi dừa tàu, bên những tảng đá lớn nhô ra gành biển trên sườn phía đông của núi Đá Mú. Toàn bộ vùng cửa Sa Kỳ trải rộng trước mặt nó. Dưới nắng sớm, biển ánh lên vô vàn màu sắc. Gần bờ là màu xám bạc, xa một chút, màu lục xen lẫn với những làn nước màu lam, nếu nhìn kỹ có chỗ gần như tím. Từ ngoài chân trời tít tắp, ở chỗ mặt trời vừa rời bỏ mặt biển cất mình lên, một dải

sáng vàng chói phông ra, tỏa lạn và lay động trên cõi mệnh mỏng. Năm ngoái tình hình dễ dãi hơn bây giờ, bọn Mỹ chưa lùng sục mấy, có lần Lượng và Tuấn đã đưa anh Hàm ra tận đây ngồi cả ngày để anh dễ theo dõi qui luật hoạt động của bọn Mỹ trên Đá Mù và bọn hải thuyền nguy phía bên kia vịnh. Anh Hàm cứ hít hà : « Chời ơi, thật là một cửa biển tuyệt vời ! Mai đây hoàn toàn thắng lợi, ta sẽ xây một khu nghỉ mát, các em ạ. Sẽ tu sửa những con đường lên núi, trồng cây trồng hoa hai bên... Chà ! Thậm chí có thể tổ chức được hội hè thiếu nhi quốc tế ở đây nữa... » Anh còn bảo rằng nước triều lên xuống hàng ngày thế kia ắt chứa một sức mạnh mà con người đang tìm cách khai thác. Người ta đang nghiên cứu xây dựng những nhà máy điện chạy bằng sức thủy triều... Tất cả những chuyện đó đối với Tuấn thật xa vời, nhưng anh Hàm thì cứ nói với vẻ như đã nhìn thấy ở trong tâm mắt. Lần đầu tiên Tuấn nghe nói tới những chuyện như vậy, và tuy chưa hiểu gì lắm, lòng nó cũng dâng lên một niềm háo hức trước đây chưa hề có. Tuấn định bụng chừng nào nhận được thư Lượng, nó sẽ viết thư báo Lượng nếu được đi học thì cố học cách sao để sau này về có thể xây một nhà máy điện chạy bằng sức thủy triều ở cửa Sa Kỳ...

— Nè, bọn hản xuống rồi đó...

Cách Tuấn mấy bước, cũng sau một bụi dừa tàu, hiện ra lấp ló hai cái đầu của Mieng và Quế. Cả hai cùng nháy mắt làm hiệu cho Tuấn.

— Rồi, tao thấy rồi — Tuấn gật đầu đáp.

Chếch về phía trái gành đá nơi mấy dừa ngồi rình, sườn Đá Mù thoải dần xuống. Giữa biển và núi là một dải cát phẳng mịn. Bờ biển quảng này vốn hẻo lánh, từ hồi bọn Mỹ đóng quân trên Đá Mù, lại càng trở nên vắng vẻ hơn. Bốn năm bữa nay, Tuấn bắt gặp hai tên Mỹ ngày nào cũng ra đây tắm biển. Có hôm chúng ra khá sớm, từ lúc mặt trời vừa mọc, hình như chúng mới đi phục kích cả đêm ở đâu về. Tuấn đã làm quen được với chúng. Điều rất hấp dẫn là hai tên Mỹ này giữ một cây đại liên, Tuấn đem hàn với Mieng và Quế. Lần họp tổ mới đây, dừa nào cũng đã

giao ước thì đua mỗi tháng ít nhất phải diệt được một
thằng Mỹ và lấy được một thứ vũ khí của chúng. Ba đưa
liền cùng nhau "lên phương án tác chiến" — như mấy anh
chị trong ban chỉ huy xâ đội thường nói — và quyết định
hành động vào ngày hôm nay. Từ sáng sớm, cả ba đưa
chờ sẵn bên gành.

Hai tên Mỹ đặt cây đại liên xuống bãi cát, cởi bỏ áo
giáp, bỏ đồ kính và áo lót, vứt thành đồng vào tấm bạt trải
bên cạnh. Mỗi tên chỉ còn mặc độc một chiếc si-líp, lội ủa
xuống biển một cách khoái trá. Ba chú bé thông thả đi tới,
như những chú bé hàng ngày người ta vẫn gặp lang thang
trên bãi biển bắt nghêu hoặc đào còng. Thấy Tuấn, hai tên
Mỹ nhận ra người quen. Chúng vẫy tay vui vẻ. Ba chú bé
cùng giơ tay chào lại, nhảy ào ra vùng vẫy rồi biến mất
dưới nước. Mấy giây sau, ba cái đầu ướt đầm nhò lên ở
ngoài xa, trước sự thán phục của hai tên Mỹ. Các chú bé
nằm ngửa trên sóng nghĩ lấy hơi. Rồi thoát cái không
thấy các chú đầu nữa. Hai tên Mỹ im lặng hồi hộp theo dõi.
Chợt chúng cùng nhảy chồm lên cười hô hố vì bị ba chú
bé từ dưới nước bất ngờ xông vào thọc lét (1). Họ cứ tắm
táp và đùa giỡn với nhau như vậy có đến ba mươi phút,
trong làn nước xanh rợn mát, dưới ánh sáng mặt trời
chói lóa, vô tư. Vùng vẫy dưới nước chán, họ lên bãi
cát phơi nắng.

Hai tên Mỹ nằm úp sấp, chân tay xoãi ra thoải mái,
đầu nghiêng một bên. Ba chú bé ngồi xung quanh đấm nhẹ
trên lưng chúng. Chúng rên lên thích thú và mãn
nguyên như con heo lúc ăn no. Phút chốc chúng cảm thấy
có thể quên đi cuộc chiến tranh ở cái xứ sở khùng' khốc
này. Quãng bờ biển hẻo lánh, một góc nhỏ bình yên hiếm
hoi, một ốc đảo thần tiên vừa được khám phá! Trong tầm
mắt kẻ sát mĩ nước, chúng chỉ còn thấy mặt biển giáp gờn
một màu xanh vô tận, như thực như hư.

Thình lình, một cái gì đó đổ ụp xuống, mắt chúng
cay xé. Tất cả tối sầm lại. Chúng cố mở mắt mà không

sao mở ra được. Chỉ có nước mắt chảy giàn giụa, và mắt chúng mỗi lúc một cay xé lên dữ dội. Chuyện gì thế? Không thể hiểu nổi. Chúng rung mình một thoáng nghĩ tới sự xuất hiện của một thứ vũ khí bí ẩn mới của đối phương mà chúng là nạn nhân đầu tiên. Chúng quờ quạng cầu cứu ba chú bé. Ba chú bé đã biến mất. Chúng quờ quạng tìm khẩu đại liên. Khẩu đại liên cũng đã biến mất. Chúng cố sức hé mắt ra, và trong vầng sáng đỏ khé nhập nhòa, chúng thấy được lơ mờ hai chiếc thắt lưng. Chúng vội vàng vớ lấy.

Nhưng...

Một tiếng nổ, và tiếp theo một loạt tiếng nổ của ba bốn trái lựu đạn gần như chập nổ cùng lúc.

Ba chú bé đã chia làm hai cánh chạy thật xa. Mừng và Quế chạy ngược lên dọc sông Sa Kỳ. Quá lên trên đó một đoạn là bến đò xóm Gành. Hai đứa sẽ nhập vào đoàn người qua đò sang bên kia sông, đi chợ Sa. Tuân chạy về hướng gành đá. Vác khẩu đại liên nặng ề vai, Tuân dốc toàn bộ sức lực chạy thật nhanh khỏi quãng bờ cát trống trải mà bọn Mỹ trên Đá Mú có thể thấy được. Chạy đến quãng bờ biển lở nhỏ những tảng đá che khuất, nó mới dừng lại thở cùng lúc nghe thấy tiếng nổ ở chỗ hai tên Mỹ. Tuân ngoái cổ lại, nhìn rõ có vật gì đó văng tung lên từ trong đám khói lựu đạn. Chờ một lát, biết chắc là hai tên Mỹ đã chết, Tuân mới lườn lách giữa các tảng đá tiếp tục đi.

Hồi lâu, Tuân tới một chỗ không thể đi được nữa. Nơi đây, vách núi Đá Mú dựng đứng ngay sát bên biển. Biển chỗ này sâu. Tuân ngồi dựa vào một tảng đá nghỉ lấy sức. Ngắm nghía khẩu đại liên giây lát, rồi nó ôm súng lẻ làng nhoài người xuống biển, mắt hút dưới những lớp sóng miên man đập vào vách đá.

*
* *

Chỉ hơn một giờ sau, Tuân về đến xóm Mồ Côi. Trên đường về, vừa đi nó vừa chăm chú theo dõi động

tĩnh trên Đá Mú. Với kinh nghiệm riêng, nó cảm chắc rằng bọn Mỹ trên Đá Mú chưa hay biết gì chuyện hai tên Mỹ mới bị diệt hồi nãy. Không thấy chiếc trực thăng nào hạ xuống lối đó lấy xác. Một vài tiếng lựu đạn nổ có chi đáng để ý, giữa cái vùng đất bất cứ lúc nào cũng có thể nghe tiếng lựu đạn nổ khi thì của du kích, khi thì của bọn hải thuyền ngụy đi bo bo (1) thường dạo qua dạo lại trên cửa sông ném cá. Thêm nữa, cái tiếng bom nổ rầm trời ở xóm Bãi suốt từ sáng đã át hết cả.

Ở quãng đường gần lối rẽ sang xóm Gò và sang Châu Me, Tuấn gặp những vũng máu còn tươi. Bông băng thấm máu đỏ lôm vớt bừa bãi. Nhiều mảnh áo quần lính Mỹ bị xé tước dính trên những cây gai mắt mèo mọc đầy xung quanh. Tuấn lượm được một chiếc xẻng Mỹ — thứ xẻng ba tác dụng vừa làm xẻng vừa làm cuốc và cuốc chim mà anh bộ đội giải phóng nào cũng mê. Tuấn sắp đặt trong bụng: cái này để cho anh Đàm. Chắc anh ưng phải biết. Anh đang định tự khoét thêm một cái công sự mật nữa, để dễ cơ động.

Đi một khúc, Tuấn gặp một thằng bé cỡ tuổi thằng Bình, đang chăn bò. Thằng bé này người xóm Gành, Tuấn không quen.

— Mỹ chết hồi nào mà máu me từa lưá đó mày? —
Tuấn hỏi.

— Mới hồi sớm mai (2) đây chớ hồi nào.

— Máy thằng?

— Chết ba, bị thương hai.

— Mày thấy chớ? Hay cũng nghe họ nói lại?

— Tôi thấy rõ ràng. Tôi đi chăn bò sớm. Lúc đó tôi với con bò đứng bên gò Cẩm kia kìa, tôi thấy rõ mồn một.

Tuấn biết đây đích là chiến công của tổ du kích chị Yên. Chính thằng Mừng đã báo cho chị Yên biết cái ổ Mỹ này.

(1) Một loại tàu tuần tiểu của địch.

(2) Sớm mai.

Chúng thường ra đây phục, đã bắn chết bốn cán bộ của ta đi từ bên Châu Me sang. Thằng Mừng châu rày măn ăn được quá đi ! Cũng chính nó đề tạo thời cơ cho thằng Bính lấy lại lá cờ Đội, đã đánh lừa thằng đại đội trưởng Mỹ, dẫn hắn đi khai một thùng lựu đạn thối. Thằng đại đội trưởng Mỹ ngu xuẩn còn khen Mừng có tinh thần « cộng tác với quân đội Đồng minh ». Hôm Mừng kể chuyện đó trong buổi họp tổ, cả mấy đứa cùng cười đến tức bụng.

Có người đang băng đồng đi tới. Cái tướng đi ngó giống thằng Đầu như in. Đứng thằng Đầu rồi. Bữa nay có việc gì gấp mà nó không mang súng, mặc áo trắng đi hợp pháp như vậy kia ? Theo sau Đầu, cách một quãng xa, một người đàn bà dáng dong dong cao, đội nón lá, cắp cái rổ bên hông xằng xái bước.

Đầu tới, nhận ra Tuấn.

— Nghe đường đây qua Châu Me có Mỹ không mày, Tuấn ?

— Có. Đi coi chừng nghe mày.

— Ở đâu ?

— Nó phục chỗ đập Bà Mụ ⁽¹⁾ đó.

Đầu thôi gió cho Tuấn một thôi.

— Đừng có giỡn mày. Đề tao đưa ông nhà báo qua bên ⁽²⁾ viết bài tường thuật trận chống càn của quân dân Châu Me hôm rồi mày.

— Nhà báo nào ?

— Đó.

Đầu hất đầu ra hiệu về phía người đàn bà. Người này đã tới gần, đủ để cho Tuấn thấy đó không phải là một người đàn bà, mà là một người đàn ông có nước da trắng trẻo, mắt rất sáng. Ông ta mặc cái quần sa tanh đen lằng nhậy hơi ngắn, cái áo nỉn-phăng màu trắng sáo hơi chật,

(1) Một lối nói lái đề trêu chọc.

(2) Bên ấy.

ngó thiết ngộ. Hân có việc quan trọng gấp lắm đặng (1) mới phải mượn áo quần đàn bà cải trang che mắt bọn Đả Mú đi giữa ban ngày như vậy.

Tuân trở lại nghiêm chỉnh:

— Giỡn chút chớ đừng sá không có chi đâu mà. Có một tiểu đội hân phục ở đây hồi hôm bà Yên bà (2) hốt hồi sớm mới rồi.

— Vậy hả? Thôi để tao đi nghen!

— Ừ, đi.

Đi được mấy bước, Hầu ngoái lại:

— Bữa nào rảnh, ra trạm tao cho coi cái này mê lắm.

— Được, tao sẽ ra — Tuân nói với theo — tao cũng có cái này vui lắm! — lúc này Tuân mới sực nhớ là chưa báo cho Hầu cái tin quan trọng nhất: khẩu đại liên và hai tên Mỹ.

Với một sự thính nhạy đặc biệt, ngay từ lúc mới đặt chân tới xóm Mồ Côi, Tuân đã phán đoán rằng có điều gì khác thường trong xóm. Quả nhiên về đến nhà, nó thấy đen kịt bóng mũ sắt Mỹ bên sân ông Lờ. Tuân vội vàng chạy bỏ sang.

Trên mảnh sân đất lấm bụi, bọn Mỹ lố nhố quây thành vòng rộng. Có dăm người đàn bà ngồi tùm lại ở một góc, vẻ mặt hơi thẳng thốt. Tuân nhận ra đó là mấy bà trong xóm, chắc bữa nay mắc hạn việc chi không ra đồng hoặc không đi chợ được.

Giữa sân, thằng Bính đứng trôn trôn. Nó vẫn cõng con Yến trên lưng. Cặp mắt Bính mở giương, ngó thẳng tới trước, vượt qua đầu bọn Mỹ, nhắm vào một cái gì đó ở đằng xa. Cặp môi khô mím lại một cách cương quyết. Thỉnh thoảng Bính nuốt nước miếng. Con Yến quắp chặt lấy anh. Dường như cũng cảm biết được cái tình thế của

(1) Ông lý

(2) Bà lý

hai anh em, nó không khóc một tiếng, mái đầu hơi nép vào bên vai áo sê xuống của anh nó. Cặp mắt to đen cũng mở thao láo, lâu lâu lại chớp chớp và sau mỗi cái chớp, cặp mắt nó như lại càng đen và sáng hơn trước những bộ mặt dữ tợn của bọn Mỹ vây quanh.

Tiếng thẳng thông dịch viên nói giọng Huế cất lên ồm ồm :

— Em nhỏ, nghe anh dịch lại lời đại úy đây ! Đại úy hỏi, hẳn là em biết những người đánh rớt chiếc mũ này ? Chắc họ vừa mới ở đây và bây giờ đang trốn dưới các hầm bí mật quanh đây. Em biết những hầm đó chứ ?

Hắn giơ lên sát mặt Bính chiếc mũ tai bèo còn mới. «Chết cha thiệt» ! Tuấn thầm chép miệng. «Lại mấy ông du kích trong tổ bà Yên làm rớt đây». Chiếc mũ này vốn là của anh Trọng. Sau hôm anh Trọng về xóm Mồ Côi ít bữa, mấy ông du kích thấy thích quá, cứ cà rà đòi đòi cho bằng được.

Gã thông dịch viên dáng ốm nhách, bó sát trong bộ đồ trận, nom chẳng khác mấy thằng du đảng nghiện xì-ke thường đứng bán xì-ke cho bọn Mỹ bên hàng rào căn cứ Chũ Lai mà Tuấn đã có lần gặp. Cảnh hắn, tên sĩ quan Mỹ cao lớn, mặt đỏ au, mũi nhọn, mang kính trắng, đội chiếc mũ lưỡi trai — kiểu mũ có loại lưỡi trai xia ra trước đến non gang tay, nom rất vênh vác.

Bính vẫn im lặng. Nét mặt nó cũng không lộ một phản ứng gì. Điều đó càng làm cho tên sĩ quan tức tối. Hắn cau mặt, khoát tay nói với một tên lính Mỹ đứng cạnh. Tên lính vươn cẳng bước tới, dùng một tay xách con Yến dứt ra khỏi anh nó. Con bé ré lên, giãy giụa. Hai người đàn bà từ góc sân liền bật dậy lao đến gỡ lấy con Yến từ tay tên lính Mỹ và ôm chặt vào lòng. Tên lính đưa ngang cây súng gạt họ cùng với con Yến ra khỏi chỗ cũ.

Bây giờ chỉ còn mình Bính giữa sân. Chiếc áo cổ vuông rộng rinh may bằng vải dù cối ⁽¹⁾ đã xồm lông, hếch cả về

(1) Thù của pháo sáng bắn lên bằng súng cối.

phía sau, để lộ một mảng lưng rám nắng dâm dấp mồ hôi. Cái cổ nó nom càng thêm gầy guộc.

Tên sĩ quan lại bên Bính, cúi sát xuống, nói bằng tiếng Việt, giọng lơ lớ nhưng rất rõ :

— Em bé, nói đi, «Vi-xi» ở đâu ? Hầm ở đâu ?

Bính không đáp lại gì ngoài một cái lắc đầu khe khẽ — cái lắc đầu vừa có nghĩa là «không biết» mà cũng còn có nghĩa là : «biết, nhưng không nói». Trong đáy mắt nó phút ấy vụt bùng lên một tia sáng bí ẩn — nó vừa nhận ra Tuân.

Tên sĩ quan không kiên nhẫn hơn được nữa. Hắn ra lệnh bằng tiếng Mỹ cho tên lính ban nãy. Tên này đứng đối diện với Bính, chìa họng súng M16 vào ngực nó, lên đạn cái «rộp». Bính khẽ giật thột, nhưng cặp mắt không hề lộ một chút sợ hãi.

— Nói đi, bé con ! — giọng tên sĩ quan sắc lạnh.

Một khoảnh khắc im lặng ghê người. Những tên lính ở phía kia vòng tròn đứng tề về hai bên, mở ra một xa giới đằng sau chú bé sắp bị hành hình.

Đột nhiên, tên lính bước tới kẹp sát nòng M16 vào bên thái dương Bính xả một loạt. Những người đàn bà nhắm mắt lại trong tiếng nổ chát tai. Khi họ mở mắt ra, thấy thằng Bính vẫn đứng đó trơ trơ. Miệng Bính vẫn mím chặt, cặp mắt vẫn nhìn thẳng tới trước, ném vào mặt bọn Mỹ một cái nhìn ngang, ngạnh. Chỉ có đôi môi Bính khô hơn và hơi tái. trên vầng trán rám nắng lấm tấm mồ hôi.

— Nói ! Bé con !

Tên sĩ quan hét.

Vẫn im lặng.

Tên sĩ quan cúi tiết thực sự. Hắn quờ tay ra sau hông, rút một vật gì đó. Nghe một tiếng « tách » gọn khô. Trong tay hắn, một lưỡi dao sáng loáng nhọn hoắt vừa bật ra. Hắn hăm hăm gạt tên lính sang bên, đứng giăng chân, cúi xuống vén áo Bính lên, gi mũi dao vào sát rốn Bính.

— Nói mau !

Vừa như như mũi dao trên làn da bụng chú bé, hắn vừa nhìn xói vào cặp mắt nhỏ mở giương li lợm đối diện sát rạt với mình. Có một cái gì đó ở trong ấy, một cái gì mà hắn không sao hiểu được. Một cảm giác bất lực tuyệt vọng tràn ngập khắp người hắn, và chính cảm giác này đẩy lên cơn tức tối man rợ. Hắn thọc mũi dao vào làn da thịt non trẻ của đứa bé. Một dòng máu trào ra. Một tia máu nhỏ vọt mạnh vào mặt hắn.

VII

Ông Lờ ngừng tay cày. Đôi bò đứng thờ hững hờ. Dưới nắng trưa gay gắt, từng đám bụi bốc lên xoáy tít trong gió. Cánh đồng khô trắng, nhiều khoảng đất đã được bừa tơi như bột, chuẩn bị gieo. Sáu tháng liền không mưa, ngoài vùng đất cát trồng ngô phải tưới bằng từng gánh nước múc lên từ những cái giếng sâu hun hút, người ta chỉ trông vào mấy đám ruộng gieo này và ít vạt ruộng hiếm hoi cấy bằng nước núi nhĩ ra.

Vừa tháo ách tháo trạc (1) cho đôi bò, ông Lờ vừa vỗ về chúng bằng một giọng như chia sẻ lòng mình : « Cực lắm hỉ ? Thôi ráng hỉ ! Chút nữa anh mày nó đưa đi nó kiếm cho ít vạt cỏ non l.

« Anh mày », ấy là ông Lờ nói về Tuấn. Từ ngày đôi bò nhà Tuấn bị Mỹ giết trong vụ thảm sát bò, ông Lờ bảo với bà ngoại nó để ông giao đôi bò nhà ông cho nó với con Tư thay nhau chăn dắt, còn ông đảm nhận cày bừa hết ruộng của hai gia đình. Thực ra, ông và đôi bò nhờ ông không chỉ cày bừa ruộng cho hai gia đình, mà chỗ gần nữa xóm, vì cả xóm chỉ còn có ba đôi bò. Đôi bò nhà ông sợ dĩ thoát chết được là do hôm xảy ra vụ thảm sát, vết thương vì mảnh đạn cối trên mình chúng chưa lành, ông giữ chúng ở nhà.

(1) Thừng, chảo

Tuân đã ra đón bò, tay xách đôi lồng bịt.

— Ông coi kìa ông !

— Chi ? — ông già ngoảnh lại.

— B52 !

Hai ông cháu cùng ngược nhìn trời. Vòm trời xanh ngán ngát. Trên cao tít, ba chiếc B52 theo đội hình chữ A từ biên bay vào nhằm hướng những dãy núi xa phía tây, để lại đằng sau ba vệt khói trắng dài thướt.

Ông già nói :

— Máy bừa rày thứ này hẳn bay nhiều. Chắc mình đánh to trên nó.

Tuân chữa lại, vẽ am hiểu :

— Không phải vậy đâu ông. Hẳn rải bom trên đường dây chặn quân mình ngoài Bắc vô đó. Quân mình đang vô đông dūr lăm, có cả trổ , pháo.

— Vậy hả ? — giọng ông già lấp lửng, không ra thiệt, không ra giỡn — Sao mà biết ?

— Anh Cự, anh Trọng nói. Chớ mấy ảnh không nói với ông ?

— Không thấy nói. Chuyện hệ trọng vậy, họ nói tùm lum sao được.

— Mỗi ngày trung bình có một tiểu đoàn đi vô, ông à. Ông tính coi, cứ vậy thì một tháng có bao nhiêu sư đoàn ?

Ông già cười khà khà. Thằng nhỏ thiệt ngộ, cứ y như nó vừa ở trên Bộ Tổng tư lệnh mới về. Những điều Tuân nói, không phải ông chưa từng nghe, nhưng được nghe từ miệng Tuân nói ra bằng một giọng chắc nịch đầy tự tin như thế, ông cảm thấy phần chấn quá. Phần chấn bởi chính những tin tức ấy, mà cũng bởi một cái gì khác hơn, rất khó cắt nghĩa. Ông tự nhủ thầm trong ý nghĩ : « Sắp nhỏ bây giờ thiệt lạ, thiệt lạ... Nhìn vào chúng người ta hiểu rằng cái điều mọi người thường nói với nhau : Đời cha đánh Mỹ chưa xong thì đời con đời cháu đánh tiếp, chẳng phải là một điều nói suông ».



Ông Lờ vẫn chưa biết chuyện Tuân cùng Mừng và Quế đã diệt hai tên Mỹ và thu được khẩu đại liên bằng cách đánh riêng của chúng như thế nào. Về phần Tuân, với chiến công ấy, lúc đầu nó rất vui và có phần hãnh diện. Nó thường hình dung ra cái giờ phút sẽ cùng Mừng và Quế khiêng khẩu đại liên tới tặng xã đội. Thật là một giờ phút

sung sướng khôn tả ! Nó trù sẽ nhằm đúng dịp bữa nào xã
đội họp, vào thời điểm bất ngờ nhất, ba đứa khiêng khẩu
đại liên đến đặt trước cặp mắt ngạc nhiên trăm trở của tất
cả mọi người. Nhưng rồi ý định ấy bị Tuấn tự gạt đi tức
khắc ngay sau khi chính nó đã tận mắt chứng kiến tấm
gương dũng cảm của thằng Bính. Hình ảnh của Bính từ
đó đã choán hết tâm trí Tuấn. Vậy đó, thằng Bính mà xưa
nay Tuấn vẫn gặp hàng ngày hàng buổi, vẫn chơi với anh
em nó trong bao nhiêu trò chơi thú vị, và đôi khi cũng
còn ăn hiếp nó nữa chớ... Thằng Bính ấy gan góc vậy đó.
Máu vọt ra ở bụng. Nó không thém khóc lấy một tiếng.
Cũng không kêu rên, không la hét một tiếng. Mặt nó cứ
trừng trừng nhìn tụi Mỹ và té xỉu vì đau đớn. « Nếu mình
cũng rơi vào tình huống như Bính, mình có thể can đảm
được như nó không ? » Tuấn thốt nhiên tự hỏi. Và nó liền
tự trả lời : « Được ». Nhưng trong thâm tâm, nó cũng thừa
nhận rằng từ nay về sau nếu chẳng may có bị địch bắt và bị
chúng tra tấn, thì nó không thể không nhớ tới tấm gương
của Bính — một đứa trẻ nhỏ hơn nó những ba tuổi. « Tinh
thần cách mạng đâu có tính bằng tuổi ? » Ông Lờ chẳng đã
có lần nói với tụi nó như thế là gì ? Cái việc diệt được hai
tên Mỹ và lấy được khẩu đại liên nào có chi đặc biệt ?

Cho nên, buổi chiều kia, sau khi theo đoàn người khiêng
thằng Bính kéo lên Đá Mú đấu tranh bắt bọn Mỹ phải cấp
tốc chở đi cứu chữa, Tuấn trở về, nó chỉ tìm gặp chị Yên
và nói một câu đơn giản :

— Chị, đi với em lại đảng này chút.

Tuy chưa hiểu đầu đuôi ra sao, nhưng đoán chừng
được điều gì khang khác, chị Yên liền đi theo Tuấn. Tới
một nông cát, Tuấn bới khẩu đại liên lên.

— Tụi em kính xã đội.

— Chú cha, mấy đứa làm ăn xong ⁽¹⁾ quá ! Ở đâu vậy
mày, Tuấn ?

(1) Giải

— Chết thối ra lâu kỳ kéo ngâm nước mặn. Tui em lâu rồi mà sợ chưa hết.

Rồi không để chị Yên hỏi gì thêm, Tuấn lẳng lặng bỏ đi.

Hôm qua, Tuấn lên đường Cái Mối, vấp được một chiếc xe bọc thép Mỹ, xin chúng cho đi nhờ ra Chu Lai thăm Bình. Bình không chết. Lúc nó ngất xỉu té lăn, một bà trong xóm giặt phất ngay cái gói băng cá nhân đeo bên thắt lưng một tên lính Mỹ kịp thời băng cho nó. Ở Đá Mú, bọn Mỹ phải cho trực thăng đưa gấp nó ra Chu Lai. Vết thương nơi bụng nó nay đã liền miệng. Nó đã ăn được cơm. Nó chỉ còn kêu hai tai vẫn điếc đặc do mấy loạt súng M16 của tên lính Mỹ kẹp sát vào màng tang nó mà bắn.

— Hẳn đắp mồ thổ hân ở trên⁽²⁾ sao mà thả đồ xuống làm vậy này, Tuấn?

Ông già Lờì lẩm bầm, ngó theo chiếc cần câu bay của bọn Mỹ đang thả một khối gì rất nặng lủng lẳng giữa trời, lượn quanh căn cứ núi Rằm chuẩn bị thả xuống.

— Không phải đồ chi đâu ông. Hẳn câu thêm pháo tới đặt đó. Thằng núi Rằm này đang lắp thêm hai trận địa pháo nữa.

Ông Lờì vẫn một điệu thuốc to bằng ngón tay, châm lửa hút. Vàng trán dấm mồ hôi của ông già cau lại, khiến cho gương mặt một đời dầu dãi nắng sương lửa đạn càng trở nên khắc khổ. Nhưng cặp mắt ẩn dưới hàng lông mày rậm đã bạc thì lúc nào cũng sáng quắc, ánh lên những tia ngang ngạnh, cười cợt trước cuộc sống cứ mỗi ngày thêm nghiệt ngã. « Tao chấp, tao chấp mày đó ! Để coi mày còn giờ những trò gì nữa ?... » Cặp mắt ấy như nói vậy với cái thằng địch hung hãn và xảo quyệt đang lũng lộn. Đám ruộng mà ông vừa cày xong đây, có lần bị hai trái bom trộm rớt trúng. Hai trái bom cỡ bự, đảo thành hai cái đĩa sâu ngoáy đến chóng mặt, choán mất ba phần tư ruộng. Người làng ai cũng xót cho ông, đã nghèo, có một đám ruộng được

(2) Trên ấy.

cách mạng chia hồi giải phóng năm 64, lại bị Mỹ nó ngoạm mất trong nháy mắt. Ông ra ruộng đứng ngó một lúc rồi lẳng lẳng về kêu con Tư. Hai ông cháu hì hục san lấp suốt ngày này qua ngày khác. Những hôm có trăng thì làm cả đêm. Cứ thế cho tới khi đám ruộng dần bằng phẳng trở lại. Và rồi ở đây lại vang lên cái giọng 'vì, tá...' rất đặc biệt của ông điều khiển đôi bò; những tiếng 'chứ' kéo dài, những lời gặt gong âu yếm và những âm 'ta... tá...' rung lên giòn tan từng hồi vọng xa đến tận cuối cánh đồng. Tất cả như thách thức với trận cuồng phong man rợ và hỗn tạp của bom, pháo, máy bay, rốc-két, đại liên... gầm rú suốt ngày đêm trên bầu trời, dưới cánh đồng, trong làng, ngoài bãi biển...

— Giờ ta triển khai cách sao đây ông?

Ông Lờ ngẩng lên :

— Triển khai hừ? Vầy thôi, chia làm hai mũi, mày một mũi đi hướng xóm Gành, tao một mũi đi hướng Truong Dầu, được chưa?

— Dạ được.

Ông Lờ đứng dậy vác chiếc dao phát bỏ lên vai, lưng thưng đi về phía chân núi Đá Mú, nhằm hướng Truong Dầu.

Tuân gióng bò đi theo hướng ngược lại — hướng xóm Gành.

Hồi hôm, tổ công tác anh Đàm đi làm nhiệm vụ như thường lệ. Thường thường các anh trở về vào lúc mờ sáng. Nhưng bữa nay không thấy các anh về. Mọi người đều lạ. Có chuyện gì? Các anh bị thương chẳng? Hoặc có thể bị địch bắt? Hay là hy sinh rồi? Lúc sáng, trước khi đi cày ông Lờ đã bàn với Tuân chừng nào ông cày xong, Tuân ra đón bò, hai ông cháu sẽ chia nhau đi tìm các anh.

Tuân theo sau hai con bò dừng đỉnh bước trên lối mòn ven chân núi Đá Mú, mắt chăm chú nhìn lên các đám cỏ tranh um tùm mọc giữa những lớp rào kẽm gai chẳng chặt. Tại Tuân căng ra cổ phân biệt trong tiếng gió trúa ù ù thời

có xen lẫn tiếng gì như tiếng người rên chẳng? Nhưng tình không có dấu hiệu gì đặc biệt.

Tuân nghĩ nhiều đến tình huống các anh bị thương. Chớ không lẽ hy sinh hết ráo trọi cả ba người? Đâu có thể rủi ro quá quắt đến vậy? Còn tình huống bị bắt thì hầu như chắc chắn không xảy ra. Tuân đã theo dõi kỹ thằng Đá Mú và thằng núi Rằm, từ sáng tới giờ không thấy một chuyển trục thằng nào hạ xuống. Nếu bắt được người của ta, bao giờ chúng cũng cho trục thằng chớ đi ngay.

Rà hết nửa vòng chân núi Đá Mú, Tuân giơng bò trở lại cho chúng ăn trên một bãi cỏ gần con đường qua xóm Gành. Cỏ ở đây non hơn ở những nơi khác.

Buổi trưa bỗng dưng có được chốc lát yên ắng. Không bom, không pháo. Chỉ có tiếng trục thằng lạch phạch đâu đó thật xa. Tuân ngồi trên tảng đá, lòng chột lan man liên tưởng về một buổi trưa nào đó trong tuổi thơ của cái thuở còn bình yên. Nhưng tuổi thơ của Tuân thực ra nào có được một ngày gọi là bình yên? Đành rằng hồi ấy chưa có bom pháo tùm lum mù mịt, hồi ấy Tuân cũng có những buổi trưa buổi chiều chạy nhảy ngoài đồng thả diều, đánh đáo, nhưng quả là chưa có được ngày nào bình yên thật sự. Đó chỉ là những chuỗi ngày tháng lo sợ triền miên. Thuở ấy tuy Tuân còn bé, rất bé, nhưng cũng đã sớm cảm thấy hết được cái tai họa luôn luôn treo lơ lửng trên ngôi nhà thấp nhỏ của bà ngoại, vách trước có gắn cái bảng đen, đề chữ « nhà cộng sản »...

Từ phía xóm Gành, một người đi đến.

Đó là một cô bé cũng trạc tuổi Tuân. Cô đội chiếc mũ nan trắng rộng vành, mặc bộ đồ ka-tê trắng có những chấm hoa tím. Không hiểu vì trời nắng quá hay sắc diện của cô bé vốn như vậy, mà cả gương mặt cô hồng lên rực rỡ dưới vành mũ nan trắng muốt, có quai bằng dải ruy-băng sa tanh đỏ. Chiếc quai mũ lảng mịn ôm sát lấy khuôn mặt trái xoan và thắt thành nút hình bướm rất khéo dưới cái cằm thon thon. Tuân nhìn thấy cô từ xa, ngay khi cô vừa xuất

hiện trên đầu dốc xóm Gành. Tuấn nhìn cô như bị cuốn hút, phần vì tò mò phần cũng vì một nguyên cớ mà chính chú bé chưa thể tự cắt nghĩa được.

Cô bé lúng túng dừng lại trước dãy hố bom tọa độ mà bọn máy bay B-57 mới thả hồi tối qua làm sai lạc cả đường đi. Cô ngược mắt nhìn Tuấn như cầu cứu. Cặp mắt của cô khiến Tuấn, vốn là một chú bé hay tỏ ra khe khắt với đám con gái, cũng chợt thấy bối rối. Mặc dầu cái vẻ ngoài hoàn toàn có dáng dấp thành thị, ở cô vẫn toát ra một cái gì trong trẻo và thuần phác của những miền quê nghèo cực.

Lặng thinh một vài giây, cô bé mới đáp ứng hỏi:

— Không biết cái lối rẽ về xóm Gò ở đâu?

— Đi vòng qua cái hố bom phía tay trái đó.

Cô bé lúnh quính bước trên những tảng đất sét lồi nhòn quật lên từ dãy hố bom vung vãi trên mặt đất. Nhưng cô đi được mấy bước, thì Tuấn gọi giật lại:

— Mà Mỹ hẳn ở xóm Gò, về chi đó?

Lúc nửa buổi, Tuấn gặp Quế. Quế báo tin bọn Mỹ ở núi Rằm nong xuống xóm Gò, không hiểu định giở trò gì. Nghe Tuấn nói, cô bé đứng sững, nét mặt thoáng lo lắng. Cô rụt rè:

— Hẳn cần lâu chưa?

— Mới thôi. Hẳn ở núi Rằm nong xuống, chớ cần gọng chi đâu.

— Chừ ở đây đi xóm Bãi có tiện không?

— Gần xít. Đi phía tay mặt, xuôi hết triền, qua cái lạch nước kia, băng qua cánh đồng, vượt qua dãy cồn cát là ngó thấy xóm Bãi.

Cô bé mừng rỡ, đi theo hướng Tuấn chỉ. Tuấn nhìn theo cô cho tới khi cái bóng dáng nhỏ nhắn mảnh mai chỉ còn là một chấm sáng linh động dần khuất phía bên kia cồn cát.

Hiện thời thì chú bé Tuấn của chúng ta chưa thể ngờ được rằng nhiều sự tình cò về sau — những sự tình cò

lúc nào cũng ăn chứa trong cuộc sống và làm cho cuộc sống thêm phong phú — sẽ gần bỏ đời chú với con người vừa thoáng gặp kia. Rồi ra, cái chằm sáng lạ lùng vừa khuất phía bên kia cồn cát sẽ cứ luôn luôn hiện lên lung linh giữa vòm trời kỳ ảo của tâm hồn tuổi trẻ, rồi ra chú sẽ luôn luôn nhớ lại cái buổi trưa này như nhớ lại một khoảnh khắc tuyệt diệu không bao giờ lặp lại của cuộc đời.

Nhưng tất cả những điều đó đều là chuyện về sau. Còn bây giờ thì chú bé Tuấn của chúng ta chỉ làm bầm một mình : « Hân cần lâu chưa ? » — chú nhại theo giọng cô bé, và thắc mắc : người thành thị họ thường nói theo kiểu nói của bọn địch, gọi các cuộc cần quét là đi hành quân, chứ đâu có nói tiếng cần ?

*
* *

Ba người ngồi ăn cơm trước miêng hầm, dưới bóng chiều nhập nhoạng. Giờ này bọn Mỹ hay giờ trò tập kích pháo, nên các gia đình chẳng ai dám ngồi ăn cơm ra miêng hầm. Cùng một lúc, chúng cho hàng trăm khẩu pháo từ hàng chục cứ điểm trong vùng, dẽ-pa một loạt, bắn vào cùng một chỗ nào đấy mà chúng muốn gây khủng khiếp. Kiểu tập kích pháo bất ngờ có tính chất hủy diệt dễ « tát » dân như vậy chúng tiến hành đã nửa năm nay, và xem ra ngày càng làm ráo riết hơn. Mọi người đều ăn một cách uể oải.

Bà ngoại rầu rĩ hỏi Tuấn :

— Chớ con rà kỹ chưa ?

— Rà, đi rà lại miết cả buổi chiều, không thấy tăm hơi chi hết. Ông Lôi đi canh Trùng Dấu, cũng chẳng thấy chi.

— Hôm qua trước khi đi, anh Đàm có dặn gì con không ? — dì Nhuận hỏi.

— Con không thấy anh dặn chi.

Tuân biết là và đi lo cho các anh lính. Tuân cũng lo không kém. Trong gia đình, đã có biết bao lần những anh bộ đội ăn ở tại nhà rồi ra đi công tác, ít ngày sau thì được tin các anh đã hy sinh.

Tuân buồn đưa đứng dậy.

— Sao ăn ít vậy con?

— Con no rồi.

— À, con Tư hồi chiều nó kiếm con, nó gặp con chưa?

— Dạ chưa. Có chuyện chi không dì?

— Nó dặn đi biểu con tối nay qua Xóm Mới họp.

— Dạ.

Tuân xách cái xẻng Mỹ ra phía chuồng bò. Nó lấy bùn trộn rơm mà nó và Tư đã nhào sẵn hồi sáng, đắp dày thêm cho bức tường đất bao quanh chuồng bò. Xong việc, Tuân vội sang xóm Mới.

... Ở cuộc họp ra, Tuân hào hứng hẳn lên. Duy chỉ có một điều khiến Tuân chưa hoàn toàn vui là tính chất nhiệm vụ vừa được giao. Tuân, Mừng, Quế sẽ làm nhiệm vụ thu hút địch. Một nhiệm vụ thử yếu chăng? Nhưng rồi Tuân lại vui lên ngay, bởi nó nhớ có lần đã nghe thấy anh Đàm nói với anh Cư và anh Trọng: «Trọng chiến đấu những người làm nhiệm vụ thu hút địch tạo điều kiện cho đồng đội tiêu diệt chúng phải là những người có tinh thần quả cảm và mưu trí đặc biệt...» Hóa ra lâu nay Tư thỉnh thoảng lại sang An Vĩnh là do cái công chuyện này đây! Bà nó im im vậy mà gớm thiệt!

Về đến nhà, Tuân thấy có mấy anh bộ đội ngồi trên sân. Thoạt ngó qua, suýt nữa Tuân reo to vì ngỡ tờ công tác anh Đàm đã về. Nhưng lại gần, Tuân lại xù thất vọng. Toàn người lạ. Mấy anh chắc mới xuống rừng Hồng lần đầu; đang chỉ trở ánh đèn điện của bọn Mỹ trên đá Mù nói thì thăm gò với nhau. Có một anh mang cái hộp to sau lưng đựng trong túi vải hạt, giống ư cái máy thông tin mười lăm oát. Hồi cơ quan tiền phương của tỉnh đội

về đóng ở xóm Mồ Côi, Tuấn đã được coi tận mắt cái máy thông tin mười lăm oát, có hai người quay, và Tuấn đã nhiều lần ngồi vào quay giùm.

Trong lều có một người khách đang ngồi nói chuyện với bà ngoại và dì Nhuần. Ánh đèn leo heo hắt bên khuôn mặt rúm rắng có cái cằm hơi bạnh của ông. Tưởng ai, hóa ra bác Hai Căn phó bí thư tỉnh ủy, một người gần như ruột thịt của gia đình. Năm 1954, bác được trên phân công ở lại hoạt động cách mạng miền Nam. Bác giả đồ cứ đi tập kết như mọi người, nhưng vào đến Đức Phổ thì bí mật đi thuyền quay ngược ra, đổ bộ lên xóm Gành, về ở nhà ông Tào. Sau đó ít lâu, bác qua ở nhà bà ngoại Tuấn. Chính căn hầm bí mật đầu tiên bà ngoại với dì Nhuần khoét là để nuôi bác Hai Căn. «Ông này mà về vùng Đông, chắc lại sắp có chuyện chi ghê xóm lăm đây». Tuấn thầm nghĩ, và nó liên hệ ngay tới nhiệm vụ chị Kha vừa giao cho. Nó tự hào hết sức vì cảm thấy công việc mình sắp làm nằm trong một qui mô chiến đấu rộng lớn mà đầu óc nhỏ bé của nó không hình dung hết được. Hèn chi mà chị Kha cứ nhấn đi nhấn lại: «Đây là một mục tiêu mà trên rất quan tâm. Diệt được bọn này, sẽ có tác động mạnh, vì chúng là sinh lực cao cấp. Trên rất tin ở Đội ta...»

Tuấn định vào chào bác Hai Căn nhưng thấy ông đang mãi nói chuyện với bà và dì, nên chỉ đứng ngoài. Bác Hai đang gật đầu cười cười nghe bà nói. Giọng bà có vẻ nghiêm:

— Nè, Hai, bay là tỉnh ủy cho nên tao lại càng phải phê bình gắt. Nghe nói tụi bay ở trên núi có hồi làm nhà tuốt trên đông núi cao, bắt cần vụ bưng cơm bưng nước lên hàng mấy trăm bậc có phải không? Có vậy không? Vậy là không được đâu hử. Xa dân là chết lập tức đó hử!

Bác Hai Căn tròn mắt nhìn dì Nhuần:

— Trời! Bà già làm dữ quá tã! Chuyến này thì tụi tao tróc đầu hết thôi Nhuần.

Rồi bác hạ giọng nói nghiêm trang:

— Cô Nhuần à, cái đó mới chính là cái phúc lớn cho

đất nước mình đó. Ủ, thử hỏi có mấy Đảng có được dân như dân mình, mà cũng có dân nào có được Đảng như Đảng mình? Đó là chỗ thằng Mỹ nó vất óc nó cũng không tài nào hiểu nổi, tất cả những thằng phản động khác cũng không tài nào hiểu nổi, anh em bầu bạn trên thế giới người ta cũng chưa hiểu hết được, mà ngay chính mình, mình cũng chưa chắc gì đã thấm thía hết...

Ngừng một lát, bác hỏi :

— Sao, tình hình xóm Bãi Đồn chưa cô? Mười hai gia đình chạy qua An Kỳ về được mấy rồi?

— Dạ, về được chín.

— Còn ba gia đình kia sao chưa về?

— Họ chạy đi xa quá anh à, vô tuốt trong Cà Ná.

— Hầm hồ sửa sang cả lại rồi chứ?

— Dạ, sửa hết. Xóm Bãi bà con có ghe (1), đưa ghe lên thị xã mua cống «bi» về làm hầm mau lắm.

— Nó sẽ tăng cường bom pháo dữ hơn nữa đó.

Quay sang bà ngoại, bác Hai Căn hỏi :

— Thím, nghe nói thím thường qua xóm Bãi đội bom giùm, được bao nhiêu trái rồi thím?

Bà ngoại mồm mím cười, hỏi lòng hỏi dạ. «Chà, không có chuyện chi của dân mà mấy thằng tỉnh ủy hấn không biết».

Bác Hai Căn chợt hỏi :

— Đứa nào như thằng Tuân đứng đó, hử?

— Tuân bước vào chào :

— Trình bác!

— Vô đây, vô đây! Bác có nghe thành tích của bay rồi. Bác đang chờ để được ký bằng dũng sĩ diệt Mỹ cho tui bay đây. Hân mần vài tháng nữa, hử?

(1) Thuyền.



— Dạ, ráng chớ !

— À, chút thôi qu... khuấy, mất. Ghé vô đây thăm
thím với cô Nhuận cũng là để báo cái tin hấp dẫn này
đây. Thăng Lượng ra tới Hà Nội rồi.

Bà ngoại Tuấn chưa tin hẳn :

— 'Thiệt không, hay là bay phỉnh (1) tao ? Sao đi mau dữ vậy ? Nghe nói phải đi mất ba tháng kia ma ?

— Chắc ra tới trạm ngoài gặp chuyển xe. Đây, Tuấn đọc cái này cho bà ngoại nghe, kẻo bà lại biếu bác phỉnh bà.

Bác Hai Căn mở nắp lấy ra mảnh giấy po-luya có ghi bản dịch từ mật mã một bức điện. Tuấn ghé lại bên đèn, đọc : *« Đoàn thiếu niên dũng sĩ Quảng Ngãi đã tới Hà Nội ngày... tháng... »*

Bà ngoại và dì Nhuần cùng thở phào sung sướng. Tuấn reo :

— Vậy là anh Hai tới Hà Nội rồi. Trông quá trời !

Ngoài cửa lều, một cái bóng mũ tai bèo nho nhỏ xuất hiện :

— Trình bác Hai, tr đi chớ bác ?

Bác Hai Căn ngó cở ra : « Đầu đó hử ? Ừ, ta đi thôi cháu ». Lật đặt đứng dậy chào bà và dì Nhuần, bác khom người chui ra khỏi mái lều thấp. Tuấn lón ra trước giật giật cánh tay Đầu :

— Nè, cho tao cái nớ đi.

— Đầu có được !

Bữa nọ, y lời Đầu hẹn, Tuấn tới trạm K03 để Đầu « cho coi cái này rất hay ». Cái đó thật hay quá sức, Tuấn coi mê luôn, cứ theo Đầu leo đèo xin hoài. Đó là một bức tranh sơn, màu sắc đẹp tuyệt, kể chuyện một anh hùng lái máy bay chiến đấu. Người anh hùng ấy hồi nhỏ cũng là một chú bé chần bò như Tuấn. Bức tranh mới gửi từ miền Bắc vào, cả trạm K03 chỉ có một tờ, anh trạm trưởng tặng cho Đầu sau một chuyến đưa khách khẩn cấp vượt nhiều tuyến dịch tới nơi an toàn.

(1) Dối, lừa.

Tuân lại giật giật cánh tay Đầu :

— Đồi hử ? Hai băng các-bin hử ?

Cái khoản dạn các-bin xem chừng khó làm ngo nổi.

Đầu nói :

— Ừ, để tao nghĩ đã. Thôi, tao đi.

Quay sang mấy anh cảnh vệ của tỉnh ủy, Đầu nói :

— Tôi đi trước, có chuyện chỉ tôi nỗ sủng, các anh đưa bác Hai trở lui nghen !

Rồi quay gót xăm xăm đi trước. Mấy anh cảnh vệ giục nhau : « Bám ngay cho kịp kéo ông tướng này đi nhanh khiếp lắm ». Cén bộ, bộ đội lên xuống qua lại vùng Đông không một ai không biết Đầu. Phần vì trong ngành giao bưu, Đầu ít tuổi hơn cả, càng thì ngắn mà đi nhanh người lớn theo hết hơi cũng không kịp. Phần nữa là do cái tài nhớ đường của Đầu. Ở vùng Đông, đường như bàn cờ, con đường nào cũng giống con đường nào, hàng trăm ngã ba ngã tư giống nhau như in, đi lạc một chút là đụng đầu cứ diêm dịch. Nhưng Đầu thì chưa hề bao giờ đưa khách đi nhầm đường.

Trong thoáng chốc, cả đoàn người theo Đầu mất hút trong đêm.

Tuân đứng một mình trên sân, đang chặc lưỡi tiếc rẻ vì lại quên chưa báo với Đầu cái tin sốt dẻo rằng Hai Lượng đã tới Hà Nội, thì ngay lúc ấy nghe tiếng bà ngoại kêu nó giật giọng như có đám cháy. Tiếng gọi không phải phát ra từ trong lều nhà nó mà từ phía hẻm cô Ái.

Họ nhích tới từng tắc một, từng tắc một.

Đám bò sau cùng. Anh phải bò giật lùi để chôn lại những trái mìn mà Cur đã moi lên đặt cẩn thận sang hai bên, vuốt lại những lá cỏ bị em, và tháo những chốt chống cho hàng rào kẽm gai bung trở lại trạng thái ban đầu.

thường như cũ. Thật là một công việc kỳ khu, tỉ mỉ, cả đối với người bò trước mở lối và người bò sau lấp lối. Sơ sót một tí là mất mạng ngay lập tức. Và điều nghiêm trọng hơn, đau xót tức tối hơn là làm lộ mọi ý định tối mật, đồ xuống sông xuống biển tất cả bao công phu chuẩn bị mấy tháng ròng rã không phải chỉ của riêng tổ Đàm mà còn của nhiều tổ khác, của hàng bao nhiêu con người. Cái công việc kỳ khu tỉ mỉ ấy, họ lại phải tiến hành trong một trạng thái gần như kiệt sức sau một ngày một đêm nằm kẹt trong căn cứ địch, ăn toàn đồ hộp và khát nước muốn phát điên.

Gay go hơn nữa, Trọng lại lên cơn sốt rét.

Họ cứ nhích tới, nhích tới. Bao giờ, bao giờ mới ra hết mười bốn lớp rào với những tuyến mìn dây đặc đủ loại? Quên thời gian đi. Phải quên thời gian đi, không được nghĩ ngợi gì khác. Toàn bộ trí não dồn xuống hai bàn tay, dành cho chúng sự tinh nhạy và minh mẫn tốt đỉnh, chống lại cái cảm giác tê dại lúc nào cũng chập chờn xâm chiếm cơ thể, để có thể phát hiện những sợi dây mìn nhất, những chấu mìn nhỏ nhoi chỉ hơi nhu như một cách hiểm độc.

Vậy mà khi họ luồn ra được khỏi hàng rào ngoài cùng thì cũng mới quá nửa đêm. Mặc dầu mệt ghê gớm, nhưng Đàm vẫn cố kéo Cư cùng dìu Trọng lết qua cánh đồng tới một đám gò mả mới dám ngồi nghỉ. Cả ba cùng nằm thiu, bất động, đầu gối lên những ngôi mộ. Hai hàm răng Trọng va vào nhau cầm cập. Cả ba đều ở trần, chỉ mặc độc một chiếc quần đùi và đội chiếc mũ trùm có dây buộc ôm sát lấy mái tóc. Trong sự trần trụi ấy, cơn sốt rét của Trọng càng trở nên ác liệt.

Mặt đất và bầu trời chốc chốc lại nhoáng lên những ánh chớp của đạn pháo. Dọc sông Sa Kỳ, hai tốp trực thăng vũ trang rơi đèn bắn đạo, đều đặn như mọi đêm, cần mẫn chẳng kém gì mấy ông già đi soi cá. Trên cao vô tận, vòm trời đêm vùng đông thắm thắm tím, chỉ chít sọc, vằn kỳ ảo như tất cả bao giờ.

Có tiếng chân người bước thềm thịch ở gần. Đàm nghển đầu nhìn. Mấy bóng người lưng cong hẳn xuống bởi cúi gao nặng trĩu, lấm lũi bước vội về hướng đường Cái Mới. Chắc bộ đội hoặc thanh niên xung phong xuống cấy gao hồi chập tối, giờ hồi hả quay lên cho kịp vượt đường số 1 trước sáng. Vậy là hành lang đêm nay vẫn thông. Sa Kỳ đêm nay chắc không có Mỹ nằm lại trong xóm. Nhưng vốn tính thận trọng — sự thận trọng mà bất cứ người lính trinh sát đặc công nào cũng không thể thiếu — Đàm ngồi hẳn dậy, lớn tiếng hỏi:

— Các đồng chí ở đâu lên đó?

— Xóm Mồ Côi! — một người trong bọn vừa bước đi gấp gáp vừa trả lời.

— Tình hình có gì không?

— Xóm Mồ Côi thì không có gì, nhưng xóm Bãi, Xóm Gò có Mỹ.

— Đông không?

— Không rõ. Chỉ nghe đồng bào nói có Mỹ. Bọn ở xóm Bãi, nó mới đổ xuống lúc chiều bốn tàu.

Người vừa nói xốc mạnh cúi gao trên lưng, lúp xúp chạy bám theo cho kịp đồng đội.

Thằng Đá Mú bắn lên một trái đèn sáng bằng súng cối. Chiếc đèn treo lơ lửng được dăm ba phút, rồi kêu xèo xèo rớt xuống ở đâu đó. Mặt đất tối bùng vài giây. Chúng bắn tiếp một trái khác, đều đặn và tẻ nhạt. Chúng thấy được những gì ở dưới mặt đất này, với cái ánh sáng chập chờn ấy?

Đàm và Cư xốc Trọng dậy, đi về xóm Mồ Côi. Đã nắm được tình hình, họ yên tâm đi thông thả.

Đằng sau họ, có hai người tắt bật đi tới. Người đi trước dáng thấp nhỏ nhưng bước rất nhanh, một quãng lại đứng chờ người đi sau và giục:

— Mau lên chị, chớ không, lỡ không kịp bà em la chết.

— Mệt thấy mồ, Tuấn ơi. Từ tối tới giờ, chị phải đi cấp cứu hai ca. Chết mất một ca. Chết tức quá đi. Chỉ tại cái bệnh chủ quan.

— Bị pháo hỡ chị?

— Pháo đầu. Bọn « biệt lập ». Chúng nó lội qua sông cướp bò bần người. Chỉ tại mấy người chủ quan, nhắc hoài cũng không chịu bố phong chi hết. Nhà em có bò liệu mà giữ, bọn « biệt lập » châu rày phát triển cái ngón tập kích cướp bò ban đêm lắm đó nghen.

— Trông cho bọn « biệt lập » rúc đầu vô chuồng bò nhà em thử.

— Cha! Làm tàng dũ quá ca!

— Mau lên chị, chớ không kéo trễ mát. Bà em biểu: « Con Ái nó dễ dẽ như gà, nó dễ đến nơi rồi, mà y không ỏi giới lên qua xóm Gành mà kêu con Quyên sang đây dẽ một mình tao làm sao xoay trở ».

Người con gái ngựa cồ cười hợ hợ.

Họ đã đi kịp ba anh bộ đội. Người có dáng thấp nhỏ, hỏi:

— Ai đó?

Đàm ngoảnh lại. Giọng anh thều thào vì quá mệt và khát nước:

— Tuấn phải không?

— Tuấn đây, anh Đàm hử? Trời! Anh Cự, anh Trọng nữa nè. Còn sống nhần hết. Tưởng mấy ông tiêu luôn rồi chớ. Hôm qua tới giờ ngoại em rên rầm suốt, lo cho các anh đứng ngồi không yên à.

— Ở nhà vẫn thường chứ? Thăng Bính ra sao?

— Em vừa mới ra thăm nó. Mập dũ! Ăn toàn đồ Mỹ mà. Chắc ít bữa nữa về được. Nó nhắc các anh miết. Thôi, các anh mệt, đi rài rài về sau hử? Em đưa chị Quyên về gấp, đỡ dẽ cho cô Ái.

Khi Đàm, Cư, Trọng lễ bước về đến chiếc xe bọc thép nhà ông Lờ, thì cũng vừa lúc nghe từ phía hẻm chị Á vang ra tiếng trẻ con oa oa khóc. Cái đứa bé vừa chào đời khóc mới to làm sao chứ !

Tiếng mấy người đàn bà nhộn nhạo :

— Cái thằng hay cái con ?

— Quân sự hay chính trị ?

— Quân sự ! Quân sự ! Chao, cái thằng quân giải phóng con la chi dữ vậy mà ?

Tiếng một cô gái :

— Mấy bà lạc hậu quá sức. Bộ mấy bà cho là con gái không đi làm quân sự được hử ?

Pháo các cứ điểm Mỹ vẫn bắn chùng chùng chỗ này chỗ nọ. Thỉnh thoảng, có trái xoẹt ngang đầu, nổ chát chúa ngay giữa xóm.

HẾT TẬP I

**TÁI BẢN CỦA
NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG**

Biên tập : LÊ CẬN
Trình bày : NGUYỄN PHÚ KIM
Sửa bản in : BÙI ĐỨC LIỄN

In 50.000 cuốn khổ 12 X 21 tại Nhà máy In Tổng hợp
Thành phố Hồ Chí Minh. Số XB : 1.727/XBNT.GP ngày
15-7-1981. In xong tháng 10-1981. Nộp lưu chiều tháng 10-81

VIII

Lượng quyết định một mình tự đi thăm Hà Nội không nhờ ai hướng dẫn. Kề ra thì cũng có một người hướng dẫn đấy, đó là tấm bản đồ thành phố mà anh Đàm tặng hôm hai anh em chia tay nhau ở trạm K02. Lúc ấy anh Đàm trao cho Lượng phong thư gửi về gia đình anh và dặn :

— Nhà anh rất dễ tìm. Cả Hà Nội ai cũng biết Cửa Nam, mà ở Cửa Nam, ai cũng biết phố Phùng Hưng, cái phố chạy cặp theo đường xe lửa. Đường xe lửa này rất dễ nhận, nó xây bằng đá cao như bức thành, trên có hàng lan can sắt. Em cứ hỏi thăm đến Cửa Nam, rồi theo... À, nhưng mà thế này tiện hơn, lại rất thú vị nữa... (Anh lục túi dết lấy ra một tờ giấy cứng gấp tư). Đây là một tấm bản đồ Hà Nội, một vật kỷ niệm từ ngày bé của anh, không hiểu thế nào nó lại nằm trong ba-lô cùng anh vượt Trường Sơn vào tận đây. Nhiều lúc nhớ Hà Nội anh lại mở bản đồ ra xem cho đỡ buồn và lan man đi dạo bằng tưởng tượng trên những đường phố cũ. Hồi anh lên chín lên mười gì đó, có một hôm anh tha thân đứng chơi ở vỉa hè trước nhà, và bỗng nghĩ : «Ta phải đi chu du thành phố một chuyến chứ nhỉ? Mà phải đi theo cách của một nhà quân sự kia». Thế là ngay chủ nhật tuần đó, anh đem mấy hào nhin ăn quà sáng để dành được tới hiệu sách Nhân dân mua một tấm bản đồ Hà Nội. Việc đầu tiên là xác định trên bản đồ vị trí phố mình ở, nhà mình, cái chỗ mình đứng, rồi bắt đầu đi. Đấy, hồi bé anh thế đấy. Chóng thật, thấm thoát đã mười mấy năm. Em hãy thử làm một

chuyến chu du Hà Nội theo cách đó xem. Cũng có ích đấy. Nếu ta đi theo một người khác dẫn đường, ta dễ ỷ lại và ít nhớ đường. Nếu tự mình căn cứ vào bản đồ mà đi, chỉ cần đi một lượt là lần sau em có thể nhớ như in hầu hết các phố...

Một buổi sáng chủ nhật, không lâu sau ngày Lượng tới Hà Nội, Lượng xin phép bác trưởng trực của trạm đón tiếp... ra phố mua ít bì thư, rồi nhân đó bắt đầu thực hiện ý định của mình.

Lượng mở bản đồ, xác định vị trí xuất phát. Rồi chọn một nơi làm đích. Không cần suy nghĩ nhiều, Lượng nhắm ngay cái đích mà nó đã thăm ao ước đến từ lâu: quảng trường Ba Đình.

Thoạt tiên, Lượng hơi bối rối trước những đường phố giống nhau, những dãy nhà giống nhau. Nhưng dần dà, cứ mỗi bước, sức hấp dẫn của cái thú quan sát và tìm tòi càng khiến Lượng hào hứng. «Ta đang đi trên phố Kim Mã. Một quãng nữa sẽ gặp bến xe Kim Mã». Lượng phán đoán thế và lát sau nó rất khoái khi thấy quả thật mình đã gặp bến xe Kim Mã.

Trên bến, rất đông người mang xách, đùm túi những đồ, những túi, những làn, đang ngồi dưới gốc cây. Trước mặt cái phòng bán vé bằng gỗ sơn xanh, hai hàng người sóng đôi nhẵn nài đứng chờ. Nổi trội đằng sau họ, trên mặt đất rác rưởi là hai hàng những vật linh tinh khác nhau: một nửa viên gạch, một cục đá, một chiếc nón rách... dùng để xí chỗ.

Lượng đến bên một thằng bé trạc tuổi nó, chiếc mũ rơm trật xuống sau gáy, đứng dưới gốc cây bàng, bên cạnh có chiếc tay nải cũ đựng đầy cái gì đấy, có lẽ là gạo hoặc bột mì.

— Bến xe này là bến xe Kim Mã phải không bạn? —
Lượng rút rè hỏi, để kiểm tra lại phán đoán của mình.

— Phải đấy, đây là bến xe Kim Mã.

Thằng bé đáp và chăm chú nhìn Lượng một lượt.

suốt từ đầu tới chân với thiện cảm rõ rệt. Lượng hiểu nguyên do của cái abin ấy, đó là tại bộ đồng phục chiến sĩ quân giải phóng và chiếc mũ tai bèo của Lượng.

— Bến xe này đi đâu vậy bạn ?

Lượng hỏi thêm vì muốn biết cái nơi mà những chiếc xe cũ kỹ kia sẽ đưa thằng bé này tới.

— Đi Sơn Tây.

Cái địa danh mới lạ ấy lại kích thích trí tò mò của Lượng. Nó cố nhớ xem trong bản đồ có ghi không, nhưng không nhớ ra. Lượng toan hỏi : « Sơn Tây ở hướng nào của thành phố ? » nhưng thấy hỏi nhiều kỳ quá nên thôi.

— Cậu cũng đi Sơn Tây à ?

— Không, tôi hỏi cho biết.

— Nhà mình ở Hà Nội, phố Hàng Bột ấy, chứ không phải ở Sơn Tây — thằng bé tâm sự một cách cởi mở — Sơn Tây là chỗ sơ tán. Mình với hai đứa em mình. Nhà mình chưa chuyển được sồ gạo nên tháng nào mình cũng về đây mang gạo và hột mì lên.

Nói chuyện với thằng bé một lát. Lượng hiểu được thế nào là sơ tán. Từ hôm ở trong Nam ra tới đây, Lượng nghe mọi người nói nhiều đến hai tiếng ấy nhưng chưa thực hiểu. Thằng bé còn kể rất say sưa chuyện hồi năm ngoái ba anh em nó đi xem bọn giặc lái Mỹ bị 'ấn giải lốc nhốc hàng đàn hàng lũ trên đường phố Hà Nội. Câu chuyện nghe sảng bụng quá. Lượng muốn đứng nghe mãi, nhưng sức nhớ tới « chương trình » của mình còn dài, nó chào thằng bé rồi tiếp tục đi.

« Đường phố cắt ngang kia hẳn là phố Lê Trục ». Lượng nhìn một đoạn đường phố cắt ngang trước mặt và phán đoán. Một tấm biển sơn màu xanh đậm gắn trên góc tường. Lượng bước dần tới và vui thích đọc rõ hàng chữ trắng : « Phố Lê Trục ». Đây là một phố nhỏ và hơi hẻo lánh. Bên hè phố, cắm một chiếc bảng gỗ mang dòng chữ viết bằng sơn đỏ : « Buổi trưa ngày 19 tháng 5 năm 1967, quân dân thủ đô Hà Nội đã hạ một máy bay phản lực Mỹ rơi tan



xác và bốc cháy trên đường phố này». Lượng ngậy người ngấm kỹ đoạn phố. Trên vỉa hè và trên tường nhà, còn ám những mảng khói đen, dấu tích của chiếc máy bay cháy. Đối với Lượng, máy bay Mỹ bị bắn cháy không phải là việc mới lạ. Lượng đã tận mắt nhìn thấy du kích Sa Kỳ bắn rơi năm chiếc máy bay Mỹ, cả trực thăng lẫn phản lực ném bom, chiếc rơi trên cồn cát, chiếc rơi giữa cánh đồng,

chiếc rơi ngoài gành biển. Nhưng giờ đây, được thấy dấu tích còn nóng hổi máy bay Mỹ cháy ngay trên đường phố thủ đô này, lòng nó bỗng nôn nao một nỗi gì khó tả. Tự nhiên, Lượng không còn cái cảm giác bơ ngỡ ban đầu nữa. Thủ đô Hà Nội cũng là nơi hàng ngày diễn ra các trận đánh quyết liệt giữa ta với Mỹ như ở Sa Kỳ của Lượng, chỉ khác là ở đây không có địch dưới mặt đất, và súng của đảng mình thì rất nhiều. Trên mái bằng của những ngôi nhà cao tầng đều đặt các ụ súng máy, nòng súng hiên ngang chìa lên bên cạnh bóng mũ sắt của các anh các chị tự vệ nom như tạc vào nền trời trong xanh.

Lượng đã đi hết phố Ông Ích Khiêm. Đường phố chợt thoáng rộng, bầu trời trên đầu không còn bị che khuất bởi hai dãy nhà mà mở ra khoáng đạt. Đây là nơi gặp nhau của nhiều đường phố lớn. Một cảm giác khác thường lan khắp người Lượng. Nó đứng sững. Bao la và thoáng đãng quá. Quảng trường Ba Đình đây chăng?

Lượng đến bên một bác công nhân già đang xách ô-doa tưới cho những cụm hoa trồng thẳng thớm ven rìa một bãi cỏ bằng phẳng.

— Thưa bác...

Bác công nhân già ngừng tay, ngoảnh lại.

— Thưa bác, đây có phải quảng trường Ba Đình không ạ?

— Phải đấy, chính đây là quảng trường Ba Đình cháu ạ — bác nhìn Lượng tròng trĩnh — à, bác biết rồi, cháu ở trong B mới ra phải không?

— Dạ, cháu mới ra.

— Bác cũng có thằng con lớn đi B năm ngoái. Chắc cháu chả biết nó được đâu nhỉ, hàng vạn người đi ấy mà.

— Dạ, trên đường ra, chúng cháu gặp quân ta đang vô đông lắm.

— Cháu ít tuổi vậy mà đi bộ được từ trong ấy ra, thật giỏi quá.

— Nhiều bạn còn nhỏ hơn cháu kia. Ka được nửa đường, chúng cháu gặp được đoàn xe cũng đỡ vất vả. Thưa bác..

— Gì cơ cháu ?

— Nhà Bác Hồ ở đâu ạ ? — như sợ không được phép, Lượng nói thêm — Bác chỉ cho cháu được thấy nhà Bác Hồ một chút, cháu đừng ngoài cổng cháu ngó vô thôi.

Bác công nhân già cười thông cảm, chỉ tay về phía ngôi nhà lớn ở cuối quảng trường mé bên trái.

— Kìa, cháu tới đằng kia. Nhưng ngôi nhà lớn mà cháu thấy đó chỉ là nơi Bác Hồ tiếp đại biểu các địa phương và khách quốc tế. Còn nơi Bác Hồ ở và làm việc là một ngôi nhà nhỏ nằm khuất sâu trong vườn.

— Thưa bác. có phải nhà sàn không ạ ?

— Phải. Sao cháu biết ?

— Cháu thường được nghe các chú cán bộ tỉnh về ở nhà bà ngoại cháu kể vậy.

Lượng chào bác công nhân già rồi vội vã đi qua quảng trường rộng lớn, tới trước một cái cổng. Qua những khoảng trống thưa thưa của cánh cổng sơn xanh, đôi mắt bỗng chôn của chú bé Sa Kỳ vừa vượt qua hàng ngàn cây gỗ dom đạn nhận ra ngay cái thềm đá cao có rất nhiều bậc. Cái thềm đá kia rất quen thuộc đối với chú, mặc dầu đây là giây phút đầu tiên chú được tận mắt nhìn thấy. Cách đây đã lâu, một đêm, chị Kha kêu Lượng và mấy đứa nữa xuống hầm Chị mở chiếc thùng đại liên, cần mẫn lấy ra một tấm ảnh màu mà chị vừa xin được của một anh bộ đội chủ lực quê ở miền Bắc mới vào. Chị khoe mãi mới xin được, bởi trong ảnh có cả hình cô bạn hồi nhỏ của anh, tặng anh làm kỷ niệm mang đi chiến trường. Khi chị Kha đưa tấm ảnh tới bên ngọn đèn dầu nhỏ, tất cả đều reo cùng một tiếng: «Bác Hồ ! Bác Hồ ! ». Trong ảnh, Bác Hồ tươi cười, dang hai tay đón một đoàn thiếu nhi quàng khăn đỏ như bầy chim bay ủa tới trên cái thềm đá nhiều bậc, quây quẩn quanh Bác. Những đứa

bé vùng Sa Kỳ sinh ra trong đau khổ và quật cường, lớn lên trong lửa đạn, gương mặt vút trở nên rạng rỡ, mắt nhìn vào các bạn nhỏ cùng lứa tuổi trong ánh, miệng hít hà: «Sướng hỉ! Xã hội chủ nghĩa hỉ!» Từ đấy cứ mỗi lần nghe nhắc tới miền Bắc xã hội chủ nghĩa là tự nhiên Lượng thấy hiện lên trước mắt mình hình ảnh Bác Hồ đang tay đón các cháu thiếu nhi chạy ùa đến với Bác trên thềm.

Lượng không ngờ giờ đây chú đang đứng trước cái bậc thềm kia. Chú cũng không ngờ, chỉ mấy ngày sau, một hạnh phúc lớn hơn gấp bội lại đến với chú.

*
* *

Cũng trong buổi sáng ấy, ở Sa Kỳ, Tuấn dậy sớm. Đêm qua nó chẳng ngủ được bao nhiêu. Dì Nhuận đi họp. Bà ngoại qua giúp cô Ái và thường ngủ luôn với cô.

Bọn Mỹ bắn pháo suốt đêm. Tuấn nằm dưới hầm, giồng tai đếm tiếng pháo đê-pa và tiếng pháo nổ coi thử có trái nào lép, ngày mai chỉ thằng Binh đi lượm.

Chừng hơn mười giờ khuya, một trái pháo nổ ngay bên hông hầm. Rồi Tuấn nghe ở trên có tiếng người ợ ợ khác thường. Tuấn nhào lên. Dưới ánh pháo sáng chớp chờn, Tuấn thấy một anh bộ đội công một gùi gạo dựa vào bờ đất trước cửa hầm, đầu ngoẹo về một bên. Từ cổ anh, nơi mảnh pháo lia ngang như nhát chém, máu trào ra ướt đầm cả ngực áo bà ba đen. Tuấn nắm tay anh lay lay. Anh đã chết. Không rõ anh ngồi đây đã lâu hay chỉ mới tấp vào định nhảy xuống hầm nhưng không kịp? Gùi gạo vẫn còn mắc cứng sau lưng anh. Tuấn phóng vội sang kêu ông Lờ. Chỉ có mình ông ở nhà. Ông Lờ tính đi kêu thêm vài người nữa, nhưng rồi sực nhớ những người khỏe mạnh trong xóm đêm nay đều đi dân công hết cả. Ông Lờ vừa đi mấy đêm liền, công đạn cối vượt đường số 1 và đường Cái Mới, đuôi mấy quả cối cà trầy lưng đau quá nên đêm nay ông nghỉ.

Hai ông cháu loay hoay mãi mới gỡ được cái gùi gạo

nặng trịch ra khỏi lưng anh bộ đội, đặt anh nằm trên tấm ván mỏng trước cửa hầm. Anh mặc chiếc quần xà lỏn đã vá hai ba miếng. Chiếc quần bà ba đen, anh phủ trên gùi gạo, Tuấn sờ thấy âm ẩm. Hắn anh mới giặt hồi chập tối, đem phủ lên gùi gạo tranh thủ hong gió đi đường cho khô. Các anh bộ đội đi công gạo thường hong áo quần kiểu như vậy. Ông Lờ mặc quần cho anh. Tuấn mở gùi. Trong gùi, bên trên khối gạo dòn chặt trong một lớp bao ni-lông buộc túm lại, chỉ có một chiếc vớng ka-ki sờn cũ, một chiếc bi-đông, mấy cây mì chay và mấy lon cá hộp. Mì chay và cá hộp chắc anh mua về bồi dưỡng cho anh em đau ở đơn vị trên núi. Trên ấy cực lắm. Ngoài mấy thứ đó, anh chẳng có gì khác, giấy tờ cũng không bọc theo trong người. Hai ông cháu chẳng biết tên tuổi anh thế nào, quê quán anh ở đâu. Ông Lờ vuốt mắt cho anh, vuốt lại mái tóc xanh, dày, lâu ngày chưa hết, bị dính bụi đất do trái đạn pháo hất lên. Ông cúi xuống dòm kỹ mặt anh để tìm những dấu vết đặc biệt đáng nhớ. Ông chỉ cho Tuấn coi một vết sẹo dài chừng lòng tay nơi mang tang bên trái, chỗ đó tóc không mọc được, chỉ có một mảng da láng bóng, giống những vết sẹo do mụn nhọt, chốc đầu thuở nhỏ. Ông nhắc Tuấn :

— Con coi kỹ đây. Rủi mai một ông có bị pháo Mỹ nó lượm, thì còn có con biết, con nhớ, chừng nào anh em đơn vị về tìm thì con tả kỹ lại cho anh em hay, lần hồi rồi cũng xác minh được tên tuổi quê quán, sau này thống nhất, gia đình anh ngoài đó biết chỗ mà vô thăm, nghe không con?

— Dạ.

Tuấn nhìn kỹ vết sẹo, nhìn kỹ gương mặt anh. Gương mặt anh gầy, chắc anh bị sốt rét nhiều, nhưng nom sáng sủa, thông minh, dễ ưa quá chừng.

Đêm chuyển dần về sáng. Hắn đêm nay khó hy vọng có người của đơn vị anh quay lại. Anh em đi trước, đã gùi nặng lại lo hồi hã vượt đường cho kịp trước sáng nên không phát hiện ra có người rớt lại. Phải chôn anh đêm nay, vì đề sáng mai Mỹ lợi vô xóm sẽ gây chuyện lôi thôi.

Chờ cho ngọt pháo, hai ông cháu đặt anh vào vòng, khiêng anh ra đồng. Ông Lờ thì cao, Tuân thì thấp, nên khiêng anh đi khá vất vả. Với một chiếc cuốc ba tác dụng của Mỹ, hai ông cháu hồi hải đào cho anh cái huyết cũng không đến nổi quá nông. Ông Lờ dùng luôn chiếc vòng ka-ki của anh để liếm anh. Trong nhà cũng chẳng còn thứ gì hơn.

Chờn anh xong trở về, Tuân mệt quá nằm lịm trong chiếc xe bọc thép của ông Lờ cho tới lúc mở bừng mắt ngồi bật dậy. Nó hốt hoảng tưởng mình đã ngủ quên. Nhưng trời vẫn còn mờ mờ tối. Ông Lờ có lẽ suốt đêm không ngủ. Tuân dậy, đã thấy ông ngồi hút thuốc trong sân xe; rá khoai luộc để bên cạnh, ông không đụng một củ. Từ thì hồi hôm ngủ luôn bên chị Kha và sáng nay sẽ cùng đi với chị theo như phương án đã vạch. Không hiểu ông Lờ có biết việc Từ sẽ làm ngày hôm nay không? Tuân có ý chờ coi ông có hỏi chỉ đến Từ thì tìm lời nói tránh nói trợ giúp Từ, cũng không thấy ông hỏi. Có lẽ Từ đã bịa ra một cố gì đó rồi, hoặc giả Từ đã nói thật hết với ông, và ông cũng cứ làm bộ như không biết để giữ gìn bí mật cho sắp nhỏ.

Ăn vội vàng mấy củ khoai rồi Tuân tới điểm hẹn. Mừng và Quế đã chờ ở đó. Họ cùng nhau xuống bến đò xóm Gành đi sang chợ Sa.

*
* *

Rời quảng trường Ba Đình, Lượng tìm đến phố Phùng Hưng. Dọc đường có một lần báo động, Lượng phải nhảy xuống cái hố cả nhân bên vỉa hè. Từ chiếc loa phóng thanh gần đó vang lên giọng nói đĩnh đạc, uyên chuyên của chỉ huy phát thanh viên từng lúc từng lúc báo cho mọi người biết máy bay địch còn cách thủ đô bao nhiêu cây số. Rồi tiếng pháo cao xạ của ta cất lên, tiếng rít của máy bay địch, tiếng bom nổ. Lượng ngó cõ lên. Trên khoảng trời cao tít lộ ra giữa hai bờ cây xanh um, Lượng kịp thấy được một chiếc «Con ma» đang vút qua, những chớp đạn

cao xạ nổ tóe sáng liên tiếp xung quanh nó. Một anh công an mặc quần áo vàng đội mũ sắt tới nhắc Lượng đẩy nắp hầm kéo nguy hiểm. Anh giúp Lượng nâng chiếc nắp bằng xi-măng che miệng hầm. Nhưng chú bé không thể kìm lòng không theo dõi trận đánh máy bay hào hứng mà chú chưa từng thấy, nên chỉ che già nửa miệng hầm để cổ nhô người lên coi tiếp. Mảnh đạn cao xạ rơi lác cắc trên mái hiên, trên hè phố. Đường phố vắng tanh, chỉ thỉnh thoảng có một chiếc mô-tô của công an hoặc ô-tô của bộ đội phóng đi như bay. Có cả một tốp xe bọc thép gắn pháo cao xạ cỡ nhỏ, chắc là một đơn vị di chuyển trận địa khẩn cấp.

Trận đánh diễn ra chừng hai mươi phút. Khi còi báo yên nổi lên, đường phố rào rào như một tổ ong không lồ. Ngày chủ nhật, nên nhiều người ở nơi sơ tán tranh thủ về Hà Nội để lo những việc cần thiết cho đời sống, hoặc có khi chỉ là về chơi một chút cho đỡ nhớ cái không khí thủ đô. Đường phố chen chúc xe đạp, phần lớn trên xe người nào cũng lĩnh kính đủ thứ: túi gạo, mớ rau, chai nước mắm, bó củi... Ai cũng có một chiếc mũ rơm rộng vành bên rất khéo, đội đầu hoặc đeo trật dưới lưng, hoặc choàng trước ghi đông xe đạp. Giữa cái náo nhiệt xô bồ sau lúc báo yên, tiếng loa truyền thanh lại vang lên báo tin sốt dẻo kết quả trận đánh ban này : *Quân dân thủ đô đánh giỏi thắng lớn, theo tin đầu tiên, bắn rơi hai máy bay Mỹ, bắn bị thương nhiều chiếc...* Tại chiếc bảng đen dựng nơi đầu phố, một chị tự vệ mang bảng đỏ dùng những viên phấn màu, xóa đi con số máy bay Mỹ bị bắn rơi trước đó và điền vào con số mới.

Theo bản đồ mà đi, chẳng bao lâu Lượng đã tìm được đường phố và số nhà anh Đàm ghi trên bì thư. Đó là một ngôi nhà hai tầng cũ kỹ, nước vôi vàng nhạt đã ố nhiều mảng. Qua chiếc cổng có cánh cửa gỗ, Lượng bước vào mảnh sân nhỏ tráng xi-măng đã tróc lở lung tung, lộ ra nền đất ướt át. Thấy Lượng, một người đàn bà đang ngồi giặt ở vòi nước nơi góc sân cất tiếng hỏi :

— Cháu tìm nhà ai ?

— Dạ thưa dì, cháu tìm nhà bà Hà Châu.

Người đàn bà đứng dậy ân cần dẫn Lượng tới một cái cửa bên trong có cầu thang :

— Cháu lên hết cầu thang này, sẽ gặp ba căn phòng. Cháu gõ cửa căn phòng phía tay trái. Bác Hà Châu ở đó.

Lên hết cầu thang, Lượng gặp ba căn phòng cửa đều đóng kín. Trên cánh cửa phòng nào cũng treo một cuốn sớ nhỏ; có buộc kèm một màu bút chì. Lượng rút rè gõ cửa căn phòng bên trái. Một người đàn bà ra mở cửa. Bà trạc ngoài bốn mươi, gương mặt phúc hậu, trên tay đang cầm một cuốn sách hình như đang đọc dở.

— Cháu hỏi ai ?

— Thưa bác, đây có phải nhà bà Hà Châu ?

— Phải đấy, cháu ạ. Có việc gì thế cháu ? Mời cháu vào trong này.

Lượng bước vào. Dường cảm thấy chú bé xa lạ vừa tới, với bộ quân phục chiến sĩ quân giải phóng, chính là người đem lại những tin tức mà mình ngày đêm mong đợi, bà Hà Châu đặt tay lên vai Lượng thân mật:

— Cháu ở trong kia mới ra ?

— Dạ thưa, cháu ở trông ⁽¹⁾ mới ra. Anh Đàm nhờ cháu đem thư này...

Bà Hà Châu kêu lên:

— Có phải cháu là cháu Tuấn ?

Lượng móc túi lấy phong thư của anh Đàm trao cho bà, đáp:

— Dạ thưa không phải, Tuấn là em cháu.

— Như vậy cháu là Lượng ?

— Dạ phải.

Bà Hà Châu đón lấy bức thư, những ngón tay bà run run vì xúc động. Bà nhìn lướt nhanh qua mấy hàng chữ

(1) Trong ấy.

quen thuộc của con trai để trên phong bì, rồi nhìn Lượng, bàn tay bà bóp mạnh vai Lượng lắc lắc mãi:

— À, thế ra cháu là Lượng đấy. Bác nghe Đàm viết thư kể về cháu và Tuấn lâu rồi.

Mãi lúc này bà mới sức nhớ chưa mời Lượng ngồi. Bà kéo Lượng tới bên cửa sổ, nơi kê bộ bàn ghế bằng trúc nhỏ gọn, xinh xắn. Bà rót nước cho Lượng uống, đoạn mở thư con trai ra đọc. Không rõ thư anh con trai bà viết những gì mà bà khi thì chớp chớp mắt như muốn khóc, khi thì bật cười khe khẽ và chặc lưỡi: « Chà, cái thằng!... Cái thằng... ».

Trong lúc bà Hà Châu đọc thư, Lượng đưa mắt ngăm nhìn căn phòng. Đồ đạc chỉ có một chiếc giường đôi, một chiếc giường cá nhân kê sát bức tường, đối diện nhau. Một chiếc tủ gỗ mộc kê dựa lưng vào bức tường chính giữa. Tất cả đều đơn giản. Phòng chật, đồ đạc choán gần hết, chỉ còn chừa lại mấy lối đi, nhiều thứ linh tinh phải nhét xuống gầm giường nhưng rất ngăn nắp. Ở góc phòng, gần cái cửa sổ thứ hai, có một chiếc bàn nhỏ trên xếp những chồng sách ngay ngắn, một số nằm ngang, một số đứng đứng xen kẽ nom rất trang nhã. Dưới gầm bàn có nhiều bó sách được bó lại cẩn thận. Trên tường treo một tấm ảnh nhỏ. Trong ảnh là một cô bé chừng ba tuổi, có đôi má bầu bĩnh, nét mặt khôi ngô phẳng phất giống nét mặt anh Đàm.

Bà Hà Châu đứng dậy, nghiêng người qua cửa sổ gọi xuống nhà dưới:

— Minh Hiền ơi! Minh Hiền! Hiền có nhà không đấy?

Một tiếng « ủa, có ạ » trong trẻo từ dưới vẳng lên.

— Hiền lên đây, có quà trong B gửi ra đây này.

« Thế ạ? Thế ạ? Ôi!... » Cái tiếng trong trẻo dưới kia lại cất lên cuống quýt. Rồi nghe có tiếng dép gỗ hốt hã trên cầu thang. Một người con gái trạc hai mươi tuổi hấp tấp bước vào phòng. Hai má chị hồng rục lên vì chạy quá nhanh, bàn tay chặn lấy ngực như muốn kìm bớt sự nóng nóng đang trào lên. Chị gật đầu chào Lượng và cặp mắt

bình sáng khi bà Hà Châu rút từ trong bì thư của anh Đàm gửi bà ra đưa cho chị một phong thư nhỏ hơn bỏ kèm trong đó. Chị nhận ra ngay chiếc phong bì với tấm cỡ quen thuộc, loại phong bì do chính tay chị làm cho anh hàng mấy chục cái theo tấm cỡ xinh nhỏ mà anh ưa thích, đưa anh đem theo và quy ước với anh chỉ gửi thư cho chị bằng loại phong bì này thôi.

Minh Hiền như người con trong nhà, chạy lại lục trong hộc bàn nơi góc phòng lấy ra một chiếc kéo nhỏ. Chị khéo léo cắt mép phong bì chứ không xé, rồi mới trân trọng lấy thư ra đọc.

Bà Hà Châu hỏi Lượng :

— Ai đưa cháu đến đây thế ?

— Thưa, cháu đi một mình.

— Đi một mình ? Trời ơi, cháu ở trong ấy mới ra, làm thế nào cháu đi một mình giữa thành phố này mà không bị lạc ?

Lượng ngượng ngập kể cho bà hay mình đã đi theo cách chỉ dẫn của anh Đàm như thế nào. Bà Hà Châu vừa nghe được nửa chừng đã cười rữ, và cặp mắt bà long lanh ướt. Bà nhớ lại hình ảnh chú bé Đàm thuở nhỏ, nhớ lại cái lần chú một mình đi ngao du trong thành phố rộng lớn với tấm bản đồ trong tay — « theo cách của một nhà quân sự », như lời chú thú nhận với mẹ lúc trở về. Bà nhớ lại cả từ khi Đàm còn rất nhỏ, ngồi trong thúng cho mẹ gánh chạy tản cư. Thấm thoát mới đó mà đã mấy chục năm, qua bao nhiêu biến cố dồn dập của đất nước và gia đình, đưa con trai duy nhất, giọt máu thiêng liêng duy nhất của người chồng hy sinh hồi đầu kháng chiến chống Pháp để lại cho bà nay đã thành một chiến sĩ dạn dày trong thử thách. Bà biết Đàm đang chiến đấu ở một chiến trường ác liệt lắm, nhiệm vụ của Đàm là một nhiệm vụ đầy nguy hiểm. Mặc dù Đàm chưa bao giờ hé lộ về hoàn cảnh công tác của mình, nhưng trái tim sáng suốt của người mẹ đã giúp bà thấu hiểu tất cả. Trong những bức thư gửi về,

Đàm rất ít nói về bản thân, phần lớn chỉ kể chuyện đồng đội và chuyện các anh được bà con trong ấy thương yêu đùm bọc, bảo vệ ra sao. Nhiều đêm bà lo đến thất ruột và bàng hoàng cả người khi chợt nghĩ đến sự thê xấu nhất có thể xảy ra. Nhưng rồi bà lại nghĩ : không, đâu phải chỉ riêng Đàm của mình ! Còn biết bao thanh niên khác nữa cũng đang vào sinh ra tử như Đàm. Thậm chí có cả những cháu còn rất nhỏ, như Tuấn như Lượng mà Đàm hay kể trong thư ấy, đã sớm bước vào chiến đấu. Mà đã chiến đấu thì...

Giờ đây, nhìn chú bé Lượng ngồi trước mặt, bà cảm thấy chú thân thiết ruột rà biết chừng nào. Cái tình cảm tự nhiên ấy đã nảy nở và ấp ủ trong lòng bà từ trước cuộc gặp mặt này nhiều. Bà nói với Lượng :

— Từ nay cháu hãy coi đây là gia đình của cháu, Lượng nhé.

Chị Minh Hiền tới ngồi bên Lượng :

— Làng em là làng Sa Kỳ phải không ? Đó là một cửa biển vô cùng đẹp, phải không nào. Tuy chưa gặp nhưng chị biết về em và Tuấn lâu rồi. Chị không ngờ được gặp em ở ngoài này, ngay tại Hà Nội. Anh Đàm viết thư thường bảo rằng bao giờ đánh Mỹ xong, thống nhất đất nước, việc đầu tiên của anh là đưa mẹ anh và chị vào thăm Sa Kỳ, thăm gia đình em. Chị còn biết cả xóm Gành, xóm Bãi, xóm Mồ Côi nữa cơ.

Và chị khe khẽ đọc :

Sa Kỳ của tôi, Sa Kỳ của tôi

Xóm Gành, xóm Bãi, xóm Mồ Côi...

Lượng lúng túng, bởi không biết bộc lộ tình cảm của mình như thế nào. Một tình cảm mới mẻ đang nảy nở trong tâm hồn chú. Chú không ngờ cái mảnh đất Sa Kỳ thân thương của mình lại gắn bó đến thế với cả những con người ở cách xa nó hàng ngàn cây số, chỉ nghe tên nó và hình dung nó trong tưởng tượng. Và chú bé lần đầu tiên xa quê, lần đầu tiên sống ở thành phố hoàn toàn

không có cảm giác mình ngồi ở một gia đình xa lạ giữa những con người xa lạ.

Lượng bối rối trước những câu hỏi dồn dập của bà Hà Châu và chị Minh Hiền. Cả hai người đều muốn cùng một lúc biết thật tỉ mỉ tất cả những gì về cuộc sống của anh Đàm hiện nay, về vùng Sa Kỳ, về cuộc sống của bà con trong ấy, về từng người trong gia đình Lượng, bà ngoại, mẹ, dì Thuận, thằng Tuấn...

Lượng kể, lòng bồi hồi nhớ về Sa Kỳ. Hơn một tháng qua, ai còn, ai mất? Địch có tàn lớn không? Nó có xúc dân không? Các bạn trong tổ có lập được chiến công nào mới?...
*
* *

Chợ Sa họp ngay cạnh con đường rải đá nối từ thị xã xuống. Con đường tận cùng ở chân núi An Vĩnh, một trái núi thấp, đỉnh bằng phẳng, nằm đơn độc ở cuối vịnh An Kỳ, cái vịnh biển tĩnh lặng có bờ cát mịn cong cong chạy dài.

Tuân, Mừng, Quế tách ra đi ba chuyến đồ khác nhau. Họ diện thật bảnh, quần tét-gan, áo kẻ sọc, nón mút trắng hoặc màu da cam, như những chú bé vùng quê lên tỉnh thăm bà con. Lên khỏi bến đò, từng người đi lần vào cái chợ đông nghịt những người và hàng quán. Năm sáu dãy nhà tôn vẫn không đủ chỗ, người ta bày hàng la liệt trên bãi sỏi xung quanh. Hàng hóa loạn thiên không thiếu một thứ gì, toàn nhãn hiệu Mỹ, Nhật, Tây Đức. Thậm chí cả gạo cũng là gạo Mỹ mua của Thái Lan chở qua. Có cả hai dãy quán bán toàn hàng tuần từ trong kho hậu cần của quân đội Mỹ và Nam Triều Tiên ra: từng đồng dây dù, vải dù, ba-lô dù, áo mưa, vải bạt, thuốc chống muỗi, chống vắt, ký ninh bọc đường... Các bà mẹ ở vùng giải phóng hoặc vùng tranh chấp có còn thoát ly tham gia cách mạng cứ việc nhờ người tới hoặc đích thân tới đây mua sắm chuẩn bị cho chúng lên đường: hai mét rưỡi ni-lông vông, mười mét dây dù, một miếng vải dù làm tám đắp, một miếng bạt may gùi, một đôi dép cao su...

Len lối trong chợ, Tuấn đề ý tìm Tư và chị Kha. Lát sau, Tuấn nhận ra Tư đang cầm một rổ đầy chanh, những trái chanh tươi như vừa hái trên cây xuống. Còn chị Kha thì ngồi trong một quán may áo quần, đang trò chuyện với chị chủ quán bên chiếc máy may.

Tuấn rút tay vào túi quần, kiểm tra lại mấy ống xì-ke. Tuần trước, Tuấn đã dẫn Mìng và Quế ra Chu Lai mua xì-ke và quan sát cái cung cách mấy thằng con nít dụ dỗ đứng bán xì-ke cho bọn lính Mỹ. Nhiệm vụ trong trận đánh hôm nay cần phải đóng vai trò như vậy.

Mặt trời lên cao. Nắng mỗi lúc một gắt.

Có tiếng động cơ gầm gừ đằng xa. Rồi trên đường cái xuất hiện một đoàn xe. Đi đầu và đi cuối là hai chiếc xe bọc thép chở đầy lính Mỹ. Đi giữa là một chiếc xe sơn màu cà-phê sữa bóng loáng, giống loại xe hàng chở khách cỡ vừa nhưng sang trọng hơn nhiều. Tuấn chắc lười: « Trúng ý ! » Tình hình địch xuất hiện hoàn toàn đúng như chị Kha đã nói trước, hôm họp tổ vạch phương án tác chiến. Đây chắc hẳn là công phu theo dõi điều tra lâu nay của Tư, và có lẽ của nhiều người khác nữa mà chỉ riêng chị Kha biết.

Từ trong chợ ủa ra một đám trẻ con chạy theo đoàn xe. Tuấn, Tư, Mìng, Quế lạnh lẽo hòa lẫn ngay vào đám trẻ ấy. Chúng tranh nhau chạy trước để bán được nhiều hàng cho lính Mỹ. Hàng của chúng phần lớn là trái cây tươi, thứ mà bọn Mỹ rất ưa.

Đoàn xe dừng lại dưới chân núi An Vĩnh. Bọn lính Mỹ trên hai chiếc xe bọc thép nhảy xuống trước. Chúng để lại hai tốp gác xe, còn thì rải quanh chân núi. Từ trên chiếc xe màu cà-phê sữa, mười hai tên Mỹ mặc đồ dân sự bước xuống. Nom chúng như một đoàn khách du lịch đi thăm cảnh đẹp. Với sự hướng dẫn của một tên sĩ quan, chúng theo con đường mòn đã dọn sạch, leo lên núi. Đã nhiều ngày nay, chúng kéo đến nghiên cứu gì đó trên đỉnh núi ấy — nơi vốn đã có một trung đội Mỹ đóng chốt.

Lũ trẻ bu theo bọn « khách du lịch », nhưng bị tụi lính

xua trở lại. Chúng bèn quây lấy những tên tính gác. Bọn này cũng không hào hứng mua bán gì lắm. Nhưng khi Tuấn, bằng một cử chỉ có vẻ « rành nghề » đã học lỏm được của bọn trẻ ngoài Chu Lai, hé lộ cho chúng thấy « món hàng đặc biệt » thì mặt mày bộ dạng chúng đổi khác liền. Thằng nào cũng hau háu như mèo thấy mỡ. Họ đã kịp nháy mắt phân công cho nhau, Tuấn lôi kéo một tốp, Mừng lôi kéo một tốp, còn Quế lảng vảng vành ngoài cảnh giới cho Tư.

Chính cái khoảnh khắc ngắn ngủi cực kỳ quý báu đó là thời cơ hành động của Tư. Cô bé thường ngày ít nói và có vẻ chậm chạp, giờ đây linh hoạt và năng động khác thường. Nhờ được chị Kha hướng dẫn chu đáo và nhờ chuyên tâm luyện tập, các động tác của Tư đều chính xác. Lợi dụng phía được che khuất, Tư tiếp cận chiếc xe màu cà-phê sữa. Tư đặt rõ chanh xuống đất, moi từ dưới đáy rổ lên khối thuốc nổ plát-tích bằng hai bao thuốc lá. Một tay nhẹ nhàng mở cửa xe, một tay Tư nhét khối thuốc vào dưới khe đệm, rồi lại nhẹ nhàng đóng cửa xe lại không một tiếng động. (Ngay cả cách mở cửa-xe, chị Kha cũng dặn dò rất kỹ nên Tư không quên dùng ngón tay cái ấn mạnh chiếc nút kền trắng bên dưới tay cầm trước khi mở). Chiếc kíp nổ hẹn giờ đứt trong khối thuốc thì Tư đã ra một chỗ vắng bí mật căn khắc hẹn giờ ngay từ lúc thấy đoàn xe địch xuất hiện.

Làm xong chừng ấy việc — chừng hai phút rưỡi — Tư nuốt nước miếng cái ực. Trống ngực Tư đập mạnh. Bọn lính gác vẫn còn mãi dăm dúi trao đổi qua lại với mấy chú bé bán xì-ke. Tư xốc rổ chanh lên hông, lấy lại bình tĩnh, thong thả bước về phía chợ, bộ dạng như một cô bé bán hàng bị ế. Tư lướt ngang qua cái quán may có chị Kha đang ngồi — chỉ cần như thế là chị hiểu rõ mọi việc đã ổn — rồi cắp rổ chanh lẩn mất vào cái chợ đông chật như nêm, nhốn nháo, xô bồ.

Gần một giờ sau, bọn Mỹ ở trên núi kéo xuống. Chiếc xe màu cà-phê sữa sang trọng có hai chiếc xe bọc thép đẩy lính Mỹ hộ tống lại phóng về thị xã, để lại đằng sau

một đám bụi đỏ quạch. Tư th... lo lắng đến ngót thở. Tiếng động cơ của đoàn xe đã xa khuất hẳn một lúc lâu mà không nghe một điều gì xảy ra như dự tính. Cái giới hạn giờ khắc định sẵn cho nó phải xảy ra đã hết. Mình cần kíp làm chẳng? Tư ứa nước mắt vì thất vọng. Đành rằng chị Kha đã nói đi nói lại nhiều lần là trong chiến đấu bao giờ cũng có trận thắng trận thua, nhưng Tư vẫn tiếc đứt ruột công phu chuẩn bị và luyện tập của cả tổ.

Chính lúc đó, từ phía đó, cái phía mà tất cả mấy người trong cuộc từ nãy theo dõi căng thẳng bằng cả trái tim đập mạnh, văng lại một tiếng nổ lớn.

Buổi chiều, những người đi chợ tỉnh về kháo nhau : một chiếc xe Mỹ qua cầu Ông Bưởi, tự nhiên bị nổ tanh banh, bọn Mỹ trên xe chết ráo trời.

Mấy hôm sau, một buổi tối, dưới căn hầm chìm nhà chị Kha, bốn người bạn nhỏ Tư, Tuân, Mừng, Quế được chị Kha cho biết : theo tin của cơ sở ta từ vùng địch báo về, thì 12 tên Mỹ trong xe đã bị diệt gọn. Chúng là 12 tên sĩ quan kỹ thuật của không quân Mỹ. Sau đó chị Kha thay mặt cấp trên trao cho mỗi đội viên một tấm bằng dũng sĩ diệt Mỹ. Bên ánh đèn dầu tỏa một vầng sáng nhẹ trong hầm, các đội viên nghiêng đầu ngắm nghía sẫm soi tấm bằng dũng sĩ diệt Mỹ đầu tiên của mình. Tấm bằng chỉ nhỏ bằng nửa bàn tay, chắc là in ở một nhà in trên chiến khu, đẹp giản dị, có chữ ký của đồng chí chủ tịch ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Trương Quang Cận tức bác Hai Cận mà tất cả đều đã biết. Tấm bằng quý giá này sẽ được cất trong những thùng đại liên bí mật, bên cạnh chiếc khăn quàng đỏ.

Cùng ngày hôm ấy, đài phát thanh Giải Phóng và đài Tiếng nói Việt Nam, giữa hàng trăm tin tức về chiến công hàng ngày của cả nước đánh Mỹ, phát đi một mẫu tin nhỏ trích từ tin của các hãng thông tấn phương Tây : *« ... Một vụ nổ bất ngờ đã làm thiệt mạng ít nhất 10 sĩ quan thuộc lực lượng sư đoàn X không quân Hoa Kỳ, cách thị xã Quảng Ngãi 6 km về phía đông... »* Tin không nói rõ nguyên nhân của vụ nổ, hỏi đối với địch thì đó là một điều bí mật ghê

gồm. Còn với ta thì điều đó có lẽ chỉ đến ngày cuộc kháng chiến chống Mỹ hoàn toàn thắng lợi mới có thể cho công bố.

IX

Tuân nói :

— Chờ một chút nữa, tỏ mặt người là ta xuống, anh Đàm hử ?

— Được, tùy em quyết định. Ở đây em là chỉ huy.

Tuân ôm lấy anh Đàm :

— Thôi đi ông, đừng có ngạo họ mà !...

Nói vậy chứ Tuân rất khoái trong bụng. Tuân biết anh Đàm không ngạo Tuân, anh nói thế là nói một cách nghiêm trang và thành thực, bởi anh rất quý trọng Tuân. Hôm nay Tuân đưa anh Đàm ra thăm một nơi mà Tuân bảo với anh là «chắc chắn anh sẽ thích mê luôn. Mà không chừng, nó sẽ cản đến cho công việc của anh». Đàm hoàn toàn tin ở Tuân, nên dù cho chưa hiểu sự thế ra sao anh cũng theo Tuân đi. Và bây giờ họ đang ngồi trên cái chỗ mà trước kia, như bạn đọc đã có lần thấy, từ đó Tuân ôm khẩu đại liên chiến lợi phẩm nhcai người xuống biển rồi biến mất một cách khó hiểu.

Chân trời phía đông ửng sáng dần. Những con chim biển chấp chới bay. Trong khoảng khắc yên ả ngắn ngủi của buổi mai, tiếng sóng quật vào gành đá nghe trầm và sâu.

Hai người cởi áo, chỉ còn mặc quần đùi. Tuân lấy một sợi dây buộc một đầu vào tay mình, còn đầu kia buộc vào tay Đàm.

— Phải làm vậy, chớ không anh lạc lối, cùng đầu vào hốc đá ngút hơi chết như không à.

— Bộ em tưởng dễ chết được anh lắm sao ?

— Biết đâu được, Nào, ta xuống nghen anh !

— Ừ, xuống.

Họ cùng nhào người xuống vùng nước xanh rợn.

Sau một hơi lặn dài (Đàm không ngờ Tuấn lặn giỏi thế), anh theo Tuấn nhô đầu lên khỏi mặt nước, nhưng hôn bết tối như bưng mắt. Tuấn nắm lấy tay Đàm, đưa cho anh sờ thấy một bậc đá.

— Leo lên anh !

Họ leo lên bậc đá. Tuấn tháo sợi dây buộc ở cổ tay hai người. Lúc này Đàm mới nhận ra có ánh sáng lơ mờ rọi từ trên xuống, qua một khe đá nứt. Hóa ra đây là một cái hang đá nhỏ mà cửa hang, ẩn ngấm dưới mực nước biển. Đàm nhìn khắp hang, ước lượng xem nó có thể chứa được chừng bao nhiêu người. «Sáu đến tám người» — anh nghĩ.

— Có lần nào em ra đây vào lúc nước triều xuống thấp nhất chưa ? — Đàm hỏi.

— Rồi. Em đã có lần ở đây liền một ngày đến gần giữa đêm mới về.

— Cửa hang vẫn không lộ khi nước triều xuống chứ ?

— Còn lâu. Anh không thấy anh em mình phải lặn sâu đến thế nào à ?

— Ờ, quên bưng mắt. Cái hang này giống hết loại hầm bí mật đào khoét ở bờ sông mà cửa vào ẩn ngấm dưới nước ấy nhĩ.

— Giống y. Có điều, năm hang sưng gập mấy chỗ.

— Nhất định rồi. Năm đây khô ráo mà mát như động tiên. Loại hầm kia, ở trong cánh nam anh phải rúc miết. Người lấm láp từ đầu tới chân như con trâu đầm, khó chịu không thể tưởng tượng được.

— Cái hầm thiên tạo này, cho anh nằm cả tháng cũng cứ khỏe ro.

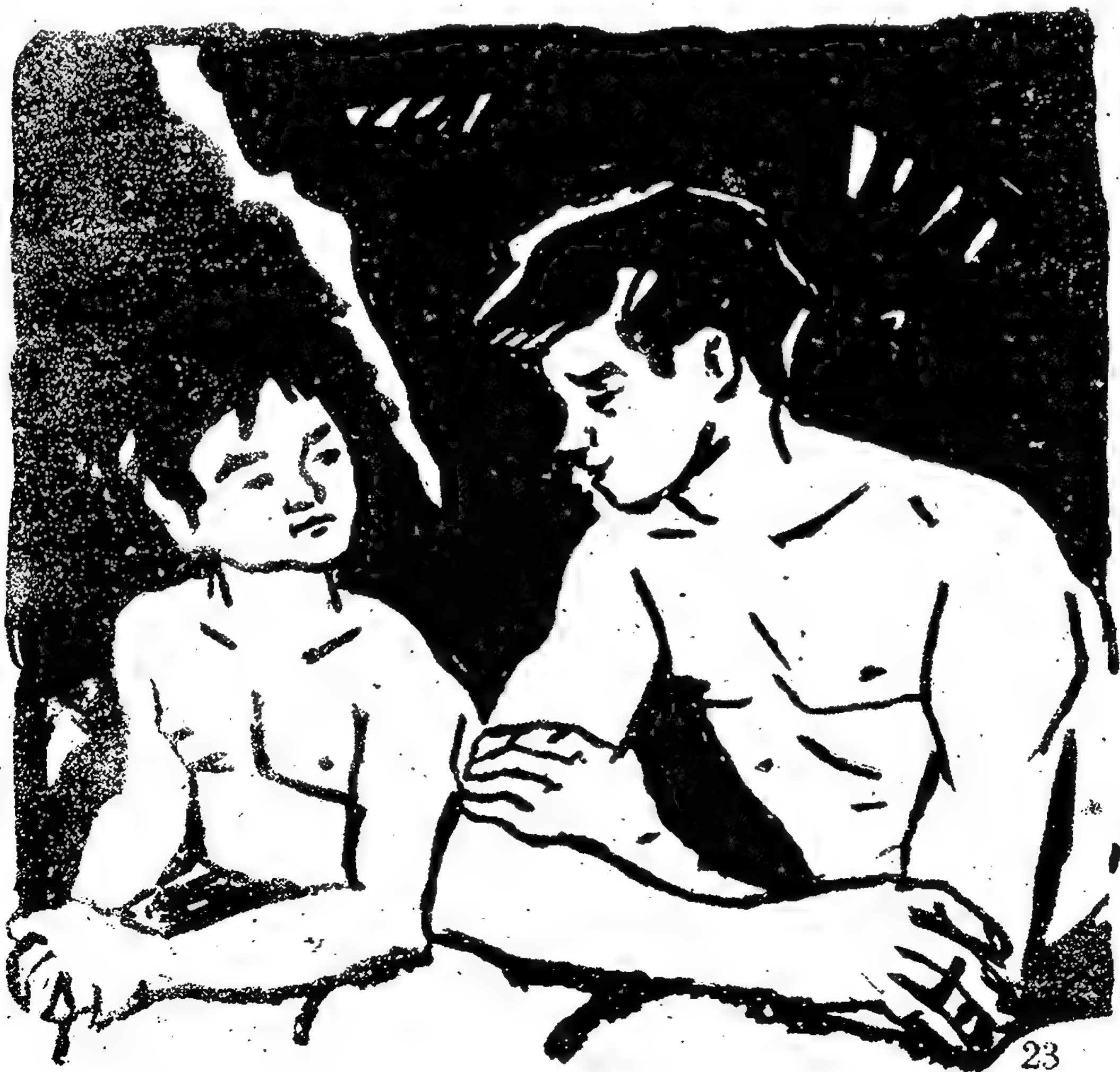
Tuân lại dăng góc hang, mò mò trong bóng tối. Cái hang chột bưng sáng hẳn nhờ một ngọn đèn điện nhỏ như đầu ngón tay gắn vào một khối pin lớn lấy từ máy thông tin

của Mỹ. Rồi chú bé khua rộn thứ gì ở đây nghe lục cục. Chú lôi từ trong cái thùng cạp-tông lớn — loại thùng đựng đồ hộp Mỹ — đem xếp trên nền đá những lon đồ hộp đủ loại. Đám cầm từng thứ soi lên ánh sáng coi những ký hiệu: B1, B2, B3... qua đó anh biết lon nào là lon bơ, bánh qui, thịt bò, trái cây. Ngoài ra có cả những lon bia và cô-ca cô-la. Đám tám tặc:

— Trời ời, thằng Tuấn giàu sang ghê quá đi!

— Bữa nay em đãi anh một bữa ngán thì thôi.

Thực ra thì không phải đến bữa nay anh mới được Tuấn đãi thế này. Dưới chiếc hầm bí mật trong xóm, Tuấn cũng đã trữ sẵn cho các anh đủ những thứ tương tự. Còn hàng ngày chẳng mấy hôm là Tuấn không đem về cho anh khi thứ này, khi thứ khác. Hôm nào xoàng nhất cũng là túi thập cẩm — loại túi ni-lông bọc kín đựng toàn bộ khẩu phần một bữa diêm tâm dã chiến của lính Mỹ, có cả từ



bao thuốc lá với mấy que diêm đến chiếc kẹo cao su và cuộn giấy vệ sinh...

Tuân đứng dậy lấy một chiếc vông dù Mỹ mà chú ta cất sẵn từ trước trong thùng treo lên hai vấu đá ở hai đầu hang. Đàm trở mặt:

— Lại cả vông nữa? Anh phục em thật đấy.

— Chớ có lúc cần ở lâu, lấy chi nằm?

Tuân ngồi lên vông nhún thử rồi nhường vông cho Đàm, còn chú trải một tấm bạt nằm trên nền đá. Họ cứ nằm như thế mà với tay vào đồng hồ hộp đã mở sẵn, vừa ăn vừa thủng thẳng chuyện trò.

— Làm cách sao mà em kiếm được cái hang bí mật tuyệt diệu thế này?

— Cũng là do tình cờ thôi. — Tuân kể — Một hôm, em đi câu cá dìa ở chỗ gành đá anh em mình ngồi hồi nãy đó. Câu chán, em nhảy xuống tắm. Em ửng ra tập lặn ở chỗ nước sâu nhất này. Lặn hoài lặn hoài, tới một lần em thấy như có một luồng nước đẩy mình xuống sâu, em vội vàng nhoai người lên. Nhưng khi nhoai lên khỏi mặt nước thì thấy xung quanh tối om. Hoảng thấy mồ. Cứ tưởng như đang ở dưới âm phủ vậy. Nhưng rõ ràng mình vẫn đang thở bình thường. Em quờ tay ra, may sao bấu được một vấu đá. Lặn theo vấu đá, em rờ được cái nền đá. Hồi lâu mắt quen với bóng tối, em mới nhận ra là mình đang ở trong một cái hang. Vậy đó. Cái khe ánh sáng kia lúc đầu nhỏ lắm, nó sáng được vậy là do em lấy chiếc lưới lê Mỹ cà rộng thêm ra đó. Chính nhờ cái hang này mà em có chỗ giấu cây đại liên, chớ không hôm tui em diệt hai thằng Mỹ anh biểu làm cách sao mà vác cả một cây đại liên to bự qua đồng trống giữa ban ngày được?

— À còn chuyện diệt hai thằng Mỹ nữa. Các em làm cách sao mà diệt được hai thằng một lúc?

— Đơn giản lắm anh. Chỉ cần một mẩu dây cước. Em khâu cái khoen của hai trái lựu đạn đeo ở hai chiếc thắt lưng của chúng nó lại. Em biết chắc thế nào lúc bị tui em

chà ớt cay vô mắt, chúng nó cũng phải tìm súng, tìm thất lưng để đối phó. Hai nhằng giật hai chiếc thất lưng, giật luôn cả khoen lựu đạn, nó nổ cả chùm luôn. Bọn Mỹ thắng nào cũng có năm sáu trái lựu đạn đeo quanh thất lưng.

— A!...

Đàm kêu lên kinh ngạc. Anh ngấm nhìn Tân, cảm thấy như lâu nay mình hiểu về chú còn quá ít. Ở trong chú, còn biết bao điều mà anh chưa thấy hết, cứ mỗi ngày lại hé lộ thêm một chút khiến anh không ngừng đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Chú năm đó, hai bàn tay đan dưới gáy, không hề quan tâm đến ý nghĩa lớn lao của những công việc bình thường mà mình làm. Trong làn ánh sáng tỏa mờ của chiếc bóng đèn pin nhỏ xíu, gương mặt chú hiện ra như một bức chạm nổi: mái tóc cứng cắt ngắn, vầng trán khoát đạt, cái mũi thẳng, cái miệng có cặp môi hơi dày, mộc mạc và cương nghị.

Đàm bỗng nhớ, hồi gần đây, có lần Cư tâm sự với Đàm: « Anh Đàm à, lạ vô cùng. Anh có thấy thế không? Trong tất cả những cuốn phim cuốn truyện nói về chiến tranh mà chúng mình đã được xem hoàn toàn, chẳng có chút gì giống với những điều chúng mình thấy diễn ra ở chiến trường này. Đành rằng cũng có chỗ giống, chẳng hạn bom đạn, người chết v.v... Nhưng ngoài ra thì hoàn toàn khác. Nhìn phía này cũng thấy địch, mà nhìn phía nào cũng thấy ta. Lạ thật. Cứ điềm nó đóng dày xung quanh, pháo và cối nó bắn từng bờ ruộng, thỉnh đi thỉnh lại hàng ngày, quân bộ lúng lúng thường xuyên, dùng trực thăng nhẩy cóc vô chụp liên tục, ý thế mà lực lượng mình cứ đứng kèm sát với nó. Cái thế trận gì mà kỳ cục!... » Đàm bảo: « Đạo mới về Sa Kỳ chuyển trước, mình cũng có những suy nghĩ tương tự, và bây giờ mình lại hiểu thêm được một điều mà trước kia mình chỉ thấy lờ mờ. Phải có những con người như thế nào mới giữ nổi một cái thế trận như thế chứ. Đúng, phải có những con người như thế nào chứ! Đấy, như chú bé Bính, mình không ngờ... » Cái hôm ở dưới hầm bí mật chui lên sau khi bọn Mỹ vừa rút đi, nghe mọi người kể lại đầu đuôi sự việc,

nhìn mảnh sân đất còn đọng nguyên dòng máu tươi của Bính, cả tổ Đàm đều xúc động lặng người. Đối với Đàm, đây là lần thứ hai anh được cứu sống nhờ một chú bé Sa Kỳ. Chỉ cần một chút sợ hãi, một chút đại dột của chú thôi, thì mọi chuyện sẽ ra sao?... Nhưng cái mà Bính đem lại cho Đàm là một cái gì có lẽ còn lớn hơn nhiều ơn nghĩa cứu mạng. Nếu bây giờ có ai hỏi Đàm rằng vì sao nửa triệu quân chủ lực viễn chinh Mỹ đổ vào miền Nam mà chúng ta không bị bắt khỏi đồng bằng, thì để thay cho câu trả lời, anh sẽ nói với họ về Sa Kỳ, về Bính, về Tuấn...

Người ta thường nói nhiều về tình yêu thiêng liêng đối với mảnh đất chôn nhau cắt rốn, mảnh đất quê hương. Hồi còn học cấp hai, Đàm đã từng thuộc lòng cả một đoạn văn dài của một nhà văn lớn Xô-viết: *«Lòng yêu nước lúc ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất. Yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông...»* Đàm yêu biết bao cái phố của mình, nơi đó có ngôi nhà cũ kỹ, anh đã sinh ra và lớn lên, nơi có cô bạn nhỏ cùng nhà ở tầng dưới nay đã thành «ngôi sao ở cuối trời» của đời anh — anh thường gọi cô như thế, dĩ nhiên là chỉ gọi thầm trong nhật ký. Đàm yêu biết bao những cây bàng bên hè phố, về cuối đông lá cứ đỏ một màu đỏ dị thường làm nôn nao trong ta cái cảm giác chuyển mùa băng khuâng không thể nói. Đàm yêu cả những đoàn tàu rời ga Hàng Cỏ chạy qua trước nhà bao giờ cũng rúc lên hồi còi lạnh lạnh mà Đàm thường nghĩ đó là tiếng còi gửi chào riêng mình, náo động trong tâm hồn chàng trai nổi khao khát đi xa... Đàm yêu đến khổ sở tất cả những cái đó. Song giờ đây anh còn biết thêm một tình yêu thiêng liêng khác, tình yêu đối với mảnh đất không phải quê hương, ở đó trước kia người ta chưa hề có một kỷ niệm nào nhưng ở đó người ta đã đổ máu cho nhân dân và được nhân dân bảo vệ che chở bằng máu, ở đó người ta khám phá được vẻ đẹp thuần khiết của cuộc đời, một vẻ đẹp mà có lẽ trong tương lai xa xôi con người vẫn không ngừng hướng tới. Tình yêu ấy, với riêng Đàm, nó có tên gọi là Sa Kỳ.

— Tuân này, ngoài anh và em ra, đã ai biết được cái hang này chưa ?

— Còn lâu ! Anh là ưu tiên nhứt đó. Thằng Mừng, thằng Quế em cũng chưa cho biết. Chúng nó cứ dò hỏi em hoài : « Hôm đó mày giấu cây đại liên ở đâu mà tài vậy ? », em chỉ cười. Anh ưng cái hang này không ?

— Còn phải hỏi !...

— Kính anh đó.

— Thật chứ ?

— Bộ hỏi giờ em đã phỉnh anh lần nào chưa ? Để em sẽ cà rộng thêm cái lỗ thông hơi kia cho đỡ ngột.

— Tốt lắm. Nhưng làm cho khéo chứ ở đây gần địch quá, lộ như chơi.

— Anh khỏi lo. Em thiếu chỉ cách.

— Những lần lên Đá Mú, em có đi lảng vảng ra phía đông của căn cứ chưa ? Phía ngay trên đầu mình chọc lên đây này ?

— Có chứ.

— Phía này nó rào mấy lớp ?

— Không rào lớp nào hết. Chắc nó cho là phía này hiểm trở, vách đá dựng đứng thế kia. « Vi-xi » tài trời cũng không lên nổi.

Đàm nghĩ đến một ngày N, một giờ G mong mỏi. Liệu có thể ém một tổ ở đây, đột lên cái hướng bất ngờ nhất, bằng con đường táo bạo nhất, làm một mũi dươg công được không ? Nhưng trước hết phải xác định xem có cách nào đột lên được không đã ? Anh sẽ tự mình làm việc đó trong những ngày tới. Vách đá dựng đứng ? Nói vậy, chứ thường thường nghiên cứu kỹ cuối cùng vẫn cứ tìm ra được lối lên. Kinh nghiệm của người lính trinh sát đặc công gần hai năm ở chiến trường đã mách bảo anh như vậy. Ta phải xuất hiện ngay ở cái hướng địch không bao giờ tính trước là ta có thể xuất hiện.

Trong hang mát mẻ, dễ chịu. Tuấn nói đúng, nếu trừ đủ lương thực và nước uống, có thể ở đây cả tháng vẫn khỏe ro. Tiếng sóng vỗ ì oạp đều đều bên kia vách đá ngoài cửa hang phía dưới lưng họ như một sự vỗ về triền miên. Giữa chuỗi ngày nóng bức khủng khiếp, ban đêm thì chui luồn, bò, rúc, căng thẳng, ban ngày trở về phải nằm chết gí trong căn hầm tránh pháo thiếu không khí dưới cái nắng hầm hập (không dám lộ mặt ra ngoài lấy cớ sợ bọn tàu gáo bay rào qua phát hiện được, vừa nguy hiểm cho mình vừa tổn thất đến đồng bào), đây thật là một khoảnh khắc nghỉ ngơi quý giá.

Tuân nằm duỗi dài, chân nhịp nhịp, đôi môi mấp máy. Chú bé đang hát, rất khẽ, gần như không thanh tiếng. Hàm cổ lắng nghe, Tuấn đang hát bài *Chú bé thành Lê-nin-gờ-rát* - bài hát yêu thích thời niên thiếu của Hàm. anh đem dạy cho Tuấn và Lượng từ năm ngoái. Ôi, thời niên thiếu, thời niên thiếu tràn đầy ước vọng đi xa, tràn đầy niềm say đắm vươn tới một sự nghiệp cao cả, lòng khao khát được chiến đấu, được làm điều tốt đẹp cho người khác bất chấp mọi hy sinh... Theo một thói quen mới có từ ngày vào chiến trường, Hàm lại đem tuổi nhỏ trước kia của mình đối chiếu với tuổi nhỏ hiện nay của Tuấn. Ở Tuấn, hình như mọi điều đều giản dị hơn, và cũng sớm bèn chắc hơn. Cái đó hẳn là do hoàn cảnh. Tuấn đã sinh ra và được nuôi lớn trong một hoàn cảnh khắc nghiệt hơn anh nhiều. Cách đây đã lâu, có lần Tuấn tỉ tê hỏi chuyện Hàm về miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Thường vẫn vậy, chú bé thích nghe không biết chán tất cả những gì về miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Trong trí tưởng tượng của chú miền Bắc xã hội chủ nghĩa luôn luôn hiện ra như một cuộc đời toàn vẹn. Để giúp chú bé lòng đang rộn rã bao mơ tưởng trong sáng về tương lai khỏi vướng vào những ảo tưởng vô bổ, khác với mọi khi, lần này Hàm nói với chú nhiều hơn về những khó khăn, những gian khổ của công việc xây dựng cái cuộc đời toàn vẹn ấy. Hàm tin là chú có thể hiểu được. Anh bảo với chú rằng — điều này hình như anh đã có đọc thấy ở đâu — chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc giống như một ngôi nhà lớn đẹp đang xây dở,

mà lại xây dưới tầm bom đạn Mỹ, vừa xây vừa phải dốc sức người sức của chi viện cho chiến trường miền Nam. Cuộc sống của mọi người giống như đang ở trên giàn giáo, mình nhảy lăm lăm với vữa, mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Cái sướng là sướng ở chỗ mình được xây nhà cho chính mình, chứ không phải cho một tên chủ phê phỡn và hách dịch cùng mẹ vợ venh váo và lũ con cái nhớn nhợ xác xược của hắn... «Giàn giáo là thứ chi, anh?» Tuấn bỗng hỏi. «À, giàn giáo là cái gian người ta dựng tạm để đứng lên đó mà xây nhà cao dần lên ấy mà».

— «Vậy hả? Mô phật, hồi giờ em có được thấy người ta xây nhà bao giờ đâu, toàn thấy Mỹ nó đốt nhà...» Đàm cũng người. Chi tiết bất ngờ ấy trong lời nói lộ vô tình của Tuấn đã gây cho anh một ấn tượng đặc biệt mạnh mẽ... Dần dần, Đàm đã hiểu được, vì sao ở cái tuổi mà trẻ em nhiều nơi khác trên thế giới còn vô tư cắp sách tới trường, còn nũng nịu cha mẹ, thì ở đây các em của chúng ta đã sớm bước vào chiến đấu, không phải vì thói hiếu động thường tình của con trẻ, mà chiến đấu một cách có ý thức, với lòng căm thù vĩ đại đáng kính trọng. Tuấn có lần kể cho Đàm nghe một kỷ niệm ngày bé chưa xa của chú. Ngày ấy xã chưa giải phóng. Tuấn cùng Lượng mang cơm cho mẹ và đi bị tam giác ở nhà giam xã, giữa đường gặp thằng cảnh sát. «Ê, hai thằng cộng sản con, đi đâu?», Hai đứa giơ rá cơm cho hắn thấy. «Đứng nghiêm chào tao rồi tao cho đi!» Đờn nào Lượng và Tuấn chịu làm cái việc đó. Hai đứa cứ đứng đờn hắn, cặp mắt không giấu nổi vẻ khinh ghét. Hắn ức quá đang tay tát cho mỗi đứa một cái rây đom đóm mắt, ngã dúi ngã dúi xuống vệ đường, cơm đồ tung tóe đầy đường. Kể xong, Tuấn nói như đề kết luận: «Bây giờ, hử? Bây giờ thằng nào cứ thử đụng vô em coi? Bây giờ hắn đánh mình một, mình đánh lại hắn mười. Mình có chết một, hắn phải chết mười...!»

Tuấn đã ngủ, làn môi chú mở hé như còn đọng lại câu hát nửa chừng.

* *

Bác phụ trách trạm đón tiếp bảo:

— Ăn sáng xong, các cháu về phòng mặc quần áo tề chỉnh rồi xuống cả dưới phòng khách nhé.

Khi cùng các bạn trong đoàn thiếu niên dũng sĩ miền Nam bước vào phòng khách, Lượng thấy một người đàn bà cỡ tuổi dì Thuận mặc áo dài trắng, ngồi chờ. Trước sân, đậu một chiếc xe con. Bác phụ trách trạm giới thiệu :

— Đây là cô Trần Thị Lý, chắc các cháu đã nghe nói về cô. Sáng nay cô Lý sẽ đưa các cháu đi.

Các em chào cô Lý. Từ hồi còn bé Lượng đã được mẹ và dì Thuận kể cho nghe chuyện cô Trần Thị Lý nêu gương bất khuất trước kẻ địch ở trong tù như thế nào. Không ngờ hôm nay Lượng lại được gặp cô. Cô Lý làm quen với từng em, rồi đưa cả đoàn ra xe.

Xe chạy từ từ qua các phố. Lượng nhận ra những phố quen mà chú đã từng đi. Khi ra tới quảng trường Ba Đình, Lượng bỗng dừng lại thấy tim mình rộn lên. Đúng lúc ấy, cô Lý ngồi ở ghế trước quay lại bảo :

— Các cháu có biết hôm nay cô đưa các cháu đi đâu không nào ?

Lượng toan nói cái điều chú vừa nghĩ, nhưng rồi lại thôi vì chưa dám tin hẳn ở điều đó. Các bạn khác cũng nhìn nhau, hình như cũng cùng một tâm trạng như Lượng. Cô Lý mỉm cười, khe khẽ nói :

— Hôm nay cô cháu ta...

Cô Lý chỉ nói vậy, cặp mắt đôn hậu nhìn vào gương mặt các em đầy trù mến. Các em cùng nhìn chăm chú vào cặp mắt cô, như muốn đọc trong đó cái tin vô cùng quan trọng đối với mình mà cô chưa muốn tiết lộ ngay. Xe chạy chậm chậm qua hết quảng trường rồi rẽ vào một cái cổng lớn. Lượng nhòm hẳn người lên. Chính là cái cổng lớn có cánh bằng sắt uốn lưà thưa sơn xanh, nơi cách đây gần nửa tháng Lượng đã đứng đó rất lâu để mong được thấy Bác Hồ. Không lẽ điều ước mong của Lượng giờ đây sắp thành sự thật sao ?

Xe tiến vào trước cái thềm đá có nhiều bậc, quành qua trái, đỗ lại bên ngôi nhà đồ sộ. Nhưng cô Lý không đưa các em vào ngôi nhà này, mà theo một con đường đi sâu vào trong vườn, dưới những cây xoài cổ thụ tỏa bóng mát. Cạnh đường có mấy căn hầm lớn đúc bằng bê-tông, trên phủ cỏ và trồng hoa. Dưới hầm, đèn điện thấp sáng.

Trống ngực Lượng càng đập mạnh khi trước mặt hiện ra thấp thoáng ngôi nhà sàn mà chú đã từng được nghe nói tới. Một cây phượng nở hoa đỏ rực in xuống mặt hồ trước nhà.

Cô Lý đưa các em đi vào một con đường nhỏ, bên đường có hàng rào bông bụt ⁽¹⁾. Qua một cái cổng nhỏ cũng kết bằng cây bông bụt, các em bước vào mảnh vườn có trồng nhiều cụm hoa, giống một mảnh vườn của các cụ già ở thôn quê. Tất cả các cặp mắt đều đang ngơ ngác hồi hộp nhìn lên dãy lan can gỗ tầng trên của ngôi nhà sàn, thì từ hàng ghế thấp đặt ở tầng dưới, một ông già mặc bộ quần áo lụa nâu, tóc trắng như bông bước ra. Các em gần như cùng reo lên một tiếng reo chung và líu quíu chạy ủa tới.

— Bác ! Bác !

Bầy chim nhỏ phượng Nam, sinh ra trong nô lệ, lớn lên trong chiến đấu, sớm cứng cáp và trưởng thành, giờ đây bay ủa tới trong niềm sung sướng vô bờ, ôm choàng lấy Bác, hiện thân của tất cả những gì cao đẹp nhất không phải chỉ có trong cổ tích xa xưa mà ở ngay trong cuộc đời này, hoàn toàn thực và giản dị như chính bàn tay Người đây đang cầm tay các em dẫn vào dãy ghế gỗ đơn sơ trong ngôi nhà sàn.

Bác cháu ngồi quanh bàn. Lượng may mắn được ngồi cạnh Bác, phía bên kia là một bạn gái Tây Nguyên. Lượng cứ nhìn Bác không rời. Bác hồng hào, khoẻ mạnh. Bên màng tang Bác có những chấm đen lấm tấm, những chấm đen thường thấy trên da mồi của các cụ già. Lượng nhìn những chấm đen lấm tấm ấy, tự nhiên nhớ đến làn da

(1) Dâm bụt.

mỗi cửa ông Lãi, của bà ngoại ở nhà. Bà ngoại còn giữ một tờ bạc tín phiếu có in hình Bác. Lần đầu tiên Lượng được thấy hình Bác là ở tờ tín phiếu đó. Bà thường vuốt vuốt tờ tín phiếu in bằng giấy nửa tự túc, nói thì thảo với Lượng : « Bao giờ tới ngày thống nhất, bà cháu mình được ra thăm thủ đô Hà Nội, bà chỉ mong được trông thấy Cụ một lần thì bà nhắm mắt cũng thỏa lòng ». Nghĩ tới đó nước mắt Lượng bỗng trào ra không kìm được. Các bạn khác cũng không ai giữ nổi nước mắt nữa. Trống giầy phút vui mừng khôn xiết này của đời mình, ai cũng nghĩ ngay đến bao người thân ở quê hương càng lẫn lộn trong lửa đạn và có thể có người lại vừa ngã xuống, lòng đau đáu ước ao một ngày toàn thắng được ra thủ đô Hà Nội, được thấy Bác Hồ.

Bác nhìn các cháu. Đôi mắt mênh mông của Bác rung rung. Rồi Bác giục :

— Kia cháu Lý, rót nước cho các cháu uống đi chứ.

Cô Lý giết mình, đứng dậy rót nước ra những chiếc chén sứ trắng. Nước chè tươi xanh biếc bốc hơi nghi ngút.

Bác lấy rau luộc trong đĩa chia cho từng cháu. Chẳng ai dám ăn, vì sợ ăn thì hết mất. Mà ai cũng muốn món quà Bác cho sẽ còn mãi. Bác cười, bảo :

— Các cháu cứ ăn đi, rồi muốn lấy phần đem về thì cũng sẽ có.

Lượng thầm nghĩ : ước sao có cách chi gửi được một chiếc keo này về cho thằng Tuấn. Giờ này, Tuấn đang làm gì ở nhà ? Nó có diệt thêm được thằng Mỹ nào chưa ?

— Bây giờ các cháu kể chuyện đánh Mỹ cho Bác nghe — Bác rói.

Các bạn đều lần lượt kể chuyện mình. Mỗi người đều có cách đánh khác nhau. Đến lượt mình, Lượng kể về trận đánh Mỹ đầu tiên của chú.

— Thưa Bác, cháu quen với bọn Mỹ ở trên đồn. Cháu và em cháu thường lên chơi với chúng. Cháu đề ý thấy

một thằng thương sĩ hay có cái thói hễ bước ra khỏi lỗ cốt gậy vật chỉ trên mặt đất cũng đá một cái. Cháu lên lấy một trái lựu đạn Mỹ, cháu rút khoen bỏ vô chiếc lon rỗng quăng trước cửa lỗ cốt. Thằng thương sĩ đi ra, đá cái lon, trái lựu đạn văng ra nổ, thằng thương sĩ chết.

Bác khen :

— Các cháu tuổi nhỏ nhưng đã sớm có chí lớn là dám đánh Mỹ và đánh Mỹ rất tài. Thế là tốt. Thiếu nhi ta thật xứng đáng là con cháu anh hùng của một dân tộc anh hùng.

Tất nhiên các em không thể biết được rằng chính vào những ngày này, trong trí tuệ vĩ đại của Người và Bộ chính trị Trung ương Đảng do Người đứng đầu đang hình thành một ý định chiến lược sẽ tạo nên một trong những chiến công thần kỳ của dân tộc, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ lên một bước phát triển mới. Các em cũng chưa thể nghĩ và hiểu rằng cái ý định chiến lược kỳ diệu ấy chính là được phát lộ và nhen nhúm trước hết qua hành động cách mạng của mỗi chiến sĩ, mỗi em bé, cụ già ở tiền tuyến và hậu phương, trong đó có các em, những hành động tưởng như rất đời bình thường nhưng đã soi sáng những ẩn số huyền bí về sự suy yếu mới của kẻ địch và sức mạnh chiến thắng của ta.

Gần trưa, Bác dắt các em sang nhà ăn. Trong một căn phòng rộng thoáng, có chừng năm sáu bộ bàn ăn giản dị, Bác cháu ngồi quanh một bàn kê ở góc phòng gần cửa sổ. Bác mở lồng bàn, vui vẻ nói :

— Hôm nay Bác đãi các cháu toàn những thứ cây nhà lá vườn cả đấy.

Lượng nhìn các thứ bày trên bàn, thấy có cá kho, cá rán, dưa chua, canh cá nấu rau ngót, và thịt gà luộc. Lượng ngồi cạnh cô Lý, được cô rỉ tai cho biết cá này là cá Bác nuôi dưới hồ trước nhà, rau Bác trồng trong vườn, gà là do bếp tập thể của nhà ăn Phủ Chủ tịch nuôi bằng cơm rơm cơm vãi.

Bác gấp thức ăn cho các cháu, nhắc các cháu ăn cho no, tự nhiên như ở nhà. Bác chỉ ăn có ba lưng chén cơm. Bác nhặt kỹ từng hạt cơm rơi trên bàn, bỏ vào chiếc chén đã ăn xong. Lượng chú ý ngay tới cử chỉ ấy của Bác, bởi từ ở Sa Kỳ Lượng đã được nghe bà ngoại kể chuyện này nhiều lần mỗi khi Lượng và Tuấn tỏ ra chưa biết quý trọng hạt cơm gạo hạt. Không hiểu bà nghe ở đâu, từ hồi nào, mà bà biết rất nhiều chuyện về Bác Hồ cũng như bà biết rất nhiều chuyện cổ tích dân gian.

Khi Lượng cùng các bạn ra về, Bác dặn :

— Các cháu đã có thành tích, nhưng chớ nên tự mãn. Bây giờ các cháu ra đây, được Đảng, chính phủ và nhân dân miền Bắc chăm sóc tận tình, phải cố gắng học tập để bù lại những năm qua vì giặc Mỹ mà không được học. Các cháu đã đánh Mỹ giỏi thì học cũng phải giỏi, để mai đây xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước.

Tất cả đều hứa quyết tâm thực hiện đúng lời Bác dặn.

Đêm đó, trong căn phòng nhỏ trên tầng hai của ngôi nhà trạm đón tiếp, chú bé Sa Kỳ của chúng ta ngồi thức mãi bên đèn. Chú viết thư về cho bà ngoại, cho mẹ và em Tuấn, cho chị Kha và Tư — người bạn gái láng giềng cùng tổ thiếu niên du kích mật mà chú luôn luôn nhớ tới từ ngày ra đi. Nỗi xúc động bồi hồi bởi hạnh phúc quá lớn vừa chợt đến sáng nay khiến tay chú run run. Viết gì đây? Làm sao kể hết được đây? Chốc chốc chú lại ngậy người ngồi cắn bút nghĩ ngợi lan man. Hẳn còn lâu nữa chú mới được gặp lại người thân, giẫm lại bàn chân trên mảnh đất Sa Kỳ nóng bỏng lửa đạn. Chú không còn giữ ý định «ra Bắc chữa bệnh xong rồi quay về liền» như lúc ban đầu nữa. Từ nay chú sẽ phải học.

Bên ngoài cửa sổ, hàng triệu triệu vì sao lung linh sáng trên bầu trời xanh đen thăm thẳm. Lòng chú bay về Sa Kỳ. Tưởng chừng sau bờ cây cuối phố kia là những dãy đồi đá ong, những dải cồn cát, những gành đá, những bờ cát mịn màng trải dài trên vịnh biển cong cong. Và gió biển dậy lên miên man trong đêm, bắt chập tiếng gầm của

trọng pháo, nâng cao mãi điệu nhạc trầm hùng nghìn đời của sóng. Và tiếng bước chân người rậm rịch, nhằm hướng đóm lửa sáng trong mái lều chị Kha mà vượt đường Cái Mới, trực hành lang từ căn cứ phía tây xuyên xuống vùng Đông cuộn cuộn sóng dậy trong đêm cái sức sống bí ẩn. Một ngày đêm chiến đấu đang qua. Lại thêm ai mất ai còn trong những người thân? Và ai vừa lập thêm chiến công mới?

*
* *

Từ xế chiều, hai chiếc tàu ngoài biển bắt đầu bắn pháo vào. Ở trong hang, Đàm leo lên dòm qua khe đá. Tuân cởi áo quần lặn hẳn ra ngoài nhìn cho dễ. Một lát Tuân lặn trở vào nói:

— Vẫn hai chiếc tàu mọi khi thôi anh. Hai thằng này chằng ràng ở đây lâu rồi, cứ điểu vô điểu ra dọc biển từ Chu Lai tới Bình Định bắn dạo hoài hoài vậy đó. Bắn dai như đĩa. Hắn còn bắn tới tối cho coi.

Những trái pháo biển thì nhau rít xào xào bay vọt qua. Tuân dõi theo để đoán định xem chúng nổ ở khu vực nào. Chúng bắn nhiều lên khu vực Thành Thành rồi chuyển làn bắn lai rai xuống các xóm ven biển. Có cả tiếng đê-pa của các cụm pháo trong đất liền nữa. Tuân lăm bằm: «Hắn lại giở trò tập kích pháo!» Cứ mỗi loạt pháo đê-pa, Tuân lại kêu tên cái cứ điềm có cụm pháo vừa bắn như kêu tên từng thủ phạm: «Thằng núi Rằm đó!» «Thằng núi Hầm đó!» «Thằng Bình Liên đó!» «Thằng Tiểu khu đó!»... Tự dưng Tuân thấy nóng ruột. Tuân bảo Đàm:

— Anh ở đây nghe. Em phải về xóm — thấy Đàm định về cùng, Tuân vội ngăn — anh ráng ở đây đợi tối rồi về, chớ bây giờ anh qua đồng trống không có được đâu. Tối em ra đón anh.

— Thôi, khỏi đón. Anh về một mình, vừa đi vừa bắm địch cũng được.

— Vậy hử ? Em về trước nghen. Nhớ là ráng đợi tối hãy về, chớ đừng có nửa chiều đã lấp ló ra đồng trống Đá Mú nó cách cối nó xin chỗ đội mũ liền à — Tuân nhấn mạnh thêm như ra lệnh, và lần theo triền đá ngụp xuống biển lặn ra ngoài. Lặn bờ, chúi cời áo quần vắt khô nước mặc lại rồi bươn bả đi lên xóm Gành.

Trên cánh đồng Tuân đi qua, cơ man là hố pháo mới. Những hố pháo biển to như hố bom cỡ vừa. Có những chỗ không hiểu chúng bắn thứ đạn gì không thấy khoét thành hố, chỉ thấy đất tơi ra một vùng đùn lên như tổ mối, bước vô nghe mềm lún dưới chân, phát rợn người. Ra đến giữa đồng, Tuân gặp thằng Bính. Bính cõng con Yến cầm cúi đi, chẳng để ý gì đến những tiếng pháo xào xào véo véo rít từng chớp qua đầu và nổ ở đâu đó. Lúc này, pháo nổ tập trung ở phía xóm Gò. Tuân ngồi xuống bờ ruộng.

— Pháo nó bắn như điên vậy mà cầm cõ đi đâu mà, Bính ?

Nghe tiếng gọi, Bính giật mình đứng lại :

— Ủa, anh Tuân. Em ở xóm Mới về.

— Ngồi đây đã. Chờ cho ngớt pháo chút. Mà có cái chi ở tay đó !

— Cò Kha biểu em đem cái này về đưa cho dì Bốn Nhuận. Trục thẳng hẳn mới rải xuống, hai bên đường Cái Mới hồi trưa. Hẳn cũng cho trục thẳng rao loa nữa.

Tuân cầm lấy coi. Đó là một tờ truyền đơn. Trong đó bọn Mỹ ra lệnh từ nay cấm người lên xuống qua con đường Cái Mới, cách hai bên bờ đường năm trăm mét không ai được bén mảng tới.

— Anh cầm luôn rồi đưa cho dĩ hử ?

— Ờ, được. Thôi, về. Đưa tao cõng con Yến cho một khúc.

Tuân đưa lưng ra. Như đã quen, con Yến tự động tụt xuống khỏi lưng Bính và ngã qua ôm choàng lấy cổ Tuân.

Nắng xiên khoai buổi chiều hắt lên ba đứa trẻ. Bóng chúng đồ dài lay động trên cánh đồng khô khốc lổm đổm những hố bom hố pháo đổ loét. Qua một dải đồi thấp, xóm Mồ Côi hiện ra. Tuân đứng sững, lâm bầm : «Cha! Hồi nãy mình đoán đúng y, chiều nay xóm mình lãnh pháo cũng bộn chớ không ít». Những cây dừa vốn phần lớn đã cụt ngọn, giờ đây cây thì đổ gục, cây thì bị chẻ toác, cây ngã rạp. Nhiều nhà bị sụp hằm. Tiếng la làng vắng vắng. Người ta hỏi nhau bới hằm cứu người bị kẹt.

Ba đứa trẻ không đi theo đường chính mà theo lối tắt đi băng qua các vườn, các nền nhà. Trên một khoảnh sân, có năm người chết được đặt nằm sòng dọc, hai người đàn bà và ba đứa con nít. Máu ướt đầm sân. Nắng chiều run rẩy trên những vũng máu loang loáng rợn đỏ.

Về đến nhà, Tuân thấy trước hằm nhà mình một trái pháo khoét toang hoác, nhưng hằm thì còn nguyên. Căn hằm nhà cô Ái sụp xuống. Từ dưới đó lọt lên tiếng khóc yếu ớt khàn thiết của thằng Cu. (Cô Ái chưa kịp đặt tên cho nó, gọi luôn nó là thằng Cu). Anh Cu, ông Lờ, dì Nhuận và Tư đang cố sức bới đất, dỡ cây. Lưng người nào cũng đầm đìa mồ hôi. Trên sân, anh Trọng nằm sòng sượt, bất động. Anh đã chết.

Tuân vội thả con Yến xuống, lao vào cùng ra sức bới hằm với mấy người. Con Yến khóc òa lên trước cảnh tượng hãi hùng. Thằng Bính cũng định lao vào bới hằm nhưng ông Lờ quát nó phải công con Yến lánh về bên hằm nhà ông, bới pháo hằm có thể chuyển làn bắn trở lại đột nữa, chết ường thêm ra. Bà ngoại Tuân ngồi bên xác anh Trọng, dùng khăn ướt lau mặt anh cho sạch sẽ. Bàn tay bà run lẩy bẩy.

Thằng Cu nằm trong một khe rất hẹp giữa hai cây kèo hằm lớn bị ép sát vào nhau. Khi đất đã được moi hết, anh Cu ghé vai nâng nhích cây kèo hằm. Ông Lờ luồn tay vào bọng thằng Cu ra. Bà ngoại Tuân vội lật đật chạy tới tóm lấy nó ôm vào lều. Nó đã yếu lắm, tiếng khóc đang lịm dần.

Cô Ái bị một cây kéo hằm chặn trúng đầu. Một cánh tay cô còn ôm ngang người thằng Cu. (Khi ông Lờì bỗng thằng Cu ra, Tuân phải thò tay vào cầm tay cô nâng lên. Cánh tay cô mềm nhũn). Trong hằm còn hai người nữa. Đó là mẹ con bà Tiềm — bà con bên ngoại của cô Ái ở Bình Hòa mới qua thăm cô sáng nay. Hai mẹ con bà cũng đều chết vì sức ép quá mạnh, máu trào ra đầy miệng. Ông Lờì ôm xác cô Ái lên. Anh Cự và dì Nhuần đỡ xác bà Tiềm. Tư và Tuân khiêng xác đưa con gái mười hai tuổi của bà.

Những người chết được đặt nằm trên sân, kế bên xác anh Trọng. Ông Lờì nâng đầu cô Ái lên, lấy tay vuốt sạch một cục máu đông đặc đọng dưới ót cô, cuốn lại mái tóc cô gọn gàng. Những giọt mồ hôi từ cằm ông nhỏ xuống trên khuôn mặt lấm tấm đất bắt động của cô. Thế là từ nay anh em thằng Bính mồ côi cả cha lẫn mẹ.

Chú Điền tới kêu dì Nhuần đi hội ý gấp. Lát sau, dì trở lại cùng một số các bà, đem theo những chiếc đòn khiêng và vông đã cột sẵn vào đòn. Tuân hiểu rằng Đảng ủy vừa quyết định tổ chức ngay một cuộc đấu tranh chính trị nhập đồn. Dì Nhuần vẫy Tư lại ghé tai nói nhỏ :

— Con qua gặp chị Kha, biểu chị như vậy, như vậy...

Tư gật gật đầu rồi chạy vụt đi. Khi Tư trở về, dẫn theo một anh cán bộ binh vận huyện. (Vì công việc khẩn cấp, anh đánh bạo mượn chiếc áo trắng, đội nón lá theo Tư qua đồng trống). Anh úp một chiếc thúng xuống giữa sân ngay cạnh những người chết, kê giấy lên, đó viết mấy tờ kiến nghị bằng tiếng Mỹ. Anh còn viết hàng loạt những câu tiếng Mỹ ngắn trong những băng giấy nhỏ bằng hai ngón tay.

Trên con đường dọc xóm, các tờ đấu tranh chính trị của xóm Mồ Côi đã tập hợp đông đủ. Toàn là các bà. Đàn ông chỉ có các cụ già, từ sáu mươi tuổi trở lên. Chị Kha ở xóm Mới sang, cho biết các tờ bên ấy cũng đã sẵn sàng. Xóm Mới chết ba người, bị thương năm người. Xóm nào cũng có người chết và bị thương. Ở xóm Bãi, chúng bắn

cả pháo lân tinh. Một em nhỏ bị bỏng lân tinh gào thét thảm thiết. Liên lạc của các xóm đến báo tin đâu đó đã sẵn sàng. Chị Kha bảo Tuân :

— Em đi gọi Mừng và Quế rồi lên thẳng trên Đá Mú. Các em cứ cò rả nói chuyện với bọn lính gác cho đoàn đấu tranh của mình lên tới nó đừng đóng cổng đồn, mình nhập vô cho lẹ.

Đoàn người rời khỏi xóm tiến ra cánh đồng. Đi đầu là ông già Lờ. Rồi đến những người chết, những người bị thương được khiêng đi trong những chiếc võng giờ đây đã ướt đẫm máu. Từ các xóm khác, những đoàn người như vậy cũng đồng thời tiến ra cánh đồng, hướng cả về phía cổng đồn Đá Mú. Xóm Bải khiêng đi thi thê của cả một gia đình bị pháo Mỹ diệt sạch trong nháy mắt giữa lúc đang quây quần ăn cơm dưới hầm. Hai vợ chồng và năm đứa con. Ở Sa Kỳ, đến nay đã có bốn gia đình bị bom đạn Mỹ xóa gọn khỏi mặt đất như thế.

Mặt trời bị che khuất sau một đám mây đông lớn phía tây. Những tia chớp nhoáng nhoàng rạch xé khối mây đen kịt. Sấm rền nặng nề. Nhưng vẫn không mưa được. Không khí oi nồng và ngột ngạt. Mùi cỏ cháy, mùi khét tởm lợm bốc lên từ những hố pháo còn nóng bỏng làm tức ngực.

Tuân, Mừng, Quế đến trước cổng đồn gặp hai tên lính gác. Nén nổi căm giận lúc nào cũng chỉ muốn bùng nổ, các chú bé làm ra bộ tươi tỉnh để chào hỏi những kẻ đáng phải giết đi.

— Chào anh Giếch !

— Chào Toàn ! (chào Tuân).

Một trong hai tên Mỹ đáp lại bằng tiếng Việt, giọng lơ lớ. Tên Giếch này, Tuân đã gặp nhiều và đã quen. Một lần hắn bị cấp trên phạt vì chuyện gì đó, phải cõng trần bò năm mươi vòng quanh sân đồn dưới trời nắng như đổ lửa. Hắn bò được đến nửa vòng thứ năm mươi thì gục xuống. Tuân đem nước cho hắn. Từ đấy hắn có vẻ mến chú bé Việt Nam đã tỏ ra thông cảm và giúp đỡ hắn trong lúc hoạn nạn.

Tuân hỏi thăm Giếch có nhận được thư gia đì không, có nhớ nhà không, bao giờ thì đến ngày lễ giáng sinh, mùa này ở Mỹ trời đất thế nào...

Những người chết và người bị thương đã được khiêng qua cổng đồn. Đoàn người đang tiếp tục tiến vào thì một tên sĩ quan từ trong đồn chạy ra quát hai tên lính gác... Hai tên này vội đóng hai cánh cổng chằng dây thép gai lại. Ba chú bé lập tức gào khóc trèo nấp cánh tay chúng. Các bà bên ngoài dùng vai dùng tay đẩy cánh cổng bật vào. Hai tên lính Mỹ khỏe như vâm, ghé vai đẩy cánh cổng trở lại. Một tiểu đội lính được điều ra, chia súng vào đoàn người. Nhưng chúng chỉ dám bắn chỉ thiên. Không ăn thua. Đoàn người vẫn xô tới. Chúng lẫn xĩa dưới chân họ. Cũng vô hiệu. Chúng cảm thấy không cách gì đối phó nổi những người đàn bà điên cuồng vì giận dữ, đang sẵn sàng lấy tính mạng mình làm một thứ vũ khí. Họ đang cùng nhau thét lên, ném tới tấp vào mặt chúng những lời gì đó mà chúng không hiểu nhưng có thể đoán ra là những lời nguyên rủa -- có thể nói là những lời nguyên rủa gom góp tất cả sự nguyên rủa ghê gớm nhất từ xưa đến nay trên thế gian này. Chúng đành phải để cho họ tràn qua.

Trời gần tối thì Đàm về tới xóm Mồ Côi. Xóm vắng ngắt. Anh chỉ gặp thằng Bính và con Yến ngồi trên sân bên xác Trọng. Bính đang dùng một mảnh bìa cạc tông cắt từ thùng đồ hộp Mỹ quạt cho những con ruồi khỏi bay vào mặt người chết. Đàm ngồi xuống, im lặng nhìn Trọng. Trọng vừa mới khỏi sốt rét được mấy hôm nay.

— Chú Cu đâu ? — Đàm hỏi Bính.

— Chú Cu xuống cuối xóm nhờ cô Sáu Xuân lên cho em Cu cháu bú.

— Bà Mươi đâu ?

— Bà Mươi bế em cháu dưới hầm.

— Thế mẹ cháu ?

Bính không đáp. Đàm nhìn căn hầm chị Ái bị sập, hiểu hết. Anh về hầm ông Lờ lấy tâm ni-lông. (Lúc sáng

sớm đi với Tuân, anh đã đem đồ đạc cho Cự và Trọng giữ). Khi trở lại chỗ Trọng nằm, Đàm thấy Cự cùng chị Sáu Xuân đã về tới. Có cả anh Sáu.

Chị Sáu Xuân ôm xác Trọng chếp miệng liên hồi :
« Trời, chú Trọng còn trẻ quá, như mụp măng mới mọc, giống y thằng em tôi. Thằng em tôi năm ngoái chết cũng y vậy. Tội quá trời ơi. Chú Đàm, trải ni-lông xuống tôi liệm cho chú ấy ».

Chị Sáu bế Trọng lên đặt vào tấm ni-lông Đàm vừa trải. Sờ từ ngực áo rút dăm của chị thăm sang cả ngực áo Trọng. Chị mới sinh con nhỏ được mười bữa nay.

Anh Sáu nói :

— Thôi, để đó tôi với mấy chú lo. Vô cho thằng Cu nó bú đi, không nó chết mất.

Đàm và anh Sáu Lân cho Trọng, Cự đi kiếm đòn khiêng.

Ciao thằng Cu cho chị Sáu, bà cụ Mười trở lên. Bà cụ vén ni-lông ra để nhìn mặt Trọng lần cuối. Đặt bàn tay lên trán Trọng, làm như Trọng chỉ đang lên cơn sốt chứ không phải đã chết, bà cụ nói lầm rầm nghẹn ngào :

— Tội nghiệp con. Con đi cứu người, con lại gặp nạn.

Cự cho Đàm hay, lúc đó Trọng ở dưới hầm ông Lờ với Cự. Nghe tiếng pháo nổ quá gần, mặt đất rung mạnh, rồi tiếng thằng Cu khóc thét lên bên hầm chị Ái, Trọng bảo : « Đề tôi sang xem có ai việc gì không ». Trọng vừa nhào qua tới được nửa đường thì một trái pháo quét nó dện ngay chỗ cửa hầm bà Mười. Trọng chết vì trái pháo ấy.

Cự ra đồng trước đào huyết. Đàm và anh Sáu khiêng Trọng đi. Anh Sáu vừa ghé vai vào đòn thì có người tới tìm.

— Chú Sáu kinh tế có đó không ?

— Có, chi vậy ?

— Có mấy anh bộ đội kiếm chú đề nhận gạo nè. Về xuất cho họ đi.

— Nói mấy ảnh ráng chờ chút, tôi lo việc này xong về xuất liền.

Trong đêm, bóng một anh bộ đội tiến lại năn nỉ :

— Anh Sáu cố gắng xuất giùm ngay cho, chớ bọn tôi nhận trễ, lên trễ không kịp vượt đường, ở lại rủi ngày mai nó cần, xoay trở làm sao ?

Bà cụ Mươi ghé vô đỡ lấy chiếc đòn khiêng :

— Thôi Sáu để đây tao. Về xuất gạo cho anh em, chớ để anh em họ lên trễ rồi lỡ lại hy sinh mấy người nữa thì càng thêm đứt ruột đó con.

Anh Sáu trao đòn khiêng cho bà cụ Mươi.

Dưới hầm, chị Sáu cho thằng Cu bú. Thằng bé ôm lấy bầu vú căng sữa của chị mà mút lấy mút để. Nét mặt nó bắt đầu tỉnh trở lại. Vừa cho nó bú, chị Sáu vừa vuốt ve từng ngón chân ngón tay nó. Lúc chị đón nó từ tay bà Mươi, người nó còn tím tái, trên nét mặt còn chấp chờn cái bóng đen của sự chết. Bà Mươi bảo bà đã phải ghé miệng vô lỗ mũi truyền hơi cho nó. Thôi, vậy là thằng bé sống được rồi. Vẫn biết từ nay còn vô vàn tai ương đe dọa thằng bé, nhưng dù sao chị vẫn cứ tin rồi nó cũng sẽ vượt qua được hết. Thì cứ như thằng Lượng cháu bà Mươi đây ? Mẹ nó để nó trong nhà lao. Ai nghĩ là nó sống được ? Vậy mà nó cứ sống, cứ lớn. Rồi bom xăng Mỹ tưới lên mình nó. Ai nghĩ là nó sống được ? Vậy mà nó cứ sống. Nó còn đánh được Mỹ. Bây giờ nó còn được ra tận thủ đô Hà Nội. Rồi nó sẽ còn đi những đâu, những đâu... Chị Sáu cứ tự nhủ thầm như thế và chị thấy bớt lo cho số phận đứa con gái nhỏ mới đẻ của mình.

Thằng Bính công con Yến đến bên cửa hầm, bảo em :

— Anh đưa em xuống hầm em ngủ với cô Sáu với em Cu, anh đi đây chút xíu nhen ?

Con Yến giãy nẩy trên lưng anh. « Hông ! Hông ! Em đi với anh. Em hông xuống hầm... » Hồi chiều thằng Bính toan công con Yến chạy theo đoàn người đưa mẹ nó lên

đồn nhưng bị mọi người gạt lại. Lúc này nó nghĩ : Không ai cho nó theo thì tự mình nó đi lên cũng được. Nhưng con Yến cứ đeo riết lấy nó không rời một chút xúu nào hết. Nó thương em, nó không nỡ bỏ em lại một mình. Mà có bỏ lại con Yến cũng chẳng chịu nào. Cuối cùng nó công con Yến đi.

Trời tối mịt mùng. Thằng Bính nhờ vào ánh pháo sáng mà đi, băng qua cánh đồng. Những lúc pháo sáng tắt, trời càng tối hơn, Bính cũng cứ bước tới, bước tới, ngã dúi dúi trên đất ruộng khô nẻ. Mỗi lần ngã, nó chỉ lồm lỉ đứng dậy, xóc con Yến trên lưng, nhắc em bám cho chắc, rồi tiếp tục đi.

X

Một cách thật tự nhiên, Lượng đã trở thành người thân trong gia đình bà Hà Châu. Đối với chị Minh Hiền, Lượng cũng trở thành một đứa em, bởi chị là con dâu tương lai của bà. Mà cho dù không phải như vậy đi nữa, dù chị chỉ là người bạn gái bình thường của anh Đàm, thì tình cảm tha thiết của chị đối với miền Nam, với cái chiến trường mà bạn chị đang lăn lộn chiến đấu ngày đêm cũng khiến chị đương nhiên thấy cần phải chăm sóc Lượng như chăm sóc một đứa em. Bà Hà Châu còn có một người con gái, sinh với đời chồng sau. (Ông là cán bộ quân đội, đang làm nhiệm vụ tại chiến trường C), Đan Tâm, cô em gái cùng mẹ khác cha này của anh Đàm cũng trạc tuổi Lượng. Hôm Lượng tới nhà lần đầu tiên, cô ở nơi sơ tán. Về sau Lượng đã gặp cô nhiều lần và đã quen nhau. Cô chính là cô bé ba tuổi mà Lượng thấy trong tấm ảnh treo trên tường chỗ chiếc bàn học kê nơi góc phòng. Đan Tâm thường gọi Lượng bằng tên và xưng « mình » rất thân mật. Tâm đang học lớp bảy. Tâm đã chuẩn bị đủ sách giáo khoa chương trình lớp năm cho Lượng tuy Lượng chỉ mới nói sơ qua ý định của mình về việc học. (Các chú ở Ban thống nhất thì vẫn cứ nhắc đi nhắc lại: « Nhiệm vụ của cháu hiện nay là phải yên tâm chữa bệnh, nghỉ ngơi và bồi



đường sức khỏe »). Lượng sốt ruột quá. Bao giờ Lượng mới học lớp bảy như Đan Tâm? Ở Sa Kỳ Lượng đang học gần xong lớp bốn thì Mỹ ném bom đốt cháy trường, giết chết học sinh...

Vào các ngày chủ nhật, chị Minh Hiền và Đan Tâm thường mang xe đạp đến tận trạm đón tiếp đưa Lượng



đi chơi. Họ cùng nhau đi thăm nhiều nơi trong thành phố: đường Thanh Niên bên Hồ Tây, vườn hoa Thống Nhất, Hồ Gươm, Bảo tàng lịch sử, Bảo tàng cách mạng, Câu lạc bộ Thiếu niên... Tất cả đối với Lượng đều mới lạ và làm nảy nở trong lòng chú biết bao xúc cảm trước đây chưa từng có. Ở quảng trường nhà hát thành phố, Đan

Tâm kể với Lượng rằng tại đây ngày 15 tháng 5 hàng năm thường có tổ chức lễ duyệt Đội rất lớn. Trong lễ duyệt Đội năm ngoái, Bác Tôn đã tới dự và Đan Tâm được lên quảng tặng Bác chiếc khăn quảng đỏ. Chị Minh Hiền thì kể hồi chị còn là một đội viên, trong lễ duyệt Đội, chị được cầm lá cờ Đội đi đầu đội ngũ thiếu niên toàn thành điếu qua quảng trường này. Khi đã lớn, mỗi lần đạp xe đi ngang qua đây, chị vẫn còn nhớ như in hình ảnh lễ duyệt Đội năm ấy, nhớ cô bé cầm cờ hôm ấy và cả một thời niên thiếu trong sáng của cô.

Chủ nhật vừa rồi, chị Minh Hiền và Đan Tâm đưa Lượng đi xem phim. Chị Hiền cười, bảo : « Đi xem phim thật, chứ không phải loại phim kể bằng miệng kết hợp với tưởng tượng như kiểu anh Đàm cho các em xem trong ấy đâu nhé ». Có cả hai chị bạn cùng lớp chị Hiền cùng đi. (Chị đang học đại học y khoa năm thứ hai). Chị Hiền tự hào giới thiệu Lượng với bạn mình : « Chú Lượng dũng sĩ diệt Mỹ ở trong B mới ra. Anh Đàm mình vào B chiến đấu đã ở nhà chú ấy ». Hôm đó rạp chiếu phim « Bản nhạc Pô-lô-ne ». Chú bé nhân vật chính trong phim có gì gần gũi với Lượng quá. Lượng cứ ngỡ mình gặp lại một người bạn cũ. Chú cũng là một thiếu niên dù kích bí mặt đánh địch ngay trong vùng địch. Tất nhiên chú có cách đánh khác. Chú kéo đàn vi-ô-lông rất giỏi. Chú xách chiếc đàn vi-ô-lông đi lang thang qua nhiều nơi bọn phát-xít Đức đóng quân...

Một hôm, bà Hà Châu hỏi Lượng :

— Gia đình cháu có ai ra tập kết ngoài này không ?

Lượng toan đáp « không », nhưng sợ nhớ lời mẹ dặn, nên ấp úng :

— Dạ thưa... cũng có ạ.

— Ai thế cháu ? Bà con bên nội hay bên ngoại ?

Lượng lúng túng đến khổ sở nhưng Lượng không thể nói dối được. Nói dối thì rồi thì sẽ phải ân hận. Chú đành thú thật :

— Dạ, ba cháu.

— Cháu gặp ba cháu rồi chứ

— Cháu chưa gặp.

— Có lẽ ba cháu ở tỉnh khác chứ không ở Hà Nội phải không?

— Cháu không rõ, nhưng...

— ??

— Dù ba cháu có ở Hà Nội, cháu cũng không muốn gặp ông — Giọng chú bé căng thẳng.

— Sao thế cháu? — bà Hà Châu ngạc nhiên.

Lượng yên lặng. Với sự nhạy cảm của mình, bà Hà Châu hiểu ngay rằng ở đây có một uẩn khúc gì đó. Bà gắng hỏi nhưng chú bé không chịu nói. Lúc khác, bà bảo Đan Tâm: « Mẹ cảm thấy hình như Lượng nó gặp chuyện không may trong hoàn cảnh gia đình. Con lựa dịp thuận tiện kêu gọi thử giùm mẹ xem ».

— Lượng này, vì sao Lượng không muốn gặp ba? Lượng có thể cho mình biết với được không? — Đan Tâm hỏi, trong một lúc chỉ có riêng Lượng và Đan Tâm.

Lượng thở dài, một cử chỉ hoàn toàn không đáng có trong lứa tuổi của chú. Cái điều phiền muộn tựa hồ một hòn đá tảng cứ mỗi ngày thêm đè trĩu tâm tư chú bé đáng lẽ cũng được quyền sống vô tư như nhiều bạn cùng lứa khác. Vốn là một thiếu niên giàu nghị lực, Lượng chỉ muốn âm thầm tự mình chịu đựng. Nhưng sự quan tâm chân thành của người bạn gái tốt bụng và đáng tin cậy khiến Lượng cũng muốn giải bày, chia sẻ:

— Ba mình đã lấy vợ khác ở ngoài này.

— Có đúng thế không?

— Đúng chứ. Hồi mình lên chiến khu dự đại hội khu đoàn, khi về ghé vào cơ quan tỉnh nghỉ nhờ, tình cờ mình nghe được mấy chú nói riêng với nhau. Mẹ mình và bà mình biết lâu rồi nhưng hai người vẫn cứ làm như

không biết chi hết. Mẹ mình thiệt gar. Mình đem chuyện đó ra hỏi, mẹ mình la thôi là la. Lúc mình lên đường ra Bắc, mẹ mình còn kêu lại dặn dò ra ngoài này phải tìm gặp ba. Nhưng mình ghét ông hết sức. Mình không muốn tìm, không muốn gặp chi hết. Tìm làm chi ? Ông đâu có nghĩ chi tới mẹ mình mà mình tìm ông ?

Đến lượt Đan Tâm cũng thở dài.

— Ủ, thế thì tức quá nhỉ.

— Nếu ba Đan Tâm mà như vậy, thì Tâm có gặp ba không ?

Tâm ngơ ngác trước câu hỏi đột ngột.

— Mình không biết. Là vì bố mình chắc chắn sẽ không bao giờ như vậy cả. Nhưng ví dụ, đây là ví dụ thôi, nếu có như vậy thì mình sẽ... Không, mình không biết, việc này thì phải hỏi mẹ mình. Lượng đồng ý không, mình sẽ đem hỏi mẹ mình nhé ?

Lượng không đáp nhưng ánh mắt chú tỏ vẻ ưng thuận.

Sau khi nghe Đan Tâm thuật lại mọi điều, bà Hà Châu thăm quyết định là phải tự mình đi tìm ba Lượng cho được. Phải gặp ba Lượng để coi sự thể ra sao đã. Nhưng tìm được ba Lượng đâu phải dễ, vì Lượng không có địa chỉ của ba chú. Mười mấy năm nay mẹ con Lượng ở trong Nam không nhận được một tin tức nào của ba chú ngoài cái tin đồn chưa xót kia. Lượng chỉ cung cấp cho bà Hà Châu được một chi tiết mong manh : Ba Lượng tên là Võ Trí, quê ở Sa Kỳ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, tập kết ra Bắc năm 1954. Thế thôi. Thậm chí cũng không biết ba chú là bộ đội hay cán bộ dân chính, công tác thuộc ngành nào...

Ấy thế nhưng bà Hà Châu vẫn cứ nghĩ phép để thực hiện ý định của mình. Là một cán bộ của văn phòng Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ, bà có mối liên hệ khá rộng với cán bộ các ngành xung quanh Trung ương và Hà Nội. Gặp ai bà cũng hỏi thăm thử xem họ có biết ông Võ Trí không. Bà kể cho họ nghe về Lượng và nhờ họ

hỏi thăm giùm. Bà đến thăm tất cả những cán bộ miền Nam tập kết mà bà có quen. Có người bà chỉ mới biết sơ sơ qua một cuộc hội nghị, một cuộc tiếp xúc chớp nhoáng tình cờ, bà cũng đến. Có người, bà tìm đến qua sự chỉ dẫn của một người khác. Sau cùng bà được giới thiệu địa chỉ một đồng chí trong hội đồng hương tỉnh Quảng Ngãi. Nhưng khi bà tới, thì người ta cho biết đồng chí này lại ở chỗ sơ tán, rất ít khi về Hà Nội. Không kể gì đến sức khỏe chẳng lấy gì làm tốt của mình, bà đã đạp xe gần sáu mươi ki-lô-mét lên tận một vùng xa xôi ở Hà Bắc, nơi đồng chí bà cần tìm đang sơ tán. Đồng chí này có biết ông Võ Trí, song những điều ông biết thật quá sơ sài. Ông chỉ biết ông Võ Trí lúc tập kết là cán bộ quân đội, sau khi ra Bắc hình như theo đơn vị đi làm nhiệm vụ ở miền Tây nên không có liên hệ gì với hội đồng hương. Bà quay về Hà Nội với tâm trạng gần như thất vọng. Chỉ còn ba ngày phép. Rồi một ý nghĩ chợt nảy ra: Ông Võ Trí lúc tập kết là cán bộ quân đội, vậy ta phải đến những người quen trong quân đội thử xem sao. Ngay buổi trưa ấy, bà đạp xe tới nhà một người bạn của chồng mình hiện công tác ở Tổng cục chính trị. Bà thành công một cách bất ngờ. Khi bà vừa mới trình bày được nửa chừng câu chuyện, thì người bạn của chồng bà vội ồ lên một tiếng và ngắt lời bà:

— Ai, Võ Trí ấy à? Võ Trí thì tôi quen. Anh ấy là cán bộ miền Nam tập kết, quê ở Quảng Ngãi. Anh ấy đang ở đây, đang ở Hà Nội đây.

— Giới ời, cái số tôi thật là cái số vất vả! — bà Hà Châu kêu lên nhưng lại thở phào mừng rỡ — Giá tôi đến anh sớm thì không phải đạp xe lên tận Hà Bắc.

— Cũng may đấy chị ạ, vì anh Võ Trí lâu nay ở một đơn vị bên chiến trường C. Anh ấy mới được triệu tập về Hà Nội để chuẩn bị nhận nhiệm vụ mới.

— Bây giờ anh ấy ở đâu, anh chỉ chỗ cho tôi tới gặp.

— Việc này thì lại hơi khó. Anh ấy đang phải dự một cuộc hội nghị quan trọng. Chế độ vào doanh trại rất chặt chẽ. Mà bận lắm. Làm việc cả buổi tối thứ bảy, có thể cả

chủ nhật. Thôi, để tôi báo cho anh ấy, chập tối nay anh ấy lại đăng chi.

— Vâng, thế cũng được. Nhà tôi thì anh biết rồi, nhờ anh chỉ giùm cho anh ấy.

Nhưng vốn tính cẩn thận chu đáo, bà Hà Châu lấy một mảnh giấy nhỏ, ghi đầy đủ họ tên, đường phố, số nhà, tầng gác và phòng ở của mình.

— Anh đưa cái này cho anh Trí, cho chắc chắn.

Về nhà bà thấy Lượng đang ngồi nói chuyện với Đan Tâm bên bàn học, Tâm khoe :

— Mẹ này, Lượng đến chào mẹ để đi Liên Xô dự liên hoan thiếu nhi quốc tế.

— Thế à ? Thế thì vui quá. Bao giờ cháu đi ? Có gấp lắm không ?

— Thưa bác, chừng giữa tuần sau.

— À, giữa tuần sau... giữa tuần sau...—bà Hà Châu lẩm bẩm như suy tính riêng điều gì trong đầu — hôm nay là thứ bảy rồi nhỉ ? Vậy ngày mai cháu phải đến đây ở chơi với bác cả ngày nhé.

— Dạ.

Khi Lượng trở về tạm đón tiếp, bà đưa Lượng đi một đoạn. Bà hỏi Lượng :

— Lượng ạ, có thể trong vài ngày tới, bác sẽ tìm được địa chỉ của ba cháu.

— Ba cháu đang ở đâu, bác ?

Vẻ sốt sắng trong giọng nói của Lượng khiến bà Hà Châu mừng thầm.

— Ba cháu đang ở Hà Nội đây nhưng bác chưa biết chỗ cụ thể. Nếu tìm được, bác đưa cháu đến thăm ba cháu nhé ?

Lượng rín thính. Một lúc lâu sau, Lượng bỗng nói, ngẹn ngào, tức tưởi :

— Cháu cũng muốn có ba như những đứa khác lắm chớ, bác ơ! Nhưng sao ba cháu lại thế, bác? Ở trong kia, mẹ cháu khổ biết chừng nào. Bà ngoại cháu kể rằng mẹ cháu đã sinh cháu ở trong tù. Mẹ cháu ở tù nhiều lắm. Chúng nó tra tấn mẹ cháu nhiều lắm. Nhưng dù chúng nó tra tấn bao nhiêu đi nữa, cứ nghĩ đến ba cháu là mẹ cháu vượt qua được hết. Tại sao ba cháu không nghĩ chi tới mẹ cháu hử bác? Tại sao lại vậy?

Tuy không phải người trong cuộc, nhưng những câu hỏi «tại sao? tại sao?» của Lượng cũng khiến bà Hà Châu nhói buốt tận tim. Bà đã làm mẹ và bà đã hiểu rằng chẳng có gì đáng sợ hơn đối với những người làm cha mẹ là bị mất lòng tin của con cái. Nhưng ở đây còn có cái gì khác nữa. Đó là nỗi đau đất nước bị kẻ thù chia cắt, nỗi đau mà trước kia tuy bà đã cảm thấy sâu sắc nhưng hình như cho đến nay nó mới thật hiện ra một cách tàn nhẫn, nghiệt ngã và thống thiết đến vậy.

Buổi tối, khi ông Võ Trí đến nhà, sau mấy lời thăm hỏi bà càng xót xa vô hạn khi biết rằng cho tới nay thậm chí ông vẫn chưa có được cái hạnh phúc nhỏ bé nhất, đơn sơ nhất của người làm cha là được biết tên con mình — đứa con duy nhất mà ngày ông ra đi nó mới chỉ là cái thai trong bụng mẹ.

— Lượng... Cháu tên là Lượng, anh ạ — bà Hà Châu nói, nước mắt ứa ra...

— Mười ba năm, tôi không nhận được một tin tức nhỏ nào của gia đình. — Ông Võ Trí đáp, cặp mắt trầm tĩnh của ông chất chứa ưu tư và ánh lên bao nỗi bồn chồn — ngay sau khi ra Bắc, tôi đi làm nhiệm vụ ở miền Tây, rồi sau là chiến trường C.

— Nhà tôi cũng đang ở đó.

— Thế thì chị có thể thông cảm với tôi được phần nào. Đối với anh em chúng tôi, chưa có lúc nào thật sự hòa bình. Và thư từ liên lạc về Nam thì lại càng vô cùng khó khăn. Tôi không ngờ lại được gặp con tôi ở ngoài này. Phiền chị chỉ chỗ cháu Lượng cho tôi...

— Tôi sẽ đưa anh đến tận nơi. Trưa nay cháu vừa ở đây. Nhưng có điều...

Bà mạnh bạo nói cho ông Võ Trí biết tâm trạng của Lượng hiện giờ. Nghe xong ông Trí cười :

— Khổ thế đấy chị ạ. Xa xôi cách trở. Tin tức chính xác thì không tới, mà tin đồn tầm bậy thì lại tới. Tuy nhiên việc đời cũng có chỗ éo le. Để gặp cháu, tôi sẽ nói cho cháu rõ sau. Vả lại, tôi cũng sắp được về trong kia. Chỉ ít ngày nữa thôi...

Bà Hà Châu khuyên ông nếu tối nay bận họp thì cứ chờ tới sáng mai hãy gặp Lượng. Lượng hẹn bà sáng mai đến đây chơi cả ngày. Bà đã chuẩn bị trưa mai sẽ làm một bữa ăn tươi để tiễn Lượng đi Liên Xô, và bây giờ bà mong muốn đó cũng là bữa cơm đoàn tụ của hai cha con ông.

*
* *

Tuân một mình cầm cúi đi trên đường Cái Mối. Hai bên đường mọi khi lúc nào cũng có người làm lụng dưới các đám ruộng, giờ đây vắng teo. Con đường từ Sa Kỳ tới chợ Bàu cũng không một bóng người. Chỗ ngã tư giữa con đường này và đường Cái Mối, một tốp lính Mỹ trải bạt ngồi hai bên vệ đường. Có bốn tên. Hai tên gác phía trên, hai tên gác phía dưới.

Tuân biết bữa nay có Giếch gác ở đây. Cái hôm khiêng những người bị chết và bị thương vì pháo Mỹ lép Đá Mú đấu tranh, Tuân đã hé thấy đôi điều ở Giếch tỏ ra hấn không đến nỗi mù quáng. Trong khi mọi người xô cánh công rào kẽm gai, hấn có nhiệm vụ phải giữ cánh công để chặn lại, Tuân nứ tay hấn và thấy ngay hấn có vẻ không muốn dùng hết sức. Nhìn vào những chiếc vồng dầm máu của các nạn nhân, cặp mắt hấn bộc lộ niềm kinh hãi và hồ thẹn. Tuân giúi vào tay hấn một mẫu giấy có dòng chữ tiếng Mỹ mà anh cán bộ binh vận viết sẵn: « Anh nghĩ sao, nếu tai họa thê thảm này cũng xảy ra cho người thân của anh ở nước Mỹ ? ». Hấn cầm đọc, cặp mắt trở nên đăm

chiều hơn. Đêm đó, Tuân cùng mọi người ở lại trong đồn. Người ta vào tận các căn nhà gỗ nơi lính Mỹ ngủ để xin nước uống và bỏ rớt lại những mẩu giấy nhỏ tương tự. Khi đi ngang qua dãy nhà để xe, nơi những người chết nằm, nhiều tên lính Mỹ cúi gục đầu, hai tay bưng lấy mặt. Bọn chỉ huy Mỹ phải cào trực thăng chở những người bị thương đi cứu chữa ngay trong đêm. Qua nhiều hôm sau, chúng phải ký vào tờ kiến nghị của dân Sa Kỳ cam kết bồi thường cho gia đình những người bị chết và từ nay không bắn pháo vào làng.

Tuân lại gần tổp lính gác. Nhận ra Tuân, Giếch đưa tay ngoắt. Tuân tới ngồi xuống tấm bạt, cạnh Giếch.

— Đi đâu ? — Giếch hỏi.

— Đi kiếm ăn, — Tuân đáp và luồn tay vào bụng, nhăn mặt — đói !

Giếch moi ở hai cái túi to lệ sệ trên hai ống quần chỗ đầu gối lấy mấy hộp bánh, thịt, hắt hàm ra hiệu bảo Tuân ăn. Tuân lắc đầu lia lịa.

— Đói, sao không ăn ? — Giếch ngạc nhiên.

Tuân chỉ con đường lên chợ Bàu :

— Quân đội Huế Kỳ cấm đường, mẹ không đi chợ được, bé con đói, — Tuân chỉ tay xuống các xóm — dưới đó còn nhiều bé con đói lắm.

Giếch nhún vai buồn bã, Tuân bảo :

— Ngày mai mẹ đi chợ, đừng bắn. Nghe không ?

Giếch lại nhún vai.

Một đoàn xe tăng từ Đá Mú đi xuống. Tuân đứng dậy nói với Giếch rằng mình phải ra Chu Lai kiếm ăn, và giơ tay vẫy chiếc xe tăng cuối cùng xin đi nhờ. Chiếc xe dừng lại. Một tên Mỹ trên xe trao đôi vại câu gì đó với Giếch và đưa tay cho Tuân bám leo lên ngồi cạnh chúng trên tháp pháo. Xe tiếp tục chạy. Đường xấu. Bụi bay mù đằng sau. Mấy tên Mỹ nói chuyện gì với nhau rồi cười hô hố. Tuân chẳng biết nhưng cũng cố cười góp với chúng.

Một tên đưa tay làm một cử chỉ tục tĩu. Chúng nó lại cười hô hố, hô hố. Vài người dân đứng bên đường nhìn lên. Tuân bắt gặp những tia mắt khinh bỉ ném vào mặt mình. Tuân cảm thấy da mặt mình sần sượng. Nhưng dù sao Tuân cũng đã biết chịu đựng điều này, mỗi lần đi chung với bọn Mỹ.

Xe lên dốc. Một mảng biển xanh thấp thoáng hiện ra giữa hai mỏm đồi, rồi cái mảng xanh vừa thoáng hiện lại biến mất. Xe xuống dốc. Những dải đồi đá ong bị bom đào xới, từng vệt lở loét khủng khiếp kéo dài, rực lên trong ráng chiều một màu nhức nhối. Mặt trời từ từ bị mây che khuất. Đám mây đông tràn qua rất nhanh. Rồi mưa đổ xuống. Mặt đất bốc hơi ngùn ngụt.

Chiếc xe đi trước bỗng dừng lại. Chiếc xe Tuân ngồi cũng dừng lại. Ở chiếc xe trước, hai tên Mỹ nhảy xuống. Một người con gái vác chiếc cuốc trên vai đi dưới ven đường. Con mưa bắt ngờ khiến quần áo chị ướt sũng. Tuân thấy hai tên Mỹ xĩa súng vào chị. Chị hươ tay và giải thích gì đó. Nhưng hai tên Mỹ thành lĩnh kèm chặt hai cánh tay chị và xốc lên xe, mở nắp và ấn chị xuống. Một tiếng kêu thất thanh bật lên rồi tắt ngấm. Mấy tên Mỹ ngồi cùng xe với Tuân huyết sáo miệng inh ỏi, vẩy tay về phía chiếc xe trước vẻ thích chí. Hai chiếc xe tiếp tục chạy.

Trong tiếng động cơ gầm rít nhức óc, Tuân vẫn như nghe tiếng kêu của người con gái từ chiếc xe trước vang lại. Chú ôm bụng nhăn mặt kêu đau và bảo một tên Mỹ cho chú chui xuống nằm dưới gầm xe. Dưới này, có hai tên Mỹ đang ngủ. Hơi bia nồng nặc. Những lon bia rỗng vút lủng chổng trên mấy thùng đạn pháo. Tuân nằm khoanh vào một góc, cố gắng chịu đựng cái mùi khó chịu toát ra từ người bọn Mỹ. Đây chẳng phải lần đầu Tuân nằm chung với bọn Mỹ trong xe tăng. Mấy lần trước đi với chúng trong xe tăng, thậm chí Tuân có thể ngủ được một giấc dài. Cái tiếng kêu kinh hoàng như phấn uất, như cầu cứu của người con gái kia vẫn cứ xoay mãi vào tâm trí Tuân.

Chú lay lay tên Mỹ nằm cạnh. Nếu nó thức, chú sẽ giả vờ xin thuốc đau bụng. Nhưng nó ngủ say như chết. Chú

lần lượt lay cả hai tên. Chẳng tên nào động cựa. Mấy chiếc dây lưng giắt lựu đạn của chúng quăng ngổn ngang cạnh chỗ Tuấn nằm. Chú thò tay vào túi, tìm sợi dây cước bí mật...

Tuân mở nắp xe chui lên, nhả nhó bảo với mấy tên Mỹ ngồi trên cho chú đi đại tiện. Xe chạy chậm lại, Tuấn nhảy xuống và ra hiệu cho chúng cứ chạy, chú sẽ vẫy một chiếc xe khác đi sau. Tuấn băng qua mấy đám ruộng ven đường và tuột quần ngồi thụt xuống giả vờ như đại tiện rất gấp, chờ cho chiếc xe mất hút mới đứng dậy.

Chú quay lại đoạn đường vừa đi. Được một quãng, chú gặp xác người con gái hồi nãy nằm ở vệ đường. Áo quần chị bị xé tướp. Chị đã tắt thở. Mặt chị nhăn lại bởi một nỗi đau đớn cùng cực trong khoảnh khắc sống cuối cùng. Chú cởi áo đắp cho chị rồi vào cái xóm gần đó báo cho đồng bào biết.

Tuân trở về theo lối xóm Gò, ghé vô K03. Đầu đang lên cơn sốt rét, cột võng nằm chèo queo trong lều. Tuấn luồn tay vào dưới tấm đắp. Người Đầu nóng như rang. Chiếc võng rung lên bần bật. Mọi người trong trạm đều đi công tác cả, ở nhà chỉ có Đầu và chị trạm phó. Chị đang đãi gạo nấu cháo cho Đầu. Tuấn giúp chị nhóm lửa.

— Đi đâu giữa trời mưa mà ở trần vậy Tuấn? — chị trạm phó hỏi.

— À, em rúc qua mấy đám gai mắt mèo, nó rách xoạc một miếng dài, tức quá vứt luôn.

— Xài sang dữ vậy, không đưa về đây chị vá cho.

— Nó cũ quá rồi mà.

Mưa đã ngớt. Trời dần tối. Một anh giao liên vừa đi công tác ở cánh ngoài về, mới bước chân vào lều đã nói ròn rảng :

— Kỳ quá đi, bữa nay trên đường Cái Mới có chiếc xe tăng Mỹ đang chạy bồng dưng phụt cháy, đạn trong xe nổ ầm ầm trùm lùm từa lưa...

Chị trạm phó tròn mắt :

— Ông nội giỡn hoài à.

Anh giao liên xì một tiếng và làu bàu :

— Ai thèm giỡn ! Ra ngoài đồi Bình Hòa đứng mà coi, hẳn đang còn nở ngoài đó.

Ngồi bên bếp lửa, Tuấn nghe hết mấy điều hai người vừa nói. Lẽ ra Tuấn có thể thú vị hơn nhiều trước cái tin thắng trận giòn giã của chính mình mà người ta vừa tình cờ đem lại cho chú. Nhưng trong tâm trí chú giờ đây vẫn cứ hiện lên cái hình ảnh thê thảm của người con gái bị bọn Mỹ làm nhục tới chết và ném xác xuống vệ đường. Sao chúng làm điều ác một cách dễ dàng đến vậy ? Chúng đang cười cười nói nói đó mà đã giết người ngay đó. Một chiếc xe tăng với mấy thằng chúng nó bị thiêu cháy đâu có ăn nhằm chi ?...

Tuấn chào chị trạm phó rồi về.

Ở nhà, thằng Bính đang chổng mông thổi lửa nấu cơm trong lều trước cửa hầm. Củi rớt, khói bốc ùn ùn, nước mắt nước mũi nó chảy ròng. Con Yến ngồi một bên khóc dầm dút vì đói.

Tuấn ngồi xuống cạnh con Yến, vuốt tóc nó dỗ :

— Yến đừng khóc, rồi anh lấy bánh cho Yến ăn đỡ đói nghe.

Con Yến « dạ » một tiếng ngon lành và ỏn ẻn :

— Yến không khóc, anh Tuấn cho Yến bánh.

Từ dạo cô Ài chết, mấy anh em Bính qua ở với gia đình Tuấn luôn. Bà ngoại nuôi thằng Cu bằng nước cháo. Thỉnh thoảng Tuấn xin của bọn Mỹ được chút sữa bột nào lại cấp củm ⁽¹⁾ đem về cho nó. Nó cũng được bú luôn, bởi trong xóm có bốn năm người mới sinh con, mà người nào cũng dư sữa. Mỗi khi bà ngoại bế nó đi bú nhờ, bà thường

(1) Dành dụm.

bảo : «Cái đất Sa Kỳ chỉ khoai không là khoai, mà đàn bà con gái chu cha là lắm sữa. Tao cứ bồng cháu tao đi bú dạo vòng quanh xóm vậy đây cũng dư sức cho nó lớn...».

Tuân rúc xuống hầm lấy áo mặc và lục trong thùng các tông lấy mấy lon đồ hộp bỏ vô chiếc túi mìn mo đeo chéo qua người. Trở lên, Tuân mở một hộp bánh chia cho hai anh em Bính và dẫn :

— Ở nhà đừng để cơm tao nghe Bính. Khuya tao mới về.

— Dạ.

Ra tới ngõ, Tuân gặp Tư. Mấy hôm rồi ngày nào Tư cũng đi chợ Sa hoặc đi đâu đó bên kia sông. Chắc lại có chuyện mần ăn mới. Tư vẫy Tuân lại, thì thầm :

— Nè...

— Chi ?

Tuân đã tưởng Tư sắp phổ biến nhiệm vụ gì mới, nhưng không phải. Giọng Tư nghiêm trọng :

— Cô Nhuần...

— Sao ?

Tư cho biết, dì Nhuần đã nhận nhiệm vụ trước Đảng ủy ngày mai đi hợp pháp để mở con đường lên chợ Bàu. Gạo mua về nhiều quá, chuyên ban đêm không thể nào hết được, ón lại dầy các nhà, nó mà cần một trận là mất sạch. Đảng ủy quyết định phải tổ chức đưa lực lượng đấu tranh chính trị ra để khai thông con đường hợp pháp này. Dì Nhuần xung phong gánh gạo đi trước thăm dò thử coi bọn Mỹ gác đường có bắn không. Nó không bắn thì tốt, bà con cứ lần lượt rải rác gánh gạo theo sau mà đi. Nhược bằng nó bắn, có bị thương có chết, cũng lấy cớ đó mà đấu tranh.

«Lỡ dì Nhuần có bề nào...!» — Tuân thoáng nghĩ, và Tuân nhớ tới Lượng. Chắc Tư cũng đang rất lo cho dì Nhuần. Và hẳn cũng đang nhớ tới Lượng. Nghe giọng Tư nói thì biết.

Tư hỏi :

— Đi đâu bây giờ vậy ?

— Qua đưa cái này cho thằng Đầu chút. Nó sốt dữ quá.

Rồi Tư và Tuân lại cùng im lặng bởi một ý nghĩ nào đấy. lát sau, Tuân đi. Tuân sang xóm Gò, ghé qua chỗ K03 đưa cho Đầu mấy lon đồ hộp rồi xuống nhà Quế. Tuân sẽ bày cho Quế đánh xe tăng Mỹ theo cách của Tuân.

*
* *

Hai cha con ngồi trên một chiếc ghế đá trong vườn hoa Thống Nhất. Buổi sáng chủ nhật, tuy là giữa những ngày chiến tranh căng thẳng và bận rộn, vườn hoa vẫn không vắng người đi dạo. Trẻ con được đưa đi sơ tán đã nhiều, mà người ta vẫn luôn luôn gặp chúng diều từng tốp riu rít quanh hồ vớt thức ăn đem về nuôi cá vàng. Trên một bãi cỏ gần đây, các cô tự vệ đang tập bắn máy bay, thỉnh thoảng lại rộ lên một chuỗi cười trong trẻo.

— Ba ở đâu mà tới chỗ con được sớm vậy ? Lượng hỏi.

— Ba ở cũng không xa lắm.

Thực ra, đêm qua, sau buổi họp cuối cùng của cuộc hội nghị cực kỳ quan trọng đối với đoạn đời chiến đấu sắp tới của mình, ông Võ Trí đâu có ngủ chút nào. Ông rời khỏi nơi họp và đi thẳng đến chỗ Lượng ở trạm đón tiếp mà bà Hà Châu đã chỉ dẫn giùm. Lúc đó đã mười một giờ rưỡi đêm. Cổng ngôi nhà đã đóng. Mọi người đều đã ngủ. Ông đứng ngẩn ngơ nhìn lên những ô cửa sổ đề ngỏ của ngôi nhà hai tầng, thầm hỏi không biết con ông đang nằm ở phòng nào, sau ô cửa nào ? Có thể là sau ô cửa sổ cuối cùng ở căn phòng cuối cùng trên tầng hai kia chăng ? Hoặc là căn phòng giữa chăng ? Ông cố mừng mừng trộm trộm mặt của con, vóc dáng của con, cái cách nó nằm ngủ ra sao, nhưng không sao mừng mừng trộm trộm nổi. Khi thì ông thấy nó giống ông, khi thì ông thấy nó giống mẹ nó. Trước khi xa nhau dang đẳng, thời gian chung sống giữa hai vợ chồng

đồn lại nào có được mấy ngày! Ông cũng chẳng có được một bức ảnh nào của vợ...

Ông đi lang thang trong các phố, hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, rồi lại vòng trở lại ngôi nhà nơi con ông ở. Ông lại ngong ngóng nhìn lên những ô cửa sổ trên cao. Cứ thế cho tới lúc trời sáng rõ, các cô maid dịch viên bắt đầu đẩy những chiếc xe thức ăn sáng đi bán lưu động trên đường, bản nhạc đầu ngày của Đài tiếng nói Việt Nam cất lên. Cánh cổng ngôi nhà trạm đón tiếp vừa mở, ông đã bước vào.

Khi đồng chí thường trực dẫn từ trên gác xuống một em thiếu niên mặc quân phục chiến sĩ quân giải phóng có gương mặt dễ thương với cặp mắt sáng cương nghị, ông ngỡ hình ảnh ấy là ở trong chiêm bao. Con ông đấy ư? Người chiến sĩ nhỏ tuổi cứng cỏi và chững chạc kia là con ông đấy ư? Em thiếu niên nhìn ông, rụt rè: «Chú hỏi cháu à?» «Lượng phải không? Ba đây». Ông run run kéo Lượng lại phía mình, ôm chặt. Trong cơn bàng hoàng, ông sung sướng đến ngây dại, nghe thĩ thảm bên tai mình một tiếng thốt nghẹn ngào: «Ba!» Nước mắt ông trào đầm hai gò má, chảy xuống loang ướt vai áo quân phục của con.

Giờ đây ngồi bên con trong vườn hoa, cảm giác bàng hoàng vẫn chưa tan hết trong ông. Ông xoay nghiêng người nhìn con, chốc chốc lại đưa tay vuốt tóc hoặc nắn lại cổ áo sơ-mi cho con.

Đêm qua Lượng cũng không ngủ. Buổi tối, bà Hà Châu đến. Bà báo tin cho Lượng biết là đã gặp ba Lượng và bà khẳng định với chú rằng những điều mà chú nghe đồn trong Nam về việc ông có vợ ngoài này là hoàn toàn không đúng. Bà nói chuyện với Lượng khá lâu, dặn dò Lượng ngày mai gặp ba phải như thế nào. Bà ra về rồi, Lượng đi nằm mà cứ trằn trọc mãi. Chú vừa ân hận về những lời nói và ý nghĩ quá đáng mà chú đã có đối với cha mình, vừa cảm thấy một nỗi bồn chồn lâng lâng trước cuộc gặp gỡ sắp tới. Lượng nhắm đếm thời khắc đang trôi qua, mong cho trời mau sáng. Rồi Lượng mệt quá thiếp đi, cho tới lúc nghe tiếng nhạc trỗi trên đài. Khi được bác thường

trực dẫn xuống tới nhà dưới, thấy một đồng chí sĩ quan mang quân hàm trung tá trạc bốn mươi tuổi đang đứng ở dưới hàng hiên, Lượng vẫn chưa nghĩ đó là cha mình.

— Sức khỏe mẹ còn ra sao ?

Nghe cha hỏi, Lượng sức tỉnh. Đầu óc chú mang mang nghĩ rất nhiều điều mà chẳng nghĩ về một điều gì rõ rệt. Chú kể cho cha nghe về mẹ, kể lộn xộn, chuyện nọ xọ chuyện kia, có lúc đang nói chợt ngừng bật vì cái cảm giác bất lực trước những điều chú muốn kể mà không đủ lời để diễn đạt. Biết bao nhiêu nông nổi ! Có lời nào có thể diễn đạt nổi những gì mẹ chú đã phải chịu đựng — và đương nhiên những điều mà chú biết được chỉ là phần trăm phần nghìn.

— Con nhớ, hồi con còn nhỏ mẹ cứ phải đi ở tù hoài hoài thôi ba. Con ở nhà với ngoại. Di Thuận cũng đi ở tù. Thăng Tuân cũng về ở với ngoại. Định nố lại bắt cả nhà đi dinh điền. Ông ngoại chết ở trên dinh điền. Rồi bà ngoại đưa con với thăng Tuân trở về Sa Kỳ. Đây là về sau con nghe bà ngoại kể lại chớ hồi nớ con đã biết chi. Những chuyện nớ mỗi lần kể ngoại lại khóc. Hồi nhỏ con đại lắm ba, ngoại la con hoài. Có lần thấy cái máy bay bay trên trời, máy bay của địch nhưng con đâu có biết, con chỉ tay lên và nói với tụi trẻ con trong xóm: « Ba tao ở ngoài Bắc đang cưỡi máy bay về đó ». Ngoại hoảng hốt chạy ra bùm miệng con. Mãi tới lúc quê mình đồng khởi, mới được nhắc ba thả giàn...

Ba Lượng cười mà sông mũi ông cay xè. Mỗi chi tiết nhỏ trong câu chuyện của con đều khiến ông muốn trào nước mắt.

Chọc thủng sự bùng bít triển miên của quân thù, băng qua bao sự ngăn cách giã trá và hiểm độc mà chúng cố dựng lên bằng mọi thủ đoạn, vượt hàng ngàn dặm đường mịt mù lửa đạn, con ông đã đem ra cho ông một cái gì còn quý giá lớn lao hơn nhiều một sự đoàn tụ thông thường của tình máu mủ. Ông như thấy rõ ràng trước mắt mình kia, gương mặt, dáng hình người vợ hiền xinh đẹp mà ông vừa yêu thương da diết vừa căm phục tận lòng, khi



thì hiện lên sau chấn song sắt nhà tù, nhần nại và can trường, khi thì lặn lội trong đêm vắng giữa bao nguy hiểm, lặn lội mót nổi từng cơ sở, nhen nhóm từng tổ chức, gây dựng phong trào. Ông như thấy rõ ràng trước mắt mình, cái vùng quê nghèo cực mà gan góc trên cửa Sa Kỳ, với những dải đồi đá ong đâm mình trong gió mặn, suốt thời kháng chiến chín năm luôn luôn in đậm lên nền trời hình ảnh những người đàn bà ngồi gác biên, vừa canh chừng tàu giặc ngoài khơi vừa thông thả kéo chiếc cần vọt múc lên từng gàu đất đồi đỏ ầu của chồng đang khoét sâu thêm căn hầm địa đạo. Ôi vùng quê có cái mảnh đất đã từng là nơi tập hợp tế cờ và xuất kích của đội nghĩa quân Lê Trung Đình chống Pháp, vượt sông Trà tiến vào đánh chiếm thành Quảng Ngãi. Vùng quê có một dòng sông êm mát đổ về gặp biển, nơi đó gần bốn mươi năm trước giặc Pháp đem xử bắn một người cộng sản; người anh hùng đó đã nhìn thẳng vào nòng súng giặc, chỉ

tay xuống bãi cát dưới chân mình mà nói một lời tiên tri kỳ lạ : « Bay có thể giết ta, song mỗi hạt cát bên sông này thấm máu những người cộng sản sẽ hóa thành một chiến sĩ vùng lên tiêu diệt chúng bay ». Phải chăng dòng máu thiêng liêng đổ ra trên bãi cát năm xưa đã cuộn chảy trong tim bao lớp người, trong đó có ông, và giờ đây, cả trong trái tim non trẻ của con ông nữa, mặc dầu còn lâu nó mới đủ tuổi kết nạp vào Đảng. Ông sắp được trở về miền quê ấy, chiến trường ấy. Con ông, hẳn nó cũng không ngỡ, chính nó đã góp thêm nhiều báu vật vào cái hành trang tinh thần mà ông gom góp không ngừng suốt mười mấy năm qua cho cuộc trở về này.

— Chùng nào con đi ?

— Thứ tư, ba à.

— Như vậy là ba còn kịp để được tiễn con. Đáng lẽ ba lên đường vào tối nay đây, nhưng ba được phép nán lại. — Ông Võ Trí lặng nhìn con giây lâu, cặp mắt chan chứa yêu thương, giọng ông trầm hẳn xuống, như tiếng vang vọng sâu thẳm của tất cả những gì ấp ủ tận đáy lòng bao năm tháng qua — Lượng à, ba rất mừng là con đã sớm trưởng thành. Ba thật tự hào về con. Con nên hiểu, đối với người làm cha, làm mẹ, chẳng có hạnh phúc nào bằng hạnh phúc này đâu. So với các bạn cùng lứa khác trong những hoàn cảnh khác, con bị thiệt thòi nhiều, nhưng bù lại, con đã sớm trở nên một người chiến sĩ. Mà ở đất nước mình bây giờ, không làm một người chiến sĩ, không sống được đâu con. Ba cũng luôn phấn đấu để không ngừng xứng đáng là một người chiến sĩ cách mạng.

Ngừng một lát để châm một điếu thuốc, ông tiếp :

— Bây giờ ba nói với con một chuyện mà chắc lâu nay con băn khoăn nhiều. Hẳn con đã nghe người ta đồn đại. Thực ra câu chuyện hoàn toàn khác. Ba năm trước, ba nghe tin mẹ con hy sinh ở trong tù từ năm sáu mốt. Một đồng chí chỉ từng ở tù Côn Đảo, có biết mẹ con, ra ngoài này đã cho ba hay tin. Một thời gian sau, một số bạn bè khuyên ba nên lập lại gia đình. Trong nỗi cô đơn, nhiều khi ba cũng

có suy nghĩ tới chuyện đó. Để ba giới thiệu, sang Liên Xô con sẽ gặp bác Quang, một người bạn rất thân của ba. Bác Quang ở cùng đơn vị với ba từ hồi kháng chiến chống Pháp trong chiến trường cực nam Trung Bộ, ra tập kết ngoài này lại cùng đi làm nhiệm vụ ở miền Tây. Bác được điều về Nam sớm, sau bị thương ra Bắc điều trị, rồi được điều sang công tác ở cơ quan đại diện Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Liên Xô. Gia đình bác ở Hà Nội cả. Mỗi lần có việc về Hà Nội, ba thường ghé đó. Bác Quang có một người em gái, cô Liêm, cô ấy rất thương ba. Tuy nhiên, ba và cô ấy chưa quyết định gì cả, chưa hứa hẹn với nhau gì cả. Ba vẫn hy vọng được về Nam chiến đấu. Mà đã chiến đấu, thì cũng có thể hy sinh. Vậy đó, câu chuyện đầu đuôi là vậy đó con.

Lần đầu tiên trong đời, có một người lớn đã nói chuyện với Lượng như nói với một người bạn, chân thành và tin cậy. Mà người đó lại là ba Lượng. Lượng càng thấy thương mẹ thương ba quá, thương cả cô Liêm mà Lượng chưa gặp và đang ân hận vì đã từng có ác cảm đối với cô.

*
* *

Trong cái buổi sáng chủ nhật mà chú bé Lượng của chúng ta ngồi bên cha trên ghế đá, thì ở Sa Kỳ, chị Nhuận cố nhiên là không thể biết được rằng ở ngoài kia chồng con chị đang nhắc tới chị. Nhưng cũng chính trong buổi sáng này, chị lại đang nghĩ đến hai người thân yêu ấy nhiều nhất với nỗi niềm da diết hơn tất cả bao giờ trong cuộc đời đầy dẫy gian truân của chị.

Đêm trước chị thức hơi khuya, ngủ một giấc ngắn rồi trở dậy ăn một bữa cơm như mọi bữa cơm bình thường khác. Cơm ghế củ lang khô ăn với chút mắm thơm (1). Chị hít hà vì trái ớt cay và liếc nhìn mẹ thật nhanh. Bà cụ bông thẳng củ, thông thả bón cho nó từng muỗng cháo. Chị thật thương và cảm phục mẹ hết sức. Bà cụ thừa biết nhiệm

(1) Mắm cái trộn dứa xắt lát mỏng.

vụ nguy hiểm mà chị sắp làm sáng nay, nhưng bà tỏ ra rất bình tĩnh để khỏi ảnh hưởng tới con. Chị bới cơm cho con Yến, trộn mắm cho nó, và nhắc thằng Bính công việc cần làm trong ngày.

— Thằng Tuân đi ngủ lang ở đâu hồi hôm, tới giờ cũng chưa mò về, Bính ?

— Anh về hồi sớm đánh bò đi rồi chớ dì. — Bính nói.

— Chà, cái thằng không ăn uống chi hết mà đã đi.

— Ôi, nó tấp vào đâu mà không có ăn — bà cụ Mười xen vào.

— Anh còn đồ hộp giấu tùm lum ngoài đồng... — Bính thêm.

Chị Nhuận bồng thằng Cu từ tay mẹ, hít hít hồi lâu vào má vào rốn nó khiến thằng bé cười lên sằng sặc. Chính phút ấy, chị nghĩ tới Lượng, vụt nhớ lại ngày con còn bé, những lần rất hiếm hoi được gần con, chị đã hôn hít nó như thế nào. Chính phút ấy, chị nghĩ tới anh, thoáng mơ tưởng đến nghẹn lòng một ngày toàn thằng anh về, và chị cũng sẽ sinh một đứa con nữa, cũng kháu khỉnh bụ bẫm như thằng Cu này. Chị suýt ứa nước mắt, nhưng kịp tự ngăn lại được. Trao lại thằng Cu cho mẹ, chị đứng dậy xách nón cất đôi quang gánh lên vai bước ra khỏi lều.

— Con đi, mẹ.

— Ừ, con đi.

Chị rảo qua một lượt trong xóm Mồ Côi, thấy các tổ đang rộn rịp chuẩn bị, mỗi bà mỗi gánh gạo để sẵn trước sân. Chị sang xóm Mới. Ban chỉ huy đấu tranh chính trị đã có mặt đông đủ ở nhà cô Kha.

— Mình bắt đầu thôi chớ, bà con ?

— Bắt đầu được rồi đó !

Chị cất gánh lên vai tiến ra cánh đồng.

Con đường lên chợ Bàu mấy hồi chị vẫn đi hàng ngày, giờ đây trở nên xa hun hút. Cảnh đồng vắng đến rộn

người. Ở phía trước là những họng súng của bọn Mỹ gác đường đang chờ.

Mọi người trong xóm nín thở theo dõi từng bước chân của chị. Bỗng người ta thấy từ sau đám gò mả gần đường xuất hiện một bóng người thấp nhỏ cũng gánh một gánh gạo lon ton chạy theo chị.

Chị nghe tiếng bước chân tới kịp bên mình và một giọng nói quen thuộc :

— Cô Nhuận ! Con đi với cô.

Chị dòm ghéch qua. «Con Tư !» Lòng chị ấm hẳn, tim chị bót đập mạnh như lúc mới bước ra khỏi xóm. «Nó ém chỗ nào rồi bất ngờ ra hỗ trợ cho mình đây. Chuyện này đâu có trong kế hoạch ?».

Hai cô cháu bước đi gọng gàng theo nhịp đòn gánh kiu kịt trên vai, như những buổi đi chợ bình thường khác.

— Hẳn có bắn, mình đứng lại vẫy nón ra ý hiệu nó đừng bắn dân đi chợ, rồi mình lại đi ghen con !

— Dạ.

Khi họ sắp bước tới vùng cấm địa — theo quy định ghi trong truyền đơn bọn Mỹ mới rải — thì ở đằng trước họ không biết từ đâu lại xuất hiện ba đứa trẻ ngồi trên lưng bò đang thúc bò tiến về phía bọn Mỹ.

Khoảng cách giữa đám trẻ cười hò với bọn Mỹ ngắn dần, ngắn dần.

Một loạt súng nổ.

Ba đứa trẻ ngồi trên lưng bò cùng giơ những chiếc nón cời ⁽¹⁾ lên vẫy lia lịa, và vẫn thúc bò đi tới.

Đứa trẻ đi đầu bỗng buông rơi chiếc nón từ từ gục xuống.

Ở trong xóm, mọi người xăm xăm tiến ra. Chẳng còn ai biết sợ nữa. Người ta hỏi nhau : «Không biết mấy thằng nhỏ con nhà ai mà gan quá trời vậy ?»

*
* *

(1) Nón rách.

Đoàn tàu liên vận quốc tế đậu trước cửa nhà ga chính. Còn mười lăm phút nữa tàu chạy mà các toa tàu vẫn trống vắng, bởi những người ra đi ueue đứng cả dưới thềm giữa những người đi tiễn.

Đêm buông xuống. Dây đèn dọc thềm ga tỏa ánh sáng vàng đục. Có một đoàn tàu nào đó rúc còi về sốt ruột và tiếng loa phóng thanh giục giã hành khách lên tàu. Mấy anh bộ đội mãi chuyện trò với người thân, chợt nghe tiếng loa vội quay gót hối hả chạy qua con đường sắt phía bên kia. Đoàn tàu bên ấy chở đầy bộ đội. Từ phía đó vang lại những tiếng chào tạm biệt xen lẫn những lời đùa tếu.

Có tiếng ai đó thì thầm :

— Eội đi B đấy.

— Ờ, các anh ấy đi B đấy.

Lượng hỏi cha :

— Bữa nào ba đi, ba cũng xuất phát từ đây à ?

— Không, ba sẽ đi ô-tô vào khu Bốn rồi đi bộ tiếp. Hành lý của con xếp lên cả rồi chứ ?

— Các cô các chú ở Ban thống nhất lo hết cho cả đoàn rồi. Con cứ đứng đây với ba. Chừng nào tàu chạy con chỉ việc nhảy lên thôi.

Mấy hôm nay, Lượng xin trạm đón tiếp về ở đảng doanh trại với ba. Ngày kia ba Lượng cũng lên đường về Nam rồi. Thế là hai cha con lại xa nhau, chắc đến ngày toàn thắng mới gặp lại. Lượng muốn giúp chuẩn bị các thứ cho ba lên đường, nhưng là con trai, chú lúng túng quá, chẳng biết cần làm những việc gì. Cô Liêm đến thăm hai cha con mấy lần, đem cho ba Lượng một số thuốc hiếm rất cần cho đời sống chiến khu. (Cô là bác sĩ). Qua những phút bờ ngõ, ngượng ngập vì xa lạ ban đầu, dần dần Lượng thấy thật mến cô. Cô hỏi thăm nhiều đến mẹ Lượng. Nghe Lượng kể, cô khóc. Hôm nay cô cũng đi tiễn Lượng. Cô đứng hơi khuất trong bóng tối, bên cạnh Đan Tâm, chị Minh Hiền và bà Hà Châu, cặp mắt đôn hậu lặng nhìn

hai cha con Lượng từ biệt nhau. Lượng đứng đã chạm vai ba chú rồi. Chú kéo ba lại gần hơn, thì thầm.

— Ba à, có chuyện này bữa nay con mới nói. Bữa nọ chúng con được lên thăm Bác Hồ. Được Bác cho kẹo, được ăn cơm với Bác nữa. Hôm đó sướng quá, con khóc ròng thôi ba à. Con nhớ ngoại nhớ mẹ không xiết kể. Con đã viết thư về trông, nhưng viết thư làm sao nói hết được. Ba về trông, gặp ngoại gặp mẹ, ba nói giùm con. Ba biểu chàng Tuấn viết thư cho con, mà viết nhiều viết dài vào.

— Tất nhiên là ba về ba sẽ kể. Trời ơi, vậy mà bữa nay con mới cho ba biết. Thật là vinh dự cho gia đình ta — Ba bỗng ôm Lượng thật chặt — Thôi, con đi cho khoẻ. Bây giờ con đi chào mọi người rồi lên tàu. Các bạn con đã lên gần hết cả rồi kìa.

Lượng bàng hoàng rời khỏi vòng tay cha, đi chào các bác các cô chú đại diện Ban thống nhất và các đoàn thể ra tiễn đoàn thiếu niên dũng sĩ miền Nam. Sau cùng Lượng trở lại chỗ bà Hà Châu. Mọi người đều chúc Lượng đi khoẻ. Đan Tâm thì dặn thêm nếu Lượng ở lâu phải viết thư về cho Đan Tâm, và có viết thư về cho mẹ, cho anh Đàm cứ gửi cả về chỗ Tâm, mẹ Tâm sẽ đến Ban thống nhất liên hệ, có ai đi vào gửi tay cho chắc chắn.

— Thưa cô con đi — Lượng chào cô Liêm.

— Lượng đi cho khoẻ nhé — cô Liêm nói, giọng cảm động và đưa Lượng tới tận cửa toa.

Lượng nhảy lên bậc toa và tháo chiếc mũ tai bèo trên đầu giơ lên vẫy mọi người lần cuối trong khi đoàn tàu từ từ chuyển bánh.

Ông Võ Trí đứng vẫy theo, đôi mắt xao xuyến mở to, cố ghi lại hình ảnh đứa con thân yêu mới gặp đã phải xa. Nó đấy ư, con ông đấy ư, chú thiếu niên khoẻ đẹp trong bộ quân phục chiến sĩ giải phóng, đang đứng trên bậc toa vẫy chào mọi người? Trước ngày đi tập kết, ông có ghé về qua nhà. Vợ ông có thai lúc ấy đã đến tháng thứ

năm. Ngày ấy ông còn trẻ, sự am hiểu còn hạn chế chưa cho phép ông dự liệu hết được những gì sẽ xảy ra sau khi ông đi. Tuy nhiên ông cũng đã dự cảm được một phần. Ông nói với vợ rằng hai năm nước nhà sẽ thống nhất, vợ chồng sẽ gặp nhau, nhưng thực lòng ông đã nghĩ đến mối họa lớn đang hiện dần, bóng đen kẻ thù đang bắt đầu chập chờn đe dọa cái sinh mệnh nhỏ nhoi của đứa con ông còn nằm trong bụng mẹ. Ấy vậy mà vợ ông đã đưa tấm thân mảnh mai của mình ra che chở cho nó chào đời, cho nó thoát khỏi tất cả những trận đòn thù, đương đầu với mọi thử thách dữ dội nhất mà lớn khôn. Và bây giờ, nó đó, nó đi ra với thế giới đang hướng về Việt Nam, trong tư thế một người dũng sĩ...

XI

Cái nhà thương tỉnh chật chội và bẩn thỉu đến ghê tởm. Một giường phải chứa hai người. Tuấn nằm chung với một thằng bé cỡ tuổi thằng Bính. Nó bị thương ở đùi. Vết thương của nó bay mùi thối khản khản khiến Tuấn không ngủ được. Đầu óc căng nhức, miệng lúc nào cũng muốn buồn mửa. Căn phòng nóng như nung như nấu. Người bị thương toàn cụ già, đàn bà và trẻ con. Ở giường bên cạnh, một ông già phải nằm treo chân lơ lửng trên cọc mùng. Ông cụ rên la không ngớt. Người đi thăm nuôi ra vào chộn rộn suốt ngày, ban đêm trải ni-lông ngủ la liệt dưới sàn nhà đầy bụi. Người ta ngủ cả ngay trước cửa buồng yê sinh, nơi đó sàn nhà luôn luôn bị ướt nước.

Tuân mới từ Chu Lai chuyển về đây. Ngoài ấy cũng một cảnh thê thảm như vậy. Hai dãy giường vải kẻ sít nhau trong những ngôi nhà cuốn tròn kiểu tò vò, cả tường lẫn mái đều bằng tôn. Trời nắng, hơi nóng phả xuống hầm hập. Vừa rồi Mỹ càn lớn đầu trên vùng giáp ranh, bản dân bị thương quá nhiều, trực thăng ùn ùn chở về Chu Lai chật ẹp, nên chúng phải chuyển bớt số bệnh nhân cũ vào nhà thương tỉnh.

Một viên đạn găm trong ngực Tuấn, gã thầy thuốc Mỹ ngoài Chu Lai đã mổ gấp ra được rồi. Căn bệnh viện

bị gãy xương phải bó bột. Thằng Mỹ bán Tuấn hôm đó không phải là Giếch. Giếch ngồi gác đầu đường phía trên, phía chợ Bàu đi xuống. Lúc mới bị trúng đạn, Tuấn còn rần vẩy được cái nón. Đến khi té xỉu trên lưng hò, trong cơn choáng, Tuấn còn có thể nhận thấy Giếch ra hiệu cho đồng bọn dừng hẳn nữa. Rồi đi Nhuận và Tư đến, bà con mình ở phía sau cùng ùa đến, quây lấy bọn Mỹ. Rồi Tuấn được khiêng lên Đá Mú.

Mới đây, Tư lên thăm, Tuấn đã dặn Tư báo cáo giùm với chị Kha về thằng Giếch. Tư cho biết con đường chuyển gạo hợp pháp lên chợ Bàu từ bữa đó đã mở lại được. Những đám ruộng hai bên đường dần dần đã có người ta làm lụng. Bọn Mỹ vẫn gác đường nhưng không bán nữa, hoặc đôi khi chỉ bán vào những chỗ chúng ngờ có du kích. Ở nhà vẫn thường thường. Bà ngoại mắc nuôi thằng Cu, không lên thăm Tuấn được, bà cứ than vãn hoài. Di Nhuận thì cố nhiên là chẳng lên được. (Tuy di vẫn còn có khả năng đi hợp pháp, nhưng di chỉ đi trong trường hợp dành cho công tác). Du kích Sa Kỳ đánh mấy trận rất ngon ở đường Trường Dẫu, ở bãi Xương Bò. Tô chị Yên diệt được một tàu gạo. Mưu mẹo hết sức. Làm một thằng bù nhìn rơm di động từ ngoài đồng trống vô bụi tre, nhử nó. Nó kít xuống sát ngọn tre, thế là mìn định hướng cọt sẵn cả chùm trên ngọn tre nõ, xơi gọn thằng tàu gạo.

Tư hẹn ít bữa nữa lại lên thăm, nhưng khá lâu rồi vẫn chưa thấy. Tuấn nằm nhà thương thế là đã hơn hai tháng. Cực quá ở tù. Cái tay bó bột nặng trĩch một bên người. Ngày ngày, Tuấn chạy chỗ này chỗ nọ, giúp đỡ mấy người bị thương nặng nằm bất động không có ai thăm nuôi, khi thì rót giùm họ ly nước, khi thì mua giùm họ quả bánh ngoài cổng. Nhiều người chẳng có tiền nông chi hết. Đang làm ngoài đồng, Mỹ bán. Rồi nó lừa hết cả người mạnh lẫn người bị thương chở đi. Ông quản còn xăn tới hăng, áo còn lấm lem bùn đất. Tư bán bốn ang củ lang khô, được 200 bạc ⁽¹⁾ đem cho Tuấn, Tuấn chỉ

(1) Tiền của ngày quyền Sài Gòn hồi đó.

mới ăn một cây cà-rem, còn đem mua quà cho mấy người kia hết.

Những lúc buồn chán quá, Tuấn lại ra đứng ngóng ngoài hàng rào gần cổng xem người qua kẻ lại, xem một gã lính điên nhả nhổ làm đủ mọi trò. Người ta bảo rằng hần người thị xã đây, học gần đến tú tài rồi bị bắt lính. Hần mới bị điên chừng nửa năm nay. Nguyên có cũng chẳng có gì đặc biệt : Hần đi trận, vợ hần ở nhà bắt bớ với Mỹ, thế thôi.

Một buổi chiều, như thường lệ, Tuấn đứng sau cái hàng rào quét vôi trắng ngó mông ra ngoài. Phố xá bụi bặm và rầu rĩ. Gã lính điên bữa nay không thấy tới. Những đoàn xe nhà binh từ phía sân bay âm âm phóng xuống về phía tiểu khu. Xe bịt kín bưng. « Bịt kín vậy, hần chỉ có chỗ xác, chỗ thương », Tuấn nghĩ. Trước cổng nhà thương, chen chúc giữa những chiếc xe sinh tố, tử bánh mì, những gánh chè gánh bún, một đám người đứng chầu chực. Những người này không có giấy tờ mà cũng không có tiền đút lót cho bọn gác cổng nên không được vào thăm nuôi người nhà. Tiếng họ nài nỉ bọn gác cổng cũng là tiếng rao quà bánh vang lên lao nhao không ngớt.

Bỗng Tuấn giật mình. Trong đám người hỗn độn kia, có một cái bóng trắng quen quen. Nhờ một thoáng người ấy xây mặt lại, Tuấn đã kịp nhận ra. Đúng rồi, đúng là cô bé mặc bộ đồ trắng có chấm hoa tím Tuấn đã gặp buổi trưa nào, cái cô bé đã không nói tiếng « hành quân » mà nói tiếng « càn » ấy...

Cô bé cũng vừa nhìn thấy Tuấn, nhưng cặp mắt cô chẳng tỏ một dấu hiệu gì là còn nhớ Tuấn cả. Tuấn ngó qua phía khác.

Tuấn có cảm giác là có người đi đến chỗ mình. Tuấn ngoảnh lại. Chính là cô bé kia đang đi đến. Hôm nay cô không mặc bộ đồ trắng có chấm hoa tím mà mặc bộ đồ màu vàng nhạt có những chấm hoa nâu. Cô không đội chiếc nón nan trắng rộng vành có quai sa-tanh đỏ mà đội đầu trần. Tóc cô buông xõa đã vừa chấm vai. Cô nói, giọng nhỏ nhẹ tội nghiệp :

— Cậu ơi, cậu làm ơn giúp tôi chút. Họ không cho tôi vô, mà nhà tôi ở xa, chờ hoài e tối mất về không kịp. Cậu đưa hộ gói này vô cho má tôi. Bả nằm ở cái phòng cuối dãy nhà kia (cô bé chỉ cho Tuấn thấy). Cậu cứ vô đó, thấy một người bị băng cùng mình, có ông lính ngồi gác ngoài cửa, chính là má tôi. Tôi bả quá, ở tù bị họ đánh gần chết họ mới đưa ra đây...

Giọng cô bé nghèn nghẹn. Tuấn bảo :

— Được, đưa tôi đem vô cho.

— Cám ơn cậu quá đi. Đưa xong, phiền cậu trở ra đây cho tôi hay với.

Tuấn cầm gói quà, rảo bước đi vào dãy nhà mà cô bé vừa chỉ. Tuấn tìm được ngay người đàn bà bị băng kín cả mặt, một tấm vải trải giường trắng đã ngả màu cháo lòng phủ trên người. Ngoài cửa, một gã lính ngồi gác. Hắn chặn Tuấn lại.

— Chỉ đó mày, thẳng nhỏ?

— Tôi đưa quà cho người nhà.

— Coi thử.

Gã lính mở cái túm ni-lông lắc qua lắc lại dòm dòm rồi trả cho Tuấn. Chú tới đặt túi quà ở đầu giường người đàn bà, nói nhỏ :

— Người nhà gửi vô cho thím.

Người đàn bà khẽ xây mặt qua nhìn Tuấn, cặp mắt tỏ ý cám ơn. Tuấn chợt thấy có gì rân rân chạy suốt sống lưng. Kỳ cục, cặp mắt người nằm đó giống in cặp mắt mẹ Tuấn ! Bà ta cầm tay Tuấn giữ một lúc lâu. Từ cặp mắt menh mang ngó Tuấn không rời, hai giọt nước mắt lớn ứa ra.

Sợ cô bé ngoài kia chờ lâu, Tuấn gỡ tay bà bước ra khỏi phòng. Chú trở lại bên hàng rào, nhưng không thấy cô bé đâu. Đang ngờ ngác tìm, thì cô bé từ trong đám người bước tới :

— Cậu đưa giùm tôi rồi?

Tuân gật đầu.

— Cảm ơn cậu nhiều.

Cô bé thảo rồi đi, Tuân ngẩn ngơ trông theo. Cô bé đi một quãng xa mới kêu một chiếc xích-lô, bước lên. Chiếc xe quật vào con phố cắt ngang, biến mất.

* *

Họ nằm dài trên cát, ngay sát mé nước, để cho sóng ủa từng đợt miên man dưới chân. Mặt trời chói chang trên đầu. Chị Lê Minh lật nghiêng người, chống tay vào mang tai, lìm dìm mắt ngắm biển.

— Đẹp quá! Hắc Hải đây. Các em ơi, nằm nghiêng người thế này mà nhìn, thấy biển lạ lắm.

Lượng cùng các bạn bắt chước chị Lê Minh. Họ thấy những riềm sóng trắng phau rung động từ chân trời tiến dần lại. Và thoát ần, thoát hiện giữa những riềm sóng ấy là gương mặt của các bạn nhỏ người Nga, người U-co-rai-na, người Cu-ba, Triều Tiên, Bun-ga-ri... đang vẫy vùng trong nước. Những cặp mắt xanh, nâu, đen... nhìn nhau không nói nhưng rất hiểu nhau. Bãi tắm rộn rã giọng nói của hàng chục thứ ngôn ngữ, và tiếng cười thì chỉ có một: trong trẻo, hồn nhiên, cởi mở.

Hai cô bé người Nga bám quanh một chiếc phao lớn, té nước về phía Lượng. Những giọt nước to sáng lấp lánh như ngọc tới tấp rớt xuống người chú. Chú nhìn hai người bạn gái Nga gật gật đầu cười, giờ nắm đấm như như một cách thân ái. Hai cô bé cùng cười thích thú và càng té nước mạnh hơn.

Hôm nay thì Lượng đã quen, chứ ngày đầu tiên chị Lê Minh và các bạn rủ mãi Lượng mới chịu miễn cưỡng xuống tắm. Nguyên do chỉ vì những vết sẹo trên mình. Lượng ngại nó sẽ làm các bạn phải quá để tâm đến một cách không cần thiết. Tất nhiên khi Lượng mới cởi áo

ra, nhiều bạn không khỏi sửng sốt. Dù rằng họ đã nghe Lượm kể chuyện bản thân mình, họ cũng cứ bị bất ngờ trước cái chứng tích tội ác vượt quá sức tưởng tượng. Một cô bạn Nga nói với Lượm, giọng xúc động:

— Bạn dũng sĩ Việt Nam ơi, tôi ước làm sao nước biển Hắc Hải có được phép lạ để trả lại màu da đẹp cũ của bạn. Bạn xuống tắm đi.

Lượm lao mình xuống biển. Nước Hắc Hải không có phép lạ nhưng tình bạn chân thành thì có phép lạ. Chú bị cuốn hút rất nhanh vào cuộc tắm biển, nó giống thoải mái giữa những người bạn mới, đến từ nhiều phương trời vừa hôm qua đây còn cách biệt.

— Nè, tắm biển mà cứ bám hoài trên phao thế kia thì ngán quá!

Hướng về phía hai cô bạn Nga, Lượm nói to và nhờ chị Lê Minh dịch lại. Hai cô bạn chưa kịp trả lời thì chú đã lẹ mình nhào xuống nước và biến mất. Mấy giây sau, chiếc phao bị lôi đi vùn vụt khiến hai cô bé la ré ầm ỉ. Lượm nhô đầu lên, quay lại vẫy tay chào hai cô bé rồi bắt đầu bơi ra xa. Cánh tay chú rẽ nước roàn roạt.

Lượm đang bơi thì nghe có tiếng rẽ nước ở gần. Ngoái nhìn, thì thấy Hơ Úp cô bạn Tây Nguyên, chị Lê Minh và một cô bạn U-co-rai-na đang ra sức bơi, có vẻ như muốn đuổi kịp Lượm. Lượm không ngờ cô bạn miền núi Hơ Úp bơi khá thể. Dừng lại trong tư thế bơi đứng, Lượm chờ ba người tới kịp và bảo:

— Chị Minh! Bơi thi ghen, bắt đầu từ đây ghen.

Cả Hơ Úp, chị Lê Minh cùng cô bạn U-co-rai-na liền hào hứng nhận lời. Lượm mê đi trong tiếng rẽ nước roàn roạt khoẻ khoắn nhịp nhàng của chính mình. Đã từng có bao nhiêu cuộc thi như thế này ở cửa biển Sa Kỳ của chú giữa bọn trẻ các xóm, và Lượm bao giờ cũng đạt giải nhất hoặc nhì. Thú vị nhất là cái phút cả bọn trèo lên mỏm gành trước vùng biển sâu thẳm, sau một tiếng hô phát lệnh, đồng loạt tung mình lao xuống làn nước xanh biếc và thi nhau phóng ra phía chân trời bao la.



Chỉ một lát, Lượng đã bỏ Hơ Úp, chị Lê Minh và cô bé U-co-rai-na rút lại. Lượng hỏi to :

— Chịu thua chưa ?

— Chưa, chưa.

Vừa dứt lời, cả ba đột ngột tăng tốc độ khiến Lượng hoảng hồn cũng vội dốc sức tăng tốc độ của mình. Nhưng chú không vượt lên được vì đối thủ tỏ ra còn khá sung sức. Cuộc thi chấm dứt với kết quả : « hòa ».

Bốn người nghỉ ngơi trong tư thế bơi ngửa, thả mình cho sóng bập bênh trôi dạt vào bờ. Lượng hít những hơi thật dài cho không khí và ánh nắng của Hắc Hải tràn vào đây căng lồng ngực. Chú bỗng nôn nao nhớ Sa Kỳ.

— Chị Minh à, biển ở đây cũng đẹp nhưng chưa ăn nhằm chi với biển Sa Kỳ của em. Thực đấy, em không nói dóc đâu. Chừng nào đánh Mỹ xong, em đưa chị về tắm biển Sa Kỳ, chị sẽ mê luôn không muốn đi cho coi.

Lượng khép mi mắt và như thấy hiện ra cái vùng biển xanh đậm đặc dưới nắng trưa, với bờ vịnh cong cong trải dài cát mịn, những khối đá đen ánh lên nhấp nháy sau mỗi đợt sóng phủ nước lên gành, cái thứ sóng mới cường tráng và khoát đạt làm sao !

— Lượng à — chị Lê Minh đáp — chị không đợi đến ngày đánh Mỹ xong đâu. Tốt nghiệp là chị xin về Nam viết báo. Chị sẽ đi khắp các mặt trận để viết bài, và chắc thế nào cũng có dịp về Sa Kỳ của em.

Lượng quen với chị Lê Minh từ hôm mới lên đường sang Liên Xô. Chị là sinh viên năm thứ ba ngành báo chí trường đại học Lô-mô-nô-xốp. Tuổi nhỏ của chị cũng có đôi nét giống Lượng. Cha chị, một cán bộ lãnh đạo của tỉnh ủy Quảng Đà từ hồi kháng chiến chống Pháp, bị địch giết hại trong đợt tổ cộng đầu tiên ở miền Nam. Mẹ chị bị tù. Chị được ra Bắc từ năm sáu mốt. Lúc đó chị mới mười tám tuổi.

Chị Lê Minh nói tiếng Nga rất giỏi. Đầu mùa hè năm nay chị về nước nghỉ, và trở lại Liên Xô cùng chuyến tàu với đoàn thiếu niên dũng sĩ miền Nam. Nhờ có chị Lê Minh nên Lượng và các bạn biết thêm được nhiều điều ở dọc đường, khiến cho cuộc đi càng thú vị hơn. Chị Lê Minh đã đi trên con đường này đến lần thứ ba.

« Đây là cầu Trường Giang, một chiếc cầu vào loại lớn

va dài nhất ở Trung Quốc, các em ạ. Sông này là sông Trường Giang», «Đây là hồ Bai-can ở miền viễn đông của Liên Xô, một cái hồ lớn nhất thế giới. Lòng hồ còn chứa vô vàn bí mật có giá trị khoa học quý giá. Các nhà bác học đang khám phá những bí ẩn của Bai-can. Chúng ta đang đi vòng xốt qua cái mồm nhọn của hồ...» Vòng xốt qua cái mồm nhọn ấy với tốc độ một đoàn tàu tốc hành cũng mất gần trọn một ngày, đủ biết hồ rộng đến chừng nào! Nhìn qua cửa sổ toa tàu, cứ thấy một màu nước mênh mông như mặt biển. «Chúng mình đang đi qua Xi-bia... Rừng các em thấy đó người ta gọi là rừng tai-ga...» Chị Lê Minh lấy trong xác ra một quả địa cầu nhỏ bằng nhựa có chân đứng và có thể quay được đúng như quả đất tự quay quanh mình nó. Chị lần ngón tay trên quả cầu chỉ cho các em thấy con đường mà họ đã đi. Ôi chao, con đường dài mới dữ! Nó bò trên, mình quả đất từ nam lên bắc rồi từ đông sang tây. Cả đoàn cùng nhau lần ngón tay tìm nơi xuất phát của mình trên quả đất. Đây, hình nước Việt Nam mình đây, nhỏ xiu. Miền Nam đây, mũi Cà Mau đây... Nhìn ra cảnh người ta làm lụng bình yên ở hai bên đường, lại bồi hồi nghĩ về đất nước, quê nhà. Bom pháo Mỹ đang giội xuống. Đất đai, cây cỏ, hăm lều bị xới nhào... Tại nhiều nhà ga, có những đồng gì đó chắt cao phủ vải bạt, một hàng chữ sơn lớn ghi bên ngoài. Chị Lê Minh dịch: «Hàng gửi đi Việt Nam». Ở những ga mà tàu đỗ lâu, hành khách đều xuống sân ga dạo chơi. Lượng cùng các bạn theo chị Lê Minh xuống. Không biết bằng cách nào, một số bạn Liên Xô ở trong ga biết có đoàn thiếu niên dũng sĩ miền Nam đang dừng lại tại ga mình, vội bỏ nhào ra tìm. Các bà mẹ Nga, A-giéc-bai-gian, Tát-gi-kít-xtan, các bạn nhỏ... vây lấy đoàn, hỏi thăm tít tít, chị Lê Minh dịch rất nhanh mà không kịp. Có mẹ ôm lấy Lượng khóc. Mẹ bảo mẹ có người chồng hy sinh trong chiến tranh chống phát-xít Đức.

Đến Mát-xcơ-va, họ chỉ ở được ba ngày rồi đi vội xuống miền Nam Liên Xô để kịp dự Đại hội liên hoan thiếu nhi quốc tế tại Co-rum. Lượng ngỡ đâu phải xa chị Lê Minh, không ngờ lại may mắn có chị cùng đi. Cơ quan

đại diện Mặt trận đã chọn chị làm phiên dịch cho đoàn một thời gian.

Đại hội liên hoan tiến hành trong một khu trại nghỉ mát tuyệt vời dành cho trẻ em bên bờ biển bán đảo Corrum nổi tiếng vì những chiến công lịch sử và vì cảnh đẹp. Những cuộc gặp gỡ, vui chơi, tắm biển, ca hát, nhảy múa ngoài trời, biểu diễn nghệ thuật của các đoàn thiếu nhi từ nhiều phương trời đến, với những ngôn ngữ khác nhau nhưng rất dễ dàng hiểu nhau khiến người ta nao nức nghĩ về một ngày hội vô cùng lớn của trẻ em toàn thế giới. Ôi, cái ngày mà những em bé Việt Nam bị máy bay Mỹ săn đuổi, những em bé da đỏ Bắc Mỹ đang bị dồn sâu vào rừng, những em bé da đen thất học ở khu Hác-lem đang đi ăn xin, những em bé miền nam châu Phi đang chết dần chết mòn... cái ngày mà những số phận đau khổ nhất của nhân loại ấy có thể cầm tay nhau tung tăng ca múa vô tư dưới ánh mặt trời như các đại biểu trong đại hội liên hoan thiếu nhi bên bờ biển Corrum hôm nay, ngày ấy nhất định rồi sẽ đến. Loài người đang đi tới đó, cay cực, gian truân, khốc liệt, qua máu và qua lửa, nhưng nhất định sẽ tới.

Riêng chú bé Lượng của chúng ta thì suốt những ngày đại hội, chú cứ luôn luôn nhớ một hôm nào năm ngoái, chú và Tuấn nằm bên anh Đàm trên gành đá dưới chân căn cứ Đá Mú. Anh Đàm bảo rằng mai đây sau ngày toàn thắng, ta sẽ xây ở cửa Sa Kỳ này, ngay trên Đá Mú đang bị Mỹ đóng chốt này, một khu nghỉ mát thật là «chúa», sẽ tổ chức cả trại hè thiếu nhi quốc tế ở đây nữa... Lúc ấy Lượng chưa hiểu khu nghỉ mát là như thế nào, trại hè thiếu nhi quốc tế là như thế nào. Bây giờ thì chú đã hiểu. Và đêm hôm, khi trời đã khuya, mọi người đã ngủ, chú ngồi bên cửa sổ của căn nhà nghỉ mát nhìn ra Hắc Hải, chú cứ thăm phác vẽ trong đầu hình ảnh cái khu nghỉ mát mai sau trên Đá Mú. Tại đó, vào một ngày đẹp nhất trong tất cả những ngày đẹp nhất, trước hàng ngàn các bạn thiếu nhi quốc tế từ bốn phương về, trong tiếng kèn đồng lảnh lảnh, tiếng trống ã ã rộn rã, và tiếng sóng biển trăm hùng, đội thiếu niên Sa Kỳ sẽ làm lễ duyệt nghi

thức Đội, mở đầu cho cuộc liên hoan. Người cầm cờ sẽ là cô Bé Tư. (Tư sẽ cầm chính lá cờ Lượm mang từ đại hội khu đoàn trên chiến khu về. Nhưng tám huân chương kỷ niệm chiến tích thời chống Mỹ của tuổi nhỏ Sa Kỳ sáng lấp lánh trên cờ). Rồi tiếp theo Tư là Tuấn, Đậu, Mừng, Quế, Lượm... Rồi thằng Bình, con Yến nữa chớ. Các đội viên đều mặc đồng phục, đội mũ ca-lô thật đẹp. Bà ngoại, ba, mẹ, ông Lờ, dì Thuận, cô Ái và bà con Sa Kỳ cùng với các cô các bác khách quốc tế đứng chật hai bên đường vẫy chào đoàn thiếu niên bước đều tám tập điệu qua...

*
* *

Mười ba năm trước, một buổi chiều tháng chín mưa rơi tầm tã, trên đầu cầu sông Vệ, một người đàn bà còn trẻ nằm vật vã bên lề đường số 1. Chị có chửa, bụng đã lớn lắm và giờ đây hình như đang vật vã trong cơn đau thần thánh của người con gái lần đầu tiên sắp sửa làm mẹ. Mấy người dân ở xóm gần đó chạy lại coi, rồi quàng quàng trái cho chị một tấm vải nhựa, dựng vội một chiếc khung lều và che bằng tất cả những thứ mà họ vừa kiếm được : chiếu rách, nong rách, bao tải. Người ta nhóm vội một đồng lửa. Chính lúc ngọn lửa vừa cháy lên thì trong lều vang ra một âm thanh tuy rất đối quen thuộc với con người nhưng lại hết sức khác thường giữa cảnh mưa gió bên lề đường này : tiếng khóc của một đứa bé chào đời.

Trên đường, âm ầm phóng qua những chiếc xe nhà binh. Đội quân chống cộng từ nay được Mỹ trực tiếp nuôi dạy vừa tới tiếp quản vùng này. Mưa quất rào rào xuống mái lều.

Một người nào đó kêu lên :

— Con trai ! Con trai ! Trời, thằng nhỏ kháu quá đi !

Một người khác thở dài :

-- Tội nghiệp, cô này tôi thấy tuồng như mới vô Đức Phổ tiền chồng đi tập kết, giờ quay ra đây mà...

Một đại đội lính choàng áo mưa hành quân trên đường.

Chúng vừa đi ruộng bỏ ở đâu về, áp giải theo bốn người đàn ông, cánh tay bị trói quặt ra sau. Những người bị bắt đều đầu trần, có người chỉ mặc quần đùi. Tất cả đều ướt sũng.

Thấy đám người túm tụm bên đường, tên sĩ quan đứng lại, hất hàm:

— Gì thế hả?

Một người đàn bà đáp:

— Họ n*ăm chỗ (1)

— Tại sao? — hăn quát lên một cách vô duyên.

— Thì họ vô trong kia tiền chổng họ đi tập kết, quay về tới đây chẳng may tới lúc năm chỗ chớ sao.

Tên sĩ quan hừm hừm trong miệng, khoé mắt le lói hăn thù, bỏ đi. Hăn lâu lâu cái gì đó, hình như là: « ... một thằng cộng sản con... » Tiếng giày đinh của chúng nện cồm cộp trên đường. Đột khúng bổ đâm máu đầu tiên ở vùng tự do của đồng bằng liên khu Năm cũ đã bắt đầu từ sáng.

Những người đàn bà lo lắng nhìn nhau, rồi nhìn vào trong lều, ái ngại cho người sản phụ và đứa nhỏ mới sinh. Số phận nó sẽ ra sao? —

Đứa nhỏ để rơi ven đường trên đầu cầu sông Vệ trong cái buổi chiều mưa gió đầy những dự cảm khốc liệt ấy chính là chú bé Tuấn của chúng ta mà bạn đọc đã biết.

Tuấn đang đi lang thang trong cái thị xã tỉnh lỵ nhân nhản Linh Mỹ. Chú vừa ra khỏi nhà thương. Cái cánh tay bị thương đã lành. Mặc dù tất cả những gì đang diễn qua trước mắt — những tên lính Mỹ say rượu kẹp bọn gái điếm ngồi xe gíp phóng như điên, những tên cảnh sát găm găm dòm sát mặt người qua đường, những gã rao hàng nhí nhố, và người đi kể lại chen chúc, nhốn nháo, hót hải nhưng chẳng biết là đi đâu — tất cả những cái đó

(1) Đê.

đều xa lạ với chú và phời ra cái bộ mặt vừa dửng dưng vừa ti tiện của một xã hội quái gở, mặc dầu vậy chú vẫn chưa muốn về nhà ngay và lại nảy ra ý thích đi lang thang trong thị xã một buổi. Lòng chú đang có điều gì đấy khiến cho cặp mắt thơ trẻ của chú nhìn mọi vật với một vẻ tự tin rất lạ, cặp mắt cứ như đang nói : «Được, được, rồi sẽ biết». Nếu như giờ đây, những người đang sống trong cái thị xã quây cuồng giữa cơn lốc của chiến tranh này, từ tên đại tá tỉnh trưởng, bọn sĩ quan Mỹ cho tới gã cảnh sát quèn cầm đầu cũi đứng ở góc đường, và cả những người lương thiện nữa, nhờ một phép màu nào đó có thể đọc được cái điều đang giấu kín trong lòng chú bé Sa Kỳ mặc bộ quần áo cũ kỹ cáu ghét đang đút tay vào túi đi ngo ngoe trên hè phố kia, thì hẳn là sẽ diễn ra một tình trạng vô cùng thú vị. Lòng chú đang giấu kín điều gì vậy ?

Nửa tháng trước, Tư lại lên thăm Tuấn. Tư thì thảo :

— Nè...

— Chi ?

— Lượng có thư về.

— Thiệt không ? Thư nói sao ?

— Lượng được gặp Bác Hồ.

— Sao ?

— Lượng được gặp Bác Hồ.

Đó, cái điều đang ấp ủ trong lòng chú bé để rơi hồn về đường mười ba năm trước chính là mẩu tin bí mật ngắn gọn đó. Chú mang mẩu tin bí mật trong lòng như mang một báu vật không gì sánh nổi và cứ thế chú dạo chơi lang thang trong cái thị xã hang ổ của kẻ thù.

Đây là lần thứ hai Tuấn lên tỉnh. Tuấn còn nhớ rõ chuyến đi năm kia, bởi đó là chuyến đi đầu tiên mà lại là chuyến đi khá đặc biệt. Đạo ấy tất nhiên chú còn nhỏ và đại hơn bây giờ nhiều, nhưng như vậy không có nghĩa là chú chưa hiểu biết được gì. Dự kích Sa Kỳ bắn rơi một chiếc máy bay phản lực Mỹ bằng súng trường CKC. Cả

xã mừng vui. Cũng có thể nói cả vùng Đông mừng vui và hân diện, vì khi đó việc bắn rơi máy bay phản lực Mỹ bằng súng trường đâu đã trở thành chuyện thường như bây giờ. Không rõ từ đâu đã nảy ra cái ý kiến là cần phải loan tin chiến thắng này lên thị xã «cho chúng nó biết mặt» — nói theo kiểu các ông già Sa Kỳ thường nói. Rồi cũng không rõ ai đã nêu ra cái sáng kiến tổ chức một đoàn vừa đi vừa tố cáo tội ác giặc Mỹ vừa loan tin chiến thắng dưới hình thức một đoàn người đi bán đồ nhôm vụn. Một số đàn bà và một số con nít được chọn đi, trong đó có dì Nhuận, Tuấn và Lượng. Các bà mỗi người gánh theo một gánh đầy những mảnh nhôm của máy bay Mỹ bị bắn rơi. Tuấn và Lượng mỗi đứa vác một mảnh bom xăng. Lượng ở trần. Chỉ là khi đó Lượng mới ở nhà thương về, mình mẩy đỏ lôm những vết sẹo lớn vì bom xăng. Dân thị xã bu lại đông nghẹt, trước hết không phải để mua nhôm mà vì tò mò. Nhưng khi nhìn thấy những vết sẹo khủng khiếp trên mình Lượng, người ta không sao cầm lòng cho được. Tâm can bị chấn động, họ đồn dập hỏi dì Nhuận:

— Thằng nhỏ sao đổ chị?

— Cháu nó bị bỏng xăng máy bay Hoa Kỳ thả đó, cô bác — dì Nhuận đáp. Rồi dì kể lại vụ máy bay Mỹ thả bom xăng thiêu cháy trường học và giết chết mười bốn em học sinh như thế nào...

— Nhà cửa cháy hết, giờ mẹ con dì cháu tôi phải đi lượm đồ nhôm vụn về bán nuôi nhau. Cô bác mua giùm cho — dì Nhuận mời.

Nhiều người cầm những mảnh nhôm lên trầm trồ:

— Nhôm tốt dữ da! Nhôm máy bay Hoa Kỳ đây. Lượm ở đâu mà nhiều dữ vậy?

— Máy bay Hoa Kỳ cháy rớt tùm lùm đầy đồng, tụi tôi mới lượm về đó, cô bác.

Chẳng mấy chốc, câu chuyện máy bay Mỹ rải bom xăng thiêu chết học sinh, máy bay Mỹ bị Giải phóng bắn rớt ở Sa Kỳ lan truyền khắp thị xã.

Tuân nhận ra những đường phố quen thuộc mà chú nhớ được từ sau chuyến lên tỉnh đầu tiên khá đặc biệt ấy. Đây là tòa tỉnh trưởng của tui hân. Kia là câu lạc bộ sĩ quan của tui hân. Ở ngã tư kia có một cái tiệm bán sĩ quan hay lui tới mang cái tên rất uồn ẹo là «Đôi non hoa sim...»

Tuân bước vào một phố nhỏ. Đường phố tráng nhựa phẳng lì. Một không khí yên tĩnh và tao nhã trùm lên những ngôi nhà xinh xắn biệt lập hẳn với cái thị xã nhộn nhạo, như không hề biết đến cuộc chiến tranh đang gặm thét. Nhà nào cũng có hàng rào sắt, cánh cổng bằng sắt tráng kẽm sáng có những đường uốn lượn theo nhiều hình thù đẹp mắt. Nhìn sâu vào bên trong là những cửa gương lấp loáng, những năm đấm cửa bóng lộn, những tấm rèm sang trọng trắng muốt hoặc xanh da trời bay nhẹ nhẹ. Nhà nào cũng có một khoảng vườn với những chậu kiềng men sứ, trồng các thứ cây cảnh được tỉa tót cẩn thận, với những giò phong lan quý treo trước hiên, với những loài cây lạ nhập từ nước ngoài về trồng dọc lối đi rải sỏi.

Trong một ngôi nhà, có hai đứa bé ngồi đu đưa trên chiếc ghế gỗ sơn xanh treo lủng lẳng bằng dây xích lên cái khung sắt dựng giữa bậc thềm lát gạch hoa. Đứa con trai lớn trạc tuổi Tuân, đứa bé gái ít hơn chừng ba bốn tuổi. Cả hai đứa đều trắng trẻo, khuôn mặt sáng sủa, linh lợi. Quần áo chúng mặc may bằng thứ vải đắt tiền và sạch sẽ đến mức người ta phải nghĩ rằng có lẽ mỗi ngày chúng thay đồ cả chục lần.

Một chiếc xe gíp chạy từ từ vào phố và đỗ trước cổng ngôi nhà. Một mẹ đàn bà trẻ đẹp, mặt thoa phấn hồng hào, môi tô son đỏ chót, mang đôi gương mát⁽¹⁾ to, từ trên xe kênh kiệu bước xuống. Mẹ bước vào trong sân với dáng đi uyển chuyển dài các. Hai đứa bé reo lên : « Má, má đi chợ về! » Chúng nín lấy tay mẹ chúng nhõng nhẽo hỏi gì đó rồi chạy ra thì nhau lục lọi hai chiếc xách lớn dựng đầy đồ mà tên lính hầu lặc lè tha từ chiếc xe vào. Mẹ đàn bà ngửa mặt

(1) Kính râm.

ngắm một giò phong lan nở hoa, đưa tay che miệng ngáp rồi đi vòng theo lối sỏi ra sau vườn. Một lão đàn ông béo múp, có cặp môi thâm dưới hàng ria đen nhánh, mặc bộ đồ ngủ có những đường sọc xám nhạt, hai tay chấp đít lưng thưng từ góc vườn trong đi ra. Chắc đó là chồng Mụ. Mụ giờ một cánh tay nhỏ nhắn có móng nhọn tồ đỏ lên chúm môi nói gì đó với chồng, giờ má cho lão hôn rồi cả hai cùng đi sâu vào phía trong.

Lát sau, lão đàn ông từ cửa chính của căn phòng lớn đi ra. Lão không còn mặc bộ đồ ngủ nữa mà mặc bộ đồ sĩ quan, trên cầu vai ngắn lon trung tá. «Ngó hăn giống cái thẳng chi khu trưởng về chợ Sa đạo nọ» — Tuân thầm nhận xét. Lão đứng trên thềm, tay vẫn chấp sau đít vừa ngó trời ngó đất vừa khế huyết sáo, đầu gối nhún nhún. Mụ vợ lão lúc này đã thay chiếc áo dài khác lông lẩy hơn, bước ra cặp tay chồng và cả hai cùng lên xe. Xe rồ máy nhưng mụ đàn bà còn quát gọi một người hầu gái ra để mụ dặn dò gì đó, rồi xe mới phóng đi.

Đơn giản chỉ vì hiếu kỳ mà Tuân đã dừng lại trước ngôi nhà để nhìn vào một thế giới hoàn toàn xa lạ với chú. Xa lạ và thù địch. Tất nhiên là hiện giờ, trí óc non trẻ của chú chưa đủ sức hiểu hết được nguồn gốc đậm máu của sự giàu sang mà chú chỉ vừa hé thấy một phần. Chưa hiểu hết, nhưng chắc chắn là chú có thể cảm thấy, nhờ những kinh nghiệm bản thân mà chính kẻ thù đã in dấu lên tuổi nhỏ của chú. Tất nhiên chú cũng không thể ngờ được rằng cái buổi dạo chơi lang thang không mục đích hôm nay trong cái thị xã này, trong cái khu phố sang trọng và yên tĩnh này, chỉ không đầy một năm sau lại trở nên có ích cho công việc của chú. Nhưng ấn tượng của buổi sáng nay sẽ còn lưu lại rất sâu và mấy năm nữa đây sẽ còn nhắc nhở chú nhiều điều có ý nghĩa cốt tử trong buổi trưởng thành của một con người.

Một con chó to thỉnh lình lách qua cánh cổng sắt nhảy xỏ về phía Tuân. Giật mình, Tuân vội ngồi thụp xuống mong vớ lấy một hòn đá. Nhưng mặt đường tráng nhựa, kiếm đâu ra một hòn đá? Tuân đành cứ ngồi xồm, thủ

thế. Con chó cũng rút lại, gầm gừ. Từ phía cổng sắt, vang ra một chuỗi cườì khanh khách. Hai đứa bé ban nãy đang đắc chí đứng nhìn Tuấn bị con chó dồn ép. Rồi làm ra vẻ như chỉ muốn cảnh cáo tội tò mò của cái thằng khố rách áo ôm kia thôi, chúng xuyt con chó quay về, và quát:

— Cút ngay, không tao xuyt chó cắn lòi họng bây giờ. Nhìn gì? Định ăn cắp hả?

Tuấn tức ói máu. Nhưng chú chỉ ném lại một cái nhìn nảy lửa vì giận dữ và khinh bỉ: «Được, để đó rồi sẽ biết...» rồi lảng lạng bỏ đi.

*
* *

Ba ông cháu nhờ vào ánh đèn dù của bọn Há Mú bắn lên mà làm. Thằng Bính cào đất. Tư hốt đất vào chiếc bao cát đem đồ lên nóc hầm cho ông Lội dùng vỗ nện chặt lại. Há năm ngày đêm liền ba ông cháu xoay tròn ra với căn hầm này. Giờ đây họ đang đắp những bao đất cuối cùng.

Thỉnh thoảng một trái pháo bắn tới. Ba ông cháu vẫn chăm chú vào công việc, bởi họ đã quen vừa làm vừa nghe tiếng pháo rít mà đoán định điểm nổ của nó. Nó bắn nhiều xuống nửa xóm dưới, nơi người ta đốt những đồng lửa cháy rải rác. Phía ấy không có người. Đốt lửa vậy cho bọn địch buộc phải quen mắt với sự tồn tại của những bếp lửa như xưa nay vẫn tồn tại cùng với các gia đình hằng sinh sống ở đây. Những ngày đầu, chúng còn bắn dữ. Ba bốn hôm nay, mức độ pháo bắn giảm dần.

Ánh lửa chớp chờn soi tỏ những căn hầm bị phá tung, kéo cột gờ lên lồng chông. Mười ngày trước, bọn Mỹ bắt ngờ đồ ba tiểu đoàn càn vào xã. Trục thẳng bầy như ruồi. Chúng cho lính đốt sạch lều trại, đặt thuốc nổ giật tung tất cả các hầm tránh pháo từ lâu đã thay cho ngôi nhà của mỗi gia đình, và lừa dân lên trục thẳng chở sang đồ xuống chân núi An Vĩnh bên kia sông. Bên đó chúng khoan dây thép gai, dựng sẵn mấy dãy nhà dù, lập một

khu đồn. Bọn hội đồng xã xưa rày lưu vong lên tân
quận lý, nay trở về đứng tại khu đồn. Thằng Vạn, thằng
ác ôn trong mâm tề Sa Kỳ còn lọt lại chưa bị trừng trị
hồi đồng khởi, đứng giữa khu đồn chửi thề: «H. mẹ, kỳ
này ông nhốt hết dân Sa Kỳ vô đây, coi làm công sản
được nữa thôi?». Xóm Bãi, xóm Gành dân bị xúc sặc trơn.
Xóm Mới, xóm Mồ Côi bị mất quá nửa. Cả hai xóm còn
được khoảng ba chục gia đình trụ lại. Gia đình ông Lờ
và gia đình bà cụ Mười bị lừa lên trực thăng rồi vẫn cứ
nhảy đại trở xuống, lăn lóc trì kéo với bọn Mỹ. Thằng
Bính cứ ôm cứng lấy cái cột lều ré to: «Chết thì chết
hồng đi đâu hết?»

Nhưng trụ lại cách sao đây?

Việc đầu tiên là sống chết thế nào cũng phải làm lại
cho được căn hầm. Mấy ông con thu nhặt đào bới mãi
trong ba căn hầm cũ của ba gia đình mới đủ vật liệu cho
một căn hầm mới.

— Rồi! Chừ tao chỉ còn sợ có xí cái thứ bom đào. Chờ
còn bom quét, pháo quét tao chấp!

Ông Lờ nện nhát vỡ cuối cùng và nói vậy, thở phào
khoan khoái trước căn hầm vững chắc vừa hoàn thành.

— Mình còn lát ván ở dưới để nằm nữa chớ ông? —
Bính hỏi.

— Ừ lát nữa ông cháu mình lát. Con Tư nghĩ trước đi.

— Dạ.

Tư tới góc rào, nơi để đồ đạc, lấy quần áo ôm ra chỗ
hố bom ngoài bìa xóm. (Giếng nước cũng đã bị bọn Mỹ đặt
mìn giật tung và ném xác heo gà xuống). Tắm xong, cô bé
trở vào với bộ quần áo khác — quần sa tanh đen, áo sơ-mi
màu hồng nhạt — mà cô thường mặc mỗi khi có việc lên
thị xã. Cô đến bên ông nội đang ngồi hút thuốc trên nóc
hầm.

— Thừa ông, con đi.

— Ừ, con đi.

— Chi đi nghe Bính.

— Dạ, chi Tur đi.

— Nè con... — ông Lờì gọi khẽ — cẩn thận, chừng chàng (1) nghe con.

— Dạ.

Ông Lờì rít mạnh điều thuốc. Một làn ánh sáng khắc khoải hắt lên gương mặt dầu dãi, lên cặp mắt chắt chứa nghi ngại, lặng lẽ trông theo đứa cháu nội duy nhất còn sống sót đang đi khuất dần trong bóng tối và có thể sẽ đi khuất vĩnh viễn. Ông già nghĩ gì, giây phút này ? Chẳng có ngôn ngữ nào diễn tả nổi những điều đang quặn lên sau cặp mắt nghiêm nghị loáng ướt bị che rợp dưới hàng lông mày đã bạc kia !

Tur đi quanh qua chỗ mấy bụi chuối. Ở đây, dưới đoạn giao thông hào cũ có căng một tấm ni-lông che sương, dùng làm nơi ở tạm từ hôm địch phá hầm, bà cụ Mười đang ru thẳng Cu và con Yến ngủ. Tur trèo xuống, ngó cò vào dưới mái ni-lông.

— Bà ơi, con đi ghen bà.

Bà cụ nhồm dậy :

— Đã đi rồi sao con ? Đi mạnh giỏi ghen con ! — bà cụ đưa bàn tay khô gầy vuốt mấy sợi tóc trên trán Tur.

Tur cúi xuống thơm vào má con Yến và thằng Cú đang ngủ say, rồi quay lên theo con đường tắt băng qua những nền nhà, bước ra cánh đồng đầy gió.

Bên xóm Mới, chị Kha đang chờ Tur trong căn hầm quen thuộc. Đợt Mỹ xúc dân vừa rồi, chị đã phải nằm lăn trước cửa không cho bọn Mỹ đặt thuốc nổ, mới giữ được hầm.

Tur đến được một lát thì Mừng và Quế cũng tới. Có cả hai anh du kích. Hai anh ngồi lại trên miệng hầm.

(1) Thông thả, ung dung.

Dưới hầm, chị Kha nhìn khắp lượt ba đội viên tin cậy của mình, hỏi khẽ :

— Các em sẵn sàng cả rồi chứ ?

Cả ba cùng đáp :

— Dạ, sẵn sàng.

— Tư nhớ kỹ mặt thằng Vạn rồi chứ ?

— Dạ, nhớ kỹ. Hôm rồi em qua khu đồn lại thấy mặt hẳn lần nữa.

— Tốt lắm. Bây giờ chúng ta ngồi nghiêm cả lên.

Chị Kha xích ra góc hầm. Chiếc đèn từ nãy đặt khuất sau lưng chị vụt tỏa sáng. Trước mặt họ, trên vách hầm, treo một lá cờ Mặt trận và tấm ảnh Bác. Vì trần hầm thấp không thể đứng được, họ ngồi thẳng người trong một tư thế nghiêm trang nhất. Chị Kha nhìn thẳng vào ba đội viên, nói khẽ nhưng rành rọt, trang trọng :

— Thay mặt Đảng ủy, thay mặt Ủy ban Mặt trận và ban chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng Sa Kỳ, tôi trao nhiệm vụ cho ba đồng chí đội viên thiếu niên tiên phong, đội viên du kích mặt Nguyễn Thị Tư, Trần Quế và Lê Văn Mừng, thi hành bản án tử hình đối với tên ác ôn Đỗ Vạn về tội làm tay sai cho giặc Mỹ, gây nhiều tội ác với đồng bào, đặc biệt nghiêm trọng gần đây nhất là tội ráo riết thực hiện kế hoạch dồn dân lập ấp. Các đồng chí hãy tuyên thệ : Một — Quyết hoàn thành nhiệm vụ Đảng giao, dù có phải hy sinh tính mệnh !

Ba đội viên giơ nắm tay hô chắc nịch :

— Xin thề !

— Hai : Nếu bị địch bắt, quyết giữ vững khí tiết cách mạng giữ tròn danh dự đội viên, không khuất phục trước bất cứ thủ đoạn tra tấn dụ dỗ mua chuộc nào của địch, giữ gìn tuyệt đối mọi bí mật của cách mạng !

— Xin thề !

Chị Kha bắt tay Mừng và Quế, bảo lên trên trước.

Còn lại một mình Tư. Chị trao cho Tư chiếc xách tay trong đựng một số đồ lặt vặt để nghỉ trang, dưới đáy là một khẩu súng ngắn kiểu «Côn 12». Mọi khẩu súng ngắn lên, Tư tháo băng kiểm tra lại đạn, bấm thử cò rồi lắp lại, lên đạn sẵn, khóa chốt an toàn. Khẩu «Côn» có vẻ hơi quá to và nặng trong bàn tay nhỏ nhắn của cô bé. Nhưng không sao, mọi động tác của cô đều tỏ ra thành thạo. Chị Kha đã dày công huấn luyện cho Tư.

Tư biết rõ công việc khó khăn và nguy hiểm của mình. Thăng Đỗ Vạn đã bị tổ du kích cảm tử diệt ác của Sa Kỳ giết hụt hai lần nên thính hơi như một con cáo. Không bao giờ hấn ở yên một chỗ. Tám giờ sáng hấn mới ló mặt về chợ Sa với một tiểu đội «nghĩa quân» đi bảo vệ, bốn giờ chiều đã nhót mặt. Nhà nó ở tận trên đường số 1 giữa ngã ba Quán Cơm, kề bên hàng rào chi khu được canh phòng cẩn mật. Nhờ thế hợp pháp, Tư đã theo dõi kỹ qui luật đi lại ăn ở của hấn. Tư báo cáo với chị Kha, và đề xuất ý kiến với thường vụ Đảng ủy, cho tổ du kích mật của Tư dùng thế hợp pháp, diệt nó giữa ban ngày tại chợ Sa là cách tốt hơn cả. Sau khi cân nhắc kỹ mọi mặt, thường vụ Đảng ủy đồng ý. Tư rất tin ở bản thân, tin ở Mừng và Quế. Cách đây nửa tháng, được chị Kha báo cho biết quyết định của thường vụ Đảng ủy, cả ba đều thật vui và hăm hở bắt tay ngay vào công tác chuẩn bị.

Chị Kha siết chặt lấy Tư :

— Chúc cô bé thân thương của chị lập công xuất sắc trở về !

Tư cũng ôm chị thật chặt, rồi rời khỏi vòng tay chị, cầm chiếc xách bước lên khỏi hầm. Ba đội viên và hai anh du kích cùng đi mau về phía xóm Gành.

Tới bến đò, họ men theo đường bờ sông đi ngược lên một đoạn xa. Năm người ngồi xuống bực sông, cùng căng mắt quán sát bờ hên kia. Dải bờ đen thẫm im ắng dưới trời sao mờ mờ. Tiếng nước vỗ óc ách. Thỉnh thoảng ở một ấp nào đó, học lên tiếng súng đại liên nổ từng tràng dài — kiểu bắn của bọn dân vệ, «bắn cốt để lấy vỏ, đạn về cho vợ đúc nồi đem bán», như đồng bào thường nói.

Chợt họ nghe có tiếng nước khua rất khẽ khàng. Rồi dưới ánh sao thấp thoáng họ nhận ra một cái đầu đen nhấp nhô và một cánh tay cầm cuộn áo quần vo tròn lơ lửng trên mặt nước. Hai anh du kích hờm sùng chờ. Cái đầu kia đã tấp được vào bờ, rồi cả thân hình của người lạ từ từ nhôai lên. Người lạ vóc dáng nhỏ con, đứng nép vào bụi sông ngó nghiêng xem xét một lúc mới bám rễ cây leo lên, mặc áo quần vào rồi khom mình bước từng bước thận trọng xuôi theo hướng chảy của dòng sông. Anh du kích gằn giọng quát khê :

— Ai, đứng lại ! Nhúc nhích chết liền à.

Cái bóng nhỏ đứng lại. Một giọng nói quen quen :

— Người mình đây. Đừng bắn hử !

— Người mình là ai ?

— Dân Sa Kỳ đây mà...

Quế thì thăm :

— Nghe như tiếng thằng Tuấn.

Anh du kích hỏi dồn :

— Dân Sa Kỳ là ai ? Nói tên nghe ?

— Tuấn đây !

Anh du kích tiến lại, bóp nhẹ vào đầu cái bóng nhỏ :

— Ông nội đi đâu mà lộn qua sông giữa đêm vậy ?

— Tôi ở nhà thương ra. Về chợ Sa, lính nó gác tùm lum hết. Nó cấm dò. Ngồi chết gí bên kia từ trưa tới giờ, đói thấy mồ. Sốt ruột quá, tôi ngược lên đầu trên bơi đại qua. Mấy anh định qua bên (1) hử ? Đoạn trên này êm đó. Tụi hăn phục hết dưới kia.

Tư, Mừng, Quế đều tới xúm quanh Tuấn.

— Mạnh rồi hử ?

(1) Bên ấy.

— Mạnh hung rồi. Ủa, mà mấy người đi đâu mà tập nập vậy?

Chưa ai đáp lời Tuân thì một anh du kích xuyt bảo im. Bên kia sông, một đốm đèn pin rất khó nhận vừa loé lên. Đốm đèn pin loé lên hai loé nữa rồi tắt ngấm. Bên này, anh du kích vội rút chiếc đèn đeo bên thắt lưng, bùm tay che bớt ánh sáng phát tín hiệu đáp lại. Bên kia phát một tín hiệu nữa, cho biết họ đã nhận rõ. Trong lúc chờ đợi, Tuân nói sơ qua với các bạn tình hình địch bên kia mà chú năm được hồi chiều. Tuân không hỏi gì thêm về công việc của các bạn. Chú biết các bạn đi làm nhiệm vụ đánh một mục tiêu mới mà chú đoán Tư đã chuẩn bị lâu nay. Có điều lần này khó khăn hơn trước nhiều. Không còn qua sông hợp pháp ban ngày được nữa. Địch cho lính ràng kín bờ sông bên kia từ xóm An Kỳ xuống tận Cửa.

Chỉ chừng mười lăm phút sau, một chiếc thuyền nan bơi chéch sang theo chiều nước chảy. Ngồi trên thuyền là một cô bé chỉ hơn Tư độ hai tuổi. Cô ghì mái chèo cho thuyền quay ngược và cặp vào bờ.

— Xuống đi thôi! — cô nói gọn.

Tư, Mừng, Quế chào Tuân và hai anh du kích rồi lần lượt xuống thuyền. Chiếc thuyền nhỏ bơi ngược một đoạn rồi tách bờ, mất hút trong đêm tối.

Chờ cho đến lúc từ phía bờ bên kia lại chớp lên ánh đèn pin báo hiệu chiếc thuyền đã sang tới an toàn, hai anh du kích và Tuân mới quay trở về. Dọc đường, hỏi chuyện hai anh du kích, Tuân được biết kỹ hơn tình hình ở xã trong trận cần vừa rồi. Bộ đội mình đánh một trận lớn vào cứ điểm núi Rằm, phá hủy hơn ba chục khẩu pháo, diệt gần hai trăm tên Mỹ. (Đáng lẽ đánh cả Đá Mú, cả núi Hầm nhưng không hiểu sao lúc lực lượng sắp triển khai thì có lệnh rút). Mình đánh núi Rằm hôm trước thì hôm sau nó cần. Nó đổ quân nhiều cụm, bao hết xã, rồi đổ quân xuống các xóm lùa dân ra đồng, cho trực thăng đáp xuống xúc dân đi. Nhưng dân mình đã được chuẩn bị sẵn, không ai chịu đi. Nó định đốt nhà. Người ta leo lên mái nhà ngồi.

Nó định giết hằm. Người ta nằm lăn ra trên nóc hằm. Ngày thì như thế, đêm thì du kích từ công sự mật trời lên đánh. Du kích Sa Kỳ đợt này mần ăn khá. Giăng co quyết liệt suốt mười ngày, mất gần hơn trăm lính vừa chết vừa bị thương, ba chiếc trực thăng bị bắn cháy, bọn Mỹ chỉ xúc đi được dân xóm Gành, xóm Bãi và một số gia đình ở xóm Mồ Côi, xóm Mới. Xóm Gò căn bản còn nguyên. Ở xóm Gò, thương binh đánh núi Rằm về nằm kẹt lại khá đông. (Trạm phẫu lâu nay vẫn đứng đó). Nhiều cán bộ tỉnh và huyện về công tác cũng nằm kẹt lại. Các hằm bí mật chặt cứng. Các vết thương của thương binh đã bắt đầu thối. Căng vô cùng. Nhưng nhờ có lực lượng đấu tranh chính trị mạnh quần lộn với bọn Mỹ suốt ngày, không cho nó lũng lội, nên vẫn không bị lộ cái hằm nào. Ban đêm nó cùm một chỗ, các mẹ các chị, số thì thức để bám địch, số thì lo đưa thương binh lên cho ăn uống, rửa vết thương. Mãi tới ngày thứ tám của trận càn, du kích đánh một trận tập kích cụm quân ở bãi Xương Bò, nó hơi giãn đội hình ra một chút, mình mới tranh thủ đưa hết thương binh ra. Ngày thứ chín, nó vào xóm, khai được mấy cái hằm rỗng.

Tuân theo hai anh du kích đi xuyên ngang xóm Gành bằng một con đường tắt, đâm qua các nền nhà. Cái xóm mất dân mới có mấy ngày mà hoang vắng, lạnh lẽo ghê người. Trên một mảnh sân đất, Tuân gặp một nông lúa đã nhú thành mạ, chắc là đang phơi thì chủ nhà bị lừa đi. Một con heo đang sục mồm vào đám mạ, thấy động vụt bỏ chạy. Dưới ánh một trái pháo sáng vừa bắn, thấy rõ cả từng tùm lông lổm xổm trên thân hình gầy gơ xương của nó.

Ra khỏi xóm Gành, họ quanh lên xóm Mới. Chị Kha đang ngồi trước cửa hằm, bên cái bếp lửa bập bùng cháy của chị. Chị ngồi yên lặng, tâm trí dồn hết cả về phía bờ sông, dõi xem có loạt súng nào rộ lên từ phía ấy. Thấy hai anh du kích về, chị hỏi liền :

— Sao, các đồng chí ?

— Mấy đứa qua bên ồn rồi chị.

Hai anh báo cáo văn tắt với chị công việc vừa làm, rồi khoác súng đi đâu không rõ. Chị Kha kéo Tuấn ngồi xuống ván:

— Em về cách nào? Tay khỏi hẳn chưa?

— Mạnh ù rồi chị. Có việc chi giao cho em ngay đi.

Chú bé than vãn, tiếc mãi về sự mình về trễ không kịp có mặt trong tổ làm nhiệm vụ mới qua sông hồi nãy. Chị Kha vuốt tóc Tuấn, cười:

— Lo chi, còn bọn việc phải làm, em ời.

Tuấn đem hỏi chị Kha một chuyện đã ám ảnh chú mãi từ cái buổi chiều nọ ở trong nhà thương.

— ...Người này là một người tù, tội hẳn đánh bị thương nặng quá phải đưa ra nhà thương chữa. Mà sao cặp mắt bà giống mắt mẹ em kỳ cục — ngừng một lát, chú bé tiếp, như tự nói với mình — mà mẹ em người ta biểu bà mở tiệm lớn trên tỉnh, mắc mớ chi mà bị tù hử chị?

Chị Kha ngẫm nghĩ rồi bảo Tuấn:

— Người ta có người giống nhau nét này nét khác là chuyện thường. Hơn nữa người này theo em kể đó thì lại bị băng kín mặt, thật khó xác định. Thôi, chuyện đâu có đó, em đừng nên nghĩ ngợi chi nhiều.

Chị cho biết Tuấn vừa được cấp bằng dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú và bằng dũng sĩ diệt xe cơ giới. Trước trận càn, Quế cũng mới đánh được một chiếc xe tăng theo cách của Tuấn bày. Chờ có bằng dũng sĩ của Quế gửi về, chị sẽ tờ chức trao một lượt. Chị đã gặp thằng Giếch và sau khi báo cáo lên trên, ban binh vận tỉnh đã cử một cán bộ về. Chị đã bố trí cho anh này gặp hẳn.

Tuấn về xóm Mồ Côi theo đường bờ ruộng. Đến giữa đồng thì gặp Đầu. Đầu vừa đi trực về.

— Mạnh chưa mày, Tuấn?

— Mạnh hay chưa coi đây thì biết — Tuấn thôi cho Đầu một thôi vào bả vai bằng cánh tay trái bị thương mới lành.

— À, mày có thư...

— Đâu? Đâu? Chắc thư anh Hai tao đó. Đưa đây mau.

Tuân kéo Đầu ngồi thụp ngay xuống bờ ruộng, rút chiếc đèn pin ở thắt lưng Đầu, bùm tay che bớt ánh sáng, rọi cho Đầu mở gói. «Cẩn thận, không lãnh cối Đá Mú bây giờ!» Đầu làu bàu nhắc, mở gút chiếc gói may bằng vải bạt cứng đựng đầy công văn, thư từ. Nhờ một tia sáng nhỏ lọt qua kẽ tay Tuân, Đầu lục ra một chiếc phong bì lớn, nét chữ lạ. Tuân đọc: «Võ Trí gửi về mẹ, em Nhuận, em Thuận và cháu Tuân, xóm Mồ Côi, Sa Kỳ. Kính nhờ các đồng chí chuyển giùm tận tay, cảm ơn».

— Thư của dượng tao, ba anh Lượng đó.

— Mở coi mày.

Tuân bóc thư. Bên trong có bức thư của dượng Trí gửi bà ngoại và dì Nhuận, cùng một lô những phong bì nhỏ hơn. Tuân lần lượt đọc chữ ghi trên các phong bì này. Đó là thư của Lượng gửi riêng cho từng người: bà ngoại, mẹ Lượng, Tuân, Đầu, Tư, ông Lờ...

Thư dượng Trí viết ngắn, báo tin dượng đã về tới quân khu, nhưng vì nhiệm vụ, chưa thể về thăm quê hương, thăm gia đình được. Dượng gửi về trước những bức thư của Lượng viết trước ngày đi Liên Xô để cả nhà mừng. Thư của Lượng viết cho Tuân, cho Đầu đều tràn đầy thương nhớ: Đầu rất khoái cái câu: «Dù đi tới đâu tao cũng luôn luôn nhớ mày, nhớ hình ảnh mày đêm đêm ôm súng vượt đường làm nhiệm vụ quang vinh của người giao liên cách mạng». Đầu cầm phong thư Lượng gửi cho Tư, thấy thấy trong lòng tay, giọng bồn chồn:

— Chà! Kỳ này anh Hai gửi thư cho chị Hai bỏ phong bì riêng dán kỹ gói he!

Đôi bạn cùng cười rúc rích. Tuân bỗng ngược nhìn những ngôi sao trên trời, mơ mộng: Lúc này anh Lượng đang ở Liên Xô đây. Liên Xô nằm về hướng nào? Có phải cứ vượt qua rừng núi Cà Đam xa mờ kia rồi đi miết là tới chẳng?

*
* *

Đêm cuối cùng trước khi chia tay, mọi người quây quần bên nhau quanh những đồng lửa trại trong cánh rừng thưa ven biển. Đêm Hắc Hải bập bùng ánh lửa bình yên. Mọi người hát những bài hát chung tất cả đều biết. *Quốc tế ca, Khắp thế giới chung niềm tin...* Rồi mỗi tổp của từng đoàn hát những bài dân ca của đất nước mình. Hai cô bạn Nga vẫn thường nghịch ngợm té nước vào Lượng những lúc tắm biển, hát một bài dân ca Nga rất hay. Một bạn Cu-ba đọc thơ. Một bạn châu Phi biểu diễn trống. Hơ Úp của đoàn ta hát một bài dân ca Tây Nguyên. Chị Lê Minh kể một câu chuyện bằng thơ. Đó là câu chuyện về người lính thủy Việt Nam trên một chiến hạm Pháp. Cách mạng tháng Mười mới thành công. Mười bốn nước đế quốc bao vây và tấn công hòng bóp chết nước Cộng hòa Xô-viết non trẻ. Một hạm đội của đế quốc Pháp tiến vào Hắc Hải, trước cửa biển Ô-đét-xa. Trên một chiến hạm của hạm đội Pháp, một cuộc khởi nghĩa của những người lính thủy cần lao đã nổ ra đề ủng hộ cách mạng Nga. Trong lực lượng khởi nghĩa đó có một anh lính thủy người Việt Nam, đã nhận nhiệm vụ trèo lên treo lá cờ búa liềm trên cột cờ cao nhất của tàu...

Cặp mắt long lanh bị cuốn hút bởi những hình tượng lịch sử kỳ vĩ đang tái hiện trong bản trường ca Hắc Hải, chị Lê Minh say sưa đọc :

*Anh chạy tới cột cờ cao nhất
Anh băng mình thoăn thoắt leo lên
Bóng anh mát trên trời sâu hút
Giữa gió găm lồng lộn vùng quanh*

*Đoàn thủy thủ cùng nhau ngửa mặt
Ngóng nhìn lên đêm tối mịt mùng
Bóng nghe rõ trên cao chót vót
Tiếng cờ bay phấp phật reo mừng*

*Họ vẫn đứng trong đêm dày gió
Cờ nghẹn im không nói nên lời*

Trên cao lá cờ đang bay múa
Đời họ từ nay đã khác rồi.. (1)

Lượng thốt nhìn ra Hắc Hải. Những con sóng nhỏ cao nhuộm ánh trắng lấp lánh. Câu chuyện xảy ra đã gần nửa thế kỷ, nhưng chú bé có cảm tưởng như đang nghe reo phẫn phật bên tai ngọn cờ đỏ vẫy vùng trong đêm Hắc Hải đầy gió. Trên đường trở lại Mát-xcơ-va, Lượng đã nhờ chị Lê Minh chép cho toàn bộ bản trường ca vào sổ tay và lầm nhấm học thuộc từ đầu đến cuối.

Bác Quang ra tận sân ga đón đoàn thiếu niên dũng sĩ, đưa về ở khách sạn gần ngay cơ quan Đại diện Mặt trận. Lượng cùng các bạn được đi thăm nhiều nơi trong thành phố: Quảng trường Đỏ, Viện Bảo tàng cách mạng, Cung Thiếu nhi... Thật khó nói hết những gì đang diễn ra trong tâm hồn chú bé Sa Kỳ của chúng ta. Nhiều đêm, chú cứ chiêm bao thấy mình ở xóm Mồ Côi. Xóm bị ném bom. Bom xăng đặc trùm lửa lên khắp xóm. Chú sợ tỉnh dậy, nhìn qua cửa sổ tầng lầu của khách sạn, thấy thành phố Mát-xcơ-va như một trời sao sa xuống mặt đất, lại bối rối nhớ về Sa Kỳ. Một hôm, đoàn thiếu niên dũng sĩ đến thăm trường Đại học tổng hợp Lô-mô-nô-xốp. Từ trên vị trí rất cao của trường này nhìn ra, thấy những khu nhà cao tầng xen kẽ với những đường phố, những hàng cây, như vô vàn lớp sóng nhiều màu lô xô trải ra, trải ra mãi và vượt khỏi tầm mắt, chĩa khuất trong sương khói ở chân trời. Một cảm giác choáng ngợp choán lấy tâm hồn Lượng trước qui mô hùng vĩ của tất cả những gì do bàn tay khối óc con người tạo nên, làm bừng sống ở chú một niềm khát vọng vốn đã từng ập ủ nhưng còn chưa có hình hài. Chú hít hà ao ước: chừng nào, chừng nào đất nước mình cũng xây dựng như vậy!...

Như cùng chung tâm trạng với Lượng, một bạn nói, giọng náo nức:

— Đánh Mỹ xong, các cậu ạ, chừng nào đánh Mỹ xong...

(1) Trích « Bài thơ Hắc Hải » của Nguyễn Đình Thi.

Hôm ấy, bác Quang cùng đi với đoàn. Nghe mấy bạn nhỏ nói vậy, bác vỗ vai các cháu, bảo :

— Đúng, đúng, đánh Mỹ xong ta sẽ dọn sạch những đồng gạch vụn, những rác rưởi, và ta bắt tay vào thực hiện những gì ta mơ ước, các cháu ạ. Mà ngay từ bây giờ các cháu phải chuẩn bị để đủ sức đón nhận nhiệm vụ của những ngày ấy đi. Nặng nề lắm đó. Rồi ít nữa các cháu phải đến ngồi trong những giảng đường kia...

Và chú bé Lượng của chúng ta, giờ đây cặp mắt rộng mở, như muốn nhìn vượt qua những thành phố hiện đại nguy nga, những cánh đồng đầy nắng, những đỉnh núi quanh năm phủ tuyết, những sa mạc, những đại dương... nhìn thấu về tận Sa Kỳ, Sa Kỳ với những căn hầm trần trụi, những gương mặt thân yêu dãi dầu lửa đạn, và tự thâm tâm chú thề với mình rằng, vì mảnh đất hiền hòa mà điều đứng ấy, từ nay chú phải học tiếp, học thật giỏi như đã từng đánh Mỹ giỏi.

*
* *

Tuân về đêm trước thì sáng hôm sau chú Điền tới gặp. Chú hỏi :

— Con ở nhà thương ra, tụi hăn có cấp giấy tờ chi không ?

— Dạ có.

Chú coi giấy rồi bảo :

— Được. Bây giờ cần có người sang An Vĩnh, chỗ nó lập khu đồn, gom bà con mình ở đó. Đường qua sông không đi được. Lính nó còn dăng ra nằm miết dưới bờ sông bên kia, thoáng bóng người bên này là nó bắn. Con đi đường hợp pháp vòng lên thị xã rồi quanh xuống. Gặp lính nó hỏi, con cứ biểu con nằm nhà thương mới về. Con sang đó gặp dì Nhuận đưa cho dì cái này...

Chú Điền trao cho Tuân một vật nhỏ xíu, cuộn tròn như lông ngỗng, ngắn bằng đốt ngón tay, bọc trong ni-lông

mỏng. Chú hướng dẫn cho Tuấn cách giấu trong mình và dặn gặp tình huống quá ngặt thì bỏ vô miệng nuốt, dứt khoát không được để lọt vào tay địch.

— Đưa cho dì cái này xong, còn quay về đây hay làm chi, chú? — Tuấn hỏi.

— À công việc tiếp sau của con là như vậy...

Chú ngồi xích lại gần Tuấn ghé tai nói nhỏ, vừa vạch trên cát một cái sơ đồ minh họa cho những điều chú nói. Xong, chú khỏa cát phẳng lại như cũ, và nắm tay Tuấn:

— Làm cho giỏi nghe con!

— Chú khỏi lo.

Tuân đứng dậy ngó quanh sân. Nhà vắng bóng người. Bà ngoại đã ôm thẳng Cù đi bú như cũ đi nhàn trong nhà bà không thể không bọc theo cái thư của anh Hai Lương đem cho cả xóm cùng đọc. Thằng Bính đi gánh nước về nhà hôm. Nó đã gánh được nước, bằng đôi thùng như vẫn là thứ hộp bơ cỡ bự của bọn Mỹ. Ông Lôi đi cao. Anh Phan anh Cờ về trên núi báo cáo công tác chưa trở xuống.

Tuân tạt ngang qua chỗ hố bom dẫn Bính vài điều rồi lên thẳng đường Cái Mới, đón một chiếc xe Mỹ đi nhờ lên thị xã. Tuấn dạo vòng vo quanh thị xã hồi lâu mới trở lại đầu cầu Trà Khúc.

Một chiếc xe ngựa lóc cóc qua cầu. Tuấn vẫy. Người đánh xe ghìm ngựa cất cao giọng hỏi:

— Về đâu, mày?

— Chợ Sa.

— Lên!

Móng ngựa lại gõ lóc cóc trên nền cầu xi-măng. Tuấn ghé dít ngồi vào mép ghế sau, bên mấy người đàn bà đi buôn. Quanh xe, treo đầy những đôi trạc ⁽¹⁾ với thùng mủng lỉnh kỉnh.

(1) Quang gánh.

Buổi sáng trên cầu Trà Khúc thực là đẹp. Nắng lên. Những làn can cầu trắng toát nổi bật trong nắng, soi bóng xuống dòng sông êm ả như còn ngái ngủ dưới làn sương mỏng nhẹ. Sau những ngày dài buồn chán trong cái nhà thương ngọt ngạt và hơi thối, Tuấn thấy lòng nhẹ nhõm quá giữa buổi mai này. Chú nhìn những người đàn bà ngồi cùng xe. Nét mặt người nào cũng hiện lên nỗi vất vả của cuộc đời buôn gánh bán bưng, tắt trời đầu đường cuối chợ. Họ có vui không, nếu họ biết rằng để cho cuộc đời họ trở nên dễ chịu hơn, tốt đẹp hơn, mà có một chú bé đang đi làm một nhiệm vụ nguy hiểm nhưng lòng đầy hứng khởi? Họ có ngạc nhiên không, nếu họ biết rằng chú bé đó đang ngồi bên họ?

Xe xuống tới chợ Sa thì đã quá chín giờ. Trời nắng gắt.

Chợ Sa vẫn đông như thường lệ, có phần còn đông đúc nhộn nhạo hơn vì người ở Sa Kỳ, ở Châu Me mới bị Mỹ xúc sang. Cách chợ chừng ba trăm mét, trên một bãi cát vốn là vùng gò mả dưới chân núi An Vĩnh, một khu đồn mới mọc lên. Một lớp rào bùn nhùng rải quanh bãi. Mười nóc nhà dù. Dăm ba dãy nhà tôn vừa dựng vội. Nhà tôn nhà dù không đủ chỗ, các gia đình phải trải ni-lông nằm la liệt giữa trời, dưới một tấm tôn hoặc tấm ván ép chống nghiêng trên hai cái cọc, che về phía ánh nắng. Người ta đại tiểu tiện ngay quanh rào. Trẻ con thì chỉ cần đi cách chỗ nằm mấy bước, còn những đứa nhỏ hơn tất nhiên là bừa ngay tại chỗ. Mùi cứt đái xông lên nồng nặc. Tiếng trẻ con khóc inh ỏi. Mới mấy ngày mà đã có tám đứa trẻ chết bệnh.

Mỗi gia đình bắc một cái bếp ngay kề chỗ nằm. Lạch nước ở ngoài hàng rào, nước xâm xấp trên mặt cá chân, đôi lúc phều đủ thứ rác rến. Tắm rửa ở đây mà mức nước ăn cũng ở đây.

Cạnh cổng khu đồn, dưới cái biển gỗ kẻ hàng chữ đỏ trên nền sơn vàng: «Trại tị nạn cộng sản», có một chòi gác. Hai gã lính bắc ghế đầu ngồi núp dưới bóng mát toan hoàn của mái chòi, thỉnh thoảng lại há hốc miệng ngáp. Người

ra kẻ vào lộn xộn. Lúc đầu bọn chúng còn quát tháo xét hỏi này nọ, mãi rồi cũng ngán. Phải để cho người ta đi múc nước, kiếm củi, đi lãnh gạo chớ. Trên đường cái, hai chiếc xe vận tải GMC chất đầy gạo. Xung quanh đông nghịt người cầm rá cầm mủng đứng chờ đến lượt nhận phần gạo cho gia đình.

Tuân cắp gói áo quần thẩn nhiên đi qua cổng khu đồn. Mất khoảng mười lăm phút, Tuân tìm được dì Nhuận. Dì đang bồng đứa nhỏ còn một bà ở cùng xóm. Đứa nhỏ khóc chèo chèo. Dì vừa dỗ nó vừa đun bếp. Thấy Tuân, dì hỏi :

-- Mày ở nhà thương về đó con ?

— Dạ, con ở nhà thương về.

Tuân ngồi xuống bên dì, vén tay áo cho dì coi vết thương đã lành sẹo. Nhân lúc xung quanh chỉ có toàn con nít, Tuân kín đáo trao cho dì cái vật chú Diên gửi. Dì khéo léo mở ra. Đó là một bức thư viết bằng thứ chữ nhỏ liti nhit trên mảnh giấy pơ-luya bằng ba ngón tay. Đọc xong, dì cúi luôn vào bếp lửa.

— Dì ơi, anh Hai viết thư về. Anh đi Liên Xô rồi —
Tuân thì thào.

Dì Nhuận sững người :

— Thiệt không con ? Thư hồi nào đâu ?

— Thăng Đầu mới đưa con hồi hôm đây. Mà cả thư của dưỡng nữa. Dưỡng về Nam rồi nhưng dưỡng còn mắc công tác ở trên núi.

— Thiệt không con ? Chu cha, mày đừng phỉnh dì tội nghiệp chết con ơi ?

Dì Nhuận nói, Tuân nghe mà bất thương dì quá sức. Dì chưa dám tin hẳn vào những điều vừa nghe được. Giữa cảnh hỗn loạn của cái trại giam trá hình, tin ấy đến như một tia chớp giữa đám mây đen. Tuân phải nói rành rọt mọi chi tiết ngọn ngành, dì mới chịu tin. Gương mặt dì chợt ửng hồng, sáng lên một vẻ rạng rỡ khác thường.

Chừng nửa giờ sau, một người con gái cụt chân chống nạng lập cập đi với một bà già qua trước dãy lều gần đó. Bà già quay sang trao cho người con gái chiếc xách đựng áo quần mà bà xách giùm. Người con gái nói : « Cám ơn thím ». Bà già đáp : « Ơn với huê chi, con ! » rồi đi về phía căn nhà dù.

Dì Nhuận và Tuân cùng ngẩng lên. Người con gái đó là chị Kha. Tia mắt họ gặp nhau rất nhanh. Tuân không ngạc nhiên, vì điều này chú Điền đã nói trước trong kế hoạch hiệp đồng. Chị Kha về mệt mỏi, ngồi xuống nghỉ. Một lát, chị uể oải đứng dậy chống nạng đi đâu đó, bỏ lại chiếc xách. Chờ cho chị đi đã xa, Tuân bước đến xách chiếc xách lên như chính đó là của mình. Chú chuồn nhanh ra khỏi khu vực vờn ngồi với dì Nhuận. Rồi chú xuất hiện ở một góc khu đồn, giáp hàng rào, nơi mọi người thường ngồi đại tiện. Chú cũng tụt quần ngồi làm cái việc bất tiện đó, dùng chiếc xách che đàng trước cho đỡ ngượng. Chẳng ai biết chú đã lẹ làng lòi ở trong xách ra những cục tròn đen bằng nắm tay vùi thật sâu xuống cát. Xong xuôi, chú xách chiếc xách đi cà rơ trong khu đồn, lảng tránh chỗ này chỗ nọ chơi với bọn con nít, nhân đó lần lượt tìm gặp hai người cần gặp theo chỉ thị của chú Điền.

Hai người đó là thằng Trung ở xóm Gành, con Len ở xóm Bãi lâu nay Tuân đã quen nhưng giờ mới được biết cũng là đội viên thiếu niên du kích mật. Sau những ám hiệu cần thiết để nhận nhau, Tuân chỉ hẹn Trung và Len giờ và địa điểm gặp Tuân để nhận vũ khí. Còn nhiệm vụ thì chị Kha đã phổ biến trước rồi.

Trời gần đứng bóng. Trong khu đồn, người ta chuẩn bị ăn cơm. Hôm nay bọn hội đồng xã phát gạo chặm nên bữa cơm trễ hơn mọi ngày. Tuân thấy đói thót bụng, định tấp vào một gia đình nào đó ăn đỡ một bữa. Chính lúc ấy, chú nghe một tiếng súng nổ đánh gọn đàng khu vực chợ Sa. Tuân nghĩ ngay đến Tư, và vội vàng chen chúc với đám trẻ con đi xách nước, kiếm củi chạy ra đường. Chỗ hai chiếc xe chở gạo, người chờ chực vẫn

còn đông nghịt. Dọc đường gần tới chợ Sa, Tuấn gặp hai gã lính bảo an ngắt ngưỡng đi ngược lại, vừa đi vừa nói với nhau :

— Trời ! Cái con cộng sản con tảo gan hết mức mày ơi ! Hồi giờ tao mới thấy một đứa trẻ con mà gớm đến vậy. Lão Vạn đang nhậu, con nhỏ dện cho liền ba phát «Côn-đư», lão té ngựa phun cả bún với thịt ra từa lưa.

— Cho lão chết đáng kiếp ! Nội khoản tôn Mỹ cấp cho làm cái trại tị nạn này lão ăn cũng đủ nghet họng rồi. Lão vừa cất xong cái nhà mới cho con vợ nhỏ. Vậy là bây giờ bỏ cả nhà lẫn vợ cho ai, hi hi...

— Cho mày đó.

— Ờ, cho tao, cho tao...

Cả hai ngựa mặt cười há há.

Trước một cái quán ở góc chợ Sa, bên lề đường cái, một đám đông cả dân lẫn lính và trẻ con xúm đến xúm đỏ. Tuấn chen vào nhìn. Thăng Vạn nằm ngựa trên mặt đường, máu chảy thành vũng lẫn với cát sỏi. Hân rên ề ề. Đạn chỉ trúng vào bắp vai. Một con y tá đang băng cho hân.

Vòng người chợt giãn ra. Một chiếc xe gíp trắng của cảnh sát xích dít vào. Tuấn thấy ba tên lính dẫn một người nhỏ thó bị trói chặt hai cánh tay từ trong chợ đi ra, đẩy lên xe. Người đó là Tư.

XII

Hai chị em thông thả bước bên nhau dọc hè phố, giữa buổi chiều tuyết bay lất phất. Mặc dù trời lạnh, Lượng và chị Lê Minh vẫn thích đi dạo phố Mat-xơ-va. Ngày kia, Lượng lên đường về nước. Tối nay, hai chị em sẽ tới ăn tết với bác Quang ở cơ quan đại diện Mặt trận.

Đoàn thiếu niên dũng sĩ, sau khi đi thăm nhiều nơi ở Mat-xơ-va, Lê-nin-gờ-rát và một số thành phố Liên Xô khác, đã về nước từ giữa mùa thu. Riêng Lượng phải ở

lại đề vào bệnh viện chữa vết thương có nguy cơ tái phát. Lượng vừa mới ra viện được một tuần nay.

Chị Lê Minh đưa tay vờn mấy bông tuyết đang rơi, mơ màng :

— Ở Việt Nam mình, còn bốn tiếng đồng hồ nữa là đến giờ giao thừa. Tết năm ngoái em ăn tết ở đâu ?

— Ở quê em, ở Sa Kỳ đó, cũng vui lắm chị. Nhân mấy ngày ngừng bắn, đồng bào ở vùng địch họ kéo về thăm vùng giải phóng đông tấp nập. Mình tranh thủ vận động. Quê em là một trọng điểm hoạt động tết của huyện. Có chiếu bóng, có văn công. Chị nghĩ coi có ghê không, đội chiếu bóng, đoàn văn công từ trên núi xa vượt mấy con đường xuống tới chỗ em đâu phải chuyện dễ. Mà phải làm sao đủ hăm bí mật cho họ chống càn nữa. Đủ hết. Hăm ở quê em dễ sợ lắm. Chưa được cả mấy tiểu đoàn, Mỹ lung lộn suốt ngày trên đầu vẫn êm ro, không lộ liễu một chút. Có những địa đạo khoét từ hồi kháng chiến chống Pháp kia...

— Ôi, bao giờ chị được về, được về trồng... (1)

Mỗi ngày Lượng càng thấy mến chị Lê Minh quá. Chị cũng giống Lượng. Được sống trong một đời sống đầy đủ mọi bề, nhưng không lúc nào chị không nghĩ đến quê hương đang đổ máu. Chị Lê Minh ra bắc từ lâu, rồi lại sang đây học đã ba năm. Gặp Lượng, « chú bé đã đi từ những căn hầm Sa Kỳ đến Mát-xơ-va » — chị Lê Minh hay gọi Lượng như vậy — chị cứ muốn hỏi thật tỉ mỉ tất cả mọi chi tiết của cuộc sống hiện nay ở Sa Kỳ để có hình dung ra tình hình thực tế chiến trường, chuẩn bị cho ngày trở về khỏi ngỡ ngàng quá lâu. Chị ôm ấp mơ ước được làm người phóng viên mặt trận, và hơn thế nữa, chị muốn trở thành một nhà báo chiến đấu cho sự nghiệp của các dân tộc bị áp bức vùng dậy tự giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội—chị thường bảo với Lượng thế. Trong những buổi đi dạo phố Mát-xơ-va như buổi chiều nay Lượng đã kể cho chị nghe về Tư, về Tuấn, bà ngoại, mẹ, về chị Kha, anh Đàm, về xóm Mới, xóm Mồ Côi...

(1) Trong ấy

Một lần trong lúc cao hứng sao đó, Lượng buột miệng khe khẽ đọc:

*Sa Kỳ của tôi, Sa Kỳ của tôi
Xóm Gành, xóm Bãi, xóm Mồ Côi...*

Chị Lê Minh ngạc nhiên:

— Ô, hay quá! Ở đâu thế! Thơ của em làm à?

— Đâu có! Em mà làm sao đặt thơ được. Đây là thơ của một anh bộ đội đặc công ở hầm nhà em, em đọc lên trong sổ tay của anh, không hiểu sao cứ nhập tâm rồi nhớ hoài vậy...

— Còn gì nữa, đọc tiếp đi em.

— Còn có hai câu nữa thôi. Vậy nè!

*Thân thương quá nơi ta từng đồ mẩu
Cho mỗi hàng cây, mẩu lá, con người...*

Chị Lê Minh lăm răm nhắc lại. Mấy câu thơ mộc mạc của một anh bộ đội đặc công chưa từng quen, nghe được tình cớ trong buổi chiều Mát-xơ-va bỗng khiến chị xúc động lặng người, buộc chị thêm yêu cái mảnh đất Sa Kỳ chưa từng đặt chân đến, mảnh đất có gì thật gần gũi với cái làng nhỏ ở Điện Bàn quê chị mà qua tin tức chị biết rằng cũng đang bị giặc chà đi xát lại.

Họ bước vào một cửa hàng bách hóa lớn. Anh đến sòng trung. Những tủ kính bày hàng lông lã nổi nhàn quanh căn nhà rộng thênh thang. Lượng đã tới đây nhiều lần. Có khá tiền trong túi, nhưng bao lần Lượng vẫn chẳng mua được gì, bởi cứ sắp mua chủ lại nghĩ: mua, rồi làm sao gửi về Nam? Người ta đi bộ hàng mấy tháng trời, mọi thứ đều công trên lưng, mình muốn gửi một vật dù nhỏ cũng thấy ngại vô cùng. Mà không gửi được thì mua làm chi?

— Cũng phải mua một vài thứ chứ em?

Chị Lê Minh giục, sau một hồi hai chị em đi quanh các quầy hàng. Sau cùng, Lượng quyết định mua lấy chiếc khăn quàng loại thật nhẹ để gửi về cho bà ngoại, cho mẹ, dì Thuậ và chị Kha. Mua cho Tư, Tuấn mỗi

người một cây bút. Lượng sẽ liên hệ với các chú ở Ban thống nhất trung ương coi có ai thật thân thiết, sẽ nhờ họ đem về. Số tiền còn lại, Lượng mua quà để tặng Đan Tâm, chị Minh Hiền, bác Hà Châu và cô Liêm. Lượng chỉ mua cho mình mấy bộ đồ mặc ấm. Chị Lê Minh bảo ở Hà Nội mùa đông rất lạnh.

Các cô bán hàng người Nga rất niềm nở và tận tình. Các cô cố tìm cho Lượng những thứ chú vừa ý nhất. Khi được biết Lượng là một thiếu niên từ miền Nam Việt Nam tới, các cô đi vòng ra hẳn bên ngoài quầy hàng ôm hôn chú.

Hai chị em rời cửa hàng, lên một chiếc tắc-xi về cơ quan đại diện Mặt trận.

Căn phòng lớn của tòa nhà tràn ngập không khí tết Việt Nam. Một cành đào đem từ Hà Nội sang, cắm trong bình sứ đặt ở giữa phòng. Trên những dãy bàn dài trải khăn trắng tinh, là những bộ đồ uống trà bằng gốm Bát Tràng, những bao thuốc lá Thăng Long, Thủ Đô, những đĩa mứt sen, mứt thập cẩm nhiều màu, những đĩa hạt dưa và những chai rượu Nếp Mới, Đồng Tháp.

Còn hai giờ nữa mới tới giao thừa. Khách khứa chưa ai đến cả.

Chị Lê Minh và Lượng vào căn phòng nhỏ kê bên ngồi nghỉ trên di-văng. lát sau, bác Quang cũng vào. Hôm nay bác mặc bộ com-lê đen rất đẹp. So với ba Lượng thì bác già hơn, tuy bác chẳng nhiều tuổi hơn mấy. Hai bên tóc mai của bác đã lốm đốm nhiều sợi bạc.

Bác ngồi xuống bên cạnh, vòng tay ôm lấy Lượng:

— Ba cháu hẳn là bây giờ đang ở trong Nam rồi, và chắc hẳn đang bận khủng khiếp vì công việc chiến trường chứ chẳng được như bác cháu mình ở đây đâu. Cháu rất giống ba cháu. Ba cháu gan lắm. Bác cứ nhớ hoài cái hồi vỡ mặt trận Nha Trang. Bọn Pháp phản bội hiệp định sơ bộ, đánh ta bất ngờ. Không ít người hốt hoảng bỏ chạy. Ba cháu thì không. Ôi chao, dạo ấy cả bác lẫn ba cháu đều còn trẻ biết chừng nào?

Chị Lê Minh mở máy thu hình. Người ta đang chiếu một cuốn phim về các nhà du hành vũ trụ. Bây giờ Lượng mới biết từ trên vũ trụ người ta nhìn thấy trái đất hiện ra như thế nào. Chú không khỏi mỉm cười tự giễu cợt khi nhớ lại cách đây chẳng bao lâu, chú và Tuấn cùng các bạn nhỏ ở Sa Kỳ ngồi trên gò Cẩm còn quả quyết với nhau rằng nếu trái đất tròn thì cứ đào xuống đất vài ba trăm cây số gì đó là tới được Liên Xô ! Nhà du hành vũ trụ kia là ai mà ngó quen vậy ? À, phải rồi, đó là anh hùng Ti-tốp. Hôm đoàn thiếu niên dũng sĩ miền Nam tới thăm Hội hữu nghị Xô — Việt, Lượng đã được gặp anh. Anh đề nghị Lượng và các bạn kể chuyện đánh Mỹ, còn anh kể chuyện bay vào vũ trụ. Anh bảo rằng, càng bay xa vào trong vũ trụ, anh càng thấy yêu trái đất của chúng ta, trái đất nóng bỏng những khát vọng và những cuộc chiến đấu không ngừng của con người cho một đời sống công bằng và tốt đẹp. Có lần khi bay qua bầu trời Việt Nam, anh đã lấy làm sung sướng được đánh một bức điện từ vũ trụ chào mừng cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam anh hùng chống một kẻ thù nguy hiểm nhất của loài người là đế quốc Mỹ. Giờ đây anh lại sung sướng hơn, được biết trong cuộc chiến đấu đó, có những dũng sĩ tuổi còn nhỏ như các em... Hôm ấy Lượng đã được chụp chung với anh hùng Ti-tốp một bức ảnh bên cạnh những mô hình kỳ lạ của các con tàu vũ trụ — kết quả mới nhất của trí tuệ các nhà bác học Liên Xô. Lượng đã gửi bức ảnh ấy về Sa Kỳ cho Tuấn và anh Đàm, không biết giờ đã tới được chưa ?

— Lượng ơi, em có thích bay vào vũ trụ không ? —
chị Lê Minh bỗng hỏi.

— Mô phật, em làm sao bay được ?

— Tất nhiên là hiện giờ thì em bay sao được. Chị muốn nói là sau này kia. Nhưng điều chủ yếu là phải thích cái đã.

Bác Quang góp lời :

— Thế hệ các cháu thật sung sướng. Các cháu sẽ được

chứng kiến nhiều việc thần kỳ của cách mạng nước ta và thế giới. Các cháu sẽ là lớp người trụ cột đưa nước ta hùng dũng bước vào thế kỷ XXI đây. Lúc ấy các cháu đừng quên cái thể hệ đã làm cách mạng tháng Tám này nhé.

Chị Lê Minh nói :

— Chú chớ lo. Chúng cháu quên sao được. Cái chính là chú phải tin rằng chúng cháu không bao giờ quên. Có thể nào cháu lại quên máu của ba cháu đã đổ ra, phải không chú? Cháu hiểu lắm chứ. Như nhân dân Liên Xô hôm nay chẳng hạn, họ đang gửi những người con của mình bay lên khám phá vũ trụ. Nhưng trước khi bay lên được như vậy, họ đã từng phải dãi rết đổ máu trong cuộc nội chiến sau cách mạng tháng Mười, đã từng phải trải qua những ngày tháng mà bọn phát-xít Đức đã nhìn thấy Mát-xcơ-va trong ống nhòm của chúng...

Bên ngoài vọng vào tiếng nói cười vui vẻ. Bác Quang vội ra đón khách. Khách phần lớn là các sinh viên Việt Nam, con em những cán bộ ở lại miền Nam chiến đấu từ năm 1954. Có cả nhiều bạn Liên Xô và một số các nước khác. Hôm nay không phải là một buổi tiếp khách ngoại giao mà là một buổi vui tết thân mật kiểu gia đình. Nhiều người đưa cả vợ, chồng hoặc người yêu tới.

Mọi người uống rượu, ăn mứt chờ giao thừa. Người ta hàn huyên về một bộ phim thời sự mới, quay cuộc biểu tình khổng lồ của nhân dân Mỹ tại Oa-sinh-tơn chống cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Người ta hỏi nhau và thông báo cho nhau những tin tức sốt dẻo về miền Nam mà mình nghe được. Mọi người, nhất là các bạn nước ngoài, đến hỏi chuyện Lượng rất nhiều. Trong ấy nhân dân ở hăm thế nào, Mỹ nó cần quét ra sao, mình chống cần ra sao... Những câu chuyện, có nhiều người nghe rồi vẫn muốn nghe lại. Ở Sa Kỳ, đó là chuyện thường. Nhưng ở đây... Chú bé Sa Kỳ chưa hiểu được ở đây người ta tìm thấy những gì sau những điều bình thường đó. Chẳng nghĩa phát-xít vừa bị đánh bại thì một tai họa mới lại xuất hiện trước vận mệnh loài người. Lính Mỹ diện sang

đi đứng ngạo mạn và vênh vác ở Tây Âu, ở Nhật Bản, Nam Triều Tiên, Phi-líp-pin, Thái-lan... Bọn quan chức ngoại giao Mỹ trở nên quá quen với việc sử dụng một lối ăn nói bề trên kẻ cả, quen với việc chỉ cần liếc mắt một cái là quốc gia này quốc gia nọ phải răm rắp nghe theo một phép... Ấy thế mà bây giờ, người ta được biết một chú bé và một cô gái cụt chân đã bắt trời một tên trong cái lũ hung nô mới ấy giải đi trên cánh đồng Sa Kỳ như thế nào...

Căn phòng huyền não chợt im lặng hẳn khi tiếng máy thu thanh bật lên. Từ trong máy, tiếng đồng hồ trang trọng điểm giờ, báo hiệu phút giao thừa đã tới. Một tràng pháo giòn giã. Quốc ca. Rồi thì một giọng nói vô cùng thân thiết đối với mỗi trái tim Việt Nam âm áp vang lên — giọng nói Bác Hồ.

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua

Tâm trí Lượng bỗng như vụt bay về Sa Kỳ. Giờ này hẳn bà ngoại, thằng Tuấn và mẹ cũng đang ngồi quanh chiếc đài bán dẫn dưới căn hầm tránh pháo lắng nghe từng tiếng nói thiêng liêng kia. Chắc là ngoại lại khóc...

Có ai đó chợt hỏi :

— Tết này là Tết Mậu Thân đấy nhỉ ?

Hiện thời thì hai tiếng Mậu Thân chưa gây nên một ấn tượng gì đặc biệt ngoài ý nghĩa tên gọi của một năm mới. Tuy nhiên mọi người cũng đã bắt đầu sôi nổi bàn bạc ngấm ngầm về những câu thơ chúc tết của Bác, nhất là hai tiếng *“hơn hẳn”* và câu thơ cuối cùng trong bài : *“Tiến lên ! Toàn thắng ắt về ta”*.

Bữa tiệc chính mừng năm mới được dọn ra. Ngoài những món ăn lạ khác, Lượng thích thú biết bao khi thấy có cả bánh tét, bánh chưng, dưa món, nem rán... Đó là nhờ các cô các chú trong cơ quan đại diện đã cố gắng rất nhiều. Bữa tiệc kéo dài khá lâu, mãi hơn mười giờ khuya. Lúc này ở Việt Nam đã gần sáng.

Có một cán bộ trong cơ quan đại diện đến ghé tai nói nhỏ gì đấy với bác Quang. Bác đứng dậy đi nhanh sang

phòng bên. Mấy phút sau, bác trở lại, ánh mắt tươi cười, trong tay cầm một mảnh giấy có lẽ là bức điện. Gương mặt rạng rỡ, bác nói to :

— Các bạn ! Xin báo một tin vui lớn đầu năm. Sau giờ giao thừa vừa qua, đã nổ ra cuộc tấn công lớn của các lực lượng vũ trang giải phóng vào các cứ điểm của Mỹ — ngay tại hàng trăm thành phố, thị xã, thị trấn quận lỵ ở miền Nam Việt Nam, trong đó có Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ... Các tin chi tiết, xin mời các bạn sẽ tiếp tục theo dõi qua Đài tiếng nói Việt Nam.

Những tin chi tiết ấy, chừng mấy giờ sau mọi người đều đã được biết, mà tin nổi bật là sứ quán Mỹ ở Sài Gòn bị tấn công mạnh, tên đại sứ Bản-cơ phải nhảy lên trực thăng chuồn khỏi sứ quán.

*
* *

Ở Sa Kỳ thì từ hơn một tháng trước Tết, mọi người đã rạo rức chộn rộn lắm. Mỗi dự cảm về một điều gì hết sức lớn lao đang tới gần cứ mỗi ngày nột rõ nét. Chẳng cần ai nói ra, chỉ thoáng nhìn vào mắt nhau cũng đủ thấy. Một niềm phấn khích chung, bí ẩn, khiến cho tất cả các cặp mắt đều khác thường. Cán bộ các cấp nối tiếp nhau đi dự những đợt học tập, những cuộc hội nghị quan trọng trên khu, trên tỉnh, trên huyện, và khi trở về hình như ai cũng không còn giống bản thân mình ngày hôm qua nữa. Nhiều danh từ trước đây chưa từng nghe bỗng xuất hiện và lặp đi lặp lại luôn chẳng ngừng trong các cuộc họp Đảng mà cả trong các buổi sinh hoạt của các đoàn thể quần chúng. Cái tiếng mà người ta hay gặp nhất là *phương hướng mới*. Du kích thôn được điều lên xã, đó là đi theo yêu cầu của *phương hướng mới*. Du kích xã được điều lên huyện để phục vụ *phương hướng mới*. Nhiều cán bộ đột nhiên được điều động, chỉ sau vài giờ là lên đường. Các tổ mẹ, chị bàn bạc nâng cao chỉ tiêu mua gạo mua hàng ở vùng địch về. Các trung đội, đại đội, tiểu đoàn đấu tranh chính trị được sắp xếp lại cho chặt chẽ, bổ sung cán bộ chỉ huy vừa

được qua những lớp huấn luyện gấp rút. Nhịp độ của cuộc sống hàng ngày trở nên mỗi lúc một dồn dập, công việc luôn luôn thúc bách, hối hả. Gặp hiện tượng hơi dềnh dàng trù trù một chút, người ta lập tức nổi giận: « Bữa nay mà còn vậy hử ? »

Dân công đêm nào cũng vượt đường lên phía tây nườn nướp như đi hội. Chỉ nội những thứ họ công trên lưng vượt đường mang xuống cũng đủ khiến nức lòng. Người ta đào những hầm bí mật lớn để chứa những viên đạn dài thượt.

Vào ngày lễ Nô-en, bà con Sa Kỳ vẫn như mọi năm, làm một cây thông giáng sinh rất to có gắn nhiều thiệp mừng viết bằng tiếng Anh, mang lên Đá Mú. Trẻ em mặc quần áo đẹp xúm xít khiêng cây thông đi trước. Tiếp theo sau là các bà các chị mặc áo dài đủ màu đủ sắc, vui chẳng kém gì ngày Tết Việt Nam. Nhưng có một điều mới mẻ mà bọn Mỹ không hề biết là cùng đi với đoàn người này, có cả mấy cô gái trong ban chỉ huy xã đội. Thậm chí một chị cán bộ phụ nữ khu cũng đi theo để có thể trực tiếp tìm hiểu những vấn đề bổ ích cho việc chỉ đạo đấu tranh chính trị. Và điều đặc biệt hơn nữa là đoàn người đã mang theo một bức thư ký tên vị chỉ huy trưởng các lực lượng vũ trang giải phóng vùng Sa Kỳ gửi chỉ huy trưởng căn cứ Đá Mú đề nghị hai bên kéo dài thời hạn ngừng bắn ở khu vực này trong dịp lễ giáng sinh lâu hơn thời hạn ngừng bắn chung, có thể kéo liên tới Tết Nguyên Đán.

Bọn chỉ huy Mỹ đã đón tiếp đoàn người lên mừng lễ giáng sinh quân đội đồng minh Hoa Kỳ với thái độ vừa lịch thiệp vừa dè dặt. Chúng chỉ cho một số cụ già và các em thiếu nhi khiêng cây thông vào căn nhà cầu lạc bộ được dùng làm nhà khách, mời ngồi và chuyện trò nhả nhặn. Còn phần lớn đoàn người đều bị cản lại ở ngoài sân, nơi dùng làm bãi đáp của máy bay trực thăng. Chúng không có lời đáp công khai nào với bức thư của vị chỉ huy trưởng các lực lượng vũ trang giải phóng vùng Sa Kỳ (bức thư mà một cụ già khi trao cho chúng kể rằng đêm qua có một người của Mặt trận vào nhà cụ yêu cầu chuyển giùm lên

Đá Mú). Nhưng sau đó người ta theo dõi thì thấy hoạt động của các trận địa cối, những ồ đại liên và các đội tuần tiểu bộ binh của Đá Mú có giảm.

Cái Tết càng tới gần thì không khí náo nức càng tăng lên. Các gia đình gói bánh tét, làm bánh khô nhiều hơn hẳn mọi năm. Máy thứ bánh này để được lâu, lại tiện đem theo bên mình. Đã có lệnh chuẩn bị xuống đường và mỗi người xuống đường đều phải có vũ khí thô sơ, đồng thời đem theo lương ăn đủ ba ngày. Người ta rộn rịp mài dao, sắm gậy, sắm dây trói để bắt trói ác ôn. Người ta nhắc lại với nhau kinh nghiệm hồi đồng khởi đã sơ hở để lọt lưới nhiều tên. Những tên lọt lưới ấy cùng những tên mới nảy mũi lên từ hồi Mỹ đổ quân vào được lần lượt điếm mặt điếm danh trong lúc người ta ngồi mài thật bén lưới rựa, bện thật săn sori dây dừa.

Một buổi chiều trước Tết hai ngày, Tuấn ngồi trên gò Cẩm với Mừng và Quế. Họ gặp nhau để chia tay. Tuấn được trên rút đi nhận nhiệm vụ mới. Từ mười hôm nay, Tuấn đã biến khỏi Sa Kỳ. Thực ra, Tuấn chưa đi đâu xa, chỉ ở xóm Bãi đây thôi, nhưng tuyệt nhiên chẳng ai thấy mặt chú. Đơn vị rút Tuấn chính là tổ công tác cánh đông của thị ủy (tên mật là KĐ1), lâu nay vẫn đứng ở xóm Gò, cũng có khi đứng ở xóm Bãi, mà Tuấn cũng đã từng một vài lần nghe nói tới nhưng không biết rõ. Suốt mười ngày, Tuấn phải ở tịt dưới hầm pháo để dự một lớp huấn luyện (lớp chỉ có một giảng viên và một học viên), ba bữa ăn đều có người bưng tới đặt ở cửa hầm, buổi tối mới được lên mặt đất đi ra ngoài thở hít khí trời. Chiều nay Tuấn được tạt về thăm bà ngoại một lát, nhân tiện cũng để gặp Mừng và Quế.

Sau khi Tư bị bắt, Tuấn được bầu làm tổ trưởng thay Tư. Bây giờ tổ trưởng là Mừng. Do sự sắp xếp lại tổ chức, có hai tổ viên mới ở tổ khác chuyển qua: Trưng và Len. Nhưng người chỉ huy cấp trên của họ là chị Kha thì chưa có ai thay. Chị đã được điều đi nhận nhiệm vụ mới trước Tuấn mấy ngày. Chị ra đi rất đột ngột và bí mật. Chị chỉ kịp dặn Mừng một câu vắn tắt: « Chú Điền

sẽ gặp em». Chị cũng kịp báo với Tuấn việc thắng Giếch cho Tuấn mừng. Ban binh vận tỉnh gửi lời biểu dương Tuấn về thành tích phát hiện ra Giếch. Ban đã phân công người trực tiếp nắm Giếch..

— Chú Điền gặp mày chưa, Mừng? Tuấn hỏi.

— Rồi.

Giữ nguyên tắc, Tuấn không hỏi gì thêm về nhiệm vụ mới của tồ. Mừng và Quế cũng không dám hỏi gì về đơn vị và nhiệm vụ mới của Tuấn, tuy họ có thể đoán được phần nào. Ba chú bẽ chĩ ngồi lặng lẽ bên nhau, dưới bóng của một đám xương rồng trong ánh nắng ầm áp của buổi chiều mùa xuân. Lòng họ rạo rức quá. Trong những ngày tới, điều gì sẽ đến? Họ chưa biết, nhưng chắc chắn đó là một cái gì vô cùng trọng đại mà mỗi người rất hãnh diện vì có phần mình sắp được đóng góp để tạo nên.

— Mừng nè, tao đi chỉ bản khoản chuyện này chưa làm được.

— Chi vậy?

— Đó là chuyện kết nạp thằng Bính vào Hội. Tao thấy nó hoàn toàn xứng đáng.

— Mày khỏi lo. Tao cũng thấy nó hoàn toàn xứng đáng. Trong cuộc họp tới tao sẽ đưa việc kết nạp nó ra xét. Chắc chúng nó cũng một ý như mình cả thôi. Quế thấy sao mày?

— Tao xin biểu quyết cả hai tay.

Từ phía thị xã, một tốp năm chiếc trực thăng chậm chạp bay ra biển, rồi đột nhiên ngoặt trở vào. Chúng quần đảo hai vòng trên địa phận Sa Kỳ một cách đáng ngờ. Rồi hai chiếc trực thăng vũ trang thi nhau bắn rốc-kết và đại liên cực nhanh chuẩn bị bãi đáp. Ba chiếc trực thăng chở quân lần lượt đáp xuống bãi đất trống nằm giữa đoạn đường đi Châu Me và xóm Gò, cách gò Cẩm không bao xa. Ngồi trên gò Cẩm có thể nhìn rõ từng tên lính Mỹ lần lượt nhảy ra khỏi cửa máy bay. Ở chiếc trực thăng thứ

ba, thấy lẫn với tụi lính Mỹ có cả những tên canh sát, những tên «bình định nông thôn» và vài tên mặc đồ dân sự đội nón nỉ trắng, có lẽ là bọn hội đồng. Sau cùng chúng đẩy xuống một người vóc dáng thấp nhỏ.

Mừng chợt kêu lên sửng sốt :

— Ai như con Tư, bay ơi !

— Trời ! Con Tư rồi chứ ai nữa kia !

— Dẫn lính về khai hầm chắc ?

— Sao có thể như vậy được ? Lẽ nào ?...

Mấy người bạn nhìn nhau suy nghĩ rất lung.

Hôm ở chợ Sa, liền sau lúc Tư bị bắt, Tuân chạy xuống khu đồn báo ngay với dì Nhuận. Dì và chị Kha hội ý với nhau. Cả hai người đều nhất trí tin tưởng ở Tư. Kế hoạch đánh phá khu đồn đưa dân về làng cũ vẫn giữ nguyên không thay đổi. Quả vậy, cho tới đêm, không có một dấu hiệu nào chứng tỏ Tư khai báo, mặc dù chúng tra tấn hỏi cung ngay từ lúc đẩy Tư lên xe gíp. Nửa khuya đó, Tuân moi lựu đạn mà chú nhận từ chiếc xách của chị Kha đem giấu dưới cát lên, phân phối cho Trung và Len. Tổ du kích mệt do Tuân chỉ huy đã hoàn thành nhiệm vụ diệt gọn ba ổ lính canh giữ khu đồn. Tiếng lựu đạn của họ lẫn trong tiếng súng cối của du kích. (Trận ấy du kích Châu Me có cho Sa Kỳ mượn cây cối tự tạo). Bọn địch hoàn toàn không biết chúng bị đánh từ bên trong. Lực lượng chủ yếu của du kích Sa Kỳ phối hợp với bộ đội huyện đánh vào các trung đội «nghĩa quân» chốt giữ khu vực chợ Sa và con đường xuống bờ sông. Lực lượng đấu tranh chính trị do dì Nhuận và chị Kha chỉ huy đã chuẩn bị sẵn, liền nổi lửa đốt các dãy nhà dù, phá các dãy nhà tôn, dỡ hết rào kẽm gai. Bà con ùn ùn kéo nhau gánh, xách đồ đạc ụa ra khỏi khu đồn. Nhưng người ta không về Sa Kỳ ngay trong đêm. Tất cả nằm ở chợ Sa, chờ đến sáng, bọn hội đồng từ trên quận xuống, họ lập tức rì lấy chúng. Thắng Vạn tuy chưa chết nhưng hấn đã bị thương nặng phải vào nằm nhà thương, số phận khá mong manh. Tên xã phó và bọn còn lại trong hội đồng đều hoảng hốt trước việc thắng

Vạn hị bản có cả bản án kèm theo : *«Kẻ nào làm tay sai cho Mỹ thực hiện đồn dân lập ấp sẽ bị trừng trị như tên này!»* Hàng ngàn người toàn đàn bà, cụ già và con nít bao vây lấy chúng giữa chợ Sa, đấu tranh quyết liệt suốt buổi sáng và cuối cùng bắt chúng phải đích thân dẫn cả đoàn người ra bến đò, kiểm đò cho họ về. Thế là dân đã về hết được làng cũ, mà nhân đó, con đường đò hợp pháp qua sông sang chợ Sa cũng được mở lại.

Thời gian qua, không hề có một dấu hiệu đáng lo ngại nào về sự dao động của Tư. Sao bữa nay lại có hiện tượng này ?

Bọn Mỹ đã bố trí xong đội hình. Chúng bắt đầu tiến. Cô bé Tư đi trước dẫn đường. Rồi tới bọn cảnh sát. Tên chỉ trưởng cảnh sát dậm dọa :

— Nè, con bé, chỉ cho trúng thì mày được sống. Chỉ láo, tao bắn nát sọ liền tại chỗ.

— Trúng chớ sao không trúng. Ông Điền thường hề có động là vọt ra nắm công sự mật ở đây. Tôi tới đây liên lạc với ông luôn làm sao làm được.

Cô bé nhanh nhẹn bước trên bãi cát, giữa những lùm cỏ dại, những bụi cây không tên còi cọc. Tới một bụi cây, cô cúi xuống lần tìm dấu vết gì đó.

— Đây rồi, các ông đào đi.

Bọn địch xúm quanh cô bé để nhìn cho rõ.

Trên gò Cẩm, ngay từ lúc thấy Tư dẫn bọn Mỹ và bọn cảnh sát đi vào hướng đuôi xóm Gò, Tuấn đã đập tay la :

— Bay ơi, nãy giờ mình nghĩ tầm bậy cho con Tư rồi. Kia, bay thấy chưa ? Thấy chưa ?...

— Rồi, rồi ! Như vậy là ?...

Họ lại nhìn nhau, rồi lại nhìn theo Tư với một mối lo lắng thất ruột, một niềm căm phục đến sùng sờ. Đuôi xóm Gò quả là một khu vực có một số công sự mật của Đảng ủy nhưng bỏ đã lâu không dùng. Bên ngoài là một bãi

mìn dày đặc. Không ai nhớ có bao nhiêu mìn đã gài. Tuấn, Tư và các bạn đã từng đi gài mìn ở đó với các anh chị du kích. Có những chỗ họ gài chập cả ba trái đạn pháo 105 lại để chống tăng.

Tư đang dẫn địch tiến dần vào bãi mìn khủng khiếp ấy. Kìa, Tư dừng lại và bọn địch xúm xít vây quanh.

Một cột khói phụt lên, tiếp theo, một tiếng nổ rất căng, khác nghiệt, đơn giản.

Khi cột khói tan, cả bóng dáng nhỏ bé của Tư lẫn cái khối đen đặc của bọn địch xúm quanh đều biến mất. Tụi Mỹ láo nháo chạy túa ra khắp ngả, vương mìn lại chết thêm một số.

Trên Gò Cẩm, ba người đội viên đứng lặng bên nhau trước cái chết đột ngột, chói sáng khác thường của người bạn gái, người tổ trưởng hiền lành ít nói.

Chập choạng tối, Tuấn trở lại KĐ1. Anh Bốn Huỳnh, người chỉ huy trực tiếp của Tuấn bảo:

— Em chuẩn bị mười lăm phút nữa xuất phát.

Tuấn xuống hầm. Cũng chẳng có gì mà chuẩn bị. Vũ khí đã có người đưa vào thị xã trước rồi. Sẽ nhận ở một địa điểm nào đó, một lúc nào đó. Tuấn ngồi tựa vào vách hầm. Hình ảnh Tư và cái chết phi thường của Tư vẫn còn bưng bưng trong tâm trí Tuấn. Nếu bị địch bắt, mình cũng sẽ như vậy, Tư ơi.

Có ai đến ngồi trên tấm ván trong căn lều trước cửa hầm. Tuấn nhìn lên. Hai bóng người, một người vóc dạc to lớn, một người nhỏ bé mảnh mai ngồi bên nhau. Tuấn chỉ nhìn thấy đường viền của bóng họ in lên bầu trời đêm trong suốt, chứ không nhìn được rõ mặt.

— Con có gặp mẹ không? — người lớn hỏi.

— Con để ý kiếm hoài mà không gặp ba à. Nghe nói thằng sĩ quan nó dời ra ngoài Quảng Nam rồi.

Hai người im lặng. Hình như một nỗi đau đớn khiến họ nghẹn lời. Có tiếng nổ phụp của một trái đèn dù, cả

bầu trời chợt sáng lên vàng vạc. Tuân giật mình nom rõ hai người đang nói chuyện. Người lớn là bác Hai Căn. Còn người có vóc hình nhỏ bé mảnh mai chính là cô bé đội nón nan trắng rộng vành đứng trên miệng hố bom hỏi thăm đường huổi trưa nào, cũng là cái cô bé đã nhờ Tuân đưa quà cho người tù trong nhà thương, người tù có cặp mắt giống mắt mẹ Tuân quá đỗi. Thế ra cô bé chính là người của KĐI ! Hèn nào trưa ấy cô hỏi thăm đường về xóm Gò, rồi lại hỏi đường về xóm Bãi. Mà cô lại là con của bác Hai Căn ? Phải cô chính là người con gái lưu lạc lâu nay của bác Hai đó chẳng ? Tuân đã có lần nghe bà ngoại kể về hoàn cảnh gia đình bị thảm của bác Hai. Vợ bác là một người đàn bà có nhan sắc nổi tiếng ở vùng Đông. Hồi Mỹ đổ quân vào, vùng giải phóng bị bom đạn ác liệt quá, vợ bác đem ba đứa con chạy lên thị trấn Châu Ổ nương náu. (Bác có bốn người con. Người con lớn đã được đưa ra Bắc từ năm 63). Lúc đầu người đàn bà ấy chỉ làm ăn bình thường. Lần hồi, do sự cám dỗ của đồng tiền, bà to bắt bớ với một tên sĩ quan Nam Hàn rồi sau lấy hấn luôn. Người con gái thứ ba phần chí bỏ ra đi...Người con gái lưu lạc đó của bác Hai lại chính là cô bé này đó ư ? Hóa ra sự lưu lạc của cô lại là việc cô đi làm cách mạng. Và cô có quan hệ gì với người tù nằm ở nhà thương đạo nọ ?

— Con à — giọng bác Hai Căn trầm trầm — nhiệm vụ của con hết sức khó khăn. Nhưng ba tin ở con. Một số chiến công vừa qua của con khiến ba càng tin tưởng con sẽ làm tốt những việc sắp tới. Tuy vậy ba vẫn muốn nhắc con, hoạt động trong vùng địch phải luôn luôn cảnh giác, cảnh giác từng giây, từng phút, phải vừa dũng cảm mà cũng vừa hết sức khôn khéo mới thắng được địch, bảo vệ được mình. Thôi con đi mạnh giỏi.

Cô bé choàng tay qua ôm lấy vai người cha thân yêu và cũng là người lãnh đạo cấp cao của mình, gục đầu vào vai ông giây lát.

— Con đi nhen ba. Con sẽ hoàn thành nhiệm vụ.

Hai cha con ra khỏi lều. Có người đã đứng chờ cô bé

cách đó một quãng. Tay cầm chiếc xách, cô xăm xăm bước theo người dẫn đường. Bất giác, Tuấn chồm tới ló đầu khỏi cửa hầm, bồi hồi ngó theo cái bóng trắng nhỏ mờ mờ in lên nền trời lấm tẩm sao, khuất dần, khuất dần...

Sau khi gặp một số cán bộ lãnh đạo KĐ1 kiểm tra công việc của đơn vị quan trọng này lần cuối, ông Hai Căn cũng đi khỏi xóm Bãi.

Anh Bốn Huỳnh đến bên miệng hầm gọi:

— Tuấn, ta đi thôi.

— Có ngay đây anh.

Tuân phóc lên, Hai anh em cùng đi theo hướng mà cô bé vừa đi ban nãy. Cả hai cùng bước rất gấp như sợ lỡ một cuộc hẹn. Tuấn có cảm giác cô bé đi trước Tuấn một quãng ngắn thôi, và nếu đi với tốc độ khẩn cấp này thì có thể sẽ đuổi kịp cô. Họ đi theo một con đường mà trước đây Tuấn chưa từng đi, và vượt sông Sa Kỳ ở một cái bến trước đây Tuấn chưa từng biết. Lúc đợi đò trên bến, Tuấn lại cũng có cảm giác hình như cỡ bé kia chỉ mới vừa qua sông ngay chuyển đò trước thôi. Tuấn hy vọng đến một trạm dừng chân nào đó, Tuấn sẽ được gặp cô, dù chỉ vài phút cũng được, để hỏi cô về người tù nằm trong nhà thương đạo họ.

*
* *

Chiếc xe gíp đồ xích bên vỉa hè, trước cổng tư dinh đại tá tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng. Từ trên xe bước xuống một người con gái ăn mặc lịch sự và thanh nhã. Dường như có phần ỷ vào sắc đẹp lộng lẫy tự nhiên của mình, phần thì chẳng hứng thú gì bởi cái chân tàn tật, cô ta chỉ trang điểm qua loa. Tì tay lên đôi nạng gỗ, cô nghiêng đầu nói với viên sĩ quan trên xe:

— Cảm ơn trung úy. Không có trung úy thì hẳn tôi vất vả lắm mới ra tới đây được vào lúc tết nhất sắp đến này.

— Không có gì, thưa cô. Chỉ mong cô trình với đại tá là trung úy Tảo gửi lời kính thăm đại tá.

— Đa, tôi sẽ trình với đại tá về việc trung úy gặp tôi như thế nào...

Chiếc xe từ từ chuyển bánh rồi phóng đi. Người con gái thông thả chống nạng bước tới chiếc cửa công xây giả đá có gắn hộp đèn soi rõ số nhà. Đường hoàng đưa tay lên tìm nút chuông. Một gã lính đứng ẩn sau gốc cây phượng ngoài vỉa hè cách công vai mét theo dõi khách lạ từ này, tiến lại chặn hỏi:

— Có việc gì?

Bị hỏi bất ngờ, cô gái hơi giật mình nhưng liền tỏ vẻ ngạc nhiên:

— Ủa, câu gác ở đây à?

Vừa nói, ngón tay cô vẫn nhấn vào nút chuông, làm như mình đã tới đây nhiều lần và có quyền vào. Chẳng cần đợi có được phép của gã hay không.

Chuông reo. Cánh cửa sắt hé mở, một gã lính hầu thờ đầu ra im lặng nhìn khách bằng con mắt dò xét.

Người con gái nói, giọng nhã nhặn nhưng lại ẩn cái ý như ra lệnh:

— Cậu vào trình với đại tá rằng có người nhà đem thư của ông cụ thân sinh đại tá ở trong kia ra. Tôi là Quỳnh Loan. Cậu cứ nói tên tôi, đại tá chắc biết liền à.

Gã lính gác lui về sau gốc phượng. Gã lính hầu quay trở vào. Không cần đợi gã trình bẩm xong, người con gái ung dung chống nạng lách mình qua cánh cửa bước theo gã. Khi gã trở ra, cô đã lên tới bậc thềm rộng lát gạch hoa. Gã lễ phép:

— Mời cô ngồi chơi ở phòng khách. Đại tá sẽ ra bây giờ.

Người con gái bước vào ngồi xuống chiếc ghế đệm lớn bọc da nâu trong căn phòng khách sáng trưng và rực rỡ những đồ trang trí đón Tết. Cô mở xác có gắn gương trên nắp soi qua mặt mình rồi lấy ra một chiếc phong bì đặt trên mặt bàn lát kính.

Cánh cửa thông sang phòng bên nhẹ nhàng mở. Lão

đại tá bệ vệ bước ra. Lão mặc đồ dân sự, com-lê màu xám nhạt, áo vét-tông không cài nút, chiếc cà-vạt màu cánh trả nổi bật trên nền áo sơ-mi trắng tinh. Thoạt nhìn thấy cô gái, lão hơi cau mày. Người ngồi kia hoàn toàn không phải người mà tên lính hầu vừa báo. Nhận thấy điều đó, cô gái tươi cười :

— Chắc đại tá chưa biết tôi. Quỳnh Loan mắc việc, nhân tôi có công chuyện ra ngoài này gấp nên Loan nhờ tôi giúp luôn. Xin đại tá hãy đọc thư cụ nhà rồi tôi sẽ thưa chuyện thêm.

Cô gái đẩy phong thư về phía lão. Nét chữ đề bì rõ ràng là nét chữ của cha lão. Cha lão đau đã nửa tháng nay. Ông già nghe trong người làm sao mà tự tay viết thư ra gấp đây ?

Bức thư đề ngõ, như mọi bức thư gửi tay người ta vẫn thường đề ngõ.

Khi lão đại tá rút tờ giấy gấp tư và mở ra, đưa mắt lướt đọc mấy dòng đầu, mặt lão liền biến sắc. Lão trừng mắt nhìn người con gái ngồi trước mặt mình với vẻ muốn tỏ rõ sự khinh nhờn đối với một trò trẻ con. Nhưng thần kinh không tuân theo ý lão, lão không giấu nổi một sự hoảng hốt bên trong. Lão cố nhếch miệng :

— Ai cử cô tới đây ?

Người con gái nghiêm sắc mặt đáp khẽ nhưng đồng dục :

— Cử tôi tới đây là người ký tên trong thư đó. Ông hãy đọc kỹ và suy nghĩ gấp để trả lời. Điều đó có quan hệ tới số phận của ông và gia đình ông.

Lời nói của cô gái có một sức mạnh không cưỡng nổi. Lão rút khăn lau cái trán dâm dấp mồ hôi, đọc hết bức thư. Cuối thư, một con dấu đỏ chói của Ủy ban mặt trận dân tộc giải phóng Trung Trung Bộ. Tên tuổi của người đại diện ủy ban ký trong thư, lão đã được nghe nói tới nhiều, chẳng những qua hồ sơ truy nã thời tổ cộng của tổng nha cảnh sát, mà cả trên một số tờ báo lớn nước ngoài thuộc phe tư bản.

Nhấp nhồm trên ghế đệm mềm học da, lão nhồi thuốc vào píp đưa lên miệng ngậm, rồi lại lấy xuống.

— Hừ ! Cô to gan thật. Tôi sẽ ra lệnh bắt cô ngay lập tức.

Người con gái cười nhạt :

— Ông đại tá à, trước khi bước chân đến đây để làm một việc như tôi đang làm, thì một người kém thông minh nhất cũng phải tính trước điều ông vừa nói. Nhưng ông nên suy xét sâu hơn một chút. Vì sao một người con gái tàn tật, không một tấc sắt trong tay lại dám một thân một mình tới đây ? Vì sao ? Ông hiểu chứ ? Người cần lo cho tính mệnh của mình chẳng phải là tôi mà lại là chính ông. Thời gian còn ít lắm. Chỉ không đầy hai giờ nữa. Tôi xin nhắc lại những yêu cầu của Ủy ban Mặt trận. Có bốn hành động mà ông có thể lựa chọn. Một là, ngã hẳn về phía cách mạng. Hai là ly khai chống lại Thiệu—Kỳ, liên hiệp với Mặt trận. Ba là, giữ thái độ trung lập, không chống lại cách mạng. Còn hành động thứ tư, nghĩa là nếu chống lại, thì hậu quả ra sao... Ông chưa lường hết được đâu. Thôi, xin chào ông.

Người con gái nhìn thẳng vào mặt lão, rồi chống nạng ung dung bước ra. Vẻ tự tin của người con gái cụt chân khiến lão phải đứng dậy, ngập ngừng nói :

— Việc hệ trọng, xin cho có thời gian để suy nghĩ mới trả lời được.

— Chúng tôi sẽ xét sự trả lời đó trên hành động của ông và các đơn vị dưới quyền ông trong vài giờ tới.

Cô khoan thai chống nạng lần xuống mấy bậc thềm. Tiếng nạng gõ gõ nhịp nhàng trên nền gạch, nhỏ dần.

Lão đại tá đứng ngây mặt trước thềm, suy nghĩ căng thẳng. Cho bắt ngay ? Bắt, dễ quá. Chỉ cần phẩy ngón tay một cái. Nhưng nếu họ tấn công thật và tình hình biến chuyển bất lợi ? Phải có một sự hậu thuẫn ghê gớm thế nào con bé mới dám tới đây với thái độ tự tin kỳ cục đến vậy chứ ? Chợt nhớ đến bức thư, lão lật đật chạy vào phòng mở ra coi nhanh-lăn nữa rồi châm lửa đốt. Một

bức thư mặt của đối phương đã nằm trên bàn đại tá tỉnh trường. Cái bọn đang muốn hất lão khỏi cái ghế tỉnh trưởng béo bở này rồi sẽ làm om lên như thế...

Ở ngoài đường, người con gái đã đi hết đoạn phố nhỏ và ngoặt ra phố lớn. Chiếc xe gíp ban nãy lại chạy qua. Cô vẫy xe hỏi đi nhờ và leo lên.

Hắn ban đọc dễ dàng nhận ra người con gái đó là ai. Ngồi trên xe, chị Kha mỉm cười. Công phu luyện tập hơn nửa tháng qua của chị đã không uổng.

*

* *

Đêm từ từ xuống. Cái giờ khắc thân thiết đối với tất cả những ai đã từng chiến đấu! Giờ của những binh đoàn lớn ra khỏi cửa rừng, những đơn vị lót sâu trời lên khỏi hầm bí mật, xốc lại vũ khí, lạng lẹ một cách đáng sợ tiến vào vị trí chiếm lĩnh.

Đêm nay, đêm cuối cùng của năm Đinh Mùi. Khoảng cách cuối cùng tiếp giáp với năm Mậu Thân đang ngăn dần, ngăn dần. Tất cả những ai đã từng có mặt trong cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân (1968) sẽ không bao giờ quên được cái giờ khắc kỳ lạ này.

Trên một bãi ruộng khô chỉ còn tro chân rạ, ngay từ lúc hoàng hôn vừa tắt, mọi người đã tập hợp đông đủ. Không, đây không phải là những người lính trẻ trung, cường tráng, vũ trang bằng súng tiểu liên hoặc B40, mà là những ông già sáu bảy mươi tuổi, đầu quấn khăn bông, tay cầm cây rựa mài sắc, những bà già, những người đàn bà trung niên cầm gậy, cầm loa. Ai cũng có một sợi dây, hoặc khoanh lại quấn trên đầu gậy, hoặc nịt gọn quanh thắt lưng, và một vài đôn bánh tét dẻo lủng lẳng bên hông. Cả trẻ con nữa! Những đứa trẻ mười ba mười bốn tuổi, thậm chí cả đứa chín mười tuổi như thằng Bính cũng tự sắm cho mình một dây, một cây gậy. Một tiểu đội gồm toàn các cô gái trẻ, khỏe, mang loa pin hoặc loa gò bằng tôn, lựu đạn lặn kín sau tà áo.

— Im, im, nghe kìa!



Một ông già lớn tiếng nhắc. Khỏi người xao động rồi thu gọn lại trong đội ngũ tổ chức theo một biên chế chặt chẽ. Tất cả im phăng phắc khi nghe một giọng phụ nữ lạnh lạnh, dõng dạc đọc :

«Thư của Ban chấp hành đảng bộ khu Năm, Đảng Nhân dân cách mạng Việt Nam gửi toàn thể anh chị em nông dân trong khu».

Gió biển vù vù thổi. Một trái đạn pháo xẹt ngang, nổ thẳng thốt ở đâu đó. Không ai để ý. Kể từ khi giặc Mỹ đổ ạt đổ quân vào, đến nay lại thêm một lần được đón nghe thư Đảng. Bằng cả cuộc đời quật cường mấy chục năm theo Đảng của mình, mọi người đều hiểu rõ cái ý nghĩa thiêng liêng của mỗi lần như vậy. Chính là vận mệnh sống còn của Tổ quốc và của cả mỗi làng xóm, mỗi gia đình, mỗi con người đang lên tiếng gọi.

... Giờ phút lịch sử đã đến ?

Anh chị em hãy anh dũng tiến lên !

Người phụ nữ ngừng đọc và ngẩng lên. Chị bắt gặp trong ánh chớp dữ dội của đạn pháo, từ những gương mặt thân yêu dội lại lời đáp giản dị và chắc nịch, sẵn sàng bước vào trận quyết chiến, sẵn sàng xả thân vì thắng lợi.

Chị cầm lấy lá cờ, giương cao.

Người phụ nữ đó là chị Nhuận. Ngọn gió biển ngang tàng thổi từ cửa Sa Kỳ mở tung lá cờ reo phấp phật trên đầu chị. Đoàn người theo lá cờ tiến về phía bờ sông.

Trước lúc đưa đơn vị vào vị trí chiếm lĩnh, Đàm có việc đi ngang qua bãi ruộng khô và may mắn được chứng kiến cái cảnh xuất kích của đội quân độc đáo ấy. Anh hiểu rõ sức mạnh của nó, bởi anh đã may mắn từng sống ít nhiều những vui buồn của một số thành viên trong đội quân ấy. Như ông già Lờ kia, đứa cháu nội duy nhất của ông vừa mới hy sinh. Như chú bé Bính kia, ân nhân của anh. Như chị Nhuận, người phụ nữ cầm cờ đi trước đó. Chồng chị đã trở về sau mười mấy năm xa cách đảng đảng, họ vẫn chưa gặp được nhau bởi mỗi người đều khấn trương lao mình vào chuẩn bị cho cuộc xuất quân này.

Đêm nay có bao nhiêu mũi tiến quân trên toàn miền ? Có lẽ phải hàng vạn.

Cho đến giờ phút này, kẻ địch vẫn chưa hay biết gì. Từ hàng tháng nay, chúng tăng cường ném bom, bắn pháo, chụp quân, càn quét, mạng lưới tình báo khổng lồ của chúng sục vào mọi ngóc ngách, nhưng cho đến giờ phút này, chúng vẫn chưa hay biết tí gì. Mà cuộc chuẩn bị đâu

phải chỉ dính dáng tới một số ít cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, những tổ trình sát, những cơ quan tham mưu. Nó dính dáng tới hàng triệu người, từ những người như bà chị ngày ngày đi chợ Sa mua gạo cho tới những em bé, những cụ già khoét thêm hăm để đón bộ đội.

Từ những căn hầm bí mật Sa Kỳ, tiểu đoàn của Đàm chia làm nhiều mũi, tiến về phía Đá Mú. Nhờ đường tiếp cận ngắn, và đường đột phá đã được chuẩn bị công phu, bốn tiếng đồng hồ sau họ đã áp sát mục tiêu. Công việc còn lại chỉ là nằm im kiên nhẫn chờ đợi.

Trong cuộc đời người lính, có những lúc thật rảnh rỗi một cách khó chịu. Lúc ấy, có thể anh nghĩ ngợi rất nhiều mà cũng có thể chẳng nghĩ ngợi gì cả. Trước mắt là mục tiêu, là một cái gì lớn lao, khắc nghiệt đang tới gần, không gì cưỡng nổi.

Sự sống, cái chết cách nhau một đường ranh giới mảnh như sợi tóc.

Cũng đã có lúc Đàm từng nghĩ đến cái chết mà lạnh rợn trong mình. Anh còn trẻ quá. Còn bao điều tốt đẹp hứa hẹn ở đằng trước. Nhưng từ ngày về đứng ở Sa Kỳ, sao anh thấy lòng trở nên bình tĩnh. Mọi cái dường như trở nên đơn giản hơn.

Sa Kỳ dưới kia. Cám ơn Sa Kỳ, mảnh đất đã nuôi dạy anh con trai Hà Nội đa cảm, hay mơ mộng và thích làm thơ ngày nào trở thành chiến sĩ.

Sa Kỳ ơi, trong lửa

Mỗi ngày đêm người để mấy anh hùng ?

Ai đã qua đây nào biết lùi chi nữa...

Đàm coi đồng hồ. Còn ba phút, tới giờ G.

Trại viết Quân khu 5

Tháng 8-1978